Đại Học Bách Khoa TP.HCM Mẫu In X5110AB
Phòng Đào Tạo

Kế Hoạch Tổ Chức Giảng Dạy
Học kỳ 2 - Năm học 14-15

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy	Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
A01	001001	Những NgLý cơbản CN M-Lê	5	148	Vũ Quốc Phong	(003208	4	9	4	406B4	QL12CN1 ...		123 789012345678
							5	10	3	406B4			
C02	001001	Những NgLý cơbản CN M-Lê	5	125	Vũ Quốc Phong	(003208	3	1	3	406B4	BD14CN01 ...		789012345678901
							5	3	4	406B4			
C03	001001	Những NgLý cơbản CN M-Lê	5	122	Võ Phổ	(001111	5	1	3	505B4	BD14CN03 ...		789012345678901
							4	7	4	505B4			
L04	001001	Những NgLý cơbản CN M-Lê	5	127	Nguyễn Thị Minh Hương	(002702	3	7	4	206H2	MO13KMT1 ...		1234 789012345
							2	1	4	201H2			
L05	001001	Những NgLý cơbản CN M-Lê	5	72	Tạ Thị Luyến	(003083	6	7	4	306H2	VL1301 ...		123 7890123456
							4	1	4	306H2			
L06	001001	Những NgLý cơbản CN M-Lê	5	110	Nguyễn Thị Minh Hương	(002702	2	7	4	301H2	VL1303 ...		123 7890123456
							6	1	4	401H2			
TT01	001001	Những NgLý cơbản CN M-Lê	5	1	Nguyễn Đề Thủy	(002570	4	3	4	306B1	CT14TIE1		123 789012345678
							5	1	3	510A4			
A01	001004	Đ/lối c/mạng đảng csvn	3	137	Nguyễn Huy Bảo	(001163	3	3	4	305B1	HC12KTMB ...		1234 78901234567
A02	001004	Đ/lối c/mạng đảng csvn	3	129	Đào Thị Bích Hồng	(002874	4	1	4	306B6	HC12HD ...		1234 78901234567
A03	001004	Đ/lối c/mạng đảng csvn	3	137	Đào Thị Bích Hồng	(002874	4	9	4	306B6	HC12CHC ...		1234 78901234567
A04	001004	Đ/lối c/mạng đảng csvn	3	120	Nguyễn Hữu Kỳ Tỵ	(003345	5	9	4	305B1	HC12DK ...		123 789012345678
A05	001004	Đ/lối c/mạng đảng csvn	3	123	Nguyễn Hữu Kỳ Tỵ	(003345	5	3	4	306B6	MT12KH01 ...		123 789012345678
A06	001004	Đ/lối c/mạng đảng csvn	3	145	Đào Thị Bích Hồng	(002874	2	7	4	406B4	HC12KTTP ...		1234 78901234567
A09	001004	Đ/lối c/mạng đảng csvn	3	100	Nguyễn Hữu Thịnh	(001105	6	3	4	212B1	HL02		123 789012345678
L07	001004	Đ/lối c/mạng đảng csvn	3	116	Nguyễn Hữu Kỳ Tỵ	(003345	6	7	4	201H2	DC13KS ...		123 789012345678
L08	001004	Đ/lối c/mạng đảng csvn	3	129	Nguyễn Hữu Kỳ Tỵ	(003345	2	7	4	201H2	DC13DK ...		1234 78901234567
TT01	001004	Đ/lối c/mạng đảng csvn	3	18	Đào Thị Bích Hồng	(002874	3	3	4	202A4B	CT13TIE1		789012345678901
A01	001025	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	125	Nguyễn Hữu Thịnh	(001105	2	10	3	305B1	DD11DV1 ...		1234 78901234567
A02	001025	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	102	Nguyễn Huy Bảo	(001163	5	10	3	306B6	DD11DV6 ...		123 789012345678
A04	001025	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	131	Nguyễn Đề Thủy	(002570	2	4	3	305B1	DD11KTD3 ...		1234 78901234567
A06	001025	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	147	Nguyễn Thị Minh Hương	(002702	4	7	3	305B1	DD11TD1 ...		1234 78901234567
A07	001025	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	127	Nguyễn Đề Thủy	(002570	3	4	3	604B4	MT11KT01 ...		1234 78901234567
A08	001025	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	73	Nguyễn Đề Thủy	(002570	2	1	3	305B1	QL11CN1 ...		1234 78901234567
A09	001025	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	146	Võ Phổ	(001111	6	4	3	306B6	CK12CTM1 ...		123 789012345678
A10	001025	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	76	Nguyễn Huy Bảo	(001163	5	1	3	304C4	CK12CD1 ...		123 789012345678
A11	001025	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	128	Nguyễn Đề Thủy	(002570	5	4	3	605B4	CK12CXN ...		123 789012345678
A12	001025	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	124	Nguyễn Hữu Thịnh	(001105	4	1	3	304C4	CK12KSTN ...		1234 78901234567
A13	001025	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	151	Võ Phổ	(001111	6	1	3	213B1	CK12NH ...		123 789012345678
A14	001025	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	85	Nguyễn Đề Thủy	(002570	3	1	3	604B4	DC12DK ...		1234 78901234567
L16	001025	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	116	Nguyễn Hữu Chí	(009517	4	7	4	401H2	MO12KMT1 ...		1234 789012
P15	001025	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	67	Nguyễn Hữu Thịnh	(001105	3	10	3	306B6	VP12CDT ...		1234 78901234567
TT01	001025	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	70	Nguyễn Thị Minh Hương	(002702	4	10	3	306B1	CT13TIE2 ...		7890123456789

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy	Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
A04	003001	Anh văn 1	2	17	Đinh Lý Vân Khanh	(009586	6	3	4	503C5	XD13KSCD ...		123 789012345678
A05	003001	Anh văn 1	2	31	Huỳnh Thị Lan Anh	(001713	2	3	4	304C5	CK13KSTN ...		1234 78901234567
A06	003001	Anh văn 1	2	34	Nguyễn Ngọc Liên Hương	(002629	3	7	4	305B8	DD13BK01 ...		1234 78901234567
A07	003001	Anh văn 1	2	14	Nguyễn Đình Tuấn	(003448	4	1	4	502C4	BD13CN02 ...		1234 78901234567
A08	003001	Anh văn 1	2	14	Nguyễn Cao Nguyên	(003194	4	9	4	401B4	HL06		1234 78901234567
A09	003001	Anh văn 1	2	25	Nguyễn Trang Dung	(003447	6	9	4	405B4	HL05 ...		123 789012345678
A10	003001	Anh văn 1	2	16	Dương Kim Hương	(003338	5	1	4	303B4	HL12		123 789012345678
A11	003001	Anh văn 1	2	13	Nguyễn Trang Dung	(003447	4	9	4	304C5	BD14CN02 ...		789012345678901
L01	003001	Anh văn 1	2	23	Nguyễn Kiều Hạnh	(009591	2	7	4	703H1	HC13HLY ...		1234 78901234567
L02	003001	Anh văn 1	2	13	Đinh Thị Triều Giang	(009628	5	7	4	703H1	MO13KMT1 ...		123 789012345678
L03	003001	Anh văn 1	2	12	Nguyễn Thị Đoan Thư	(009226	3	7	4	806H1	CK13CD1 ...		1234 78901234567
A14	003002	Anh văn 2	2	32	Nguyễn Hoàng Vũ	(003449	3	9	4	310B1	XD13KSCD ...		1234 78901234567

A15	003002	Anh văn 2	2	32	Hồ Trâm	Anh	(002257	5	3	4	604C6	XD13KSDD ...		123 789012345678
A16	003002	Anh văn 2	2	20	Nguyễn Hoàng	Vũ	(003449	3	3	4	403B4	VP2013/1 ...		1234 78901234567
A17	003002	Anh văn 2	2	23	Nguyễn Thanh	Thủy	(003337	2	1	4	402B4	HL01		1234 78901234567
A18	003002	Anh văn 2	2	39	Nguyễn Đình	Tuấn	(003448	2	9	4	403B4	HL05		1234 78901234567
A19	003002	Anh văn 2	2	32	Nguyễn Ngọc Liên	Hương	(002629	5	7	4	403B4	HL08 ...		123 789012345678
A20	003002	Anh văn 2	2	31	Nguyễn Cao	Nguyên	(003194	6	9	4	403B4	HL10 ...		123 789012345678
A21	003002	Anh văn 2	2	13	Nguyễn Hoàng	Vũ	(003449	4	1	4	501C4	HL11 ...		1234 78901234567
A22	003002	Anh văn 2	2	26	Nguyễn Hoàng	Vũ	(003449	4	7	4	402B4	HL12 ...		1234 78901234567
A23	003002	Anh văn 2	2	28	Đinh Lý Vân	Khanh	(009586	2	3	4	403B4	HL13		1234 78901234567
A24	003002	Anh văn 2	2	21	Nguyễn Thanh	Thủy	(003337	6	1	4	402B4	HL14 ...		123 789012345678
A25	003002	Anh văn 2	2	20	Hồ Thị Nam	Trân	(002002	3	1	4	402B4	HL15 ...		1234 78901234567
A26	003002	Anh văn 2	2	30	Đinh Lý Vân	Khanh	(009586	4	3	4	501C5	HL16		1234 78901234567
C13	003002	Anh văn 2	2	57	Nguyễn Trang	Dung	(003447	2	7	4	604C6	BD14CN01 ...		1234 78901234567
L01	003002	Anh văn 2	2	39	Lê Quang	Thảo	(009592	4	1	4	801H1	VL1304 ...		1234 78901234567
L02	003002	Anh văn 2	2	34	Đào Thị Minh	Thư	(009629	4	7	4	702H1	VL1305 ...		1234 78901234567
L03	003002	Anh văn 2	2	31	Nguyễn Thị Thúy	Diễm	(009583	2	1	4	809H1	CK13CXN ...		1234 78901234567
L04	003002	Anh văn 2	2	47	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	(003068	5	1	4	701H1	CK13HT1 ...		123 789012345678
L05	003002	Anh văn 2	2	47	Trần Thị Kim	ánh	(009581	2	7	4	214H6	XD13CD2 ...		1234 78901234567
L06	003002	Anh văn 2	2	31	Nguyễn Thị Thảo	Trang	(003336	6	1	4	704H1	XD13CD3 ...		123 789012345678
L07	003002	Anh văn 2	2	22	Nguyễn Thị	Vân	(009577	3	7	4	704H1	XD13DD2 ...		1234 78901234567
L08	003002	Anh văn 2	2	31	Nguyễn Thị	Vân	(009577	3	1	4	305H2	XD13CB1 ...		1234 78901234567
L09	003002	Anh văn 2	2	31	Nguyễn Kiều	Hạnh	(009591	6	7	4	704H1	DD13LT12 ...		123 789012345678
L10	003002	Anh văn 2	2	15	Nguyễn Thanh	Thủy	(003337	5	7	4	702H1	CK13SOI ...		123 789012345678
P12	003002	Anh văn 2	2	27	Đặng Nguyễn Phương	Thảo	(009596	4	9	4	303B4	VP2014/1 ...		789012345678901
A22	003003	Anh văn 3	2	36	Vũ Thị	Thúy	(001409	4	1	4	502C5	BD13CN02 ...		1234 78901234567
A23	003003	Anh văn 3	2	43	Huỳnh Thị Lan	Anh	(001713	5	3	4	403B4	XD13KSDD ...		123 789012345678
A24	003003	Anh văn 3	2	40	Nguyễn Thị Như	Mai	(001642	6	3	4	504C5	XD13KSCD ...		123 789012345678
A25	003003	Anh văn 3	2	37	Nguyễn Cao	Nguyên	(003194	5	9	4	203B1	HC13KTVS ...		123 789012345678
A26	003003	Anh văn 3	2	52	Huỳnh Thị Lan	Anh	(001713	3	7	4	211B1	DD13KSVT ...		1234 78901234567
A27	003003	Anh văn 3	2	38	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	(003068	3	1	4	504C5	CK13KSTN ...		1234 78901234567
A28	003003	Anh văn 3	2	38	Vũ Thị	Thúy	(001409	4	7	4	211B1	DD13KSKT ...		1234 78901234567
A29	003003	Anh văn 3	2	44	Nguyễn Cao	Nguyên	(003194	2	9	4	402B4	HL10		1234 78901234567
L01	003003	Anh văn 3	2	47	Nguyễn Thanh	Thủy	(003337	3	7	4	411H6	CK13CD1 ...		1234 78901234567
L02	003003	Anh văn 3	2	34	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	(009630	4	9	4	405H2	CK13CD2 ...		1234 78901234567
L03	003003	Anh văn 3	2	31	Nguyễn Thị Thảo	Trang	(003336	2	9	4	702H1	CK13MAY ...		1234 78901234567

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
L04	003003	Anh văn 3	2	29	Vũ Thị	Thúy	(001409	3	1	4	805H1	CK13CTM2 ...		1234 78901234567
L05	003003	Anh văn 3	2	31	Hồ Ngọc	Minh	(009206	6	7	4	706H1	CK13CXN ...		123 789012345678
L06	003003	Anh văn 3	2	20	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	(009630	6	9	4	710H1	CK13NH1 ...		123 789012345678
L07	003003	Anh văn 3	2	36	Nguyễn Thị Hằng	Nga	(009209	2	1	4	706H1	DD13LT07 ...		1234 78901234567
L08	003003	Anh văn 3	2	41	Vũ Thị	Thúy	(001409	5	1	4	202H2	DD13LT02 ...		123 789012345678
L09	003003	Anh văn 3	2	40	Nguyễn Quang	Nhật	(009204	6	1	4	405H2	DD13LT04 ...		123 789012345678
L10	003003	Anh văn 3	2	17	Trần Thanh	Sơn	(000859	6	7	4	703H1	HC13VS ...		123 789012345678
L11	003003	Anh văn 3	2	32	Nguyễn Thị Thảo	Trang	(003336	5	3	4	706H1	GT13OTO1 ...		123 789012345678
L12	003003	Anh văn 3	2	38	Nguyễn Quang	Nhật	(009204	4	1	4	313H6	HC13DK ...		1234 78901234567
L13	003003	Anh văn 3	2	49	Bùi Hồng	Hà	(009585	4	7	4	701H1	HC13MB ...		1234 78901234567
L14	003003	Anh văn 3	2	44	Nguyễn Thị Mai	Hương	(009597	5	7	4	706H1	MO13KMT1 ...		123 789012345678
L15	003003	Anh văn 3	2	41	Nguyễn Thị Thảo	Trang	(003336	3	9	4	202H2	QL1304 ...		1234 78901234567
L16	003003	Anh văn 3	2	43	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	(009590	4	1	4	711H1	MO13KMT2 ...		1234 78901234567
L17	003003	Anh văn 3	2	46	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	(009590	2	7	4	706H1	MT13KH01 ...		1234 78901234567
L18	003003	Anh văn 3	2	32	Nguyễn Thị Thu	Hằng	(009588	2	1	4	710H1	CK13NH2 ...		1234 78901234567
L19	003003	Anh văn 3	2	27	Cao Thị Bích	Ngọc	(009208	2	9	4	805H1	DD13LT12 ...		1234 78901234567
L20	003003	Anh văn 3	2	31	Nguyễn Đình	Tuấn	(003448	3	1	4	806H1	MO13QLMT ...		1234 78901234567
P21	003003	Anh văn 3	2	49	Nguyễn Đình	Tuấn	(003448	4	9	4	302B2	VP2014/1		789012345678901
P22	003003	Anh văn 3	2	40	Nguyễn Công	Trí	(002314	4	9	4	307B1	VP2014/2 ...		789012345678901
A25	003004	Anh văn 4	2	38	Nguyễn Đình	Tuấn	(003448	6	9	4	303B1	XD13KSCD ...		123 789012345678
A26	003004	Anh văn 4	2	54	Huỳnh Thị Bích	Ngọc	(002256	5	3	4	201B1	MT13KTTN ...		123 789012345678
A27	003004	Anh văn 4	2	50	Hồ Trâm	Anh	(002257	3	3	4	307B1	DD13BK01 ...		1234 78901234567
A28	003004	Anh văn 4	2	49	Nguyễn Hữu	Tiên	(001641	2	9	4	405B4	DD13KSKT ...		1234 78901234567
A29	003004	Anh văn 4	2	38	Nguyễn Hữu	Hiếu	(001640	5	9	4	402B4	BD13CN01 ...		123 789012345678
A30	003004	Anh văn 4	2	29	Hồ Thị Nam	Trân	(002002	6	1	4	401B4	HL01 ...		123 789012345678
A31	003004	Anh văn 4	2	30	Nguyễn Trang	Dung	(003447	5	9	4	401B4	HL06		123 789012345678
A32	003004	Anh văn 4	2	44	Nguyễn Hữu	Tiên	(001641	2	1	4	302B4	HL07		1234 78901234567
A33	003004	Anh văn 4	2	42	Nguyễn Hữu	Hiếu	(001640	3	9	4	302B4	HL08		1234 78901234567
A34	003004	Anh văn 4	2	35	Nguyễn Hữu	Tiên	(001641	4	1	4	503C5	HL09		1234 78901234567

A35	003004	Anh văn 4	2	54	Nguyễn Hữu	Tiên	(001641	4	9	4	313B1	HL10 ...		1234 78901234567
A36	003004	Anh văn 4	2	27	Nguyễn Hoàng	Vũ	(003449	6	9	4	402B4	HL11		123 789012345678
A37	003004	Anh văn 4	2	54	Phạm Huy	Trường	(009232	2	7	4	301B1	HL17		1234 78901234567
L01	003004	Anh văn 4	2	46	Vũ Thị	Thúy	(001409	3	7	4	312H6	CK13CD1 ...		1234 78901234567
L02	003004	Anh văn 4	2	30	Đoàn Tống Bửu	Nguyên	(009632	4	9	4	110H6	CK13CD2 ...		1234 78901234567
L03	003004	Anh văn 4	2	38	Huỳnh Hải	Long	(009397	6	1	4	701H1	CK13CTM1 ...		123 789012345678
L04	003004	Anh văn 4	2	43	Nguyễn Trang	Dung	(003447	3	1	4	304H2	CK13CTM2 ...		1234 78901234567
L05	003004	Anh văn 4	2	24	Nguyễn Thị Thảo	Trang	(003336	6	9	4	702H1	CK13NH1 ...		123 789012345678
L06	003004	Anh văn 4	2	56	Vũ Thị	Thúy	(001409	5	7	4	214H6	HC13MB ...		123 789012345678
L07	003004	Anh văn 4	2	29	Nguyễn Phan Quỳnh	Thơ	(009580	3	1	4	701H1	DD13LT06 ...		1234 78901234567
L08	003004	Anh văn 4	2	39	Nguyễn Thị	Vân	(009577	4	7	4	313H6	DD13LT07 ...		1234 78901234567
L09	003004	Anh văn 4	2	35	Nguyễn Thị Trúc	Phương	(009584	6	7	4	804H1	DD13LT08 ...		123 789012345678
L10	003004	Anh văn 4	2	37	Nguyễn Thị	Vân	(009577	5	1	4	403H2	DD13LT09 ...		123 789012345678
L11	003004	Anh văn 4	2	47	Dương Thị Kim	Phụng	(009396	4	1	4	212H6	DD13LT10 ...		1234 78901234567
L12	003004	Anh văn 4	2	53	Nguyễn Thị Thu	Hằng	(009588	2	7	4	212H6	DD13LT11 ...		1234 78901234567
L13	003004	Anh văn 4	2	41	Nguyễn Thị Trúc	Phương	(009584	3	1	4	404H2	GT13HK ...		1234 78901234567
L14	003004	Anh văn 4	2	37	Nguyễn Phan Quỳnh	Thơ	(009580	5	1	4	404H2	GT13OTO1 ...		123 789012345678
L15	003004	Anh văn 4	2	35	Nguyễn Thị	Vân	(009577	6	7	4	402H2	HC13TP1 ...		123 789012345678
L16	003004	Anh văn 4	2	44	Hoàng Thị Ngọc	Hiền	(009631	2	1	4	110H6	KU13CKT1 ...		1234 78901234567

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
L17	003004	Anh văn 4	2	31	Phạm Huy	Trường	(009232	4	1	4	312H6	MO13KMT2 ...		1234 78901234567
L18	003004	Anh văn 4	2	53	Huỳnh Hải	Long	(009397	2	7	4	213H6	MT13KH01 ...		1234 78901234567
L19	003004	Anh văn 4	2	29	Nguyễn Thị Thu	Hằng	(009588	6	7	4	405H2	MT13KH02 ...		123 789012345678
L20	003004	Anh văn 4	2	26	Đoàn Tống Bửu	Nguyên	(009632	6	9	4	801H1	QL1301 ...		123 789012345678
L21	003004	Anh văn 4	2	33	Huỳnh Công	Khanh	(009212	6	1	4	702H1	QL1302 ...		123 789012345678
L22	003004	Anh văn 4	2	33	Đoàn Tống Bửu	Nguyên	(009632	2	1	4	711H1	VL1301 ...		1234 78901234567
L23	003004	Anh văn 4	2	39	Trần Thị Thúy	Hằng	(009589	3	7	4	313H6	VL1303 ...		1234 78901234567
L24	003004	Anh văn 4	2	19	Đoàn Tống Bửu	Nguyên	(009632	3	9	4	702H1	XD13VL2 ...		1234 78901234567
L25	003004	Anh văn 4	2	32	Nguyễn Thị Thảo	Trang	(003336	4	9	4	406H1	DC13DK ...		1234 78901234567
P38	003004	Anh văn 4	2	23	Dương Kim	Hương	(003338	3	3	4	401B4	VP2013/1 ...		1234 78901234567
AU1	003008	Pháp văn 4	2	9	Nguyễn Thị Huyền	Trang	(001828	2	7	5	305C6	DD13AU		1234 78901234567
								6	7	5	305C6			123 789012345678
AU2	003008	Pháp văn 4	2	10	Nguyễn Thị Thái	Lan	(009166	2	2	5	304C6	XD13AU		1234 7890123456
								4	1	5	303C6			
AU	003108	Pháp văn 6 (auf)		18	Trần Thị Thanh	Thanh	(009074	7	7	5	303B8	DD12AU ...		123 789012345678
AU	003110	Pháp văn 8 (auf)		15	Nguyễn Kim	Oanh	(009344	7	7	5	604C6	DD11AU ...		123 789012345678
TT01	003401	Principles ofComposition	3	36	Trần Công	Tôn	(009312	6	10	3	205B3	CT12TIE1		789012345678901
TT02	003401	Principles ofComposition	3	30	Trần Công	Tôn	(009312	3	4	3	205B3	CT12TIE2		789012345678901
P01	003702	Tiếng pháp 2	5	23	Trần Mộng	Ngọc	(002695	3	1	3	301B10	VP2014/1		789012345678901
								5	4	2	603C6			
P02	003702	Tiếng pháp 2	5	23	Nguyễn Thị Huyền	Trang	(001828	3	1	3	502C6	VP2014/1		789012345678901
								5	4	2	203B10			
P03	003702	Tiếng pháp 2	5	23	Nguyễn Thị Bình	Minh	(009072	3	1	3	603C6	VP2014/1		789012345678901
								5	4	2	602C6			
P04	003702	Tiếng pháp 2	5	19	Nguyễn Thị Bình	Minh	(009072	5	1	3	206B10	VP2014/2		789012345678901
								3	4	2	301B10			
P05	003702	Tiếng pháp 2	5	22	Trần Mộng	Ngọc	(002695	5	1	3	603C6	VP2014/2		789012345678901
								3	4	2	203B10			
P06	003702	Tiếng pháp 2	5	18	Phạm Thị Ngọc	Diệp	(009593	5	1	3	202B10	VP2014/2		789012345678901
								3	4	2	602C6			
P01	003704	Tiếng pháp 4	5	21	Dương Thị Thu	Thi	(009075	4	4	2	603C6	VP2013/1		1234 78901234567
								2	1	3	602C6			
P02	003704	Tiếng pháp 4	5	22	Trần Mộng	Ngọc	(002695	2	1	3	301B10	VP2013/1		1234 78901234567
								4	4	2	602C6			
P03	003704	Tiếng pháp 4	5	24	Trần Mộng	Ngọc	(002695	4	1	3	602C6	VP2013/2		1234 78901234567
								2	4	2	301B10			
P04	003704	Tiếng pháp 4	5	20	Phạm Duy	Thiện	(009165	4	1	3	603C6	VP2013/2		1234 78901234567
								2	4	2	202B10			
P01	003706	Tiếng pháp 6 (tự Chọn)		21	Trần Mộng	Ngọc	(002695	6	7	3	301B10	VP12CDT		123 789012345678
P02	003706	Tiếng pháp 6 (tự Chọn)		15	Phan Nguyễn Thái	Phong	(009595	6	7	3	604C6	VP12HK		123 789012345678

KH	Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy	Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học
	P03	003706	Tiếng pháp 6 (tự Chọn)		7	Trần Mộng Ngọc	(002695	6	1	3	602C6	VP12NL		123 789012345678
	P04	003706	Tiếng pháp 6 (tự Chọn)		17	Trần Mộng Ngọc	(002695	6	4	3	602C6	VP12VT		123 789012345678

KH	Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy	Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 12345678901234567890123456789012345
	P01	003708	Tiếng pháp 8 (tự Chọn)		25	Trần Mộng Ngọc	(002695	2	7	3	202B10	VP11CDT		1234 78901234567
	P02	003708	Tiếng pháp 8 (tự Chọn)		19	Phan Nguyễn Thái Phong	(009595	2	7	3	206B10	VP11HK		1234 78901234567
	P04	003708	Tiếng pháp 8 (tự Chọn)		25	Dương Thị Thu Thi	(009075	2	7	3	207B10	VP11VL		1234 78901234567
	P05	003708	Tiếng pháp 8 (tự Chọn)		6	Phạm Thị Ngọc Diệp	(009593	2	7	3	602C6	VP11VT		1234 78901234567
	P01	003721	Anh Văn 6 (xd)	2	20	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	(003068	4	1	4	301B10	VP12XDC		1234 78901234567
	P01	003723	Anh Văn 8 (xd)	2	21	Đặng Trần Phong	(002630	3	9	4	207B10	VP11XDC		1234 78901234567
	P01	003728	Pháp Văn 6 (xd)	3	19	Trần Mộng Ngọc	(002695	4	7	3	207B10	VP12XDC		1234 78901234567
	P01	003730	Pháp Văn 8 (xd)	3	20	Nguyễn Thị Huyền Trang	(001828	5	7	3	206B10	VP11XDC		123 789012345678
	A01	005006	Giáo dục thể chất 2		62	Nguyễn Mạnh Tiến	(001485	5	11	2	SAN8	HL03		1234 78901234567
	A02	005006	Giáo dục thể chất 2		63	Nguyễn Thị Thùy	(001500	6	9	2	SAN5	HL06		123 78901234567
	C01	005006	Giáo dục thể chất 2		62	Lê Văn Thiện	(000819	2	1	2	SAN5	BD14CN01		789012345678901
	C02	005006	Giáo dục thể chất 2		62	Nguyễn Thị Thùy	(001500	2	3	2	SAN5	BD14CN02		789012345678901
	C03	005006	Giáo dục thể chất 2		63	Nguyễn Thị Thùy	(001500	4	1	2	SAN5	BD14CN03		789012345678901
	C04	005006	Giáo dục thể chất 2		61	Nguyễn Thị Thùy	(001500	4	3	2	SAN5	BD14CN04		789012345678901
	P05	005006	Giáo dục thể chất 2		46	Nguyễn Mạnh Tiến	(001485	3	11	2	SAN5	VP2014/1		789012345678901
	P06	005006	Giáo dục thể chất 2		47	Lê Văn Thiện	(000819	2	11	2	SAN5	VP2014/2 ...		789012345678901
	P07	005006	Giáo dục thể chất 2		40	Nguyễn Mạnh Tiến	(001485	3	9	2	SAN5	VP2014/2		789012345678901
	TT01	005006	Giáo dục thể chất 2		0	Nguyễn Mạnh Tiến	(001485	3	1	2	SAN5	CT14TIE1		1234 78901234567
	TT02	005006	Giáo dục thể chất 2		0	Nguyễn Mạnh Tiến	(001485	3	3	2	SAN5	CT14TIE2		1234 78901234567
	A01	005011	Giáo dục thể chất 3		62	Lê Văn Thiện	(000819	2	9	2	SAN1	CK13KSCD ...		1234 78901234567
	L02	005011	Giáo dục thể chất 3		32	Trần Quang Vinh	(002006	4	9	2	SANLT4	CK13CD1		1234 78901234567
	L04	005011	Giáo dục thể chất 3		54	Lê Văn Thiện	(000819	5	11	2	SANLT4	CK13CTM1		123 789012345678
	L05	005011	Giáo dục thể chất 3		55	Lê Văn Thiện	(000819	5	5	2	SANLT4	CK13CTM2		123 789012345678
	L06	005011	Giáo dục thể chất 3		51	Trần Quang Vinh	(002006	4	11	2	SANLT4	CK13CXN		1234 78901234567
	L07	005011	Giáo dục thể chất 3		56	Lê Văn Thiện	(000819	6	3	2	SANLT4	CK13HT1		123 789012345678
	L08	005011	Giáo dục thể chất 3		55	Lê Văn Thiện	(000819	6	1	2	SANLT5	CK13HT2		123 789012345678
	L09	005011	Giáo dục thể chất 3		23	Trần Quang Vinh	(002006	3	1	2	SANLT4	CK13INN ...		1234 78901234567
	L10	005011	Giáo dục thể chất 3		42	Trần Quang Vinh	(002006	2	9	2	SANLT4	CK13KTK		1234 78901234567
	L11	005011	Giáo dục thể chất 3		33	Trần Quang Vinh	(002006	3	3	2	SANLT4	CK13MAY		1234 78901234567
	L12	005011	Giáo dục thể chất 3		33	Trần Quang Vinh	(002006	4	3	2	SANLT4	CK13NH1		1234 78901234567
	L13	005011	Giáo dục thể chất 3		44	Lê Văn Thiện	(000819	6	9	2	SANLT4	CK13NH2		123 789012345678
	L16	005011	Giáo dục thể chất 3		26	Lê Văn Thiện	(000819	5	9	2	SANLT4	CK13VL		123 789012345678
	L17	005011	Giáo dục thể chất 3		57	Trần Quang Vinh	(002006	4	5	2	SANLT4	DC13DK ...		1234 78901234567
	L18	005011	Giáo dục thể chất 3		48	Trần Quang Vinh	(002006	4	1	2	SANLT4	DC13KK ...		1234 78901234567
	L19	005011	Giáo dục thể chất 3		58	Lê Văn Thiện	(000819	5	1	2	SANLT4	DC13KS ...		123 789012345678
	L20	005011	Giáo dục thể chất 3		48	Lê Văn Thiện	(000819	5	3	2	SANLT4	DC13MT ...		123 789012345678
	L21	005011	Giáo dục thể chất 3		57	Lê Văn Thiện	(000819	6	5	2	SANLT4	QL1301		123 789012345678
	L22	005011	Giáo dục thể chất 3		65	Lê Văn Thiện	(000819	6	11	2	SANLT4	QL1302 ...		123 789012345678
	L23	005011	Giáo dục thể chất 3		54	Trần Quang Vinh	(002006	2	11	2	SANLT4	QL1303		1234 78901234567
	L24	005011	Giáo dục thể chất 3		55	Trần Quang Vinh	(002006	3	5	2	SANLT4	QL1304		1234 78901234567
	A01	006001	Giải tích 1	4	104	Trần Lưu Cường	(001153	3	1	3	306B6	HL01		1234 78901234567

KH	Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy	Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 12345678901234567890123456789012345
	A01	006002	Giải tích 2	4	102	Nguyễn Đình Huy	(001672	3	4	3	GDB2A	HL01		1234 78901234567
	A02	006002	Giải tích 2	4	101	Trần Lưu Cường	(001153	5	10	3	GDB2B	HL10		123 789012345678
	A01	006004	Đại số	3	61	Trần Lưu Cường	(001153	5	1	2	GDB2B	HL01		123 789012345678
*	A01	006005	Bài tập đại số		61	Phan Thị Ngọc Hân	(009575	2	8	2	303B1	HL01	A01-	1234 78901234567
*	A01	006006	Bài tập giải tích 1		104	Trần Lưu Cường	(001153	5	3	2	GDB2B	HL01	A01-	123 789012345678

KH	Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học
	A01	006018	Xác suất thống kê	2	103	Nguyễn Đình	Huy	(001672	6	1	3	305B4	MT12KH01 ...		123 789012345678
	A02	006018	Xác suất thống kê	2	113	Nguyễn Đình	Huy	(001672	6	4	3	406B4	MT12KH05 ...		123 789012345678
	A03	006018	Xác suất thống kê	2	121	Nguyễn Tiến	Dũng	(002288	2	4	3	305B4	MT12KT01 ...		1234 78901234567
	A04	006018	Xác suất thống kê	2	121	Nguyễn Bá	Thi	(001167	6	10	3	306B6	DD13KSKT ...		123 789012345678
	A11	006018	Xác suất thống kê	2	122	Nguyễn Bá	Thi	(001167	5	7	3	306B6	DD13BK01 ...		123 789012345678
	L05	006018	Xác suất thống kê	2	76	Nguyễn Kiều	Dung	(003309	2	7	4	206H2	DD13LT01 ...		1234 7890123
	L06	006018	Xác suất thống kê	2	111	Nguyễn Bá	Thi	(001167	3	1	4	306H2	DD13LT04 ...		1234 7890123
	L07	006018	Xác suất thống kê	2	119	Nguyễn Bá	Thi	(001167	4	1	4	301H2	DD13LT07 ...		1234 7890123
	L08	006018	Xác suất thống kê	2	58	Nguyễn Kiều	Dung	(003309	5	1	4	301H2	DD13LT10 ...		123 78901234
	L09	006018	Xác suất thống kê	2	76	Nguyễn Bá	Thi	(001167	4	7	4	206H2	DD13LT13 ...		1234 7890123
	L10	006018	Xác suất thống kê	2	144	Nguyễn Bá	Thi	(001167	3	7	4	201H2	KU13VLY1 ...		1234 7890123
	QT01	006018	Xác suất thống kê	2	21	Nguyễn Tiến	Dũng	(002288	2	10	3	410A4	CT13GRIF ...		1234 78901234567
	A01	006023	Phương pháp tính	2	116	Ngô Thu	Lương	(001402	2	1	3	212B1	CK12INN ...		1234 78901234567
	L02	006023	Phương pháp tính	2	116	Ngô Thu	Lương	(001402	5	1	4	406H2	DC13DK ...		123 78901234
	L03	006023	Phương pháp tính	2	121	Ngô Thu	Lương	(001402	4	7	4	201H2	GT13OTO1 ...		1234 7890123
	L04	006023	Phương pháp tính	2	117	Ngô Thu	Lương	(001402	4	1	4	201H2	GT13TAU1 ...		1234 7890123
	L05	006023	Phương pháp tính	2	106	Trịnh Quốc	Lương	(002839	3	1	4	401H2	MO13KMT1 ...		1234 7890123
	L01	006043	Cơ sở toán ứng dụng	2	97	Đậu Thế	Phiệt	(003556	2	7	4	311H6	KU13VLY1 ...		1234 7890123
	A01	006045	Phương trình toán lý	2	54	Nguyễn Hồng	Lộc	(003134	5	1	3	302B1	KU12CKT		123 789012345678
	A01	006046	Thống kê & ptích số liệu	2	48	Nguyễn Kiều	Dung	(003309	3	7	3	303B4	HL04		1234 78901234567
	QT01	006046	Thống kê & ptích số liệu	2	26	Nguyễn Tiến	Dũng	(002288	5	1	3	202A4A	CT13AHH ...		123 789012345678
*	A01	006105	Bài tập giải tích 2		102	Nguyễn Đình	Huy	(001672	5	5	2	GDB2B	HL01	A01-	123 789012345678
*	A02	006105	Bài tập giải tích 2		101	Trần Lưu	Cường	(001153	3	8	2	306B6	HL10	A02-	1234 78901234567
	TT01	006401	Calculus 1	5	2	Mai Đức	Thành	(002569	3	5	2	202A4A	CT14TIE2		1234 78901234567
									6	10	3	506A4			
	TT01	006402	Calculus 2	3	3	Mai Đức	Thành	(002569	5	4	3	510A4	CT14TIE1		123 789012345678
	TT01	006404	Intro Differential Equat	3	36	Nguyễn Quốc	Lân	(001634	4	7	3	206B3	CT13TIE2		789012345678901
	TT02	006404	Intro Differential Equat	3	36	Nguyễn Quốc	Lân	(001634	2	7	3	203A4	CT13TIE3		789012345678901
	TT01	006405	Linear Algebra	3	35	Đặng Văn	Vinh	(002571	3	3	4	406A4	CT13TIE2		789012345678901
	TT02	006405	Linear Algebra	3	34	Đặng Văn	Vinh	(002571	5	7	4	203A4	CT13TIE3		789012345678901

KH	Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
	TT01	006407	Calculus of Several Vari	3	1	Đặng Văn	Vinh	(002571	3	7	4	208B1	CT14TIE1		1234 78901234567
	C01	006602	Toán 2	3	100	Phan Thị Ngọc	Hân	(009575	3	4	2	308B1	BD14CN01 ...		789012345678901
									5	1	2	308B1			
	C02	006602	Toán 2	3	90	Phan Thị Ngọc	Hân	(009575	3	2	2	402C6	BD14CN03 ...		789012345678901
									5	4	2	505B4			
	P01	006712	Toán 2 (lý thuyết)	7	70	Trần Lưu	Cường	(001153	2	7	4	503C6	VP2014/1		789012345678901
	P02	006712	Toán 2 (lý thuyết)	7	59	Lê Thái	Thanh	(001437	6	9	4	503C6	VP2014/2		789012345678901
*	P01	006716	Toán 2 (bài tập)		70	Lê Xuân	Đại	(003264	6	1	3	503C6	VP2014/1	P01-	789012345678901
									3	4	3	401C6			
*	P02	006716	Toán 2 (bài tập)		59	Lê Thái	Thanh	(001437	3	1	3	503C6	VP2014/2	P02-	789012345678901
									4	4	3	502C6			
	P01	006717	Phép tính hình thức & ud	1	67	Lê Xuân	Đại	(003264	4	1	3	203B10	VP12CDT ...		123 7890
	P01	006718	Xác suất thống kê	4	71	Nguyễn Đình	Huy	(001672	2	1	3	501C6	VP2014/1		789012345678901
									4	4	3	503C6			
	P02	006718	Xác suất thống kê	4	61	Nguyễn Đình	Huy	(001672	2	4	3	501C6	VP2014/2		789012345678901
									4	1	3	502C6			
	P01	006719	Phương pháp tính	3	44	Lê Thái	Thanh	(001437	6	3	4	501C6	VP2013/1		123 789012345678
	P02	006719	Phương pháp tính	3	44	Lê Thái	Thanh	(001437	4	7	4	502C6	VP2013/2		1234 7890123456
	A01	007001	Vật lý 1	4	72	Trần Thị Bích	Thủy	(001882	4	7	3	203B1	HL01		1234 78901234567

KH	Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
	A01	007002	Vật lý 2	4	55	Trần Thị Bích	Thủy	(001882	2	10	3	303B1	HL01		1234 78901234567
	A01	007003	Thực tập kỹ thuật y sinh	2	57	Lê Cao	Đăng	(002699	2	1	6	TTNT2	TTTNUD1		23
									4	1	6	TTNT2			
									6	1	6	TTNT2			
									5	1	6	TTNT2			
									3	1	6	TTNT2			
									5	7	6	TTNT2			
									3	7	6	TTNT2			
									6	7	6	TTNT2			
									2	7	6	TTNT2			
									4	7	6	TTNT2			
	A01	007005	Thí nghiệm vật lý	1	60	Trần Trung	Nghĩa	(002730	2	4	3	PTNLY1	HL02		1234 78901234567
	TT01	007005	Thí nghiệm vật lý	1	0	Trần Trung	Nghĩa	(002730	2	1	2	PTNLY1	CT14TIE1		1234 78901234567
	TT02	007005	Thí nghiệm vật lý	1	0	Trần Trung	Nghĩa	(002730	6	1	2	PTNLY1	CT14TIE1		123 789012345678
	A01	007020	Cơ sở vật lý chất rắn	2	65	Võ Văn	Hoàng	(002677	3	4	3	202B6	KU12VLY		1234 78901234567
	L01	007021	Vật lý thống kê	2	52	Đỗ Ngọc	Sơn	(003485	5	1	4	405H2	KU13VLY1		123 78901234
	L02	007021	Vật lý thống kê	2	49	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	(003402	3	1	4	313H6	KU13VLY2		1234 7890123
	A01	007023	Quang học kỹ thuật&ứdụng	2	65	Phạm Thị Hải	Miền	(003349	3	1	3	202B6	KU12VLY		1234 78901234567
	A01	007026	Cơsở vật lý hạt nhân& ứd	2	48	Lý Anh	Tú	(002700	4	10	3	502B4	KU11VLY		1234 78901234567
	L01	007027	Tin học trg vậtlý kthuật	2	53	Lê Quốc	Khải	(003538	3	1	4	306H6	KU13VLY1		1234 7890123
	L02	007027	Tin học trg vậtlý kthuật	2	49	Lê Quốc	Khải	(003538	5	7	4	210H6	KU13VLY2		123 78901234
	A01	007028	TH tinhọc trg vlý kthuật	1	15	Lê Quốc	Khải	(003538	6	1	3	201B1	HLUD1		78901
	L01	007028	TH tinhọc trg vlý kthuật	1	35	Nguyễn Trần Hồng	Nhật	(003261	6	1	3	313H1	KU13VLY1		78901
	L02	007028	TH tinhọc trg vlý kthuật	1	29	Nguyễn Trần Hồng	Nhật	(003261	6	4	3	313H1	KU13VLY2 ...		78901
	L03	007028	TH tinhọc trg vlý kthuật	1	27	Nguyễn Trần Hồng	Nhật	(003261	6	7	3	313H1	KU13VLY2		78901
	A01	007030	ĐAMH tkế kỹ thuật y sinh	2	8	Lê Cao	Đăng	(002699	2	10	3	PDAMH8	KU11VLY		1234 78901234567
	A02	007030	ĐAMH tkế kỹ thuật y sinh	2	42	Lê Cao	Đăng	(002699	2	7	3	PDAMH8	KU11VLY		1234 78901234567
	A01	007032	Cơ sở y khoa 1	3	58	Trần Công	Toại	(009122	6	1	3	301B6	KU12VLY		123 789012345678
									6	4	2	301B6			
	A01	007033	Cơ sở lý sinh	2	72	Vũ Công	Lập	(009523	5	4	3	501B4	KU12VLY		123 789012345678
	A01	007037	Cơ sở y khoa 3	2	43	Trần Công	Toại	(009122	4	7	3	502B4	KU11VLY		1234 78901234567
	A01	007038	Kỹ thuật thiếtbị y học 1	2	60	Lê Cao	Đăng	(002699	5	1	3	501B4	KU12VLY		123 789012345678
	A01	007040	TN kt thiết bị y học 1	1	25	Lê Cao	Đăng	(002699	6	10	3	202B4	KU12VLY		123 7890123
	A02	007040	TN kt thiết bị y học 1	1	32	Lê Cao	Đăng	(002699	6	7	3	202B4	KU12VLY		123 7890123
	A01	007043	TN ứd laser csthấp trgyh	1	33	Trần Anh	Tú	(002456	3	7	3	202B4	KU11VLY		1234 789012
	A02	007043	TN ứd laser csthấp trgyh	1	17	Trần Anh	Tú	(002456	3	10	3	202B4	KU11VLY		1234 789012
	A01	007044	TB c/đoán hình ảnh yhọc1	2	58	Huỳnh Quang	Linh	(001841	4	10	3	301B2	KU12VLY		1234 78901234567
	A01	007045	TB c/đoán hình ảnh yhọc2	2	54	Huỳnh Quang	Linh	(001841	2	4	3	306B4	KU11VLY		1234 78901234567
	A01	007109	ứd siêuâm &ttrường trgyh	2	45	Huỳnh Quang	Linh	(001841	5	7	3	501B4	KU11VLY		123 789012345678
*	A01	007113	Bài tập vật lý 1		72	Trần Thị Bích	Thủy	(001882	6	11	2	502B4	HL01	A01-	123 789012345678
*	A01	007114	Bài tập vật lý 2		55	Trần Thị Bích	Thủy	(001882	6	9	2	502B4	HL01	A01-	123 789012345678
	A01	007119	Thực tập điện tử y sinh	2	35	Lê Cao	Đăng	(002699	2	3	4	202B4	KU12VLY		1234 78901234567
	A02	007119	Thực tập điện tử y sinh	2	22	Lê Cao	Đăng	(002699	2	9	4	202B4	KU12VLY		1234 78901234567

A01	007120	Udụng laser trong y học	2	52	Trần Minh	Thái	(002791	6	7	3	501B4	KU11VLY		123 789012345678
A01	007302	Thực tập tốt nghiệp	3	4			( )					KU11VLY		1234 78901234567
A01	007303	Luận văn tốt nghiệp	10	9								LVTN		1234 78901234567

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
TT01	007401	Univ Physics, Mechanics	4	0	Lê Quang	Nguyên	(002216	4	7	4	202A4A	CT14TIE2		1234 78901234567
TT01	007402	Univ Physics,Elec & Mag	4	36	Nguyễn Hữu	Phúc	(000639	6	7	4	202A4B	CT13TIE2		789012345678901
TT02	007402	Univ Physics,Elec & Mag	4	35	Nguyễn Hữu	Phúc	(000639	3	7	4	203A4	CT13TIE3		789012345678901
TT01	007403	Univ Physics,ThermalPhys	2	38	Lê Chí	Hiệp	(000999	2	8	2	206B3	CT13TIE2		789012345678901
TT02	007403	Univ Physics,ThermalPhys	2	34	Lê Chí	Hiệp	(000999	2	10	2	203A4	CT13TIE3		789012345678901
TT01	007404	Univ Physics,QuantumPhys	2	35	Võ Văn	Hoàng	(002677	2	10	3	206B3	CT13TIE2		789012345678901
TT02	007404	Univ Physics,QuantumPhys	2	33	Võ Văn	Hoàng	(002677	4	7	3	205B3	CT13TIE3		789012345678901
P01	007706	Vật lý 1	6	72	Huỳnh Quang	Linh	(001841	3	9	2	503C6	VP2014/1		789012345678901
								4	1	3	503C6			
								6	4	3	503C6			
P02	007706	Vật lý 1	6	62	Trần Thị Ngọc	Dung	(001401	5	4	3	503C6	VP2014/2		789012345678901
								3	7	2	501C6			
								2	8	3	601C6			
P01	007707	Công cụ & mh hóa bằng số	1	68	Huỳnh Quang	Linh	(001841	2	10	3	501B4	VP12CDT ...		1234 7
P01	007708	Vật lý sóng	4	59	Trần Thị Ngọc	Dung	(001401	5	9	2	501C6	VP2013/1		123 789012345678
								4	7	3	603C6			
P02	007708	Vật lý sóng	4	50	Đinh Sơn	Thạch	(001665	2	1	3	603C6	VP2013/2		123 789012345678
								5	11	2	502C6			
P01	007709	Nhiệt học&cơ học chấtlưu	3	43	Lê Quang	Nguyên	(002216	6	9	2	501C6	VP2013/1		123 789012345678
								2	9	2	501C6			
P02	007709	Nhiệt học&cơ học chấtlưu	3	55	Lê Quang	Nguyên	(002216	2	7	2	502C6	VP2013/2		123 789012345678
								6	11	2	502C6			
A01	008001	Pháp luật Việt Nam đ/c	2	139	Vũ Thị Bích	Hường	(009259	6	4	3	213B1	HC13KTDK ...		123 789012345678
L04	008001	Pháp luật Việt Nam đ/c	2	130	Trần Quang	Trung	(009117	5	1	4	201H2	HC13CHC ...		123 78901234
L05	008001	Pháp luật Việt Nam đ/c	2	130	Trần Quang	Trung	(009117	5	7	4	201H2	HC13DK ...		123 78901234
L06	008001	Pháp luật Việt Nam đ/c	2	131	Ngô Đức	Tuấn	(009571	3	7	4	306H2	HC13SH ...		1234 7890123
P02	008001	Pháp luật Việt Nam đ/c	2	73	Vũ Thị Bích	Hường	(009259	5	7	3	401C6	VP2014/1		789012345678901
P03	008001	Pháp luật Việt Nam đ/c	2	60	Vũ Thị Bích	Hường	(009259	5	10	3	401C6	VP2014/2		789012345678901
TT01	008001	Pháp luật Việt Nam đ/c	2	1	Nguyễn Hoàng Thùy	Trang	(009543	6	7	3	509A4	CT14TIE2		123 789012345678
A01	200029	KT thủy lực & khí nén	2	68	Trần Nguyên Duy	Phương	(001798	5	1	3	302C4	GT12OTO1		123 789012345678
A02	200029	KT thủy lực & khí nén	2	42	Hoàng	Lanh	(001018	4	4	3	402C4	GT12OTO2		1234 78901234567
A01	200036	TT điện - điện tử 1(CK)	1	23	Vương Ngọc Anh	Thư	(003019	2	10	3	203C1	CK12CXN		1234 78901234567
L02	200036	TT điện - điện tử 1(CK)	1	21	Vương Ngọc Anh	Thư	(003019	5	10	3	203C1	CK13NH1		123 7890123
L03	200036	TT điện - điện tử 1(CK)	1	21	Vương Ngọc Anh	Thư	(003019	5	7	3	203C1	CK13NH1		123 7890123
L04	200036	TT điện - điện tử 1(CK)	1	21	Vương Ngọc Anh	Thư	(003019	5	4	3	203C1	CK13NH2		123 7890123
L05	200036	TT điện - điện tử 1(CK)	1	21	Vương Ngọc Anh	Thư	(003019	5	1	3	203C1	CK13NH2		123 7890123
A01	200037	TT điện - điện tử 2(CK)	1	20	Võ Tấn	Đạt	(003459	6	10	3	205C1	CK12CD1		123 78901234567
A02	200037	TT điện - điện tử 2(CK)	1	15	Võ Tấn	Đạt	(003459	3	1	3	205C1	CK12CD1		1234 78901234567

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
A03	200037	TT điện - điện tử 2(CK)	1	24	Hà Xuân	Cờ	(000525	4	10	3	205C1	CK12CD2		1234 78901234567
A04	200037	TT điện - điện tử 2(CK)	1	26	Hà Xuân	Cờ	(000525	4	7	3	205C1	CK12CD2		1234 78901234567
A05	200037	TT điện - điện tử 2(CK)	1	18	Võ Tấn	Đạt	(003459	2	10	3	205C1	CK12CTM1		1234 78901234567
A06	200037	TT điện - điện tử 2(CK)	1	25	Võ Tấn	Đạt	(003459	2	7	3	205C1	CK12CTM1		1234 78901234567
A07	200037	TT điện - điện tử 2(CK)	1	25	Hà Xuân	Cờ	(000525	4	4	3	205C1	CK12CTM2		1234 78901234567
A08	200037	TT điện - điện tử 2(CK)	1	22	Hà Xuân	Cờ	(000525	4	1	3	205C1	CK12CTM2		1234 78901234567

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
A09	200037	TT điện - điện tử 2(CK)	1	25	Võ Tấn	Đạt	(003459	3	4	3	205C1	CK12KSCD		1234 78901234567
A10	200037	TT điện - điện tử 2(CK)	1	14	Võ Tấn	Đạt	(003459	2	1	3	205C1	CK12KSTN		1234 78901234567
A11	200037	TT điện - điện tử 2(CK)	1	25	Hà Xuân	Cờ	(000525	5	10	3	205C1	CK12KTK		123 78901234567
A12	200037	TT điện - điện tử 2(CK)	1	25	Hà Xuân	Cờ	(000525	5	7	3	205C1	CK12KTK		123 78901234567
A13	200037	TT điện - điện tử 2(CK)	1	17	Hà Xuân	Cờ	(000525	5	4	3	205C1	CK12TKM		123 78901234567
A14	200037	TT điện - điện tử 2(CK)	1	24	Võ Tấn	Đạt	(003459	3	10	3	205C1	CK12VL		1234 78901234567
A15	200037	TT điện - điện tử 2(CK)	1	20	Võ Tấn	Đạt	(003459	3	7	3	205C1	CK12VL		1234 78901234567
A01	201002	Thực tập kỹ thuật	1	52	Nguyễn Thanh	Nhã	(002852	5	1	6	TTNT23	TTTNUD2		2
								3	1	6	TTNT23			
								6	1	6	TTNT23			
								4	1	6	TTNT23			
								2	1	6	TTNT23			
								4	7	6	TTNT23			
								6	7	6	TTNT23			
								2	7	6	TTNT23			
								3	7	6	TTNT23			
								5	7	6	TTNT23			
A01	201010	Cơ học ứng dụng	3	41	Ngô Thanh Minh	Quốc	(003433	4	2	2	211B1	HC13KTTP		1234 78901234567
								2	3	2	211B1			
L02	201010	Cơ học ứng dụng	3	67	Vũ Công	Hòa	(001942	6	1	4	413H6	HC13SH		123 789012345678
L03	201010	Cơ học ứng dụng	3	58	Phan Thị Bích	Nga	(001188	5	1	4	214H6	HC13TP1 ...		123 789012345678
L01	201020	Cơ lý thuyết nâng cao	2	34	Vũ Công	Hòa	(001942	5	1	4	414H6	KU13CKT1		123 78901234
A01	201022	Cơhọc môitrường liên tục	3	14	Trương Tích	Thiện	(001673	6	9	4	302B2	KU11CKT		123 789012345678
A01	201023	CAD ứng dụng	2	54	Nguyễn Tường	Long	(002612	6	4	3	605B4	KU12CKT		123 789012345678
A01	201025	Dao động kỹ thuật	3	35	Ngô Kiều	Nhi	(002792	2	9	2	604B4	KU11CKT		123 789012345678
								5	11	2	502B4			
A01	201026	Đàn hồi ứng dụng A	3	55	Nguyễn Thanh	Nhã	(002852	6	2	2	605B4	KU12CKT		123 789012345678
								4	2	2	501B4			
A01	201027	Đoluờng các đlượng pđiện	2	37	Ngô Kiều	Nhi	(002792	3	7	3	502B4	KU11CKT		1234 78901234567
L01	201028	Lý thuyết đàn hồi	2	34	Nguyễn Duy	Khương	(003263	6	1	4	110H6	KU13CKT1		123 78901234
A01	201031	PP phầntử hhạn udụng(ckt	3	35	Nguyễn Tường	Long	(002612	2	11	2	604B4	KU11CKT		123 789012345678
								5	9	2	502B4			
A01	201032	Thiết kế kỹ thuật	2	56	Nguyễn Tường	Long	(002612	5	4	3	302B1	KU12CKT		123 789012345678
A01	201035	TT mô phỏng cơ kỹ thuật	2	24	Nguyễn Thái	Hiền	(003139	2	1	3	504B4	KU12CKT		1234 78901234567
A02	201035	TT mô phỏng cơ kỹ thuật	2	31	Nguyễn Thái	Hiền	(003139	2	4	3	504B4	KU12CKT		1234 78901234567
A01	201040	ĐAMH mô phỏng cơ học	2	36	Nguyễn Tường	Long	(002612	4	10	3	PDAMH8	KU11CKT		1234 78901234567
L01	201042	TH l/trình t/toán cơ học	2	32	Trần Kim	Bằng	(003434	2	7	4	414H6	KU13CKT1		1234 78901234
A01	201302	Thực tập tốt nghiệp	3	4			( )					KU11CKT		1234 78901234567
A01	201303	Luận văn tốt nghiệp	10	4								LVTN		1234 78901234567
P01	201706	Hư hỏng & phá hủy 2	2	19	Trương Tích	Thiện	(001673	5	4	2	202B10	VP11CDT		123 789012345678
P01	201707	Cơ học vật rắn & sóng cơ	3	47	Vũ Duy	Cường	(000810	2	7	2	501C6	VP2013/1		123 789012345678
								6	11	2	501C6			
P02	201707	Cơ học vật rắn & sóng cơ	3	43	Vũ Duy	Cường	(000810	2	9	2	502C6	VP2013/2		123 789012345678
								6	9	2	502C6			
P01	201708	Các ctrúchk-c/học pháhủy	1	22	Lê Thị Tuyết	Nhung	(003388	3	10	3	203B10	VP11HK		123 78
A01	202001	TN k/thuật thủy lực&knén	1	20	Lâm Gia	Huấn	(003224	2	7	3	201XC1	HLCK2		1234 78901234567

A01	202002	TN dung sai &kỹ thuật đo	1	20	Nguyễn Minh Dương	(003495	5	7	3	PTNDLG	CK12CD1	123	78901234567
A02	202002	TN dung sai &kỹ thuật đo	1	16	Nguyễn Minh Dương	(003495	5	10	3	PTNDLG	CK12CD1	123	78901234567
A03	202002	TN dung sai &kỹ thuật đo	1	20	Trần Quang Phước	(003334	5	4	3	PTNDLG	CK12CD1 ...	123	78901234567
A04	202002	TN dung sai &kỹ thuật đo	1	20	Trần Quang Phước	(003334	3	4	3	PTNDLG	CK12CD2	1234	78901234567
A05	202002	TN dung sai &kỹ thuật đo	1	15	Trần Quang Phước	(003334	3	1	3	PTNDLG	CK12CD2	1234	78901234567
A06	202002	TN dung sai &kỹ thuật đo	1	17	Nguyễn Minh Dương	(003495	4	4	3	PTNDLG	CK12CTM1	1234	78901234567
A07	202002	TN dung sai &kỹ thuật đo	1	14	Nguyễn Minh Dương	(003495	4	1	3	PTNDLG	CK12CTM1	1234	78901234567
A08	202002	TN dung sai &kỹ thuật đo	1	10	Nguyễn Minh Dương	(003495	6	1	3	PTNDLG	CK12CTM1 ...	123	78901234567
A09	202002	TN dung sai &kỹ thuật đo	1	18	Nguyễn Minh Dương	(003495	3	10	3	PTNDLG	CK12CTM2	1234	78901234567
A10	202002	TN dung sai &kỹ thuật đo	1	20	Nguyễn Minh Dương	(003495	3	7	3	PTNDLG	CK12CTM2	1234	78901234567
A11	202002	TN dung sai &kỹ thuật đo	1	21	Trần Quang Phước	(003334	2	7	3	PTNDLG	CK12CXN	1234	78901234567
A12	202002	TN dung sai &kỹ thuật đo	1	18	Trần Quang Phước	(003334	5	1	3	PTNDLG	CK12KSCD	123	78901234567
A13	202002	TN dung sai &kỹ thuật đo	1	24	Trần Quang Phước	(003334	4	7	3	PTNDLG	CK12KSTN	1234	78901234567
A14	202002	TN dung sai &kỹ thuật đo	1	18	Trần Quang Phước	(003334	6	10	3	PTNDLG	CK12KTK	123	78901234567
A15	202002	TN dung sai &kỹ thuật đo	1	15	Trần Quang Phước	(003334	4	10	3	PTNDLG	CK12KTK	1234	78901234567
A16	202002	TN dung sai &kỹ thuật đo	1	20	Trần Quang Phước	(003334	6	7	3	PTNDLG	CK12KTK	123	78901234567
A17	202002	TN dung sai &kỹ thuật đo	1	14	Trần Quang Phước	(003334	2	10	3	PTNDLG	CK12TKM	1234	78901234567
A18	202002	TN dung sai &kỹ thuật đo	1	13	Nguyễn Minh Dương	(003495	2	4	3	PTNDLG	CK12VL	1234	78901234567
A20	202002	TN dung sai &kỹ thuật đo	1	20	Nguyễn Minh Dương	(003495	6	4	3	PTNDLG	HLCK1	123	7890123456
A01	202007	Dung sai & kỹ thuật đo	2	46	Thái Thị Thu Hà	(000801	4	4	3	302C4	GT12OTO1	1234	78901234567
A02	202007	Dung sai & kỹ thuật đo	2	42	Nguyễn Lê Quang	(001295	2	1	3	303C4	GT12OTO2	1234	78901234567
A01	202009	Bơm, Quạt, Máy nén khí	2	84	Nguyễn Minh Phú	(002732	5	1	3	402C4	CK12NH	123	789012345678

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy	Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
A01	202038	ĐAMH kỹ thuật chế tạo	1	35		(	4	1	3	PDAMH2	CK11CTM1	1234	78901234567
A02	202038	ĐAMH kỹ thuật chế tạo	1	20		(	2	1	3	PDAMH	CK11CTM2	1234	78901234567
A03	202038	ĐAMH kỹ thuật chế tạo	1	20		(	3	4	3	PDAMH2	CK11CTM3	1234	78901234567
A04	202038	ĐAMH kỹ thuật chế tạo	1	22		(	3	10	3	PDAMH2	CK11CTM3	1234	78901234567
A05	202038	ĐAMH kỹ thuật chế tạo	1	16		(	4	7	3	PDAMH2	CK11TKM	1234	78901234567
A06	202038	ĐAMH kỹ thuật chế tạo	1	34		(	3	1	3	PDAMH2	CK11VL	1234	78901234567
TNCK	202038	ĐAMH kỹ thuật chế tạo	1	25		(	4	10	3	PDAMH2	CK11KSTN	1234	78901234567
A01	202042	Các pp gia công đặc biệt	2	71	Trần Vũ An	(001296	3	1	3	403C4	HLCK2	1234	78901234567
A01	202047	Kỹ thuật chế tạo 2	3	68	Tôn Thiện Phương	(002201	2	1	4	301C5	CK12CTM1 ...	1234	78901234567
A02	202047	Kỹ thuật chế tạo 2	3	63	Trương Quốc Thanh	(001967	3	1	4	301C4	CK12CTM2 ...	1234	78901234567
A03	202047	Kỹ thuật chế tạo 2	3	80	Trần Anh Sơn	(002336	6	1	4	301C5	CK12CXN ...	123	789012345678
A04	202047	Kỹ thuật chế tạo 2	3	73	Trần Doãn Sơn	(000168	5	3	4	402C6	HLCK1	123	789012345678
TNCK	202047	Kỹ thuật chế tạo 2	3	25	Lê Quý Đức	(000794	5	3	4	203B9	CK12KSTN	123	789012345678
A01	202080	Máy Công Cụ	2	88	Phùng Chân Thành	(000200	3	7	3	301C4	CK11CTM1 ...	1234	78901234567
A02	202080	Máy Công Cụ	2	68	Trần Nguyên Duy Phương	(001798	6	10	3	301C4	CK11CTM2 ...	123	789012345678
TNCK	202080	Máy Công Cụ	2	25	Huỳnh Ngọc Hiệp	(001017	2	10	3	203B9	CK11KSTN	1234	78901234567
A01	202104	Cad/cam/cnc	3	86	Huỳnh Hữu Nghị	(002446	6	9	4	601C6	CK11CTM1 ...	123	789012345678
A02	202104	Cad/cam/cnc	3	71	Tôn Thiện Phương	(002201	3	9	4	402C4	CK11CTM2 ...	1234	78901234567
TNCK	202104	Cad/cam/cnc	3	29	Nguyễn Văn Thành	(001998	5	9	4	204B9	CK11KSCD ...	123	789012345678
A01	202302	Thực tập tốt nghiệp	3	3		( )					TTTNCK1	123	789012345678
TNCK	202302	Thực tập tốt nghiệp	3	0		( )					TTTNCK7	123	78901234567
A01	202303	Luận văn tốt nghiệp	10	26							LVTN	1234	78901234567
P01	202703	Chế tạo	2	46	Trần Doãn Sơn	(000168	6	5	2	202B10	VP11CDT ...	123	789012345678
P01	202704	Tr/động thủy lực &khínén	2	37	Phùng Chân Thành	(000200	6	3	2	202B10	VP11CDT ...	123	789012345678
A01	203001	T/tập kỹ thuật ngành mxd	2	1	Huỳnh Công Lớn	(001953)					TTTNCK5	123	789012345678
A02	203003	Kỹ Thuật Nâng-vận Chuyển	2	30	Lưu Thanh Tùng	(002337	4	4	3	401C4	CK12CXN	1234	78901234567
A03	203003	Kỹ Thuật Nâng-vận Chuyển	2	24	Huỳnh Công Lớn	(001953	4	10	3	401C6	CK11CTM1 ...	1234	78901234567
TNCK	203003	Kỹ Thuật Nâng-vận Chuyển	2	18	Nguyễn Hồng Ngân	(001162	2	7	3	203B9	CK11KSTN	1234	78901234567
A01	203006	KT rung trong máy x/dựng	2	12	Nguyễn Hồng Ngân	(001162	4	1	3	401C4	CK12CXN	1234	78901234567

A01	203008	Kcầu thép thiết bị nâng	2	18	Lê Hồng	Sơn	(000619	6	10	3	304C5	CK11CXN	123 789012345678
A01	203009	Truyền động máy xây dựng	2	28	Lê Thanh	Danh	(003465	6	7	3	304C5	CK11CXN	123 789012345678
A01	203010	Thang máy	2	21	Lương Văn	Tới	(003238	5	10	3	404C4	CK11CXN	123 789012345678
A01	203013	Kthác &schữa máy xâydựng	2	16	Lê Hồng	Sơn	(000619	5	7	3	404C4	CK11CXN	123 789012345678

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT Tuần Học 1234567890123456789012345
A01	203015	ĐAMH máy xây dựng	1	27	Lương Văn	Tới	(003238	4	1	3	PDAMHD	CK11CXN	1234 78901234567
A01	203018	UD tin học trg t/kế mxd	2	26	Vũ Như Phan	Thiện	(002893	4	4	3	303B4	CK11CXN	1234 78901234567
A01	203020	Máy Vận Chuyển Liên Tục	2	21	Huỳnh Công	Lớn	(001953	2	10	3	403C5	CK11CXN	1234 78901234567
A01	203302	Thực tập tốt nghiệp	3	4	Huỳnh Công	Lớn	(001953)					TTTNCK3	123 789012345678
L01	204001	Cs C/nghệ tạo sợi & vải	2	31	Đào Duy	Thái	(002789	5	1	2	210H6	CK13MAY	123 78901234
								3	1	2	110H6		2 4 8 0 2 4 6 8
L02	204001	Cs C/nghệ tạo sợi & vải	2	40	Đào Duy	Thái	(002789	5	3	2	206H6	CK13SOI ...	123 78901234
								3	3	2	110H6		2 4 8 0 2 4 6 8
A01	204006	Cn Sơchế Nguyên Liệu Dệt	2	13	Trịnh Thị Kim	Huệ	(003405	6	10	3	302C5	CK11INN	123 789012345678
A01	204007	Thiết bị sợi dệt	3	24	Bùi Mai	Hương	(003036	6	3	4	402C5	CK12SOI	123 789012345678
A01	204009	Công nghệ dệt thoi	2	27	Nguyễn Lệ	Nga	(002788	5	4	3	404C4	CK12SOI	123 789012345678
L01	204011	Khoa học vật liệu dệt	2	33	Bùi Mai	Hương	(003036	5	3	2	210H6	CK13MAY	123 78901234
								3	1	2	110H6		1 3 7 9 1 3 5 7
L02	204011	Khoa học vật liệu dệt	2	42	Bùi Mai	Hương	(003036	5	1	2	206H6	CK13SOI ...	123 78901234
								3	3	2	110H6		1 3 7 9 1 3 5 7
L01	204012	K/tra &pt Vật Liệu D/may	2	36	Trịnh Thị Kim	Huệ	(003405	5	7	4	206H6	CK13INN ...	123 78901234
L02	204012	K/tra &pt Vật Liệu D/may	2	35	Trịnh Thị Kim	Huệ	(003405	3	7	4	112H6	CK13SOI ...	1234 7890123
L01	204017	Mỹ thuật cn trong dệtmay	2	37	Phạm Hồ Mai	Anh	(003493	6	1	4	313H6	CK13INN ...	123 78901234
L02	204017	Mỹ thuật cn trong dệtmay	2	36	Phạm Hồ Mai	Anh	(003493	4	7	4	112H6	CK13SOI ...	1234 7890123
A01	204021	Cấu trúc vải dệt thoi	2	36	Nguyễn Lệ	Nga	(002788	7	7	3	302C5	CK11INN ...	1234 78901234567
A01	204029	Cn Gia công xơ nhân tạo	2	35	Đào Duy	Thái	(002789	3	1	3	304C5	CK11INN ...	1234 78901234567
A01	204030	ĐAMH công nghệ sợi	1	31	Nguyễn Lệ	Nga	(002788	4	4	3	PDAMHB	CK12SOI	1234 78901234567
A01	204035	Công nghệ may 2	2	29	Hồ Thị Minh	Hương	(001905	3	4	3	303C4	CK12MAY	1234 78901234567
A01	204037	Thiết kế chuyền may	2	30	Hồ Thị Minh	Hương	(001905	6	7	3	303C4	CK12MAY	123 789012345678
A01	204038	ĐAMH công nghệ may	1	30	Hồ Thị Minh	Hương	(001905	6	10	3	PDAMH2	CK12MAY	123 789012345678
A01	204041	Hóa học thuốc nhuộm	2	18	Trịnh Thị Kim	Huệ	(003405	3	1	3	404C4	CK11SOI ...	1234 78901234567
A01	204046	Vẽ mỹ thuật trang phục	2	25	Vũ Hồng	Đức	(002830	3	10	3	303C4	CK11MAY	1234 78901234567
A01	204056	Thực tập kỹ thuật (SOI)	3	0			( )					CK12SOI	1234 78901234567

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT Tuần Học 1234567890123456789012345
A01	204057	Thực tập kỹ thuật (INN)	3	0			( )					CK12INN	1234 78901234567
A01	204102	KT thông gió công nghiệp	2	61	Hà Anh	Tùng	(001737	6	10	3	303C5	CK11NH	123 789012345678
A02	204102	KT thông gió công nghiệp	2	43	Hà Anh	Tùng	(001737	5	7	3	303C5	CK11SOI	123 789012345678

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học
A01	204103	Thiết kế trang phục 1	3	27	Nguyễn Thị	Nghĩa	(002675	4	2	2	303C4	CK12MAY		123 789012345678
								5	2	2	303C4			
A01	204104	Thiết bị may	2	26	Dư Văn	Rê	(001590	5	4	3	303C4	CK12MAY		123 789012345678
A01	204105	Thiết bị nhuộm	2	34	Đào Duy	Thái	(002789	6	4	3	401C4	CK11SOI ...		123 789012345678
A01	204106	Cn C/bị V/liệu In Nhuộm	2	33	Đào Duy	Thái	(002789	3	4	3	404C4	CK11SOI ...		1234 78901234567
A01	204107	Quá Trình & Thiếtbị Cnhh	2	13	Trịnh Thị Kim	Huệ	(003405	5	1	3	401C4	CK12INN		123 789012345678
A01	204110	Tk&cnsx Trphuc Hg Detkim	2	25	Lê Song Thanh	Quỳnh	(003237	5	7	3	401C4	CK11MAY		123 789012345678
A01	204112	Hoàn Tất& Kiểm Tra Sphẩm	2	24	Hà Dương Xuân	Bảo	(003225	5	10	3	303C4	CK11SOI		123 789012345678
A01	204116	Th/kế trang phục trẻ em	2	29	Nguyễn Thị Mộng	Hiền	(002740	6	4	3	302C5	CK11MAY		123 789012345678
A01	204302	Thực tập tốt nghiệp	3	0			( )					CK11INN		1234 78901234567
A02	204302	Thực tập tốt nghiệp	3	0			( )					CK11MAY		1234 78901234567
A03	204302	Thực tập tốt nghiệp	3	0			( )					CK11SOI		1234 78901234567
A01	204303	Luận văn tốt nghiệp	10	3								LVTN		1234 78901234567
A01	205015	Kỹ thuật chế tạo 1	2	25	Trần Đức	Tuấn	(001021	4	4	3	302C5	CK12CD1		1234 78901234567
A02	205015	Kỹ thuật chế tạo 1	2	43	Trần Đức	Tuấn	(001021	6	1	3	303C5	CK12CD2		123 789012345678
TNCK	205015	Kỹ thuật chế tạo 1	2	20	Lưu Phương	Minh	(000786	2	1	3	203B9	CK12KSCD		1234 78901234567
A01	205017	Kỹ thuật cán kim loại	2	82	La Thị Thái	Hà	(001751	5	7	3	301C4	CK11CTM1 ...		123 789012345678
A01	205022	Kt Biến dạng tạo hình	2	45	Lưu Phương	Minh	(000786	2	10	3	402C4	CK11CTM1 ...		1234 78901234567
TNCK	205022	Kt Biến dạng tạo hình	2	20	Lưu Phương	Minh	(000786	3	7	3	203B9	CK11KSTN		1234 78901234567
A01	205023	Công nghệ hàn	2	79	Trần Đức	Tuấn	(001021	2	7	3	401C6	CK11CTM1 ...		1234 78901234567
TNCK	205023	Công nghệ hàn	2	22	Trần Đức	Tuấn	(001021	3	10	3	203B9	CK11KSTN		1234 78901234567
A01	205027	Kỹ thuật đúc kim loại	2	35	Nguyễn Ngọc	Hà	(001364	5	10	3	301C4	CK11CTM1 ...		123 789012345678
TNCK	205027	Kỹ thuật đúc kim loại	2	13	Nguyễn Ngọc	Hà	(001364	6	10	3	204B9	CK11KSTN		123 789012345678
P01	205701	Các phương pháp tạo dáng	1	30	Lưu Phương	Minh	(000786	5	7	3	203B10	VP11CDT ...		123 78
A01	206001	Thí nghiệm ô tô 1	1	20	Vũ Việt	Thắng	(002285	6	1	3	TNKTGT	GT12OTO1		123 7890123
A02	206001	Thí nghiệm ô tô 1	1	20	Vũ Việt	Thắng	(002285	6	4	3	TNKTGT	GT12OTO1		123 7890123
A03	206001	Thí nghiệm ô tô 1	1	20	Vũ Việt	Thắng	(002285	4	7	3	TNKTGT	GT12OTO2		1234 789012
A04	206001	Thí nghiệm ô tô 1	1	20	Vũ Việt	Thắng	(002285	4	1	3	TNKTGT	GT12OTO2		1234 789012

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
A01	206002	Thí nghiệm ô tô 2	1	12	Đinh Quốc	Trí	(002187	2	1	3	TNKTGT	GT11OTO1		1234 789012
A02	206002	Thí nghiệm ô tô 2	1	19	Đinh Quốc	Trí	(002187	4	10	3	TNKTGT	GT11OTO1		1234 789012
A04	206002	Thí nghiệm ô tô 2	1	16	Đinh Quốc	Trí	(002187	6	7	3	TNKTGT	GT11OTO2		123 7890123
A01	206025	Động cơ đốt trong	2	28	Nguyễn Ngọc	Dũng	(002474	5	1	3	605B4	CK12CXN		123 789012345678
L02	206025	Động cơ đốt trong	2	46	Huỳnh Thanh	Công	(002190	2	1	4	212H6	GT13OTO1		1234 7890123
L03	206025	Động cơ đốt trong	2	50	Huỳnh Thanh	Công	(002190	6	7	4	112H6	GT13OTO2		123 78901234
A01	206029	Hệ thống điện - đ/tử ôtô	2	50	Đinh Quốc	Trí	(002187	4	1	3	302C4	GT12OTO1		1234 78901234567
A02	206029	Hệ thống điện - đ/tử ôtô	2	39	Đinh Quốc	Trí	(002187	6	4	3	403C5	GT12OTO2		123 789012345678
A01	206030	ĐAMH3: thiết kế ô tô	1	31	Nguyễn Lê Duy	Khải	(001922)					GT11OTO1		1234 78901234567
A02	206030	ĐAMH3: thiết kế ô tô	1	30	Nguyễn Lê Duy	Khải	(001922)					GT11OTO2		1234 78901234567
A01	206031	ĐAMH2:tk đ/cơ đốt trong	1	13								DAMH		1234 78901234567
A01	206033	Sửa chữa ô tô	2	41	Hồ Phi	Long	(001610	3	7	3	301C5	GT11OTO1		1234 78901234567
A02	206033	Sửa chữa ô tô	2	21	Hồ Phi	Long	(001610	5	10	3	301B4	GT11OTO2		123 789012345678
A01	206034	Kỹ thuật ôtô chuyên dùng	2	49	Vương Như	Long	(002487	2	10	3	401C5	GT11OTO1 ...		1234 78901234567

Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học
A01	206035	Nliệu dmở_cl chuyên dùng	2	22	Nguyễn Ngọc	Dũng	(002474	2	7	3	401C5	GT11OTO1 ...		1234 78901234567
A01	206036	Đkhiển tự động trên ôtô	2	37	Phạm Tuấn	Anh	(003535	3	10	3	301C5	GT11OTO1		1234 78901234567
A02	206036	Đkhiển tự động trên ôtô	2	20	Phạm Tuấn	Anh	(003535	4	7	3	301B4	GT11OTO2		1234 78901234567
L01	206105	Kết cấu động cơ & ô tô	2	52	Lê Văn	Cường	(001983	6	1	4	210H6	GT13OTO1		123 78901234
L02	206105	Kết cấu động cơ & ô tô	2	47	Lê Văn	Cường	(001983	2	1	4	210H6	GT13OTO2		1234 7890123
L01	206110	TT cơ khí đại cương	1	63			(	3	7	5	XCK	GT13OTO1		1234 78
L02	206110	TT cơ khí đại cương	1	65			(	8	2	5	XCK1	GT13OTO2		123 789
A01	206113	Th/kế động cơ đốt trong	3	46	Hồng Đức	Thông	(002488	5	4	2	302C4	GT12OTO1		123 789012345678
								3	2	2	303C5			
A02	206113	Th/kế động cơ đốt trong	3	22	Hồng Đức	Thông	(002488	3	4	2	303B8	GT12OTO2		123 789012345678
								5	2	2	401C5			
A01	206125	TT bảo dưỡng sửachữa ôtô	2	12	Lê Văn	Cường	(001983	5	9	4	TNKTGT	GT11OTO1		123 789012345678
A02	206125	TT bảo dưỡng sửachữa ôtô	2	12	Lê Văn	Cường	(001983	5	3	4	TNKTGT	GT11OTO1		123 789012345678
A03	206125	TT bảo dưỡng sửachữa ôtô	2	18	Nguyễn	Trà	(000485	3	3	4	TNKTGT	GT11OTO2		1234 78901234567
A04	206125	TT bảo dưỡng sửachữa ôtô	2	16	Nguyễn	Trà	(000485	3	9	4	TNKTGT	GT11OTO2		1234 78901234567
A01	206129	Mô phỏng động cơ Đt& Ôtô	2	29	Trần Hữu	Nhân	(001957	6	1	3	402C6	GT11OTO1 ...		123 789012345678
A01	206134	CAD úngdụng trong tk ôtô	2	12	Nguyễn Lê Duy	Khải	(001922	2	4	3	401C4	GT11OTO1 ...		1234 78901234567
A01	206147	Thực tập kỹ thuật	2	79			( )					GT12OTO1		1234 78901234567
A02	206147	Thực tập kỹ thuật	2	7			( )					GT12OTO2		1234 78901234567

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
A01	206302	Thực tập tốt nghiệp	3	2			( )					GT11OTO1		1234 78901234567
A02	206302	Thực tập tốt nghiệp	3	2			( )					GT11OTO2		1234 78901234567
A01	206303	Luận văn tốt nghiệp	10	5								LVTN		1234 78901234567
P01	207704	Bộ chấp hành điện 1	1	34	Nguyễn Duy	Anh	(003038	4	7	3	203B10	VP11CDT ...		123 78
P01	207705	Bộ chấp hành điện 2	1	19	Nguyễn Duy	Anh	(003038	4	7	3	203B10	VP11CDT		01234
L01	208001	N/môn kiến trúc hàng hải	1	27	Võ Trọng	Cang	(001435	3	1	4	112H6	GT13TAU1		2 4 8 0 2 4 6 8
L02	208001	N/môn kiến trúc hàng hải	1	15	Võ Trọng	Cang	(001435	3	1	4	206H6	GT13TAU2		1 3 7 9 1 3 5 7
L01	208002	Vẽ tàu	1	30	Nguyễn Vương	Chí	(001982	3	1	4	112H6	GT13TAU1		1 3 7 9 1 3 5 7
L02	208002	Vẽ tàu	1	16	Nguyễn Vương	Chí	(001982	3	1	4	206H6	GT13TAU2		2 4 8 0 2 4 6 8
A01	208005	TN kỹ thuật hàng hải 1	1	17	Đoàn Minh	Thiện	(002207	5	4	3	TNTAU	GT12TAU1		123 7890123
A02	208005	TN kỹ thuật hàng hải 1	1	14	Đoàn Minh	Thiện	(002207	5	1	3	TNTAU	GT12TAU2		123 7890123
A01	208006	Tb năng lượng tàu thủy 2	3	32	Nguyễn	Thạch	(002892	2	3	2	302C5	GT12TAU1 ...		1234 78901234567
								4	5	2	403C4			
A01	208007	LT tthủy 2(động lực học)	3	29	Lê Tất	Hiển	(002533	2	1	2	302C5	GT12TAU1 ...		1234 78901234567
								4	3	2	403C4			
A01	208011	Thiết kế tàu thủy	3	26	Lê Tất	Hiển	(002533	2	11	2	402C5	GT11TAU1 ...		123 78
								5	8	2	403C5			
								2	11	2	402C5			45678
								2	11	2	402C5			90123
								5	8	2	403C5			45678
								5	8	2	403C5			90123
A01	208013	Độ bền K/cấu Vl Composit	2	27	Lê Đình	Tuân	(001705	6	1	3	401C4	GT12TAU1 ...		123 789012345678
A01	208016	G/sát đóng mới tàu thủy	2	24	Trần Ngọc	Dân	(000488	6	7	3	402C5	GT11TAU1 ...		123 789012345678
A01	208017	Thực tập kỹ thuật	2	30			( )					GT12TAU1 ...		1234 78901234567

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy	Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học
A01	208021	Đ/lực học ct ngoài khơi	2	20	Lê Đình Tuân	(001705	3	10	3	402C5	GT11TAU1 ...		1234 78901234567
A01	208023	TK tàu với sự hỗ trợ mt	2	24	Võ Trọng Cang	(001435	4	10	3	404C4	GT11TAU1 ...		1234 78901234567
A01	208027	Kết cấu tàu thủy	2	41	Trần Văn Tạo	(001996	6	4	3	404C4	GT12TAU1 ...		123 789012345678
A01	208030	Đ/tàu&t/chức nm đóng tàu	2	23	Võ Trọng Cang	(001435	5	10	3	403C5	GT11TAU1 ...		123 789012345678
A01	208302	Thực tập tốt nghiệp	3	1		( )					GT11TAU1		1234 78901234567
A02	208302	Thực tập tốt nghiệp	3	0		( )					GT11TAU2		1234 78901234567

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy	Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 12345678901234567890123456789012345
A01	208303	Luận văn tốt nghiệp	10	0							LVTN		1234 78901234567
A01	209001	ĐAMH1: chi tiết máy	1	20	Nguyễn Thanh Nam	(001668	6	7	3	PDAMH	CK12CD1		123 789012345678
A02	209001	ĐAMH1: chi tiết máy	1	31	Dư Văn Rê	(001590	3	4	3	PDAMH	CK12CD1		1234 78901234567
A03	209001	ĐAMH1: chi tiết máy	1	30	Huỳnh Công Lớn	(001953	5	10	3	PDAMH	CK12CD2		123 789012345678
A04	209001	ĐAMH1: chi tiết máy	1	30	Phan Tấn Tùng	(001259	5	7	3	PDAMH	CK12CD2		123 789012345678
A05	209001	ĐAMH1: chi tiết máy	1	17	Nguyễn Tấn Tiến	(001612	3	10	3	PDAMH	CK12CTM1		1234 78901234567
A06	209001	ĐAMH1: chi tiết máy	1	31	Phan Đình Huấn	(001262	3	7	3	PDAMH	CK12CTM1		1234 78901234567
A07	209001	ĐAMH1: chi tiết máy	1	28	Thân Trọng Khánh Đạt	(003494	2	10	3	PDAMH	CK12CTM2		1234 78901234567
A08	209001	ĐAMH1: chi tiết máy	1	30	Vũ Như Phan Thiện	(002893	2	7	3	PDAMH	CK12CTM2		1234 78901234567
A09	209001	ĐAMH1: chi tiết máy	1	31	Lê Khánh Điền	(001288	6	10	3	PDAMH	CK12CXN		123 789012345678
A10	209001	ĐAMH1: chi tiết máy	1	26	Huỳnh Công Lớn	(001953	5	4	3	PDAMH	CK12KTK		123 789012345678
A11	209001	ĐAMH1: chi tiết máy	1	31	Bùi Trọng Hiếu	(002581	5	1	3	PDAMH	CK12KTK		123 789012345678
A12	209001	ĐAMH1: chi tiết máy	1	30	Dương Đăng Danh	(009099	4	7	3	PDAMH	CK12NH		1234 78901234567
A13	209001	ĐAMH1: chi tiết máy	1	29	Nguyễn Hữu Lộc	(001677	4	10	3	PDAMH	CK12NH		1234 78901234567
A14	209001	ĐAMH1: chi tiết máy	1	29	Phạm Huy Hoàng	(001657	6	4	3	PDAMH	CK12NH		123 789012345678
A15	209001	ĐAMH1: chi tiết máy	1	9	Lưu Thanh Tùng	(002337	4	1	3	PDAMH	CK12TKM		1234 78901234567
A16	209001	ĐAMH1: chi tiết máy	1	37	Nguyễn Văn Thạnh	(002496	4	4	3	PDAMH	CK12VL		1234 78901234567
A17	209001	ĐAMH1: chi tiết máy	1	15	Thân Trọng Khánh Đạt	(003494	2	1	3	PDAMH6	GT12OTO1		1234 78901234567
A18	209001	ĐAMH1: chi tiết máy	1	28	Trần Thiên Phúc	(001520	6	1	3	PDAMH1	GT12OTO2		123 789012345678
A19	209001	ĐAMH1: chi tiết máy	1	23	Thân Trọng Khánh Đạt	(003494	4	4	3	PDAMH5	HLCK1		1234 78901234567
A20	209001	ĐAMH1: chi tiết máy	1	8	Nguyễn Văn Thạnh	(002496)					DAMH		1234 78901234567
TNC1	209001	ĐAMH1: chi tiết máy	1	21		(	3	1	3	PDAMH	CK12KSCD		1234 78901234567
TNC2	209001	ĐAMH1: chi tiết máy	1	24		(	2	4	3	PDAMH2	CK12KSTN		1234 78901234567
A01	209002	Q/trình Thiết Kế Kỹthuật	2	56	Nguyễn Thanh Nam	(001668	4	7	3	303C5	CK11KTK		1234 78901234567
A01	209004	Tối Ưu Hóa & Qhtn	2	74	Trần Đại Nguyên	(001766	4	10	3	403C4	CK11CD1 ...		1234 78901234567
A02	209004	Tối Ưu Hóa & Qhtn	2	74	Phạm Huy Hoàng	(001657	6	7	3	301C5	CK12CTM1 ...		123 789012345678
TNCK	209004	Tối Ưu Hóa & Qhtn	2	24	Phạm Huy Hoàng	(001657	2	10	3	204B9	CK11KSCD ...		1234 78901234567
A01	209005	Động lực học cơ hệ	2	59	Trần Thiên Phúc	(001520	6	10	3	301C5	CK11CD1 ...		123 789012345678
L01	209007	Vẽ cơ khí A	3	46	Phan Tấn Tùng	(001259	2	1	4	214H6	CK13NH1		1234 78901234567
L02	209007	Vẽ cơ khí A	3	44	Nguyễn Văn Thạnh	(002496	4	7	4	210H6	CK13NH2		1234 78901234567
A01	209009	Mô Hình Hóa Hình Học	2	71	Nguyễn Hữu Lộc	(001677	5	10	3	301C5	CK12CTM1 ...		123 789012345678
TNCK	209009	Mô Hình Hóa Hình Học	2	17	Nguyễn Hữu Lộc	(001677	3	1	3	203B9	CK12KSTN		1234 78901234567
A01	209012	KT tạo dáng công nghiệp	2	46	Dương Đăng Danh	(009099	4	10	3	303C5	CK11KTK		1234 78901234567
L01	209017	Nguyên lý máy	3	60	Vũ Như Phan Thiện	(002893	5	1	4	113H6	CK13CD1 ...		123 789012345678
L02	209017	Nguyên lý máy	3	74	Lê Khánh Điền	(001288	4	1	4	311H6	CK13CTM1 ...		1234 78901234567
L03	209017	Nguyên lý máy	3	80	Phạm Huy Hoàng	(001657	5	1	4	305H6	CK13CTM2 ...		123 789012345678
L04	209017	Nguyên lý máy	3	73	Phạm Huy Hoàng	(001657	5	7	4	310H6	CK13KTK ...		123 789012345678
L05	209017	Nguyên lý máy	3	80	Vũ Như Phan Thiện	(002893	3	1	4	114H6	CK13NH1 ...		1234 78901234567
L06	209017	Nguyên lý máy	3	75	Bùi Trọng Hiếu	(002581	6	1	4	113H6	CK13TKM ...		123 789012345678
L07	209017	Nguyên lý máy	3	82	Bùi Trọng Hiếu	(002581	2	1	4	406H2	GT13TAU1 ...		1234 78901234567
L08	209017	Nguyên lý máy	3	90	Bùi Trọng Hiếu	(002581	2	7	4	302H2	GT13OTO1 ...		1234 78901234567

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy	Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 12345678901234567890123456789012345
TNCK	209017	Nguyên lý máy	3	60	Bùi Trọng Hiếu	(002581	6	7	4	201B9	CK13KSCD ...		123 789012345678

A01	209020	ĐAMH tk hệ thống cơ khí	1	39			(	3	7	3	PDAMH2	CK11KTK		1234 78901234567
A02	209020	ĐAMH tk hệ thống cơ khí	1	8			(	3	10	3	PDAMH4	CK11KTK		1234 78901234567
L01	209021	Chi tiết máy	3	64	Trần Thiên	Phúc	(001520	4	7	4	205H6	CK13HT1 ...		1234 78901234567
L02	209021	Chi tiết máy	3	66	Nguyễn Văn	Thạnh	(002496	3	7	4	210H6	CK13HT2 ...		1234 78901234567
L03	209021	Chi tiết máy	3	69	Nguyễn Văn	Thạnh	(002496	2	3	4	112H6	CK13MAY ...		1234 78901234567
A01	209022	Dao động kỹ thuật	2	50	Nguyễn Tấn	Tiến	(001612	5	7	3	301C5	CK12CTM1 ...		123 789012345678
A02	209022	Dao động kỹ thuật	2	43	Phan Tấn	Tùng	(001259	3	7	3	403C4	CK12KTK		1234 78901234567
A01	209024	Phương pháp P/tử hữu hạn	2	65	Phan Đình	Huấn	(001262	6	1	3	403C5	CK11CD1 ...		123 789012345678
A02	209024	Phương pháp P/tử hữu hạn	2	71	Phan Đình	Huấn	(001262	4	10	3	301C5	CK12CTM1 ...		1234 78901234567
A03	209024	Phương pháp P/tử hữu hạn	2	72	Nguyễn Thanh	Trương	(002580	2	7	3	403C5	CK12KTK ...		1234 78901234567
A04	209024	Phương pháp P/tử hữu hạn	2	78	Phan Đình	Huấn	(001262	5	4	3	401C5	GT12OTO2 ...		123 789012345678
A05	209024	Phương pháp P/tử hữu hạn	2	80	Nguyễn Thanh	Trương	(002580	3	4	3	303C5	GT12OTO1 ...		1234 78901234567
TNCK	209024	Phương pháp P/tử hữu hạn	2	39	Phan Đình	Huấn	(001262	3	10	3	201B9	CK11KSCD ...		1234 78901234567
A01	209029	Kỹ thuật độ tin cậy	2	17	Nguyễn Hữu	Lộc	(001677	4	7	3	301C5	CK12CTM1 ...		1234 78901234567
L01	209037	Vẽ Cơ Khí	2	50	Phan Tấn	Tùng	(001259	2	7	4	402H2	CK13CD1		1234 7890123
L02	209037	Vẽ Cơ Khí	2	47	Lê Khánh	Điền	(001288	6	1	4	206H6	CK13CD2		123 78901234
L03	209037	Vẽ Cơ Khí	2	47	Nguyễn Văn	Thạnh	(002496	3	1	4	312H6	CK13CTM1		1234 7890123
L04	209037	Vẽ Cơ Khí	2	45	Trần Đại	Nguyên	(001766	4	1	4	213H6	CK13CTM2		1234 7890123
L05	209037	Vẽ Cơ Khí	2	32	Lê Hồng	Sơn	(000619	3	1	4	415H6	CK13CXN		1234 7890123
L06	209037	Vẽ Cơ Khí	2	42	Lê Khánh	Điền	(001288	4	7	4	212H6	CK13KTK		1234 7890123
L07	209037	Vẽ Cơ Khí	2	38	Nguyễn Văn	Thạnh	(002496	2	7	4	109H6	CK13TKM		1234 7890123
L08	209037	Vẽ Cơ Khí	2	46	Lê Khánh	Điền	(001288	3	7	4	109H6	CK13VL		1234 7890123
TNC1	209037	Vẽ Cơ Khí	2	30	Phan Tấn	Tùng	(001259	3	10	3	202B9	CK13KSCD		1234 78901234567
TNC2	209037	Vẽ Cơ Khí	2	29	Phan Tấn	Tùng	(001259	5	4	3	205B10	CK13KSTN		123 789012345678
A01	209057	Thực tập kỹ thuật	2	11				7	7	4	PMTCK	HLCK2		123 789012345678
								8	3	4	PMTCK			
A01	209302	Thực tập tốt nghiệp	3	4			( )					TTTNCK4		123 789012345678
A01	209303	Luận văn tốt nghiệp	10	2								LVTN		1234 78901234567
P01	209703	Phần tử dẫn hướng 1	1	18	Nguyễn Hữu	Lộc	(001677	3	10	3	202B10	VP11CDT		123 78
P01	209704	Phần tử dẫn hướng 2	1	18	Nguyễn Hữu	Lộc	(001677	3	10	3	202B10	VP11CDT		01234
P01	209705	Tính toán số các cấutrúc	3	51	Phan Đình	Huấn	(001262	6	10	3	203B10	VP11CDT ...		123 789012345678
A01	210006	Thiết bị trao đổi nhiệt	2	60	Võ Kiến	Quốc	(002501	2	4	3	401C6	CK12NH		1234 78901234567
A02	210006	Thiết bị trao đổi nhiệt	2	46	Võ Kiến	Quốc	(002501	5	10	3	402C6	CK12NH		123 789012345678

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 12345678901234567890123 45
A01	210007	Thiết bị điện	2	75	Bùi Ngọc	Hùng	(001651	2	1	3	401C6	CK12NH		1234 78901234567
A01	210008	Kỹ thuật cháy	2	59	Nguyễn Văn	Tuyên	(000894	3	4	3	401C5	CK12NH		1234 78901234567
A02	210008	Kỹ thuật cháy	2	36	Nguyễn Văn	Tuyên	(000894	2	10	3	302C4	CK12NH		1234 78901234567
A01	210009	Kỹ thuật lạnh	2	94	Lê Chí	Hiệp	(000999	3	1	3	401C5	CK12NH		1234 78901234567
A01	210011	Kỹ thuật sấy	2	61	Bùi Ngọc	Hùng	(001651	2	7	3	303C4	CK11NH		1234 78901234567
L01	210014	Nhiệt động lực học Kt	2	80	Nguyễn Minh	Phú	(002732	5	7	4	114H6	CK13CD1 ...		123 78901234
L02	210014	Nhiệt động lực học Kt	2	77	Nguyễn Thị Minh	Trinh	(002428	2	7	4	113H6	CK13CD2 ...		1234 7890123
L03	210014	Nhiệt động lực học Kt	2	75	Trần Văn	Hưng	(003346	5	1	4	114H6	CK13CTM1 ...		123 78901234
L04	210014	Nhiệt động lực học Kt	2	76	Hoàng Thị Nam	Hương	(002155	5	7	4	406H2	CK13CTM2 ...		123 78901234
L05	210014	Nhiệt động lực học Kt	2	80	Trần Văn	Hưng	(003346	4	7	4	305H6	CK13HT2 ...		1234 7890123
L06	210014	Nhiệt động lực học Kt	2	76	Hà Anh	Tùng	(001737	3	1	4	205H6	CK13KTK ...		1234 7890123
L07	210014	Nhiệt động lực học Kt	2	83	Hoàng Thị Nam	Hương	(002155	3	7	4	113H6	CK13NH1 ...		1234 7890123
L08	210014	Nhiệt động lực học Kt	2	72	Huỳnh Phước	Hiền	(003155	3	1	4	205H6	CK13TKM ...		1234 7890123
L09	210014	Nhiệt động lực học Kt	2	78	Nguyễn Minh	Phú	(002732	6	1	4	205H2	DC13KS		123 78901234
TNCK	210014	Nhiệt động lực học Kt	2	58	Nguyễn Minh	Phú	(002732	4	10	3	201B9	CK13KSCD ...		1234 78901234567

TT01	210014	Nhiệt động lực học Kt	2	35	Lê Chí Hiệp	(000999	4	10	3	205B3	CT12TIE1		789012345678901
TT02	210014	Nhiệt động lực học Kt	2	41	Lê Chí Hiệp	(000999	6	10	3	206B3	CT12TIE2 ...		789012345678901
A01	210015	Truyền nhiệt	2	82	Hoàng Thị Nam Hương	(002155	4	4	3	501B4	KU12CKT	1234	78901234567
L02	210015	Truyền nhiệt	2	74	Võ Kiến Quốc	(002501	6	7	4	210H6	GT13HK ...	123	78901234
L03	210015	Truyền nhiệt	2	63	Võ Kiến Quốc	(002501	6	1	4	212H6	GT13OTO2 ...	123	78901234
L04	210015	Truyền nhiệt	2	68	Huỳnh Phước Hiền	(003155	5	1	4	205H6	GT13TAU1 ...	123	78901234
A01	210028	TĐ hóa các qt nhiệt lạnh	2	60	Nguyễn Minh Phú	(002732	3	7	3	302C5	CK11NH	1234	78901234567
A01	210029	Đo lường nhiệt	2	50	Nguyễn Thị Minh Trinh	(002428	5	4	3	402C4	CK12NH	123	789012345678
A02	210029	Đo lường nhiệt	2	36	Nguyễn Thị Minh Trinh	(002428	3	10	3	302C4	CK12NH	1234	78901234567
A01	210033	ĐAMH lò hơi	1	15	Võ Kiến Quốc	(002501	5	1	3	PDAMH2	CK11NH	123	789012345678
A02	210033	ĐAMH lò hơi	1	20	Võ Kiến Quốc	(002501	5	4	3	PDAMH2	CK11NH	123	789012345678
A03	210033	ĐAMH lò hơi	1	18	Nguyễn Văn Tuyên	(000894	2	4	3	PDAMH	CK11NH	1234	78901234567
A04	210033	ĐAMH lò hơi	1	5	Nguyễn Văn Tuyên	(000894	2	1	3	PDAMH2	CK11NH	1234	78901234567
L01	210034	Truyền nhiệt &tb tdnhiệt	2	84	Võ Kiến Quốc	(002501	4	7	4	304H2	VL1301 ...	1234	7890123
L02	210034	Truyền nhiệt &tb tdnhiệt	2	123	Trần Văn Hưng	(003346	2	1	4	306H2	VL1304 ...	1234	7890123
A02	210039	Trung tâm nhiệt điện	2	69	Nguyễn Văn Tuyên	(000894	5	7	3	402C6	CK11NH	123	789012345678
A01	210040	Kinh tế năng lượng	2	13	Nguyễn Thị Minh Trinh	(002428	4	7	3	402C6	CK11NH	1234	78901234567
A01	210041	L/đặt,vận hành,sc Htlạnh	2	43	Bùi Ngọc Hùng	(001651	3	1	3	402C4	CK11NH	1234	78901234567
A01	210042	Điện Trong Kỹ Thuật Lạnh	2	55	Bùi Ngọc Hùng	(001651	3	10	3	403C6	CK11NH	1234	78901234567

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy	Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
A01	210302	Thực tập tốt nghiệp	3	0		( )					CK11NH	1234	78901234567
A01	210303	Luận văn tốt nghiệp	10	2							LVTN	1234	78901234567
L01	211008	Thựctập c/khí đạicương 1	2	57		(	4	8	5	XCK	KU13CKT1	1234	78901234
A01	211009	Thựctập c/khí đạicương 2	2	69		(	8	2	5	XCK	CK13KSCD ...	123	789012345
L02	211009	Thựctập c/khí đạicương 2	2	69		(	6	7	5	XCK	CK13CD1 ...	123	789012345
L03	211009	Thựctập c/khí đạicương 2	2	60		(	3	1	5	XCK	CK13CD2	1234	78901234
L04	211009	Thựctập c/khí đạicương 2	2	63		(	2	2	5	XCK	CK13CTM2 ...	1234	78901234
L05	211009	Thựctập c/khí đạicương 2	2	66		(	2	8	5	XCK	CK13CXN ...	1234	78901234
L06	211009	Thựctập c/khí đạicương 2	2	62		(	6	1	5	XCK	CK13KTK ...	123	789012345
L07	211009	Thựctập c/khí đạicương 2	2	50		(	4	2	5	XCK	CK13TKM ...	1234	78901234
A01	212032	Vật liệu học & xử lý	3	38			3	4	2	302B4	HLCK1	1234	78901234567
							6	2	2	403B4			
L02	212032	Vật liệu học & xử lý	3	49	Nguyễn Thanh Hải	(002483	3	1	4	402H2	CK13CD1	1234	78901234567
L03	212032	Vật liệu học & xử lý	3	48	Trương Văn Trường	(000784	6	7	4	206H6	CK13CD2	123	789012345678
L04	212032	Vật liệu học & xử lý	3	53	Nguyễn Ngọc Hà	(001364	4	7	4	312H6	CK13CTM1	1234	78901234567
L05	212032	Vật liệu học & xử lý	3	54	Nguyễn Hữu Tú	(000749	6	1	4	411H6	CK13CTM2	123	789012345678
L06	212032	Vật liệu học & xử lý	3	43	Nguyễn Thanh Hải	(002483	3	7	4	415H6	CK13CXN ...	1234	78901234567
L07	212032	Vật liệu học & xử lý	3	52	Lương Hồng Đức	(000813	5	1	4	212H6	CK13KTK	123	789012345678
L08	212032	Vật liệu học & xử lý	3	44	Nguyễn Thanh Hải	(002483	2	1	4	109H6	CK13VL ...	1234	78901234567
TNCK	212032	Vật liệu học & xử lý	3	57	Lương Hồng Đức	(000813	2	11	2	201B9	CK13KSTN ...	1234	78901234567
							4	8	2	201B9			
A01	213003	Cơ học bay 1	2	33	Nguyễn Thiện Tống	(000413	2	4	3	303C4	GT12HK	1234	78901234567
A01	213016	Nghiên cứu & thuyếttrình	1	41	Nguyễn Thiện Tống	(000413	2	8	2	404C4	GT11HK	1234	78901234567
A02	213016	Nghiên cứu & thuyếttrình	1	22	Võ Trọng Cang	(001435	2	9	2	402C5	GT11TAU1 ...	1234	78901234567
A01	213018	Thiết kế máy bay 2	2	29	Vũ Ngọc ánh	(003387	6	10	3	404C4	GT11HK	123	789012345678
A01	213020	Bảo trì máy bay 2	2	34	Lê Anh Huy	(009461	7	7	3	301C4	GT11HK	123	789012345678
A01	213022	Điện & điện tử máy bay	2	30	Lê Hoài Bảo	(009474	7	10	3	301C4	GT11HK	123	789012345678

KH	Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học
	A01	213028	Quản lý & điều hành hk	2	30	Bùi Kim	ánh	(009539	4	7	3	401C4	GT11HK		1234 78901234567
	A01	213031	KCHK4:Tối ưu hóa kết cấu	2	32	Lý Hùng	Anh	(003307	3	10	3	402B4	GT11HK		1234 78901234567
	A01	213033	Đồ họa vi tính & cad	2	27	Ngô Khánh	Hiếu	(002263	6	1	3	303C4	GT12HK		123 789012345678
	L01	213041	Khí động lực học 1	2	47	Lê Thị Hồng	Hiếu	(002748	4	1	4	306H6	GT13HK		1234 7890123
	A01	213042	Máy thủy khí	2	44	Trần Tiến	Anh	(001931	3	7	3	302C4	GT12TAU1 ...		1234 78901234567
	L02	213042	Máy thủy khí	2	42	Trần Tiến	Anh	(001931	2	7	4	306H6	GT13HK		1234 7890123

KH	Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
	A01	213044	Dao động cơ học	2	10	Lê Đình	Tuân	(001705	4	10	3	402C5	HLGT		1234 78901234567
	L01	213044	Dao động cơ học	2	45	Trần Văn	Tạo	(001996	3	7	4	310H6	GT13TAU1 ...		1234 7890123
	A01	213045	TN kỹ thuật hàng không 1	1	29	Vũ Ngọc	ánh	(003387	4	7	3	TNKTHK	GT12HK		1234 78901234567
	A01	213046	H/thống lực đẩy máy bay1	2	30				5	4	3	302C5	GT12HK		123 789012345678
	A01	213047	Kchk2:pt Kết cấu máy bay	2	29	Lý Hùng	Anh	(003307	5	1	3	302C5	GT12HK		123 789012345678
	A01	213048	Khí động lực học 3	2	42	Lê Thị Hồng	Hiếu	(002748	6	4	3	303C4	GT12HK		123 789012345678
	A01	213065	Thực tập kỹ thuật	2	30			( )					GT12HK		1234 78901234567
	A01	213066	Khí đàn hồi	2	34	Lê Thị Tuyết	Nhung	(003388	2	10	3	404C4	GT11HK		1234 78901234567
	A01	213302	Thực tập tốt nghiệp	3	3			( )					GT11HK		1234 78901234567
	A01	213303	Luận văn tốt nghiệp	10	0								LVTN		1234 78901234567
	P01	213700	Luận văn tốt nghiệp	10	8			( )					VP10HK		1234 78901234567
	P01	213714	Cơ học chất lỏng & udụng	2	76	Lê Thị Hồng	Hiếu	(002748	3	3	2	501C6	VP12CDT ...		1234 789012345
									4	**10**	**3**	**501C6**			**123**
	P01	213715	Tính đàn hồi khí độnghọc	2	16	Trần Tiến	Anh	(001931	4	3	2	202B10	VP11HK		1234 78901234567
	P01	213716	Động cơ & bộ dẫn tiến	2	16	Trần Tiến	Anh	(001931	6	8	2	206B10	VP11HK		123 789012345678
	P01	213717	Điện tử hàng không	2	16	Lê Hoài	Bảo	(009474	7	8	2	202B10	VP11HK		123 789012345678
	P01	213719	ĐAMH thiết kế kỹ thuật	3	32			( )					VP12HK		1234 78901234567
	P01	213750	Thực tập tốt nghiệp		6			( )					VP10HK		1234 78901234567
	P01	213751	Thực tập công nhân	2	16			( )					VP12HK		1234 78901234567
	P01	213752	Thực tập kỹ thuật	2	16			( )					VP11HK		1234 78901234567
	L01	214004	Kinh Tế Kỹ Thuật	2	47	Hồ Thị Phương	Dung	(003161	4	3	2	109H6	CK13HT1		1234 7890123
									6	**1**	**2**	**109H6**			**1 3 7 9 1 3 5**
	L02	214004	Kinh Tế Kỹ Thuật	2	50	Hồ Thị Phương	Dung	(003161	4	1	2	110H6	CK13HT2		1234 7890123
									6	**3**	**2**	**109H6**			**1 3 7 9 1 3 5**
	L01	214005	Quản Lý Sản Xuất	3	47	Lê Ngọc Quỳnh	Lam	(002199	3	7	4	110H6	CK13HT1		1234 78901234567
	L02	214005	Quản Lý Sản Xuất	3	47	Lê Ngọc Quỳnh	Lam	(002199	3	1	4	210H6	CK13HT2		1234 78901234567
	A01	214010	Đo Lường Ld & Tkế C/việc	2	38	Nguyễn Hữu	Phúc	(003312	5	1	3	401C6	CK12HT1		123 789012345678
	A02	214010	Đo Lường Ld & Tkế C/việc	2	40	Nguyễn Hữu	Phúc	(003312	2	4	3	404C4	CK12HT2		1234 78901234567

KH	Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
	A01	214016	Thực tập kỹ thuật	2	41	Đinh Bá Hùng	Anh	(003314	2	4	3	302C4	CK12HT1		1234 78901234567

A02	214016	Thực tập kỹ thuật	2	45	Đinh Bá Hùng	Anh	(003314	3	1	3	501C4	CK12HT2		1234 78901234567
A01	214019	Kiểm soát chất lượng	2	41	Nguyễn Như	Phong	(001523	2	1	3	302C4	CK12HT1		1234 78901234567
A02	214019	Kiểm soát chất lượng	2	44	Nguyễn Như	Phong	(001523	3	4	3	501C4	CK12HT2		1234 78901234567
A01	214020	Thiết kế sản phẩm&dịchvụ	2	40	Đặng Phi Vân	Hài	(003159	3	4	3	302C4	CK12HT1		1234 78901234567
A02	214020	Thiết kế sản phẩm&dịchvụ	2	42	Đặng Phi Vân	Hài	(003159	4	1	3	304C5	CK12HT2		1234 78901234567
A01	214021	Quảnlý dự án công nghiệp	2	33	Lê Phước	Khôi	(009008	4	10	3	303C4	CK11HT1		1234 78901234567
A02	214021	Quảnlý dự án công nghiệp	2	31	Lê Phước	Khôi	(009008	4	7	3	302C5	CK11HT2		1234 78901234567
A01	214022	ĐAMH quản lý dự án cn	1	26			(	3	7	3	PDAMH6	CK11HT1		1234 78901234567
A02	214022	ĐAMH quản lý dự án cn	1	32			(	6	7	3	PDAMH7	CK11HT2		123 789012345678
A01	214023	Quản Lý Bảo Trì C/nghiệp	2	35	Đinh Bá Hùng	Anh	(003314	4	1	3	401C6	CK12HT1		1234 78901234567
A02	214023	Quản Lý Bảo Trì C/nghiệp	2	44	Đinh Bá Hùng	Anh	(003314	4	4	3	501C6	CK12HT2		1234 78901234567
A01	214025	Mô Hìnhhóa & Mp Các Htcn	2	37	Đặng Phi Vân	Hài	(003159	3	1	3	302C4	CK12HT1		1234 78901234567
A02	214025	Mô Hìnhhóa & Mp Các Htcn	2	42	Hồ Thị Phương	Dung	(003161	2	1	3	404C4	CK12HT2		1234 78901234567
A01	214026	ĐAMH môhình hóa& môphỏng	1	35			(	6	1	3	PDAMH	CK12HT1		123 789012345678
A02	214026	ĐAMH môhình hóa& môphỏng	1	43			(	6	4	3	PDAMH3	CK12HT2		123 789012345678
A01	214042	Quản lý & đánh giá cn	2	29	Bùi Thị Kim	Dung	(001413	4	7	3	303C4	CK11HT1		1234 78901234567
A02	214042	Quản lý & đánh giá cn	2	33	Bùi Thị Kim	Dung	(001413	2	10	3	301C4	CK11HT2		1234 78901234567
L01	214050	Thực Tập Đại Cương	2	0			( )					CK13HT1		1234 78901234567
L02	214050	Thực Tập Đại Cương	2	0			( )					CK13HT2		1234 78901234567
L01	214103	Vận Trù Xác Định	2	46	Nguyễn Hữu	Phúc	(003312	4	1	2	109H6	CK13HT1		1234 789012345
								6	1	2	109H6			2 8 0 2 4 6
L02	214103	Vận Trù Xác Định	2	45	Nguyễn Hữu	Phúc	(003312	4	3	2	110H6	CK13HT2		1234 789012345
								6	3	2	109H6			2 8 0 2 4 6
A01	214105	ĐAMH đoluờng lđ&tk cviệc	1	36			(	4	4	3	PDAMHE	CK12HT1		1234 78901234567
A02	214105	ĐAMH đoluờng lđ&tk cviệc	1	42			(	6	1	3	PDAMH2	CK12HT2		123 789012345678
A01	214108	Hoạch định nguồn lực Sx	2	32	Nguyễn Như	Phong	(001523	5	7	3	304C5	CK11HT1		123 789012345678
A02	214108	Hoạch định nguồn lực Sx	2	34	Nguyễn Như	Phong	(001523	5	10	3	402C5	CK11HT2		123 789012345678
A01	214109	Kỹ Thuật Hậu Cần	2	35	Đỗ Ngọc	Hiền	(002559	5	10	3	304C5	CK11HT1		123 789012345678
A02	214109	Kỹ Thuật Hậu Cần	2	34	Đỗ Ngọc	Hiền	(002559	6	10	3	401C4	CK11HT2		123 789012345678
A01	214114	Hệ thống S/xuất tinh gọn	2	30	Đỗ Ngọc	Hiền	(002559	3	10	3	401C4	CK11HT1		1234 78901234567
A02	214114	Hệ thống S/xuất tinh gọn	2	31	Đỗ Ngọc	Hiền	(002559	4	10	3	302C5	CK11HT2		1234 78901234567
A01	214116	Tổ chức sx trong dệt may	2	19	Lê Song Thanh	Quỳnh	(003237	3	10	3	404C4	CK11INN ...		1234 789012345678
A02	214116	Tổ chức sx trong dệt may	2	41	Lê Song Thanh	Quỳnh	(003237	3	7	3	303C4	CK11MAY		1234 78901234567

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
A01	214302	Thực tập tốt nghiệp	3	2			( )					CK11HT1 ...		1234 78901234567
A01	214303	Luận văn tốt nghiệp	10	3								LVTN		1234 78901234567
P01	214702	Phân tích giátrị &clượng	1	40	Bùi Thị Kim	Dung	(001413	5	10	3	203B10	VP11CDT ...		123 78
L01	215001	Cơ Sở Khoa Học Vật Liệu	3	44	Nguyễn Bá	Tài	(002572	6	1	4	306H6	VL1301		123 789012345678
L02	215001	Cơ Sở Khoa Học Vật Liệu	3	36	Lê Văn	Thăng	(002316	4	7	4	306H6	VL1302		1234 78901234567
L03	215001	Cơ Sở Khoa Học Vật Liệu	3	44	Nguyễn Bá	Tài	(002572	2	1	4	306H6	VL1303		1234 78901234567
L04	215001	Cơ Sở Khoa Học Vật Liệu	3	34	Nguyễn Bá	Tài	(002572	3	7	4	306H6	VL1304		1234 78901234567
L05	215001	Cơ Sở Khoa Học Vật Liệu	3	38	Lê Văn	Thăng	(002316	4	1	4	413H6	VL1305		1234 78901234567
L02	215017	Hóa học polyme	2	76	La Thị Thái	Hà	(001751	6	7	4	310H6	VL12PO		123 78901234
L02	215018	Hóa lý polyme	2	62	Võ Hữu	Thảo	(001092	6	1	4	310H6	VL12PO		123 78901234
L02	215020	Kim loại học	2	60	Nguyễn Hữu	Tú	(000749	4	7	4	403H2	VL12KL		1234 7890123

L02	215024	Hóa Lý silicat	3	40	Huỳnh Ngọc	Minh	(002319	6	1	4	403H2	VL12SI		1234 789012345678
L03	215024	Hóa Lý silicat	3	33	Huỳnh Ngọc	Minh	(002319	6	7	4	305H2	VL12SI		1234 78901234567
L02	215025	QT cơ sở & tbị silicat 1	2	60	Nguyễn Khánh	Sơn	(003039	5	1	4	211H6	VL12SI		123 78901234
L03	215026	TN silicat đại cương	1	33	Nguyễn Khánh	Sơn	(003039	4	7	5	101H2	VL12SI		7890
								4	7	5	105C4			
L04	215026	TN silicat đại cương	1	26	Nguyễn Vũ Uyên	Nhi	(002998	5	7	5	101H2	VL12SI		7890
								5	7	5	105C4			
L03	215028	Thínghiệm hóa học polyme	2	38	Phan Quốc	Phú	(003410	5	3	4	102H2	VL12PO		123 78901
								5	7	4	102H2			
L04	215028	Thínghiệm hóa học polyme	2	31	Phan Quốc	Phú	(003410	2	3	4	102H2	VL12PO		123 78901
								2	7	4	102H2			
L02	215031	Công Nghệ Đúc	3	52	Nguyễn Ngọc	Hà	(001364	3	1	4	403H2	VL12KL		1234 78901234567
A01	215033	Cán, kéo và ép kim loại	2	39	Nguyễn Đăng	Khoa	(002980	3	1	3	402C5	VL11KL		1234 78901234567
A01	215034	ĐAMH cn đúc,nluyện &ckéo	1	41			( )					VL11KL		1234 78901234567
L02	215035	Lò silicat	2	63	Lê Minh	Sơn	(003040	3	7	4	414H6	VL12SI		123 78901234
A01	215038	TN silicat chuyên ngành	2	16	Kiều Đỗ Trung	Kiên	(003355	3	8	5	TNCNVL	VL11SI		1234 78901234
A02	215038	TN silicat chuyên ngành	2	32	Lê Minh	Sơn	(003040	3	2	5	TNCNVL	VL11SI		1234 78901234
A01	215039	ĐAMH lò silicat	1	30			(	6	1	3	PDAMHA	VL11SI		123 789012345678
A02	215039	ĐAMH lò silicat	1	16			(	6	4	3	PDAMH6	VL11SI		123 789012345678
A01	215040	Cnghệ các chất tạo màng	2	47	Nguyễn Đắc	Thành	(000533	4	1	3	401C5	VL11PO		1234 78901234567

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
A01	215041	Vật liệu composit	2	50	Cao Xuân	Việt	(003539	4	4	3	401C5	VL11PO		1234 78901234567
A01	215042	KThuật sx cellulose,giấy	2	50	Nguyễn Thị Lê	Thanh	(002315	5	1	2	403C5	VL11PO		123 789012345678
A01	215044	ĐAMH tk phânxưởng sx pol	1	27			( )					VL11PO		1234 78901234567
A02	215044	ĐAMH tk phânxưởng sx pol	1	19			( )					VL11PO		1234 78901234567
A01	215045	Trg tbị sx &xlý vl kloại	2	37	Lê Văn	Lữ	(001547	3	4	3	402C5	VL11KL		1234 78901234567
A01	215048	Công nghệ vật liệu mới	2	40	Trần Văn	Khải	(003508	5	1	3	402C5	VL11KL		123 789012345678
A01	215049	ĐAMH tk tbị sx &xlý vlkl	1	42			( )					VL11KL		1234 78901234567
A01	215102	Kthuật sx sphẩm th/tinh	2	45			(	5	10	3	403C4	VL11SI		123 789012345678
A01	215103	Kthuật sx vliệu chịu lửa	2	42	Kiều Đỗ Trung	Kiên	(003355	5	1	3	403C4	VL11SI		123 789012345678
A01	215105	ĐAMH qt cn sx vl silicat	1	26			( )					VL11SI		1234 78901234567
A02	215105	ĐAMH qt cn sx vl silicat	1	21			( )					VL11SI		1234 78901234567
A01	215106	Polyme shọc & pol. p/hủy	2	51	Huỳnh Đại	Phú	(001850	5	3	2	403C5	VL11PO		123 789012345678
A01	215110	Vật liệu xây dựng	2	38	Nguyễn Khánh	Sơn	(003039	4	1	3	301C5	VL11SI		1234 78901234567
A01	215114	Các Pp Ptích &đgiá Polym	2	47	La Thị Thái	Hà	(001751	5	5	2	403C5	VL11PO		123 789012345678
A01	215115	ĐAMH ctạo & tn vliệu pol	2	26			( )					VL11PO		1234 78901234567
A02	215115	ĐAMH ctạo & tn vliệu pol	2	20			( )					VL11PO		1234 78901234567
L02	215119	Hóa lý các qtr luyện kim	2	56	Nguyễn Duy	Thông	(000879	3	7	4	403H2	VL12KL		1234 7890123
A01	215122	Tái sinh kim loại	2	43	Huỳnh Công	Khanh	(001948	4	1	3	403C5	VL11KL		1234 78901234567
A01	215126	Tính chất & cn vật liệu	2	31	Nguyễn Khánh	Sơn	(003039	4	4	3	301C5	VL11SI		1234 78901234567

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy	Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
A01	215131	Cn Gach Op Lat,su Vs,gxd	2	28	Nguyễn Vũ Uyên Nhi	(002998	5	4	3	403C4	VL11SI	123	789012345678
L04	215133	Thực tập kỹ thuật	2	29		( )					VL12KL	1234	78901234567
L05	215133	Thực tập kỹ thuật	2	4		( )					VL12PO	1234	78901234567
L06	215133	Thực tập kỹ thuật	2	1		( )					VL12SI	1234	78901234567
L01	215146	Thực tập hướng nghiệp	2	34		(	5	1	6	312H6	VL1301		8901234
							5	7	6	402H2			
L02	215146	Thực tập hướng nghiệp	2	31		(	5	7	6	TTNT26	VL1302		8901234
							5	1	6	TTNT26			
L03	215146	Thực tập hướng nghiệp	2	35		(	5	1	6	TTNT27	VL1303		8901234
							5	7	6	TTNT27			
L04	215146	Thực tập hướng nghiệp	2	34		(	5	1	6	TTNT28	VL1304		8901234
							5	7	6	TTNT28			
L05	215146	Thực tập hướng nghiệp	2	35		(	5	1	6	TTNT29	VL1305		8901234
							5	7	6	TTNT29			
L05	215147	Đo Lường & Tự Động Hóa	2	57	Lưu Tuấn Anh	(002365	4	1	4	403H2	VL12KL	1234	7890123
L06	215147	Đo Lường & Tự Động Hóa	2	67	Lưu Tuấn Anh	(002365	4	7	4	310H6	VL12PO	1234	7890123
L07	215147	Đo Lường & Tự Động Hóa	2	70	Lưu Tuấn Anh	(002365	3	1	4	310H6	VL12SI	1234	7890123
A01	215302	Thực tập tốt nghiệp	3	3		( )					VL11PO	1234	78901234567
A01	215303	Luận văn tốt nghiệp	10	2							LVTN	1234	78901234567
P01	215720	Kỹ thuật vật liệu	2	80	Đặng Mậu Chiến	(001358	2	3	2	203B10	VP12CDT ...	1234	7890123456
							4	10	3	501C6			789
P01	215721	Lựa Chọn Vật Liệu (2b)	1	45	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	(003024	2	10	3	203B10	VP11CDT ...	1234	7
P01	215722	Các phương pháp gia công	1	45	Lưu Tuấn Anh	(002365	5	7	3	203B10	VP11CDT ...		01234
P01	215723	Tc vật liệu tiên tiến 2	1	28	Huỳnh Đại Phú	(001850	4	10	3	203B10	VP11CDT ...		01234
P01	215724	Hư hỏng & gãy vỡ của vl	2	11	Nguyễn Bá Tài	(002572	6	8	2	207B10	VP11VL	123	789012345678
P01	215725	Kỹ thuật phân tích hóalý	3	10	Nguyễn Thị Thu Vân	(000653	3	10	3	603C6	VP11VL	1234	78901234567
P01	215728	ĐAMH thiết kế kỹ thuật	3	1	Lưu Tuấn Anh	(002365)					HLVP	1234	789012345
P01	215740	Các PP P/T & đánh giá vl	2	10	Nguyễn Bá Tài	(002572	4	5	2	202B10	VP11VL	123	789012345678
P01	215742	Projet2:TH đ/tài ncứu KH	2	9	Lưu Tuấn Anh	(002365)					VP11VL	1234	78901234567
P01	215744	Hóa học chất rắn	2	10	Lê Văn Thăng	(002316	5	4	2	206B10	VP11VL	123	789012345678
P01	215752	Thực tập kỹ thuật	2	10		( )					VP11VL	1234	78901234567
A01	216004	Vẽ Kỹ Thuật Trong Cnvlkl	1	40	Lê Quốc Phong	(002450	5	4	3	402C5	VL11KL	123	789012345678
A01	216008	Tk Khuôn Với Sự Tgiúp Mt	2	40	Lê Quốc Phong	(002450	4	4	3	403C5	VL11KL	1234	78901234567
A01	216302	Thực tập tốt nghiệp	3	1		( )					VL11KL	1234	78901234567
A01	216303	Luận văn tốt nghiệp	10	5							LVTN	1234	78901234567
P01	216700	Luận văn tốt nghiệp	10	0								1234	78901234567
P01	216701	Thpt ctrúc &tcvlý của vl	2	11	Lê Lâm	(003425)					VP11VL	123	789012345678
P01	216750	Thực tập tốt nghiệp		0							TTTNVP	1234	78901234567

KH Nhóm MãMH Tên Môn Học Số T/C Sĩ Số Tên Cán Bộ Giảng Dạy Mã CBGD Thứ BĐầu SốTiết Phòng Lớp NHLT Tuần Học

A01	217302	Thực tập tốt nghiệp	3	0			( )					VL11SI	1234 78901234567
A01	217303	Luận văn tốt nghiệp	10	4								LVTN	1234 78901234567
A01	218001	Kỹ thuật Đ/khiển tự động	3	39	Phạm Công	Bằng	(001813	5	1	4	301C5	CK12CTM1	123 789012345678
A02	218001	Kỹ thuật Đ/khiển tự động	3	42	Trần Việt	Hồng	(002342	2	3	4	401C5	CK12CTM2	1234 78901234567
A03	218001	Kỹ thuật Đ/khiển tự động	3	36	Phùng Trí	Công	(002588	3	3	4	302C5	CK12CXN ...	1234 78901234567
A04	218001	Kỹ thuật Đ/khiển tự động	3	61	Lê Thanh	Hải	(003341	6	1	4	401C5	CK12KTK	123 789012345678
A05	218001	Kỹ thuật Đ/khiển tự động	3	42	Nguyễn Đàm	Tấn	(000916	6	9	4	302C4	CK12NH	123 789012345678
A06	218001	Kỹ thuật Đ/khiển tự động	3	33	Đoàn Thế	Thảo	(002094	4	1	4	301C4	CK12NH	1234 78901234567
A07	218001	Kỹ thuật Đ/khiển tự động	3	46	Nguyễn Quốc	Chí	(002338	2	9	4	302C5	CK12VL	1234 78901234567
TNCK	218001	Kỹ thuật Đ/khiển tự động	3	24	Phạm Công	Bằng	(001813	5	9	4	203B9	CK12KSTN	123 789012345678
A01	218002	Ttập điều khiển hệ thống	4	18	Võ Anh	Huy	(001987	3	4	3	PMTCK	CK11CD1	1234 78901234567
								5	7	3	PMTCK		
								2	7	3	PMTCK		
A02	218002	Ttập điều khiển hệ thống	4	26	Lê Thanh	Hải	(003341	3	1	3	PMTCK	CK11CD1	1234 78901234567
								5	10	3	PMTCK		
								2	10	3	PMTCK		
A03	218002	Ttập điều khiển hệ thống	4	25	Nguyễn Minh	Tuấn	(002344	4	4	3	PMTCK	CK11CD2	1234 78901234567
								6	4	3	PMTCK		
								3	10	3	PMTCK		
A04	218002	Ttập điều khiển hệ thống	4	26	Phùng Trí	Công	(002588	4	1	3	PMTCK	CK11CD2	1234 78901234567
								6	1	3	PMTCK		
								3	7	3	PMTCK		
A05	218002	Ttập điều khiển hệ thống	4	21	Lê Thanh	Hải	(003341	4	10	3	PMTCK	CK11KSCD	1234 78901234567
								6	10	3	PMTCK		
								5	4	3	PMTCK		
A01	218013	Tạo mẫu nhanh	2	71	Huỳnh Hữu	Nghị	(002446	2	1	3	403C6	HLCK1	1234 78901234567
TNCK	218013	Tạo mẫu nhanh	2	9	Đặng Văn	Nghìn	(000710	5	4	3	202B9	CK11KSTN	123 789012345678
A01	218023	Động Lực Học &điều Khiển	3	40	Nguyễn Tấn	Tiến	(001612	4	2	2	302C5	CK12CD1	1234 78901234567
								6	2	2	304C5		
A02	218023	Động Lực Học &điều Khiển	3	60	Võ Tường	Quân	(002335	2	2	2	604C6	CK12CD2	1234 78901234567
								4	4	2	304C5		
TNCK	218023	Động Lực Học &điều Khiển	3	20	Nguyễn Quốc	Chí	(002338	2	4	2	203B9	CK12KSCD	123 789012345678
								6	4	2	204B9		
A01	218024	Trang bị điện & điện tử	2	75	Nguyễn Duy	Anh	(003038	6	4	3	601C6	CK11INN ...	123 789012345678
A02	218024	Trang bị điện & điện tử	2	58	Lê Thanh	Hải	(003341	4	1	3	GDB2B	CK12CD2	1234 78901234567
TNCK	218024	Trang bị điện & điện tử	2	21	Trần Việt	Hồng	(002342	5	4	3	204B9	CK12KSCD	123 789012345678
A01	218025	TT trang bị điện,điện tử	2	9	Nguyễn Duy	Anh	(003038	3	9	4	TBMCDT	CK11CD1	1234 78901234567
A01	218027	ĐAMH tự động hóa sảnxuất	1	40								DAMH	1234 78901234567
A01	218028	ĐAMH tk hệ thống cơ đ/tử	1	26	Lê Thanh	Hải	(003341	4	4	3	PDAMH2	CK11CD1	1234 78901234567
A02	218028	ĐAMH tk hệ thống cơ đ/tử	1	26	Nguyễn Duy	Anh	(003038	4	1	3	PDAMH3	CK11CD1	1234 78901234567

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT Tuần Học 12345678901234567890123 45
A03	218028	ĐAMH tk hệ thống cơ đ/tử	1	26	Phùng Trí	Công	(002588	5	7	3	PDAMH2	CK11CD2	123 789012345678
A04	218028	ĐAMH tk hệ thống cơ đ/tử	1	19	Võ Tường	Quân	(002335	5	10	3	PDAMH2	CK11CD2	123 789012345678
TNCK	218028	ĐAMH tk hệ thống cơ đ/tử	1	19	Đoàn Thế	Thảo	(002094	4	7	3	PDAMH3	CK11KSCD	1234 78901234567
A01	218031	Tự động hóa sản xuất	3	64	Võ Anh	Huy	(001987	2	3	4	403C5	CK11KTK ...	1234 78901234567
A02	218031	Tự động hóa sản xuất	3	68	Nguyễn Minh	Tuấn	(002344	3	1	4	301C5	CK12CTM1 ...	1234 78901234567
A03	218031	Tự động hóa sản xuất	3	77	Lưu Thanh	Tùng	(002337	5	1	4	301C4	CK12CTM2 ...	123 789012345678
TNCK	218031	Tự động hóa sản xuất	3	25	Lưu Thanh	Tùng	(002337	6	3	4	203B9	CK12KSTN	123 789012345678
A01	218032	Hệ thống PLC	2	67	Nguyễn Minh	Tuấn	(002344	2	10	3	303C5	CK11KTK	1234 78901234567
A01	218033	Robot công nghiệp	2	38	Phùng Trí	Công	(002588	6	10	3	403C4	CK11KTK	123 789012345678
A01	218034	Cơ Điện Tử Trong Dệt May	2	67	Nguyễn Đàm	Tấn	(000916	2	4	3	303C5	CK12INN ...	1234 78901234567

A01	218037	N/môn thị giác máy tính	2	14	Đoàn Thế	Thảo	(002094	2	4	3	402C6	CK11CD1 ...		1234 78901234567
TNCK	218037	N/môn thị giác máy tính	2	18	Lê Thanh	Hải	(003341	2	4	3	202B9	CK11KSCD		1234 78901234567
A01	218302	Thực tập tốt nghiệp	3	0			( )					TTTNCK2		123 789012345678
TNCK	218302	Thực tập tốt nghiệp	3	0			( )					TTTNCK6		123 789012345678
A01	218303	Luận văn tốt nghiệp	10	19								LVTN		1234 78901234567
P01	218700	Luận văn tốt nghiệp	10	9			( )					VP10CDT		1234 78901234567
P01	218704	Các hệ điều khiển 1	1	34	Võ Tường	Quân	(002335	3	1	3	203B10	VP11CDT ...		1234 789
P01	218705	Các hệ điều khiển 2	2	20	Võ Tường	Quân	(002335	6	8	2	202B10	VP11CDT		123 789012345678
P01	218706	Bộ chấp hành thông minh	1	36	Nguyễn Tấn	Tiến	(001612	4	10	3	203B10	VP11CDT ...		123 78
P01	218708	ĐAMH thiết kế kỹ thuật	3	16	Phạm Công	Bằng	(001813)					VP12CDT		1234 78901234567
P01	218750	Thực tập tốt nghiệp		9			( )					VP10CDT		1234 78901234567
P01	218751	Thực tập công nhân	2	21	Dư Văn	Rê	(001590	8	7	5	XCK	VP12CDT		123 78901234
P01	218752	Thực tập kỹ thuật	2	4			( )					VP11CDT		1234 78901234567
C01	260603	Cơ kỹ thuật	3	55	Lương Quốc	Việt	(003419	2	3	2	601C6	BD14CN01		789012345678901
								4	1	2	302B1			
C02	260603	Cơ kỹ thuật	3	52	Lương Quốc	Việt	(003419	2	1	2	601C6	BD14CN02		789012345678901
								6	1	2	401C6			
C03	260603	Cơ kỹ thuật	3	54	Lương Quốc	Việt	(003419	4	3	2	605B4	BD14CN03		789012345678901
								6	4	2	403C6			
C04	260603	Cơ kỹ thuật	3	53	Nguyễn Thanh	Trương	(002580	4	1	2	605B4	BD14CN04		789012345678901
								2	2	2	502C6			

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
C01	260604	Kỹ thuật điện	2	52	Huỳnh Đức	Trí	(003418	6	1	3	604C6	BD14CN01		789012345678901
C02	260604	Kỹ thuật điện	2	59	Huỳnh Đức	Trí	(003418	4	4	3	601C6	BD14CN02		789012345678901
C03	260604	Kỹ thuật điện	2	57	Nguyễn Ngọc Phúc	Diễm	(001794	3	4	3	403C6	BD14CN03		789012345678901
C04	260604	Kỹ thuật điện	2	57	Nguyễn Ngọc Phúc	Diễm	(001794	2	4	3	502C6	BD14CN04		789012345678901
C01	260605	Sức bền vật liệu	2	52	Đặng Anh	Duy	(002278	6	4	3	604C6	BD14CN01		789012345678901
C02	260605	Sức bền vật liệu	2	50	Đặng Anh	Duy	(002278	4	1	3	601C6	BD14CN02		789012345678901
C03	260605	Sức bền vật liệu	2	61	Phạm Huy	Hoàng	(001657	6	1	3	403C6	BD14CN03		789012345678901
C04	260605	Sức bền vật liệu	2	57	Đặng Anh	Duy	(002278	3	4	3	402C6	BD14CN04		789012345678901
C01	260614	Tổ chức Qlý bảo dưỡng 2	2	45	Lê Thế	Truyền	(001971	3	10	3	402C6	BD13CN04 ...		1234 78901234567
C02	260614	Tổ chức Qlý bảo dưỡng 2	2	34	Nguyễn Thanh	Trương	(002580	2	10	3	605B4	BD13CN01 ...		1234 78901234567
C03	260614	Tổ chức Qlý bảo dưỡng 2	2	31	Lê Hoàng	Thiện	(002210	3	1	3	301B4	BD13CN02		1234 78901234567
C01	260615	Công nghệ hàn 1	2	41	Trần Ngọc	Dân	(000488	2	1	3	503C5	BD13CN04 ...		1234 789012
C02	260615	Công nghệ hàn 1	2	38	Nguyễn	Quang	(002419	3	7	3	401C6	BD13CN01 ...		1234 789012
C03	260615	Công nghệ hàn 1	2	31	Nguyễn	Quang	(002419	4	10	3	403C6	BD13CN02		1234 789012
C01	260616	Trang bị điện trong CN 2	2	42	Huỳnh Đức	Trí	(003418	3	1	3	403C6	BD13CN04 ...		1234 789012
C02	260616	Trang bị điện trong CN 2	2	43	Nguyễn Ngọc Phúc	Diễm	(001794	4	4	3	402C6	BD13CN01 ...		1234 789012
C03	260616	Trang bị điện trong CN 2	2	24	Nguyễn Ngọc Phúc	Diễm	(001794	2	1	3	303B4	BD13CN02		1234 789012
C01	260617	Công nghệ chế tạo máy	3	45	Trần Văn	Bình	(001408	2	7	3	502B4	BD13CN04 ...		1234 789012
C02	260617	Công nghệ chế tạo máy	3	43	Trương Công	Tiễn	(002591	3	1	3	401C6	BD13CN01 ...		1234 789012
C03	260617	Công nghệ chế tạo máy	3	35	Nguyễn	Quang	(002419	2	7	3	303B4	BD13CN02		1234 789012
C01	260618	Truyền động thủy lực 1	2	32	Lê Thế	Truyền	(001971	4	1	3	403C6	BD13CN04 ...		1234 789012
C02	260618	Truyền động thủy lực 1	2	36	Lê Hoàng	Thiện	(002210	2	7	3	605B4	BD13CN01 ...		1234 789012
C03	260618	Truyền động thủy lực 1	2	34	Trương Công	Tiễn	(002591	4	7	3	403C6	BD13CN02		1234 789012
C01	260619	Kỹ thuật điện tử	3	41	Lê Quang	Ngọc	(003032	3	7	3	402C6	BD13CN04 ...		1234 78901234567
C02	260619	Kỹ thuật điện tử	3	43	Lê Quang	Ngọc	(003032	4	1	3	402C6	BD13CN01 ...		1234 78901234567
C03	260619	Kỹ thuật điện tử	3	35	Lê Quang	Ngọc	(003032	2	10	3	303B4	BD13CN02		1234 78901234567

	C01	260620	Lập trình PLC	3	35	Đặng Anh Duy	(002278	2	10	3	502B4	BD13CN04 ...		1234 789012
	C02	260620	Lập trình PLC	3	14	Trương Công Tiễn	(002591	3	10	3	401C6	BD13CN01 ...		1234 789012
	C03	260620	Lập trình PLC	3	30	Nguyễn Thanh Trương	(002580	3	7	3	601C6	BD13CN02		1234 789012
	C01	260621	Công nghệ lạnh-điều hòa1	2	38	Trần Văn Thống	(001999	4	4	3	403C6	BD13CN04 ...		1234 7
	C02	260621	Công nghệ lạnh-điều hòa1	2	42	Trần Văn Thống	(001999	2	1	3	303B8	BD13CN01 ...		1234 7
	C03	260621	Công nghệ lạnh-điều hòa1	2	36	Trần Văn Thống	(001999	3	10	3	601C6	BD13CN02		1234 7
	C01	260622	Truyền động khí nén 2	1	18	Lê Hoàng Thiện	(002210	5	10	3	XKNUIT	BD13CN02		123 7890123
	C02	260622	Truyền động khí nén 2	1	19	Lê Hoàng Thiện	(002210	5	7	3	XKNUIT	BD13CN02		123 7890123
	C03	260622	Truyền động khí nén 2	1	25	Lê Hoàng Thiện	(002210	4	7	3	XKNUIT	BD13CN03		1234 789012
	C04	260622	Truyền động khí nén 2	1	16	Trần Văn Bình	(001408	4	10	3	XKNUIT	BD13CN04		1234 789012
	C05	260622	Truyền động khí nén 2	1	18	Trần Văn Bình	(001408	6	10	3	XKNUIT	BD13CN03 ...		123 7890123
	C06	260622	Truyền động khí nén 2	1	20	Trần Văn Bình	(001408	6	7	3	XKNUIT	BD13CN01 ...		123 7890123

KH	Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy	Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
*	C01	260644	Công nghệ chế tạo máy(bt		18	Trương Công Tiễn	(002591	5	1	3	XCKUIT	BD13CN02	C03-	7890123456
*	C02	260644	Công nghệ chế tạo máy(bt		17	Trương Công Tiễn	(002591	5	4	3	XCKUIT	BD13CN02	C03-	7890123456
*	C03	260644	Công nghệ chế tạo máy(bt		23	Nguyễn Quang	(002419	5	10	3	XCKUIT	BD13CN03	C02-	7890123456
*	C04	260644	Công nghệ chế tạo máy(bt		21	Nguyễn Quang	(002419	6	10	3	XCKUIT	BD13CN04	C01-	7890123456
*	C05	260644	Công nghệ chế tạo máy(bt		20	Trần Văn Bình	(001408	6	1	3	XCKUIT	BD13CN01 ...	C02-	7890123456
*	C06	260644	Công nghệ chế tạo máy(bt		24	Trần Văn Bình	(001408	6	4	3	XCKUIT	BD13CN01 ...	C01-	7890123456
*	C01	260645	Lập trình PLC (bt)		16	Trương Công Tiễn	(002591	5	7	3	PTNUIT	BD13CN02	C03-	123 789012345678
*	C02	260645	Lập trình PLC (bt)		14	Trương Công Tiễn	(002591	4	1	3	PTNUIT	BD13CN02	C03-	123 78901234567
*	C03	260645	Lập trình PLC (bt)		14	Nguyễn Thanh Trương	(002580	5	4	3	PTNUIT	BD13CN03	C02-	123 789012345678
*	C04	260645	Lập trình PLC (bt)		22	Nguyễn Thanh Trương	(002580	6	7	3	PTNUIT	BD13CN04	C01-	123 789012345678
*	C06	260645	Lập trình PLC (bt)		13	Đặng Anh Duy	(002278	4	7	3	PTNUIT	BD13CN01 ...	C01-	1234 78901234567
*	C01	260646	C/lạnh-điều hòa1 (bt)		18	Trần Văn Thống	(001999	6	10	3	XLAUIT	BD13CN02	C03-	7890123456
*	C02	260646	C/lạnh-điều hòa1 (bt)		18	Trần Văn Thống	(001999	6	7	3	XLAUIT	BD13CN02	C03-	7890123456
*	C03	260646	C/lạnh-điều hòa1 (bt)		21	Trần Văn Thống	(001999	6	4	3	XLAUIT	BD13CN03	C02-	7890123456
*	C04	260646	C/lạnh-điều hòa1 (bt)		22	Trần Văn Thống	(001999	6	1	3	XLAUIT	BD13CN04	C01-	7890123456
*	C05	260646	C/lạnh-điều hòa1 (bt)		21	Trần Văn Thống	(001999	5	4	3	XLAUIT	BD13CN01 ...	C02-	7890123456
*	C06	260646	C/lạnh-điều hòa1 (bt)		16	Trần Văn Thống	(001999	5	1	3	XLAUIT	BD13CN01 ...	C01-	7890123456
*	C01	260647	Công nghệ hàn 1 (bt)		18	Nguyễn Quang	(002419	6	4	3	XHAUIT	BD13CN02	C03-	7890123456
*	C02	260647	Công nghệ hàn 1 (bt)		13	Nguyễn Quang	(002419	6	1	3	XHAUIT	BD13CN02	C03-	7890123456
*	C03	260647	Công nghệ hàn 1 (bt)		24	Nguyễn Quang	(002419	7	7	3	XHAUIT	BD13CN03	C02-	7890123456
*	C04	260647	Công nghệ hàn 1 (bt)		21	Nguyễn Quang	(002419	7	10	3	XHAUIT	BD13CN04	C01-	7890123456
*	C05	260647	Công nghệ hàn 1 (bt)		14	Nguyễn Quang	(002419	5	1	3	XHAUIT	BD13CN01 ...	C02-	7890123456
*	C06	260647	Công nghệ hàn 1 (bt)		20	Nguyễn Quang	(002419	5	4	3	XHAUIT	BD13CN04 ...	C01-	7890123456
*	C01	260649	Truyền động thủy lực1(bt		16	Trương Công Tiễn	(002591	6	7	3	XTLUIT	BD13CN02	C03-	7890123456
*	C02	260649	Truyền động thủy lực1(bt		18	Trương Công Tiễn	(002591	6	10	3	XTLUIT	BD13CN02	C03-	7890123456
*	C03	260649	Truyền động thủy lực1(bt		18	Lương Quốc Việt	(003419	4	10	3	XTLUIT	BD13CN03	C02-	7890123456
*	C04	260649	Truyền động thủy lực1(bt		15	Lương Quốc Việt	(003419	7	7	3	XTLUIT	BD13CN04	C01-	7890123456
*	C05	260649	Truyền động thủy lực1(bt		18	Lê Hoàng Thiện	(002210	6	4	3	XTLUIT	BD13CN01 ...	C02-	7890123456
*	C06	260649	Truyền động thủy lực1(bt		17	Lê Thế Truyền	(001971	6	1	3	XTLUIT	BD13CN01 ...	C01-	7890123456
*	C01	260651	Kỹ thuật điện tử (bt)		18	Lê Quang Ngọc	(003032	5	4	3	XDTUIT	BD13CN02	C03-	7890123456
*	C02	260651	Kỹ thuật điện tử (bt)		17	Lê Quang Ngọc	(003032	5	1	3	XDTUIT	BD13CN02	C03-	7890123456
*	C03	260651	Kỹ thuật điện tử (bt)		24	Lê Quang Ngọc	(003032	6	1	3	XDTUIT	BD13CN03	C02-	7890123456
*	C04	260651	Kỹ thuật điện tử (bt)		20	Phan Xuân Trung	(002003	6	4	3	XDTUIT	BD13CN04	C01-	7890123456
*	C05	260651	Kỹ thuật điện tử (bt)		19	Phan Xuân Trung	(002003	6	7	3	XDTUIT	BD13CN01 ...	C02-	7890123456
*	C06	260651	Kỹ thuật điện tử (bt)		21	Phan Xuân Trung	(002003	6	10	3	XDTUIT	BD13CN01 ...	C01-	7890123456
*	C01	260652	Tr/bị điện trong CN 2(bt		15	Nguyễn Ngọc Phúc Diễm	(001794	6	1	3	XDDUIT	BD13CN02	C03-	7890123456
*	C02	260652	Tr/bị điện trong CN 2(bt		9	Nguyễn Ngọc Phúc Diễm	(001794	6	4	3	XDDUIT	BD13CN02	C03-	7890123456
*	C03	260652	Tr/bị điện trong CN 2(bt		25	Nguyễn Ngọc Phúc Diễm	(001794	5	1	3	XDDUIT	BD13CN03	C02-	7890123456
*	C04	260652	Tr/bị điện trong CN 2(bt		20	Huỳnh Đức Trí	(003418	5	4	3	XDDUIT	BD13CN04	C01-	7890123456
*	C05	260652	Tr/bị điện trong CN 2(bt		18	Huỳnh Đức Trí	(003418	5	7	3	XDDUIT	BD13CN01 ...	C02-	7890123456
*	C06	260652	Tr/bị điện trong CN 2(bt		22	Huỳnh Đức Trí	(003418	4	10	3	XDDUIT	BD13CN01 ...	C01-	7890123456

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
C01	260661	Thực tập tốt nghiệp	3	106			(	5	1	6	TTTNC2	BD12CN01 ...		1234 78901234567
								4	1	6	TTTNC2			
								6	1	6	TTTNC2			
								2	1	6	TTTNC2			
								4	7	6	TTTNC2			
								6	7	6	TTTNC2			
								5	7	6	TTTNC2			
								3	1	6	TTTNC2			
								2	7	6	TTTNC2			
								3	7	6	TTTNC2			
C01	260663	Tiểu luận tốt nghiệp	5	0			( )					BD12CN01		1234 78901234567
C02	260663	Tiểu luận tốt nghiệp	5	1			( )					BD12CN02		1234 78901234567
C03	260663	Tiểu luận tốt nghiệp	5	0			( )					BD12CN03		1234 78901234567
A01	300001	Địa thống kê	2	25	Thái Bá	Ngọc	(003026	4	4	3	303B8	DC12DK		1234 78901234567
A02	300001	Địa thống kê	2	61	Tạ Quốc	Dũng	(001858	6	1	3	204B8	DC12KK		123 789012345678
A03	300001	Địa thống kê	2	37	Kiều Lê Thủy	Chung	(002272	5	1	3	204B8	DC12KS ...		123 789012345678
A04	300001	Địa thống kê	2	61	Kiều Lê Thủy	Chung	(002272	3	4	3	203B8	DC12KT		1234 78901234567
A01	300003	Địa vật lý giếng khoan	2	48	Trần Vĩnh	Tuân	(009172	5	4	3	203B8	DC12KK		123 789012345678
A01	300005	Tin học ứng dụng	2	34	Phùng Đại	Khánh	(002999	5	4	3	303B8	DC12DK		123 789012345678
A02	300005	Tin học ứng dụng	2	49	Phùng Đại	Khánh	(002999	4	1	3	204B8	DC12KK		1234 78901234567
A03	300005	Tin học ứng dụng	2	27	Phùng Đại	Khánh	(002999	6	4	3	303B8	DC12KS ...		123 789012345678
A04	300005	Tin học ứng dụng	2	27	Phùng Đại	Khánh	(002999	3	1	3	203B8	DC12KT		1234 78901234567
A01	300006	Kỹ thuật an toàn laođộng	2	28	Thái Võ	Trang	(009246	3	10	3	304B8	DC11DK		1234 78901234567
A02	300006	Kỹ thuật an toàn laođộng	2	49	Thái Võ	Trang	(009246	4	7	3	204B8	DC11KK		1234 78901234567
A03	300006	Kỹ thuật an toàn laođộng	2	41	Thái Võ	Trang	(009246	5	10	3	303B8	DC11KS ...		123 789012345678
A04	300006	Kỹ thuật an toàn laođộng	2	49	Thái Võ	Trang	(009246	6	7	3	303B8	DC11KT		123 789012345678
A01	300007	Nguyên lý phá hủy đất đá	2	50	Vũ Văn	ái	(001076	5	1	3	203B8	DC12KK		123 789012345678
QT01	300009	Công nghệ khai thác dkhí	3	9	Tạ Quốc	Dũng	(001858	5	3	4	202A4B	CT13ADLE		123 789012345678
A01	300011	Mô phỏng vỉa dầu khí	2	46	Mai Cao	Lân	(001714	5	7	3	201B8	DC11KK		123 789012345678
A01	300014	ĐAMH dầu khí	1	47			( )					DC11KK		1234 78901234567
A01	300019	PT hệ thống khai thác dk	2	56	Mai Cao	Lân	(001714	2	7	3	101B8	DC11KK		1234 78901234567
A01	300031	Hoàn thiện giếng	2	47	Đỗ Quang	Khánh	(001859	4	10	3	201B8	DC11KK		1234 78901234567
A01	300048	Cơ sở thủy địa cơ học	2	23	Đào Hồng	Hải	(003145	5	1	3	303B8	DC12DK		123 789012345678
A02	300048	Cơ sở thủy địa cơ học	2	49	Đào Hồng	Hải	(003145	6	4	3	204B8	DC12KK		123 789012345678
A03	300048	Cơ sở thủy địa cơ học	2	48	Nguyễn Việt	Kỳ	(000782	3	1	3	101B8	DC12KS ...		1234 78901234567
A04	300048	Cơ sở thủy địa cơ học	2	33	Nguyễn Việt	Kỳ	(000782	4	4	3	203B8	DC12KT		1234 78901234567

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
A01	300062	Công nghệ xử lý khí	2	45	Hoàng Trọng	Quang	(001993	2	10	3	204B8	DC11KK		1234 78901234567
A01	300066	Thực hành - tn xưởng	1	48			( )					DC11KK		1234 78901234567
A01	300302	Thực tập tốt nghiệp	3	18			( )					DC11KK		1234 78901234567
A01	300303	Luận văn tốt nghiệp	10	2								LVTN		1234 78901234567
L01	301002	Thực tập địa chất cơ sở	1	140	Trần Anh	Tú	(002366)					DC13DK		
L02	301002	Thực tập địa chất cơ sở	1	2	Trần Anh	Tú	(002366)					DC13KK		
L03	301002	Thực tập địa chất cơ sở	1	0	Trần Anh	Tú	(002366)					DC13KS		
L04	301002	Thực tập địa chất cơ sở	1	1	Trần Anh	Tú	(002366)					DC13KT		
L05	301002	Thực tập địa chất cơ sở	1	3	Trần Anh	Tú	(002366)					DC13MT		

A01	301003	Kinh tế & N/liệu Khoáng	2	74	Nguyễn	Sơn	(009524	2	4	3	203B8	DC12DK	...	1234 78901234567
A01	301004	TT đc k/trúc& đo vẽ bđđc	1	78	Bùi Trọng	Vinh	(001921)					DC12KS		1234 78901234567
A02	301004	TT đc k/trúc& đo vẽ bđđc	1	0	Bùi Trọng	Vinh	(001921)					DC12KT		1234 78901234567
A03	301004	TT đc k/trúc& đo vẽ bđđc	1	0	Bùi Trọng	Vinh	(001921)					DC12MT		1234 78901234567
A01	301008	Địa tin học	2	20	Nguyễn Huỳnh	Thông	(003548	3	10	3	204B8	DC11MT		1234 78901234567
A02	301008	Địa tin học	2	15	Nguyễn Huỳnh	Thông	(003548	4	10	3	303B8	DC11KS		1234 78901234567
A01	301010	Thực tập địa kiến tạo	1	36			(	5	1	6	TTNT24	TTTNDC		2
								3	1	6	TTNT24			
								6	1	6	TTNT24			
								4	1	6	TTNT24			
								2	1	6	TTNT24			
								4	7	6	TTNT24			
								2	7	6	TTNT24			
								5	7	6	TTNT24			
								3	7	6	TTNT24			
								6	7	6	TTNT24			
A01	301011	Ks T/dò tính trữ lượngKS	2	16	Nguyễn Văn	Mài	(009319	3	10	3	303B8	DC11KS		1234 78901234567
A01	301013	Tai biến địa động lực	2	18	Lê Thanh	Phong	(002924	6	7	3	204B8	DC11MT		123 789012345678
A01	301015	ĐAMH lập đề án ks-thămdò	1	14	Trần Anh	Tú	(002366	2	7	3	PDAMH7	DC11KS		1234 78901234567
A01	301020	ĐAMH thạch luận	1	6								DAMH		1234 78901234567
A01	301021	Đánh giá t/động m/trường	2	17	Đặng Thương	Huyền	(003249	2	7	3	303B8	DC11MT		1234 78901234567
A01	301023	ĐAMH đánh gía tácđộng mt	1	3	Đặng Thương	Huyền	(003249)					DC11MT		1234 78901234567
A01	301026	ĐAMH kt cải tạo mt đchất	1	16								DAMH		1234 78901234567

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
QT01	301044	Tinh thể khoáng vật Thọc	3	9	Hoàng Thị Hồng	Hạnh	(001029	3	7	4	415A4	CT13ADLE		1234 78901234567
QT01	301045	TT t/thể k/vật thạch học	1	10	Đồng Uyên	Thanh	(002673	4	1	3	108B8	CT13ADLE		1234 789012
A01	301066	B/vệ m/trường trong cnd	2	25	Bùi Trọng	Vinh	(001921	6	10	3	204B8	DC11MT		123 789012345678
A01	301071	Khoáng sàng công nghiệp	2	17	Võ Việt	Văn	(000961	3	7	3	303B8	DC11KS		1234 78901234567
L01	301072	TT tinh thể khoáng vật	1	19	Hồ Nguyễn Trí	Mẫn	(003504	3	1	3	108B8	DC13KS		1234 7
L02	301072	TT tinh thể khoáng vật	1	14	Hồ Nguyễn Trí	Mẫn	(003504	3	10	3	108B8	DC13KT		1234 7
L03	301072	TT tinh thể khoáng vật	1	19	Hồ Nguyễn Trí	Mẫn	(003504	3	7	3	108B8	DC13MT	...	1234 7
L04	301072	TT tinh thể khoáng vật	1	21	Hồ Nguyễn Trí	Mẫn	(003504	3	4	3	108B8	DC13MT		1234 7
L01	301074	Tinh thể - khoáng vật	2	30	Hồ Nguyễn Trí	Mẫn	(003504	5	3	2	205H2	DC13KS	...	123 789012345678
L02	301074	Tinh thể - khoáng vật	2	44	Hồ Nguyễn Trí	Mẫn	(003504	5	1	2	205H2	DC13MT	...	123 789012345678
A01	301076	Quản trị môi trường	3	21	Trần Anh	Tú	(002366	5	8	2	303B8	DC11MT		1234 78901234567
								2	10	2	303B8			
A01	301104	Đ/Chất ct-đc thủy văn mỏ	2	18	Nguyễn Việt	Kỳ	(000782	5	7	3	101B8	DC11KS	...	123 789012345678
A01	301302	Thực tập tốt nghiệp	3	13			( )					DC11MT		1234 78901234567
A01	301303	Luận văn tốt nghiệp	10	0								LVTN		1234 78901234567
QT01	302001	Địa vật lý đại cương	3	9	Nguyễn Xuân	Khá	(002749	5	9	4	202A4B	CT13ADLE		123 789012345678
A01	302005	Địa chất khai thác dkhí	2	39	Ngô Thường	San	(002538	4	4	3	101B8	DC11DK		1234 78901234567
A01	302010	Địa vật lý ứng dụng	3	37	Nguyễn Xuân	Khá	(002749	6	4	2	101B8	DC12DK		1234 78901234567
								4	2	2	303B8			

KH	Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học
	A01	302013	Mô hình hóa mỏ dầu khí	2	39	Thái Bá	Ngọc	(003026	6	7	3	203B8	DC11DK		123 789012345678
	A01	302018	Phân tích thu via	3	41	Trương Quốc	Thanh	(003564	3	8	2	304B8	DC11DK		1234 78901234567
									6	10	2	203B8			
	A01	302026	Đánh giá trữ lượng D/khí	2	38	Trần Văn	Xuân	(001394	4	1	3	101B8	DC11DK		1234 78901234567
	A01	302302	Thực tập tốt nghiệp	3	3			( )					DC11DK		1234 78901234567
	A01	302303	Luận văn tốt nghiệp	10	1								LVTN		1234 78901234567
	A01	303002	Địa kỹ thuật 1	3	27	Phan Thị San	Hà	(001393	6	1	3	101B8	DC12DK		123 789012345678
	A02	303002	Địa kỹ thuật 1	3	50	Kiều Lê Thủy	Chung	(002272	4	4	3	204B8	DC12KK		1234 78901234567
	A03	303002	Địa kỹ thuật 1	3	41	Tô Viết	Nam	(002295	5	4	3	204B8	DC12KS ...		123 789012345678
	A04	303002	Địa kỹ thuật 1	3	52	Võ Đại	Nhật	(002969	3	10	3	203B8	DC12KT		1234 78901234567

KH	Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
	A01	303004	Địa kiến tạo	2	39	Nguyễn Xuân	Huy	(002548	2	10	3	201B8	DC11KS ...		1234 78901234567
	A01	303005	Thủy đc các mỏ dầu khí	2	22	Nguyễn Xuân	Huy	(002548	5	10	3	201B8	DC11DK		123 789012345678
	A01	303010	Địa kỹ thuật 2	2	43	Đào Hồng	Hải	(003145	6	10	3	303B8	DC11KT		123 789012345678
	A01	303011	Ổn định công trình	2	39	Đậu Văn	Ngọ	(001559	4	7	3	101B8	DC11KT		1234 78901234567
	A01	303013	Dc Ctrình Dc Thvăn K.vực	2	38	Nguyễn Việt	Kỳ	(000782	4	10	3	101B8	DC11KT		1234 78901234567
	A01	303016	ĐAMH địa kỹ thuật 2	1	27	Võ Thanh	Long	(003385	3	10	3	PDAMHD	DC11KT		1234 78901234567
	A02	303016	ĐAMH địa kỹ thuật 2	1	14	Đào Hồng	Hải	(003145	3	7	3	PDAMHD	DC11KT		1234 78901234567
	A01	303019	Sự cố nền móng	2	42	Võ Thanh	Long	(003385	5	10	3	204B8	DC11KT		123 789012345678
	A01	303023	Địa chất động lực Ctrình	2	37	Phạm Minh	Tuấn	(003254	2	10	3	203B8	DC11KT		1234 78901234567
	A01	303039	Thí nghiệm địa kỹ thuật	1	18	Tô Viết	Nam	(002295	6	10	3	PTNDKT	DC12DK		123 789012345678
	A02	303039	Thí nghiệm địa kỹ thuật	1	19	Tô Viết	Nam	(002295	6	7	3	PTNDKT	DC12DK		123 789012345678
	A03	303039	Thí nghiệm địa kỹ thuật	1	20	Đào Hồng	Hải	(003145	2	10	3	PTNDKT	DC12KK		1234 78901234567
	A04	303039	Thí nghiệm địa kỹ thuật	1	17	Đào Hồng	Hải	(003145	2	7	3	PTNDKT	DC12KK		1234 78901234567
	A05	303039	Thí nghiệm địa kỹ thuật	1	18	Phạm Minh	Tuấn	(003254	3	10	3	PTNDKT	DC12KS ...		1234 78901234567
	A06	303039	Thí nghiệm địa kỹ thuật	1	20	Võ Thanh	Long	(003385	5	4	3	PTNDKT	DC12KT		123 789012345678
	A07	303039	Thí nghiệm địa kỹ thuật	1	18	Võ Thanh	Long	(003385	5	1	3	PTNDKT	DC12KT		123 789012345678
	A08	303039	Thí nghiệm địa kỹ thuật	1	21	Phạm Minh	Tuấn	(003254	4	10	3	PTNDKT	DC12MT		1234 78901234567
	A01	303040	Địa chất thủy văn	2	42	Phạm Minh	Tuấn	(003254	4	4	3	304B8	DC12KS ...		1234 78901234567
	A02	303040	Địa chất thủy văn	2	38	Đào Hồng	Hải	(003145	6	1	3	203B8	DC12KT		123 789012345678
	A01	303042	Các Ph/pháp gia cố đất	2	40	Tô Viết	Nam	(002295	2	7	3	203B8	DC11KT		1234 78901234567
	A01	303302	Thực tập tốt nghiệp	3	3			( )					DC11KT		1234 78901234567
	A01	303303	Luận văn tốt nghiệp	10	4								LVTN		1234 78901234567
	A01	305302	Thực tập tốt nghiệp	3	4			( )					DC11KS		1234 78901234567
	A01	305303	Luận văn tốt nghiệp	10	1								LVTN		1234 78901234567
	A01	400009	ĐAMH điện năng 2	1	32			( )					DD11KTD1		1234 78901234567
	A02	400009	ĐAMH điện năng 2	1	31			( )					DD11KTD2		1234 78901234567
	A03	400009	ĐAMH điện năng 2	1	31			( )					DD11KTD3		1234 78901234567
	A04	400009	ĐAMH điện năng 2	1	31			( )					DD11KTD4		1234 78901234567
	A05	400009	ĐAMH điện năng 2	1	22			( )					DD11KTD5		1234 78901234567
	A01	400016	ĐAMH điện 1	1	11								DAMH		1234 78901234567
	A01	400302	Thực tập tốt nghiệp	3	8			( )					DD11KTD1		1234 78901234567
	A02	400302	Thực tập tốt nghiệp	3	1			( )					DD11KTD2		1234 78901234567
	A03	400302	Thực tập tốt nghiệp	3	1			( )					DD11KTD3		1234 78901234567

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
A04	400302	Thực tập tốt nghiệp	3	1			( )					DD11KTD4		1234 78901234567
A05	400302	Thực tập tốt nghiệp	3	1			( )					DD11KTD5		1234 78901234567
A01	400303	Luận văn tốt nghiệp	10	14								LVTN		1234 78901234567
A01	400304	Thực tập kỹ thuật (KTD)	1	147			( )					TTTNDD1		2
TT01	400400	Engineering Lectur		2	Trần Công	Tôn	(009312	2	7	3	506A4	CT14TIE2		123 789012345678
TT01	400401	Intro To Elec&CompuEngrg	4	4	Lê Chí	Thông	(001692	5	7	4	202A4A	CT14TIE2		123 789012345678
TT01	400409	Capstone Project 2	1	38								CT12TIE1		789012345678901
TT02	400409	Capstone Project 2	1	30								CT12TIE2		789012345678901
TT01	400410	Techniq For Engineer Dec	3	47	Phan Thị Thanh	Bình	(001403	4	4	3	205B3	CT11TTVT ...		123456789012345
TT01	400433	Senior Design ProjectLab	8	5								CT11TTVT ...		123456789012345
A01	401001	Điện tử công suất	3	39	Phan Quốc	Dũng	(001767	2	5	2	214B1	DD12KTD1 ...		1234 78901234567
								4	3	2	215B1			
A02	401001	Điện tử công suất	3	46	Tô Hữu	Phúc	(001387	2	3	2	309B1	DD12KTD2 ...		1234 78901234567
								4	1	2	309B1			
A03	401001	Điện tử công suất	3	65	Nguyễn Văn	Nhờ	(001671	3	3	2	313B1	DD12KTD4 ...		1234 78901234567
								5	5	2	313B1			
TNDD	401001	Điện tử công suất	3	17	Lê Minh	Phương	(002573	3	5	2	201B2	DD12KSKT		1234 78901234567
								5	3	2	207B1			
A01	401002	Điện Tử C/nghiệp & Udụng	2	45	Trần Thanh	Vũ	(008146	4	4	3	313B1	DD11KTD1 ...		1234 78901234567
A01	401003	Ktthop &dk Bộ B/đổi Csbd	2	22	Nguyễn Đình	Tuyên	(002583	4	10	3	315B1	DD11KTD1 ...		1234 78901234567
A01	401004	Cc Điện Cho Xncn & Ctdd	2	78	Dương Lan	Hương	(001280	5	4	3	309B1	DD11KTD1 ...		123 789012345678
A01	401005	T/kiệm năng lượng cn &dd	2	9	Nguyễn Thị Hoàng	Liên	(001951	2	10	3	309B1	DD11KTD1 ...		1234 78901234567
A01	401025	Kỹ thuật điện lạnh	2	70	Nguyễn Văn	Tài	(000366	2	7	3	309B1	DD11KTD1 ...		1234 78901234567
A01	401026	An toàn điện	2	48	Nguyễn Thị Hoàng	Liên	(001951	3	3	2	214B1	DD12KTD1 ...		1234 78901234567
A02	401026	An toàn điện	2	58	Phan Thị Thu	Vân	(001256	3	1	2	309B1	DD12KTD3 ...		1234 78901234567
A03	401026	An toàn điện	2	81	Hồ Thanh	Phương	(003172	3	5	2	313B1	DD12KTD4 ...		1234 78901234567
A01	401043	TN điện tử công suất	1	20	Nguyễn Bảo	Anh	(003315	3	1	3	112B1	HLDD2		1234 78901234567
TT01	401403	Power Electronics Lab	2	20	Nguyễn Minh	Huy	(003386	2	1	3	PTNDCN	CT11TIEN		2345678901
P01	401706	Sự phân phối điện năng	1	17	Phan Thị Thanh	Bình	(001403	3	1	3	202B10	VP11NL		123 78
P01	401707	Các bộ biến đổi tĩnh	1	34	Phan Quốc	Dũng	(001767	3	10	3	206B10	VP11NL ...		012345

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
P01	401708	Lắp đặt điện	1	17	Phan Thị Thanh	Bình	(001403	3	1	3	202B10	VP11NL		01234
A01	402001	Kỹ thuật điện tử C	3	100	Tống Văn	On	(000632	4	3	4	305B4	HLDD1		1234 78901234567
L01	402001	Kỹ thuật điện tử C	3	104	Lê Thị Kim	Anh	(001980	2	1	4	113H6	CK13CD1 ...		1234 78901234567
L02	402001	Kỹ thuật điện tử C	3	104	Trần Tấn	Phúc	(002185	3	7	4	114H6	CK13CTM1 ...		1234 78901234567
L03	402001	Kỹ thuật điện tử C	3	103	Lê Thị Kim	Anh	(001980	4	1	4	205H6	CK13KTK ...		1234 78901234567
L04	402001	Kỹ thuật điện tử C	3	94	Nguyễn Ngọc	Quyền	(001648	2	7	4	114H6	CK13NH1 ...		1234 78901234567
L05	402001	Kỹ thuật điện tử C	3	78	Trần Hoàng	Quân	(003197	6	7	4	113H6	CK13TKM ...		123 789012345678
TNCK	402001	Kỹ thuật điện tử C	3	61	Phan Võ Kim	Anh	(002976	5	9	4	201B9	CK13KSCD ...		123 789012345678
A01	402003	TN dụng cụ bán dẫn	1	30	Huỳnh Văn	Thịnh	(002500	3	10	3	209B3	DD13KSKT ...		1234 78901234567
A02	402003	TN dụng cụ bán dẫn	1	30	Nguyễn Minh	Hiếu	(003588	4	7	3	209B3	DD13KSTD		1234 78901234567

Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học
A03	402003	TN dụng cụ bán dẫn	1	30	Huỳnh Văn	Thịnh	(002500	5	7	3	209B3	DD13KSVT		123 789012345678
A21	402003	TN dụng cụ bán dẫn	1	29	Nguyễn Minh	Hiếu	(003588	7	7	3	209B3	DD13BK01		123 78901234567
A22	402003	TN dụng cụ bán dẫn	1	23	Nguyễn Minh	Hiếu	(003588	7	10	3	209B3	DD13BK02		123 78901234567
L04	402003	TN dụng cụ bán dẫn	1	22	Nguyễn Minh	Hiếu	(003588	4	4	3	209B3	DD13LT01		1234 789012
L05	402003	TN dụng cụ bán dẫn	1	29	Trần Văn	Thạch	(003586	6	7	3	209B3	DD13LT02 ...		123 7890123
L06	402003	TN dụng cụ bán dẫn	1	21	Nguyễn Minh	Hiếu	(003588	4	10	3	209B3	DD13LT11 ...		1234 789012
L07	402003	TN dụng cụ bán dẫn	1	28	Huỳnh Văn	Thịnh	(002500	5	4	3	209B3	DD13LT03		123 7890123
L08	402003	TN dụng cụ bán dẫn	1	27	Nguyễn Huỳnh	Hạc	(001577	4	1	3	209B3	DD13LT12 ...		1234 789012
L09	402003	TN dụng cụ bán dẫn	1	27	Trần Văn	Thạch	(003586	6	10	3	209B3	DD13LT04 ...		123 7890123
L10	402003	TN dụng cụ bán dẫn	1	20	Nguyễn Huỳnh	Hạc	(001577	2	1	3	209B3	DD13LT05 ...		1234 789012
L11	402003	TN dụng cụ bán dẫn	1	23	Trần Văn	Thạch	(003586	6	4	3	209B3	DD13LT05		123 7890123
L12	402003	TN dụng cụ bán dẫn	1	26	Vũ Quang	Thời	(002078	2	7	3	209B3	DD13LT06		1234 789012
L13	402003	TN dụng cụ bán dẫn	1	20	Nguyễn Huỳnh	Hạc	(001577	6	1	3	209B3	DD13LT07 ...		123 7890123
L14	402003	TN dụng cụ bán dẫn	1	28	Vũ Quang	Thời	(002078	2	10	3	209B3	DD13LT08 ...		1234 789012
L15	402003	TN dụng cụ bán dẫn	1	26	Huỳnh Văn	Thịnh	(002500	3	4	3	209B3	DD13LT09 ...		1234 789012
L16	402003	TN dụng cụ bán dẫn	1	30	Huỳnh Văn	Thịnh	(002500	3	7	3	209B3	DD13LT10 ...		1234 789012
L17	402003	TN dụng cụ bán dẫn	1	20	Huỳnh Văn	Thịnh	(002500	3	1	3	209B3	DD13LT10		1234 789012
L18	402003	TN dụng cụ bán dẫn	1	25	Vũ Quang	Thời	(002078	2	4	3	209B3	DD13LT13 ...		1234 789012
L19	402003	TN dụng cụ bán dẫn	1	26	Huỳnh Văn	Thịnh	(002500	5	1	3	209B3	DD13LT14 ...		123 7890123
L20	402003	TN dụng cụ bán dẫn	1	27	Huỳnh Văn	Thịnh	(002500	5	10	3	209B3	DD13LT14		123 7890123
A01	402005	Xử lý T/hiệu số với Fpga	2	70	Hồ Trung	Mỹ	(001484	6	1	3	314B1	DD11DV1 ...		123 789012345678
A01	402008	Thiết kế vi mạch số	2	36	Tống Văn	On	(000632	6	4	3	314B1	DD11DV1 ...		123 789012345678
A01	402013	Thiết kế hệ thống nhúng	2	37	Trương Quang	Vinh	(001900	2	1	3	314B1	DD11DV1 ...		1234 78901234567
A01	402015	Lập trình nhúng	2	54	Bùi Quốc	Bảo	(002493	2	4	3	314B1	DD11DV1 ...		1234 78901234567
A01	402022	Kỹ thuật số nâng cao	3	35	Trần Hoàng	Quân	(003197	4	1	4	502B4	DD11DV1 ...		1234 78901234567
L01	402024	Kỹ thuật điện tử	2	110	Võ Tấn	Thông	(001669	2	1	4	211H6	CK13HT1 ...		1234 7890123
L02	402024	Kỹ thuật điện tử	2	89	Trần Hoàng	Quân	(003197	5	7	4	205H2	DC13DK ...		123 78901234
L03	402024	Kỹ thuật điện tử	2	111	Lê Thị Kim	Anh	(001980	6	7	4	305H6	DC13KT ...		123 78901234
L04	402024	Kỹ thuật điện tử	2	99	Nguyễn Ngọc	Quyền	(001648	4	1	4	412H6	KU13VLY1 ...		1234 7890123

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
A06	402030	Vi xử lý	3	99	Nguyễn Ngọc	Quyền	(001648	6	3	4	305B1	DD13BK01 ...		123 789012345678
AU	402030	Vi xử lý	3	11	Dương Hoài	Nghĩa	(001189	6	3	4	302B4	DD13AU		123 789012345678
L01	402030	Vi xử lý	3	54	Nguyễn Ngọc	Quyền	(001648	2	1	4	205H6	DD13LT01 ...		1234 78901234567
L02	402030	Vi xử lý	3	78	Nguyễn Trọng	Luật	(001701	3	7	4	205H6	DD13LT03 ...		1234 78901234567
L03	402030	Vi xử lý	3	84	Lê Chí	Thông	(001692	4	1	4	114H6	DD13LT04 ...		1234 78901234567
L04	402030	Vi xử lý	3	108	Nguyễn Trọng	Luật	(001701	6	7	4	211H6	DD13LT09 ...		123 789012345678
L05	402030	Vi xử lý	3	103	Nguyễn Trọng	Luật	(001701	5	7	4	205H6	DD13LT07 ...		123 789012345678
TNDD	402030	Vi xử lý	3	84	Bùi Quốc	Bảo	(002493	5	1	4	208B1	DD13KSKT ...		123 789012345678
A01	402033	Kỹ thuật xung	2	87	Lưu	Phú	(001498	5	10	3	202B1	HLDD1		123 789012345678
A01	402035	Quang điện tử	2	84	Hồ Trung	Mỹ	(001484	3	4	3	314B1	DD11DV1 ...		1234 78901234567
A01	402037	Cấu trúc máy tính	2	41	Tống Văn	On	(000632	3	1	3	314B1	DD11DV1 ...		1234 78901234567
L01	402109	Kỹ thuật số - vi xử lý	2	99	Nguyễn Trọng	Luật	(001701	4	7	4	113H6	GT13HK ...		1234 7890123
L02	402109	Kỹ thuật số - vi xử lý	2	117	Võ Tấn	Thông	(001669	4	1	4	211H6	GT13OTO1 ...		1234 7890123
A01	402113	Thí nghiệm kỹ thuật số	1	30	Trần Văn	Hoàng	(003414	3	7	3	202B3	DD13KSKT ...		1234 78901234
A02	402113	Thí nghiệm kỹ thuật số	1	30	Trần Văn	Thạch	(003586	4	10	3	202B3	DD13KSTD		1234 78901234
A03	402113	Thí nghiệm kỹ thuật số	1	30	Nguyễn Hữu	Phi	(003571	5	10	3	202B3	DD13KSVT		123 789012345
A21	402113	Thí nghiệm kỹ thuật số	1	28	Nguyễn Hữu	Phi	(003571	7	10	3	202B3	DD13BK01		123 78901234567
A22	402113	Thí nghiệm kỹ thuật số	1	26	Nguyễn Hữu	Phi	(003571	7	7	3	202B3	DD13BK02		123 78901234567
L05	402113	Thí nghiệm kỹ thuật số	1	30	Nguyễn Hữu	Phi	(003571	6	10	3	202B3	DD13LT02 ...		123 789012345
L06	402113	Thí nghiệm kỹ thuật số	1	26	Trần Văn	Thạch	(003586	4	7	3	202B3	DD13LT11 ...		1234 78901234
L07	402113	Thí nghiệm kỹ thuật số	1	23	Nguyễn Huỳnh	Hạc	(001577	5	1	3	202B3	DD13LT03		123 789012345
L08	402113	Thí nghiệm kỹ thuật số	1	30	Võ Thị Thu	Hồng	(001886	4	4	3	202B3	DD13LT12 ...		1234 78901234
L09	402113	Thí nghiệm kỹ thuật số	1	22	Nguyễn Hữu	Phi	(003571	6	7	3	202B3	DD13LT04 ...		123 789012345
L10	402113	Thí nghiệm kỹ thuật số	1	26	Trần Văn	Thạch	(003586	2	7	3	202B3	DD13LT05 ...		1234 78901234
L11	402113	Thí nghiệm kỹ thuật số	1	28	Võ Thị Thu	Hồng	(001886	6	1	3	202B3	DD13LT05		123 789012345

L12	402113	Thí nghiệm kỹ thuật số	1	23	Trần Văn	Thạch	(003586	2	10	3	202B3	DD13LT06		1234 78901234
L13	402113	Thí nghiệm kỹ thuật số	1	21	Võ Thị Thu	Hồng	(001886	6	4	3	202B3	DD13LT07 ...		123 789012345
L14	402113	Thí nghiệm kỹ thuật số	1	29	Võ Thị Thu	Hồng	(001886	2	4	3	202B3	DD13LT08 ...		1234 78901234
L15	402113	Thí nghiệm kỹ thuật số	1	28	Nguyễn Huỳnh	Hạc	(001577	3	1	3	202B3	DD13LT09 ...		1234 78901234
L16	402113	Thí nghiệm kỹ thuật số	1	30	Trần Văn	Hoàng	(003414	3	10	3	202B3	DD13LT10 ...		1234 78901234
L17	402113	Thí nghiệm kỹ thuật số	1	26	Trần Văn	Hoàng	(003414	3	4	3	202B3	DD13LT10		1234 78901234
L18	402113	Thí nghiệm kỹ thuật số	1	24	Võ Thị Thu	Hồng	(001886	2	1	3	202B3	DD13LT13 ...		1234 78901234
L19	402113	Thí nghiệm kỹ thuật số	1	25	Trần Tấn	Phúc	(002185	5	4	3	202B3	DD13LT14 ...		123 789012345
L20	402113	Thí nghiệm kỹ thuật số	1	28	Trần Tấn	Phúc	(002185	5	7	3	202B3	DD13LT14		123 789012345
A01	402114	Thí nghiệm vi xử lý	1	30	Phạm Đăng	Lâm	(003492	8	1	3	202B3	HLDD2		123 78901234567
A02	402114	Thí nghiệm vi xử lý	1	13	Phạm Đăng	Lâm	(003492	8	4	3	202B3	HLDD3		123 78901234567
A01	402115	Điện tử ứng dụng	2	84	Lưu	Phú	(001498	5	4	3	315B1	DD11DV1 ...		123 789012345678
TT01	402401	Solid State Elec Devic	3	16	Hồ Trung	Mỹ	(001484	5	1	3	203A4	CT13TIE1		789012345678901
TT01	402404	Digital Systems Laboraty	2	17	Trần Văn	Hoàng	(003414	4	4	3	203B3	CT13TIE1		789012345678901

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học
														1234567890123456789012345
P01	402703	Đtử học các mạch logic	3	27	Bùi Quốc	Bảo	(002493	6	10	3	603C6	VP12NL ...		123 7890123456
								4	10	3	501C6			34567
P01	402705	Điện tử	3	45	Tống Văn	On	(000632	3	9	4	502C6	VP2013/1		1234 78901234567
P02	402705	Điện tử	3	43	Tống Văn	On	(000632	5	3	4	502C6	VP2013/2		123 789012345678
P01	402706	Tiến hành thực nghiệm	2	17			( )					VP11NL		1234 78901234567
P02	402706	Tiến hành thực nghiệm	2	19			( )					VP11VT		1234 78901234567
P01	402708	ĐAMH thiết kế kỹ thuật	3	10			( )					VP12NL		1234 78901234567
P02	402708	ĐAMH thiết kế kỹ thuật	3	15			( )					VP12VT		1234 78901234567
P01	402709	Thiết kế hệ thống nhúng	3	35	Trương Quang	Vinh	(001900	5	10	3	202B10	VP11NL ...		123 7890123456
								6	1	3	206B10			90123
A01	403001	Giải tích hệ thống điện	3	47	Phạm Đình Anh	Khôi	(002326	3	1	2	214B1	DD12KTD1 ...		1234 78901234567
								5	1	3	309B1			
A02	403001	Giải tích hệ thống điện	3	50	Huỳnh Quốc	Việt	(002845	6	7	3	210B1	DD12KTD2 ...		1234 78901234567
								3	3	2	309B1			
A03	403001	Giải tích hệ thống điện	3	60	Phạm Thị Minh	Thái	(002327	2	4	3	313B1	DD12KTD4 ...		1234 78901234567
								6	4	2	309B1			
TNDD	403001	Giải tích hệ thống điện	3	17	Nguyễn Văn	Liêm	(001486	6	2	2	204B9	DD12KSKT		1234 78901234567
								4	10	3	207B1			
A01	403005	Các Nguồn N/lượng & Nmd	2	52	Trần Hoàng	Lĩnh	(001487	6	1	3	309B1	DD11KTD1 ...		123 789012345678
A01	403007	Tích Trữ Năng Lượng Htd	2	26	Lê	Kỳ	(003340	4	8	2	315B1	DD11KTD1 ...		1234 78901234567
TT01	403402	Power Systems Analysis	3	20	Nguyễn Văn	Liêm	(001486	5	4	3	206B3	CT11TIEN		123456789012345
TT01	403409	Electrical Power Sys Lab	2	20	Nguyễn Hoàng Minh	Tuấn	(002979	2	4	3	PTNHTD	CT11TIEN		2345678901
P01	403700	Luận văn tốt nghiệp	10	2			( )					VP10NL		1234 78901234567
P01	403705	Năng lượng tái tạo	1	35	Huỳnh Quang	Minh	(002490	5	7	3	202B10	VP11NL ...		01234
P01	403750	Thực tập tốt nghiệp		5			( )					VP10NL		1234 78901234567
P01	403751	Thực tập công nhân	2	9			( )					VP12NL		1234 78901234567
P01	403752	Thực tập kỹ thuật	2	20			( )					VP11NL		1234 78901234567
A06	404001	Tín hiệu & hệ thống	3	89	Trần Quang	Việt	(002494	2	3	2	GDB2B	DD13BK01 ...		1234 78901234567
								4	5	2	212B1			
L01	404001	Tín hiệu & hệ thống	3	45	Huỳnh Thái	Hoàng	(001874	3	1	4	206H2	DD13LT01 ...		1234 78901234567
L02	404001	Tín hiệu & hệ thống	3	56	Nguyễn Phước Bảo	Duy	(003173	2	1	4	403H2	DD13LT03 ...		1234 78901234567
L03	404001	Tín hiệu & hệ thống	3	44	Trần Thanh	Mai	(001846	5	7	4	401H2	DD13LT04 ...		123 789012345678

L04	404001	Tín hiệu & hệ thống	3	37	Hoàng Minh Trí	(001595	3	7	4	301H2	DD13LT07 ...		1234 78901234567
L05	404001	Tín hiệu & hệ thống	3	51	Trần Quang Việt	(002494	6	1	4	301H2	DD13LT08 ...		123 789012345678

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy	Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
L06	404001	Tín hiệu & hệ thống	3	56	Hoàng Minh Trí	(001595	3	1	4	211H6	DD13LT11 ...		1234 78901234567
L07	404001	Tín hiệu & hệ thống	3	64	Hoàng Minh Trí	(001595	5	7	4	306H6	DD13LT06 ...		1234 78901234567
L08	404001	Tín hiệu & hệ thống	3	44	Trần Quang Việt	(002494	3	7	4	404H1	DD13LT12 ...		1234 78901234567
L09	404001	Tín hiệu & hệ thống	3	46	Nguyễn Phước Bảo Duy	(003173	6	1	4	205H6	DD13LT10 ...		1234 78901234567
TNDD	404001	Tín hiệu & hệ thống	3	84	Trần Quang Việt	(002494	2	5	2	208B1	DD13KSKT ...		1234 78901234567
							4	3	2	208B1			
A01	404002	Đo điện tử	2	43	Ngô Văn Ky	(000367	3	1	3	210B1	DD12DV1 ...		1234 78901234567
A02	404002	Đo điện tử	2	66	Đỗ Quốc Tuấn	(001697	5	4	3	215B1	DD12DV3 ...		123 789012345678
A03	404002	Đo điện tử	2	33	Đỗ Quốc Tuấn	(001697	6	1	3	215B1	DD12DV5 ...		123 789012345678
A04	404002	Đo điện tử	2	49	Đỗ Quốc Tuấn	(001697	4	4	3	214B1	DD12DV7 ...		1234 78901234567
A01	404009	Thí nghiệm mạch điện	1	60	Nguyễn Phước Bảo Duy	(003173	3	4	3	102B3	DD13KSKT ...		1234 7890123456
A02	404009	Thí nghiệm mạch điện	1	47	Nguyễn Phước Bảo Duy	(003173	3	1	3	102B3	DD13KSVT ...		1234 7890123456
A12	404009	Thí nghiệm mạch điện	1	52	Nguyễn Thanh Phương	(003356	5	1	3	102B3	DD13BK01 ...		123 7890123456
L03	404009	Thí nghiệm mạch điện	1	55	Đỗ Quốc Tuấn	(001697	6	4	3	102B3	DD13LT01 ...		123 7890123
L04	404009	Thí nghiệm mạch điện	1	32	Nguyễn Phước Bảo Duy	(003173	4	4	3	102B3	DD13LT11 ...		1234 789012
L05	404009	Thí nghiệm mạch điện	1	51	Nguyễn Phước Bảo Duy	(003173	4	7	3	102B3	DD13LT03 ...		1234 789012
L06	404009	Thí nghiệm mạch điện	1	42	Nguyễn Thanh Phương	(003356	2	10	3	102B3	DD13LT05 ...		1234 789012
L07	404009	Thí nghiệm mạch điện	1	43	Nguyễn Phước Bảo Duy	(003173	6	7	3	102B3	DD13LT06 ...		123 7890123
L08	404009	Thí nghiệm mạch điện	1	52	Nguyễn Phước Bảo Duy	(003173	3	7	3	102B3	DD13LT08 ...		1234 789012
L09	404009	Thí nghiệm mạch điện	1	46	Nguyễn Thanh Phương	(003356	2	4	3	102B3	DD13LT10 ...		1234 789012
L10	404009	Thí nghiệm mạch điện	1	53	Nguyễn Thanh Phương	(003356	2	7	3	102B3	DD13LT13 ...		1234 789012
L11	404009	Thí nghiệm mạch điện	1	36	Nguyễn Phước Bảo Duy	(003173	4	10	3	102B3	DD13LT14		1234 789012
A01	404019	Đo lường công nghiệp	2	60	Lê Ngọc Đình	(000521	4	7	3	309B1	DD12TD1 ...		1234 78901234567
A02	404019	Đo lường công nghiệp	2	53	Lê Ngọc Đình	(000521	6	10	3	214B1	DD12TD3 ...		123 789012345678
A03	404019	Đo lường công nghiệp	2	36	Lê Ngọc Đình	(000521	4	4	3	301B4	DD12TD4		1234 78901234567
TNDD	404019	Đo lường công nghiệp	2	21	Nguyễn Đức Hoàng	(002759	5	1	3	201B2	DD12KSTD		123 789012345678
A01	404026	Thí nghiệm đo điện tử	1	30	Ngô Văn Ky	(000367	3	10	3	102B3	HLDD2		1234 78
A02	404026	Thí nghiệm đo điện tử	1	21	Ngô Văn Ky	(000367	2	1	3	102B3	HLDD3		1234 78
L01	404029	Mạch điện C (vlkt)	2	57	Lê Minh Cường	(001655	5	7	4	305H2	KU13VLY1		123 78901234
L02	404029	Mạch điện C (vlkt)	2	54	Lê Minh Cường	(001655	5	1	4	213H6	KU13VLY2		123 78901234
TT01	404401	Intro Electromagn Fields	3	18	Phạm Quang Thái	(003354	4	1	3	203A4	CT13TIE1		789012345678901
TT01	404403	Electronics Circuits Lab	1	15	Nguyễn Phước Bảo Duy	(003173	5	4	3	102B3	CT13TIE1		7890123456
P01	404708	Các hệ thời gian thực 2	1	20	Ngô Khánh Hiếu	(002263	3	10	3	203B10	VP11HK		01234
P01	404709	Điện - điện động học	4	53	Nguyễn Thanh Nam	(001601	4	1	3	501C6	VP2013/1		123 789012345678
							5	11	2	501C6			
P02	404709	Điện - điện động học	4	51	Nguyễn Thanh Nam	(001601	5	9	2	502C6	VP2013/2		123 789012345678
							6	4	3	603C6			
P01	404710	Biến đổi t/hiệu số&ứdụng	2	71	Trần Thanh Mai	(001846	2	5	2	203B10	VP12CDT ...		1234 78901234567

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy	Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
P01	404711	Bdiễn &xlý t/hiệu nnhiên	3	37	Dương Hoài Nghĩa	(001189	2	1	3	202B10	VP11NL ...		1234 789012345
							6	1	3	206B10			123 78
P01	404712	Các tính chất phổ	2	34	Dương Hoài Nghĩa	(001189	4	11	2	202B10	VP11NL ...		1234 78901234567
A07	405001	Mạch điện tử	3	84	Đặng Ngọc Hạnh	(002978	4	3	2	212B1	DD13BK01 ...		1234 78901234567
							2	5	2	GDB2B			
AU	405001	Mạch điện tử	3	10	Chế Viết Nhật Anh	(003389	2	5	2	302B4	DD13AU		1234 78901234567
							4	3	2	401B4			
L01	405001	Mạch điện tử	3	53	Trịnh Xuân Dũng	(002807	3	7	4	302H2	DD13LT01 ...		1234 78901234567

KH	Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học
	L02	405001	Mạch điện tử	3	80	Nguyễn Thanh	Tuấn	(002330	6	7	4	302H2	DD13LT03 ...		123 789012345678
	L03	405001	Mạch điện tử	3	80	Đinh Quốc	Hùng	(002551	4	7	4	302H2	DD13LT04 ...		1234 78901234567
	L04	405001	Mạch điện tử	3	40	Đặng Nguyên	Châu	(003260	5	1	4	401H2	DD13LT06 ...		123 789012345678
	L05	405001	Mạch điện tử	3	51	Đặng Nguyên	Châu	(003260	5	7	4	302H2	DD13LT09 ...		123 789012345678
	L06	405001	Mạch điện tử	3	75	Nguyễn Thanh	Tuấn	(002330	6	1	4	112H6	DD13LT12 ...		123 789012345678
	L07	405001	Mạch điện tử	3	21	Võ Trung	Dũng	(002320	3	7	4	403H1	DD13LT11 ...		1234 78901234567
	L08	405001	Mạch điện tử	3	76	Chế Viết Nhật	Anh	(003389	5	1	4	305H2	DD13LT08 ...		1234 78901234567
	TNDD	405001	Mạch điện tử	3	84	Võ Trung	Dũng	(002320	4	1	2	208B1	DD13KSKT ...		1234 78901234567
									2	3	2	208B1			
	A01	405002	Truyền số liệu & mạng	3	86	Đặng Ngọc	Hạnh	(002978	2	7	2	302B4	HLDD1		1234 78901234567
									3	5	2	303B1			
	A01	405003	Mạch điện tử thông tin	3	23	Hoàng Đình	Chiến	(000847	5	4	2	210B1	DD12DV1 ...		1234 78901234567
									2	4	2	210B1			
	A02	405003	Mạch điện tử thông tin	3	61	Đỗ Hồng	Tuấn	(001727	6	2	2	210B1	DD12DV3 ...		1234 78901234567
									4	4	2	210B1			
	A03	405003	Mạch điện tử thông tin	3	36	Hoàng Đình	Chiến	(000847	5	2	2	214B1	DD12DV4 ...		1234 78901234567
									2	2	2	215B1			
	A04	405003	Mạch điện tử thông tin	3	47	Đỗ Hồng	Tuấn	(001727	3	2	2	215B1	DD12DV6 ...		1234 78901234567
									6	4	2	214B1			
	TNDD	405003	Mạch điện tử thông tin	3	21	Hoàng Đình	Chiến	(000847	3	4	2	207B1	DD12KSVT		1234 78901234567
									4	2	2	207B1			
	A01	405004	Mạch điện tử nâng cao	2	45	Tạ Công	Đức	(000937	5	1	3	210B1	DD12DV1 ...		123 789012345678
	A02	405004	Mạch điện tử nâng cao	2	42	Tạ Công	Đức	(000937	6	4	3	210B1	DD12DV3 ...		123 789012345678
	A03	405004	Mạch điện tử nâng cao	2	78	Nguyễn Chí	Ngọc	(002321	2	4	3	215B1	DD12DV4 ...		1234 78901234567
	A04	405004	Mạch điện tử nâng cao	2	70	Nguyễn Chí	Ngọc	(002321	4	1	3	214B1	DD12DV6 ...		1234 78901234567
	AU	405004	Mạch điện tử nâng cao	2	8	Trương Công Dung	Nghi	(002584)					DD12AU		
	TNDD	405004	Mạch điện tử nâng cao	2	19	Trịnh Xuân	Dũng	(002807	3	1	3	207B1	DD12KSVT		1234 78901234567
	A01	405005	Thông tin di động	2	54	Tạ Trí	Nghĩa	(001738	6	10	3	314B1	DD11DV1 ...		123 789012345678
	A01	405006	Mạng viễn thông	2	75	Võ Quế	Sơn	(002545	6	7	3	314B1	DD11DV1 ...		123 789012345678
	A01	405008	Thông tin quang	2	76	Phạm Quang	Thái	(003354	2	7	3	215B1	DD11DV1 ...		1234 78901234567
	A01	405009	C/đề Nâng Cao Trong Kttt	2	26	Hồ Văn	Khương	(001949	4	4	3	315B1	DD11DV1 ...		1234 78901234567

KH	Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 12345678901234567890 12345
	A01	405017	X/lý ảnh&xử lý tiếng nói	2	80	Võ Trung	Dũng	(002320	5	1	3	315B1	DD11DV1 ...		123 789012345678
	A01	405018	C/đề N/cao X/lý Tín Hiệu	2	33	Lê Tiến	Thường	(001192	3	10	3	215B1	DD11DV1 ...		1234 78901234567
	A01	405019	Nguyên lý thông tin số	2	36	Hà Hoàng	Kha	(001925	5	8	2	214B1	DD11DV1 ...		1234 78901234567
									3	8	2	215B1			
	A01	405023	Mạch điện tử 1	3	60	Đinh Quốc	Hùng	(002551	3	9	2	301B4	MT13KTTN		1234 78901234567
									2	4	3	302B1			
	L02	405023	Mạch điện tử 1	3	61	Chế Viết Nhật	Anh	(003389	6	7	4	212H6	MT13KT01 ...		123 789012345678
									5	7	4	202H2			7 9 1 3
	A01	405030	Kỹ thuật siêu cao tần	2	68	Phan Hồng	Phương	(002578	2	1	3	210B1	DD12DV1 ...		1234 78901234567
	A02	405030	Kỹ thuật siêu cao tần	2	79	Hoàng Mạnh	Hà	(003191	4	1	3	210B1	DD12DV3 ...		1234 78901234567
	A03	405030	Kỹ thuật siêu cao tần	2	79	Hoàng Mạnh	Hà	(003191	6	4	3	215B1	DD12DV4 ...		123 789012345678
	A04	405030	Kỹ thuật siêu cao tần	2	68	Nguyễn Dương Thế	Nhân	(002153	3	4	3	215B1	DD12DV6 ...		1234 78901234567
	AU	405030	Kỹ thuật siêu cao tần	2	8	Phan Hồng	Phương	(002578)					DD12AU		
	TNDD	405030	Kỹ thuật siêu cao tần	2	20	Huỳnh Phú Minh	Cường	(001923	5	7	3	207B1	DD12KSVT		123 789012345678
	A01	405102	ĐAMH điệntử viễn thông 1	1	55								DAMH		1234 78901234567
	A01	405103	ĐAMH điệntử viễn thông 2	1	34			( )					DD11DV1		1234 78901234567
	A02	405103	ĐAMH điệntử viễn thông 2	1	33			( )					DD11DV2		1234 78901234567
	A03	405103	ĐAMH điệntử viễn thông 2	1	29			( )					DD11DV3		1234 78901234567
	A04	405103	ĐAMH điệntử viễn thông 2	1	31			( )					DD11DV4		1234 78901234567
	A05	405103	ĐAMH điệntử viễn thông 2	1	25			( )					DD11DV5		1234 78901234567
	A06	405103	ĐAMH điệntử viễn thông 2	1	25			( )					DD11DV6		1234 78901234567

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
A07	405103	ĐAMH điệntử viễn thông 2	1	9			( )					DD11DV7		1234 78901234567
TNDD	405103	ĐAMH điệntử viễn thông 2	1	23			( )					DD11KSVT		1234 78901234567
A01	405104	Anten truyền sóng	3	64	Nguyễn Dương Thế	Nhân	(002153	5	4	2	202B1	HLDD1		1234 78901234567
								2	**4**	**2**	**301B4**			
A01	405108	T/nghiệm truyền số liệu	1	21	Võ Quế	Sơn	(002545	4	1	3	209B1	DD12DV1		1234 789012
A02	405108	T/nghiệm truyền số liệu	1	22	Đặng Ngọc	Hạnh	(002978	5	7	3	209B1	DD12DV1 ...		123 7890123
A03	405108	T/nghiệm truyền số liệu	1	23	Đặng Ngọc	Hạnh	(002978	4	10	3	209B1	DD12DV2		1234 789012
A04	405108	T/nghiệm truyền số liệu	1	22	Hoàng Mạnh	Hà	(003191	2	1	3	209B1	DD12DV3		1234 789012
A05	405108	T/nghiệm truyền số liệu	1	22	Hoàng Mạnh	Hà	(003191	2	7	3	209B1	DD12DV3 ...		1234 789012
A06	405108	T/nghiệm truyền số liệu	1	21	Trịnh Xuân	Dũng	(002807	6	1	3	209B1	DD12DV4		123 7890123
A07	405108	T/nghiệm truyền số liệu	1	18	Phạm Quang	Thái	(003354	3	1	3	209B1	DD12DV5		1234 789012
A08	405108	T/nghiệm truyền số liệu	1	21	Hoàng Mạnh	Hà	(003191	2	7	3	209B1	DD12DV5 ...		34567
								3	**10**	**3**	**209B1**			
A09	405108	T/nghiệm truyền số liệu	1	22	Hoàng Mạnh	Hà	(003191	5	1	3	209B1	DD12DV6		123 7890123
A10	405108	T/nghiệm truyền số liệu	1	22	Trịnh Xuân	Dũng	(002807	6	7	3	209B1	DD12DV7		123 7890123
A12	405108	T/nghiệm truyền số liệu	1	10	Hoàng Mạnh	Hà	(003191	4	4	3	209B1	DD12KSTD		34567
								2	**10**	**3**	**209B1**			
A13	405108	T/nghiệm truyền số liệu	1	22	Hoàng Mạnh	Hà	(003191	2	10	3	209B1	DD12KSVT		1234 789012
A14	405108	T/nghiệm truyền số liệu	1	22	Đặng Ngọc	Hạnh	(002978	4	7	3	209B1	DD12KTD1		1234 789012
A15	405108	T/nghiệm truyền số liệu	1	22	Phạm Quang	Thái	(003354	3	10	3	209B1	DD12KTD1 ...		1234 789012
A16	405108	T/nghiệm truyền số liệu	1	18	Hoàng Mạnh	Hà	(003191	8	4	3	209B1	DD12KTD2		123 7890123
A17	405108	T/nghiệm truyền số liệu	1	22	Trịnh Xuân	Dũng	(002807	6	4	3	209B1	DD12KTD3		123 7890123
A18	405108	T/nghiệm truyền số liệu	1	22	Trịnh Xuân	Dũng	(002807	6	10	3	209B1	DD12KTD3 ...		123 7890123
A19	405108	T/nghiệm truyền số liệu	1	22	Võ Quế	Sơn	(002545	4	4	3	209B1	DD12KTD4		1234 789012
A20	405108	T/nghiệm truyền số liệu	1	22	Đặng Ngọc	Hạnh	(002978	5	10	3	209B1	DD12KTD5		123 7890123
A21	405108	T/nghiệm truyền số liệu	1	22	Phạm Quang	Thái	(003354	3	4	3	209B1	DD12TD1		1234 789012
A22	405108	T/nghiệm truyền số liệu	1	22	Hoàng Mạnh	Hà	(003191	5	4	3	209B1	DD12TD1 ...		123 7890123
A23	405108	T/nghiệm truyền số liệu	1	22	Phạm Quang	Thái	(003354	3	7	3	209B1	DD12TD2		1234 789012
A24	405108	T/nghiệm truyền số liệu	1	15	Hoàng Mạnh	Hà	(003191	4	7	3	209B1	DD12TD3		34567
								3	**7**	**3**	**209B1**			
A25	405108	T/nghiệm truyền số liệu	1	20	Hoàng Mạnh	Hà	(003191	7	10	3	209B1	DD12TD3 ...		123 7890123
A26	405108	T/nghiệm truyền số liệu	1	21	Hoàng Mạnh	Hà	(003191	2	4	3	209B1	DD12TD4		1234 789012
A01	405109	Xử lý số tín hiệu	2	18	Hà Hoàng	Kha	(001925	5	1	3	405B4	HLDD1		123 789012345678
A01	405110	TN xử lý số tín hiệu	1	27	Đặng Nguyên	Châu	(003260	4	4	3	112B3	DD12DV1		1234 789
A02	405110	TN xử lý số tín hiệu	1	30	Vương	Phát	(001836	2	10	3	112B3	DD12DV2 ...		1234 789
A03	405110	TN xử lý số tín hiệu	1	30	Vương	Phát	(001836	2	7	3	112B3	DD12DV2		1234 789
A04	405110	TN xử lý số tín hiệu	1	23	Vương	Phát	(001836	2	4	3	112B3	DD12DV3		1234 789
A05	405110	TN xử lý số tín hiệu	1	30	Vương	Phát	(001836	3	10	3	112B3	DD12DV4		1234 789
A06	405110	TN xử lý số tín hiệu	1	28	Vương	Phát	(001836	3	7	3	112B3	DD12DV5		1234 789
A07	405110	TN xử lý số tín hiệu	1	30	Vương	Phát	(001836	6	7	3	112B3	DD12DV6		123 7890
A08	405110	TN xử lý số tín hiệu	1	30	Vương	Phát	(001836	5	7	3	112B3	DD12DV7		123 7890
A09	405110	TN xử lý số tín hiệu	1	29	Vương	Phát	(001836	5	10	3	112B3	DD12KSKT ...		123 7890
A10	405110	TN xử lý số tín hiệu	1	30	Đặng Nguyên	Châu	(003260	3	4	3	112B3	DD12KSTD		1234 789
A11	405110	TN xử lý số tín hiệu	1	25	Vương	Phát	(001836	6	10	3	112B3	DD12KTD1		123 7890
A12	405110	TN xử lý số tín hiệu	1	30	Vương	Phát	(001836	4	10	3	112B3	DD12TD4 ...		1234 789
A13	405110	TN xử lý số tín hiệu	1	29	Vương	Phát	(001836	4	7	3	112B3	DD12KTD2		1234 789
A14	405110	TN xử lý số tín hiệu	1	30	Nguyễn Thanh	Tuấn	(002330	5	4	3	112B3	DD12KTD3		123 7890
A15	405110	TN xử lý số tín hiệu	1	12	Đặng Nguyên	Châu	(003260	4	1	3	112B3	DD12KTD4		1234 789
A16	405110	TN xử lý số tín hiệu	1	18	Chế Viết Nhật	Anh	(003389	2	1	3	112B3	DD12KTD5		1234 789
A18	405110	TN xử lý số tín hiệu	1	31	Nguyễn Thanh	Tuấn	(002330	5	1	3	112B3	DD12TD2		123 7890
A19	405110	TN xử lý số tín hiệu	1	30	Vương	Phát	(001836	6	4	3	112B3	DD12TD3		123 7890
A20	405110	TN xử lý số tín hiệu	1	27	Đặng Nguyên	Châu	(003260	6	1	3	112B3	DD12TD4		123 7890
TT01	405401	Analog Signal Processing	4	36	Đỗ Hồng	Tuấn	(001727	5	9	4	206B3	CT13TIE2		789012345678901
TT02	**405401**	**Analog Signal Processing**	**4**	**36**	**Hà Hoàng**	**Kha**	**(001925**	**6**	**7**	**4**	**203A4**	**CT13TIE3**		**789012345678901**
TT01	405404	Electronics Circuits	3	17	Vũ Đình	Thành	(001252	2	9	4	306B1	CT13TIE1		789012345678901
TT01	405407	DigitalSignalProcessLab	2	32	Lê Tiến	Thường	(001192	3	7	3	205B3	CT12TIE1		7890123456
TT02	405407	DigitalSignalProcessLab	2	29	Lê Tiến	Thường	(001192	4	1	3	509A4	CT12TIE2		7890123456
TT01	405408	Lines, Fields and Waves	3	35	Huỳnh Phú Minh	Cường	(001923	2	10	3	205B3	CT12TIE1		789012345678901

KH	Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học
	TT02	405408	Lines, Fields and Waves	3	30	Phan Hồng	Phương	(002578	3	1	3	205B3	CT12TIE2		789012345678901
	TT01	405409	Communication Networks	3	45	Lưu Thanh	Trà	(002232	4	1	3	205B3	CT11TTVT ...		123456789012345

KH	Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
	TT01	405413	Communication 2	3	22	Hồ Văn	Khương	(001949	6	3	4	205B3	CT11TTVT		123456789012345
	TT01	405414	Wireless Network	3	22	Võ Quế	Sơn	(002545	5	3	4	205B3	CT11TTVT		123456789012345
	TT01	405507	Digi/Communications Lab	1	22	Đặng Nguyên	Châu	(003260	3	4	3	PTNVT	CT11TTVT		2345678901
	TT01	405508	Computer Networking Lab	1	22	Hoàng Mạnh	Hà	(003191	3	1	3	209B1	CT11TTVT		4567890123
	P01	405700	Luận văn tốt nghiệp	10	1			( )					VP10VT		1234 78901234567
	P01	405713	Thông tin dữ liệu - mạng	3	23	Lưu Thanh	Trà	(002232	2	10	3	602C6	VP11VT		1234 789012345
									5	1	3	602C6			123 78
	P01	405715	Xlý các tínhiệu tgtự &số	3	41	Lê Tiến	Thường	(001192	6	7	3	602C6	VP11NL ...		123 789012345678
	P01	405750	Thực tập tốt nghiệp		4			( )					VP10VT		1234 78901234567
	P01	405751	Thực tập công nhân	2	18			( )					VP12VT		1234 78901234567
	P01	405752	Thực tập kỹ thuật	2	16			( )					VP11VT		1234 78901234567
	A01	406002	Thực tập điện 2	1	95	Lê Đức	Phong	(002846	3	8	5	PTTMD	DD12DV1 ...		1234 78901
	A02	406002	Thực tập điện 2	1	84	Nguyễn	Hòa	(002204	4	7	5	PTTMD	DD12DV4 ...		1234 78901
	A03	406002	Thực tập điện 2	1	54	Nguyễn	Hòa	(002204	2	2	5	PTTMD	DD12DV6 ...		1234 78901
	A04	406002	Thực tập điện 2	1	38	Nguyễn	Hòa	(002204	3	1	5	PTTMD	DD12TD2 ...		1234 78901
	A05	406002	Thực tập điện 2	1	89	Lê Đức	Phong	(002846	5	8	5	PTTMD	DD12KTD1 ...		123 789012
	A06	406002	Thực tập điện 2	1	89	Lê Đức	Phong	(002846	2	8	5	PTTMD	DD12KTD3 ...		1234 78901
	A07	406002	Thực tập điện 2	1	75	Nguyễn	Hòa	(002204	6	8	5	PTTMD	DD12TD1 ...		123 789012
	A01	406009	Kỹ thuật điện	2	135	Nguyễn Kim	Đính	(000992	4	1	3	202B1	HLDD2		1234 78901234567
	QT01	406009	Kỹ thuật điện	2	14	Hồ Phạm Huy	ánh	(001522	4	4	3	409A4	CT13GRIF ...		1234 78901234567
	L01	406029	TH kỹ thuật điện-điện tử	1	74	Nguyễn Phú	Quốc	(002203	6	1	3	PTTMD	MO13KMT1 ...		123 7890123
	L02	406029	TH kỹ thuật điện-điện tử	1	91	Nguyễn Phú	Quốc	(002203	6	4	3	PTTMD	MO13QLMT ...		123 7890123
	TT01	407402	Intro to ComputingSystem	4	2	Đặng Thành	Tín	(001647	6	3	4	306B1	CT14TIE1		1234 78901234567
	TT02	407402	Intro to ComputingSystem	4	0	Đặng Thành	Tín	(001647	2	3	4	306B1	CT14TIE1		1234 78901234567
	TT01	**407404**	**Computer Engineering 1**	**3**	**27**	**Hoàng**	**Trang**	**(002323**	**6**	**3**	**4**	**206B3**	**CT13TIE1**		**789012345678901**
*	TT01	407412	Intro tocomputer sys(lab		2	Huỳnh Xuân	Cảnh	(002848)					CT14TIE1		1234 7890123456
*	TT02	407412	Intro tocomputer sys(lab		0	Trần Anh	Khoa	(003431)					CT14TIE1		1234 7890123456
	P01	407702	ĐAMH tin học	2	16	Đặng Thành	Tín	(001647)					VP12NL		1234 78901234567
	P02	407702	ĐAMH tin học	2	14	Đặng Thành	Tín	(001647)					VP12VT		1234 78901234567
	A06	408001	Biến đổi n/lượng điện cơ	2	106	Phạm Vĩnh	Long	(001146	5	10	3	305B4	DD13BK01 ...		123 789012345678
	AU	408001	Biến đổi n/lượng điện cơ	2	10	Nguyễn Hữu	Phúc	(000639	5	10	3	302B4	DD13AU		123 789012345678
	L01	408001	Biến đổi n/lượng điện cơ	2	30	Hồ Phạm Huy	ánh	(001522	5	7	4	206H2	DD13LT01 ...		123 78901234

KH	Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
	L02	408001	Biến đổi n/lượng điện cơ	2	75	Nguyễn Ngọc	Tú	(001972	6	1	4	302H2	DD13LT03 ...		123 78901234
	L03	408001	Biến đổi n/lượng điện cơ	2	58	Mai Bá	Lộc	(002728	3	7	4	401H2	DD13LT04 ...		1234 7890123
	L04	408001	Biến đổi n/lượng điện cơ	2	48	Mai Bá	Lộc	(002728	3	1	4	301H2	DD13LT07 ...		1234 7890123
	L05	408001	Biến đổi n/lượng điện cơ	2	80	Nguyễn Xuân	Cường	(001521	4	7	4	301H2	DD13LT08 ...		1234 7890123
	L06	408001	Biến đổi n/lượng điện cơ	2	35	Nguyễn Xuân	Cường	(001521	5	7	4	312H6	DD13LT11 ...		1234 78901234567
	L07	408001	Biến đổi n/lượng điện cơ	2	32	Hồ Phạm Huy	ánh	(001522	3	7	4	413H6	DD13LT06 ...		1234 7890123456
	L08	408001	Biến đổi n/lượng điện cơ	2	49	Ngô Mạnh	Dũng	(002743	3	1	4	201H2	DD13LT13 ...		1234 7890123456
	L09	408001	Biến đổi n/lượng điện cơ	2	32	Trương Sa	Sanh	(000918	4	7	4	305H2	DD13LT10 ...		1234 7890123456

TNDD	408001	Biến đổi n/lượng điện cơ	2	90	Nguyễn Quang	Nam	(001762	6	7	3	208B1	DD13KSKT ...	123	789012345678
A01	408003	Máy điện	3	39	Trương Sa	Sanh	(000918	2	3	2	214B1	DD12KTD1 ...	1234	78901234567
								4	1	2	215B1			
A02	408003	Máy điện	3	70	Trịnh Hoàng	Hơn	(001876	2	5	2	309B1	DD12KTD3 ...	1234	78901234567
								4	3	2	309B1			
A03	408003	Máy điện	3	71	Trần Công	Bình	(002322	3	1	2	313B1	DD12KTD4 ...	1234	78901234567
								5	3	2	313B1			
TNDD	408003	Máy điện	3	17	Nguyễn Ngọc	Tú	(001972	3	3	2	201B2	DD12KSKT	1234	78901234567
								5	5	2	207B1			
A02	408005	Thí nghiệm máy điện	1	13	Nguyễn Thanh	Tâm	(003303	5	1	3	PTNKTD	HLDD2	123	7890123
A01	408012	TK dùng m/tính điện năng	2	42	Nguyễn Quang	Nam	(001762	5	7	3	215B1	DD11KTD1 ...	123	789012345678
L01	408105	TN kỹ thuật điện đcương	1	21	Nguyễn Phú	Quốc	(002203	4	4	3	PTTMD	KU13CKT1	1234	78901234567
L02	408105	TN kỹ thuật điện đcương	1	14	Nguyễn Phú	Quốc	(002203	4	1	3	PTTMD	KU13CKT1	1234	78901234567
TT01	408402	Power Circuits And Elect	3	38	Nguyễn Hữu	Phúc	(000639	2	7	3	205B3	CT12TIE1		789012345678901
TT02	408402	Power Circuits And Elect	3	30	Nguyễn Quang	Nam	(001762	4	4	3	509A4	CT12TIE2		789012345678901
TT01	408406	Renewable Energy Systems	3	21	Nguyễn Hữu	Phúc	(000639	5	1	3	206B3	CT11TIEN		123456789012345
P01	408706	Mạch từ & máy biến thế	2	26	Phạm Vĩnh	Long	(001146	6	8	2	603C6	VP12NL ...	123	7890123456
								4	10	3	501C6			012
P01	408707	Bức xạ,bao bọc,giao thoa	1	36				3	10	3	206B10	VP11NL ...	123	78
P01	408708	Các Udụng Cng Của Đnăng	2	33	Ngô Mạnh	Dũng	(002743	4	3	2	207B10	VP11NL ...	1234	78901234567
P01	408709	Thiết Kế Máy Điệnquay Cs	1	17	Nguyễn Hữu	Phúc	(000639	2	10	3	603C6	VP11NL	1234	7
A01	409002	TN cơ sở tự động	1	29	Đặng Anh	Tùng	(003528	6	4	3	TNDKTD	DD12DV1	123	789
A02	409002	TN cơ sở tự động	1	22	Đặng Anh	Tùng	(003528	5	10	3	TNDKTD	DD12DV2 ...	123	789
A03	409002	TN cơ sở tự động	1	30	Nguyễn Lê	Dũng	(003609	4	7	3	TNDKTD	DD12DV2	1234	78
A04	409002	TN cơ sở tự động	1	25	Lê Quang	Thuần	(000644	5	1	3	TNDKTD	DD12DV3	123	789
A05	409002	TN cơ sở tự động	1	18	Đặng Anh	Tùng	(003528	4	1	3	TNDKTD	DD12DV4	1234	78
A06	409002	TN cơ sở tự động	1	26	Đặng Anh	Tùng	(003528	3	4	3	TNDKTD	DD12DV5	1234	78
A08	409002	TN cơ sở tự động	1	18	Đặng Anh	Tùng	(003528	4	4	3	TNDKTD	DD12DV6	1234	78
A09	409002	TN cơ sở tự động	1	29	Nguyễn Lê	Dũng	(003609	3	7	3	TNDKTD	DD12DV7	1234	78
A10	409002	TN cơ sở tự động	1	27	Nguyễn Lê	Dũng	(003609	3	10	3	TNDKTD	DD12KSKT ...	1234	78

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
A11	409002	TN cơ sở tự động	1	27	Đặng Anh	Tùng	(003528	3	1	3	TNDKTD	DD12KSTD	1234	78
A12	409002	TN cơ sở tự động	1	24	Nguyễn Lê	Dũng	(003609	6	7	3	TNDKTD	DD12KTD1	123	789
A13	409002	TN cơ sở tự động	1	30	Lê Quang	Thuần	(000644	5	4	3	TNDKTD	DD12KTD2	123	789
A14	409002	TN cơ sở tự động	1	28	Nguyễn Lê	Dũng	(003609	4	10	3	TNDKTD	DD12KTD3	1234	78
A15	409002	TN cơ sở tự động	1	28	Lê Quang	Thuần	(000644	2	1	3	TNDKTD	DD12KTD4	1234	78
A16	409002	TN cơ sở tự động	1	17	Nguyễn Lê	Dũng	(003609	6	10	3	TNDKTD	DD12KTD5	123	789
A17	409002	TN cơ sở tự động	1	30	Nguyễn Tuấn	An	(003413	2	7	3	TNDKTD	DD12TD1	1234	78
A18	409002	TN cơ sở tự động	1	30	Nguyễn Tuấn	An	(003413	2	10	3	TNDKTD	DD12TD1 ...	1234	78
A19	409002	TN cơ sở tự động	1	28	Lê Quang	Thuần	(000644	2	4	3	TNDKTD	DD12TD2	1234	78
A20	409002	TN cơ sở tự động	1	30	Đặng Anh	Tùng	(003528	6	1	3	TNDKTD	DD12TD3	123	789
A21	409002	TN cơ sở tự động	1	30	Đặng Anh	Tùng	(003528	5	7	3	TNDKTD	DD12TD4	123	789
A22	409002	TN cơ sở tự động	1	11	Nguyễn Lê	Dũng	(003609	3	1	3	TNDKTD	HLDD1		123456
A01	409004	Tin học công nghiệp	2	38	Nguyễn Đức	Hoàng	(002759	4	10	3	210B1	DD11TD1 ...	1234	78901234567
A02	409004	Tin học công nghiệp	2	41	Nguyễn Đức	Hoàng	(002759	5	7	3	210B1	DD11TD3 ...	123	789012345678
A03	409004	Tin học công nghiệp	2	38	Nguyễn Đức	Hoàng	(002759	6	1	3	303B1	DD11KSTD	123	789012345678
A01	409005	H/thống điều khiển nhúng	2	32	Nguyễn Vĩnh	Hảo	(001938	2	7	3	210B1	DD11KSTD ...	1234	78901234567
A02	409005	H/thống điều khiển nhúng	2	47	Nguyễn Vĩnh	Hảo	(001938	5	10	3	210B1	DD11TD3 ...	123	789012345678
A01	409010	Mạng công nghiệp	2	61	Trương Đình	Châu	(002655	6	10	3	215B1	DD11KSTD ...	123	789012345678
A02	409010	Mạng công nghiệp	2	60	Trương Đình	Châu	(002655	2	7	3	214B1	DD11TD3 ...	1234	78901234567
A01	409013	T/bị điều khiển thủy khí	2	89	Phan Nguyễn Phục	Quốc	(002394	6	7	3	215B1	DD11TD1 ...	123	789012345678
A02	409013	T/bị điều khiển thủy khí	2	28	Phan Nguyễn Phục	Quốc	(002394	6	4	3	302B1	DD11KSTD ...	123	789012345678

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy	Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
A01	409014	Lt Điều khiển nâng cao	3	34	Huỳnh Thái Hoàng	(001874	6	5	2	307B1	DD12TD1		1234 78901234567
							4	3	2	307B1			
A02	409014	Lt Điều khiển nâng cao	3	28	Huỳnh Thái Hoàng	(001874	6	3	2	310B1	DD12TD2		1234 78901234567
							4	1	2	310B1			
A03	409014	Lt Điều khiển nâng cao	3	38	Nguyễn Vĩnh Hảo	(001938	5	3	2	307B1	DD12TD3		1234 78901234567
							2	3	2	310B1			
A04	409014	Lt Điều khiển nâng cao	3	40	Nguyễn Vĩnh Hảo	(001938	5	1	2	310B1	DD12TD4		1234 78901234567
							3	9	2	307B1			
TNDD	409014	Lt Điều khiển nâng cao	3	21	Huỳnh Thái Hoàng	(001874	2	5	2	207B1	DD12KSTD		1234 78901234567
							3	11	2	207B1			
A01	409020	Cơ sở tự động học	2	60	Lương Văn Lăng	(000831	3	10	3	203B1	KU12CKT		1234 78901234567
A01	409030	Điện tử công suất &ứdụng	2	32	Huỳnh Văn Kiểm	(000636	2	1	3	307B1	DD12TD1		1234 78901234567
A02	409030	Điện tử công suất &ứdụng	2	40	Huỳnh Hữu Phương	(001289	2	7	3	211B1	DD12TD2		1234 78901234567
A03	409030	Điện tử công suất &ứdụng	2	34	Huỳnh Hữu Phương	(001289	4	4	3	302B2	DD12TD3		1234 78901234567
A04	409030	Điện tử công suất &ứdụng	2	36	Huỳnh Hữu Phương	(001289	6	4	3	302B2	DD12TD4		123 789012345678
TNDD	409030	Điện tử công suất &ứdụng	2	21	Huỳnh Văn Kiểm	(000636	5	4	3	201B2	DD12KSTD		123 789012345678
A01	409032	Thiết bị& hệthốngtự động	2	15	Phan Nguyễn Phục Quốc	(002394	2	4	3	405B4	HLDD3		1234 78901234567
A01	409035	Kỹ thuật Robot	2	15	Nguyễn Chí Nghĩa	(000757	5	1	3	314B1	DD11KSTD ...		123 789012345678
A02	409035	Kỹ thuật Robot	2	22	Nguyễn Tuấn An	(003413	4	10	3	214B1	DD11TD3 ...		1234 78901234567
A01	409036	ĐAMH điều khiển tự động2	1	38		( )					DD11TD1		1234 78901234567
A02	409036	ĐAMH điều khiển tự động2	1	39		( )					DD11TD2		1234 78901234567
A03	409036	ĐAMH điều khiển tự động2	1	33		( )					DD11TD3		1234 78901234567
A04	409036	ĐAMH điều khiển tự động2	1	23		( )					DD11TD4		1234 78901234567
TNDD	409036	ĐAMH điều khiển tự động2	1	26		( )					DD11KSTD		1234 78901234567
A01	409104	Hệ Thống Điều Khiển Td	2	58	Lương Văn Lăng	(000831	6	10	3	307B1	HLGT		123 789012345678
A01	409107	SCADA	2	59	Trương Đình Châu	(002655	5	4	3	314B1	DD11KSTD ...		123 789012345678
A02	409107	SCADA	2	53		(	6	10	3	309B1	DD11TD3 ...		123 789012345678
A01	409108	ĐAMH đk tự động 1	1	4							DAMH		1234 78901234567
A01	409109	Đo lường đk bằng mtính	3	38	Nguyễn Trọng Tài	(002633	6	3	2	307B1	DD12TD1		1234 78901234567
							4	1	2	307B1			
A02	409109	Đo lường đk bằng mtính	3	20	Nguyễn Trọng Tài	(002633	4	3	2	310B1	DD12TD2		1234 78901234567
							6	5	2	310B1			
A03	409109	Đo lường đk bằng mtính	3	42	Nguyễn Trọng Tài	(002633	2	5	2	310B1	DD12TD3		1234 78901234567
							5	1	2	307B1			
A04	409109	Đo lường đk bằng mtính	3	35	Nguyễn Trọng Tài	(002633	5	3	2	310B1	DD12TD4		1234 78901234567
							3	11	2	307B1			
TNDD	409109	Đo lường đk bằng mtính	3	21	Nguyễn Đức Thành	(000634	2	3	2	207B1	DD12KSTD		1234 78901234567
							3	9	2	207B1			
B01	409111	Thí nghiệm tự động hóa	1	17	Đặng Anh Tùng	(003528	7	7	3	TNTDH	DDB2		123 78901234567890
A01	409302	Thực tập tốt nghiệp	3	1		( )					DD11TD1		1234 78901234567
A02	409302	Thực tập tốt nghiệp	3	2		( )					DD11TD2		1234 78901234567
A03	409302	Thực tập tốt nghiệp	3	1		( )					DD11TD3		1234 78901234567
A04	409302	Thực tập tốt nghiệp	3	2		( )					DD11TD4		1234 78901234567
TNDD	409302	Thực tập tốt nghiệp	3	0		( )					DD11KSTD		1234 78901234567
A01	409303	Luận văn tốt nghiệp	10	10							LVTN		1234 78901234567
A01	409304	Thực tập kỹ thuật (TD)	1	149		( )					TTTNDD3		
P01	409702	Tương tự & các mô hình	1	68	Nguyễn Chí Nghĩa	(000757	5	4	3	501C6	VP12CDT ...		01234
P01	409703	Tự động hóa,ktra &đkhiển	4	34	Nguyễn Thị Phương Hà	(000059	6	10	3	602C6	VP11NL ...		123 78901234567
							4	9	2	202B10			

	A01	410008	Thực tập điện tử 1	1	70	Phan Vĩnh	Lộc	(001988	6	8	5	PTTDT	DD12DV1 ...		123 789012
	A02	410008	Thực tập điện tử 1	1	52	Nhan Hồng	Kỵ	(002614	3	2	5	PTTDT	DD12DV3 ...		1234 78901
	A03	410008	Thực tập điện tử 1	1	56	Huỳnh Văn	Thịnh	(002500	4	1	5	PTTDT	DD12DV5 ...		1234 78901
	A04	410008	Thực tập điện tử 1	1	68	Huỳnh Anh	Hơn	(003118	4	8	5	PTTDT	DD12DV7 ...		1234 78901
	A05	410008	Thực tập điện tử 1	1	40	Phan Vĩnh	Lộc	(001988	6	1	5	PTTDT	DD12KTD2 ...		123 789012
	A06	410008	Thực tập điện tử 1	1	80	Nhan Hồng	Kỵ	(002614	3	8	5	PTTDT	DD12KTD3 ...		1234 78901
	A07	410008	Thực tập điện tử 1	1	75	Huỳnh Anh	Hơn	(003118	5	8	5	PTTDT	DD12TD1 ...		123 789012
	A08	410008	Thực tập điện tử 1	1	80	Huỳnh Văn	Thịnh	(002500	2	8	5	PTTDT	DD12TD3 ...		1234 78901

KH	Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
	A01	440302	Thực tập tốt nghiệp	3	5			( )					DD11DV1		1234 78901234567
	A02	440302	Thực tập tốt nghiệp	3	4			( )					DD11DV2		1234 78901234567
	A03	440302	Thực tập tốt nghiệp	3	1			( )					DD11DV3		1234 78901234567
	A04	440302	Thực tập tốt nghiệp	3	0			( )					DD11DV4		1234 78901234567
	A05	440302	Thực tập tốt nghiệp	3	0			( )					DD11DV5		1234 78901234567
	A06	440302	Thực tập tốt nghiệp	3	0			( )					DD11DV6		1234 78901234567
	A07	440302	Thực tập tốt nghiệp	3	0			( )					DD11DV7		1234 78901234567
	TNDD	440302	Thực tập tốt nghiệp	3	0			( )					DD11KSVT		1234 78901234567
	A01	440303	Luận văn tốt nghiệp	10	15								LVTN		1234 78901234567
	A01	440304	Thực tập kỹ thuật (DTVT)	1	222			( )					TTTNDD2		
	A01	500300	Kỹ năng gtiếp-ngành nghề	2	56	Trần	Quang	(001852	2	1	3	301B1	MT13KHTN ...		1234 78901234567
	L02	500300	Kỹ năng gtiếp-ngành nghề	2	50	Nguyễn Cao	Trí	(001690	6	7	4	306H6	MT13KH01 ...		123 789012345
	L03	500300	Kỹ năng gtiếp-ngành nghề	2	44	Đoàn Minh	Vững	(001901	4	1	4	310H6	MT13KH04 ...		1234 7890123
	L04	500300	Kỹ năng gtiếp-ngành nghề	2	39	Đoàn Minh	Vững	(001901	3	7	4	214H6	MT13KH02 ...		1234 7890123
	L05	500300	Kỹ năng gtiếp-ngành nghề	2	48	Nguyễn Cao	Trí	(001690	2	7	4	210H6	MT13KH06 ...		1234 7890123
	L06	500300	Kỹ năng gtiếp-ngành nghề	2	45	Trần	Quang	(001852	3	7	4	305H2	MT13KT01 ...		1234 7890123
	L07	500300	Kỹ năng gtiếp-ngành nghề	2	32	Phan Thị	Tươi	(000163	4	7	4	414H6	MT13KT03 ...		1234 7890123
	QT01	500300	Kỹ năng gtiếp-ngành nghề	2	6	Nguyễn Cao	Trí	(001690	3	4	3	415A4	CT13QUEE		1234 78901234567
	A01	501047	XL s/song và hệ phân bố	3	41	Thoại	Nam	(001748	2	11	2	203B1	MT11KH01 ...		1234 78901234567
	TNMT	501047	XL s/song và hệ phân bố	3	11	Thoại	Nam	(001748	2	9	2	201B9	MT11KHTN ...		1234 78901234567
	L01	501111	Cơ sở dữ liệu	2	40	Ngô Chấn	Nam	(009554	3	1	4	212H6	KU13CKT1		1234 7890123
	A01	501127	Kỹ thuật lập trình	4	119	Nguyễn Trung	Trực	(001257	2	4	3	503C4	CK12CD1 ...		1234 78901234567
	A02	501127	Kỹ thuật lập trình	4	42	Nguyễn Thanh	Bình	(002920	2	7	3	305B4	HLMT1		1234 78901234567
	TNCK	501127	Kỹ thuật lập trình	4	22	Nguyễn Trung	Trực	(001257	4	4	3	203B9	CK12KSCD		1234 78901234567
*	A01	501129	Thực hành KT lập trình		40	Trịnh Văn	Giang	(009567	3	7	3	103C6	CK12CD1	A01-	1234 78901234567
*	A02	501129	Thực hành KT lập trình		39	Phạm Trần Thanh	Văn	(009643	6	10	3	103C6	CK12CD2	A01-	123 789012345678
*	A03	501129	Thực hành KT lập trình		40	Trịnh Văn	Giang	(009567	3	10	3	103C6	CK12CD1 ...	A01-	1234 78901234567
*	A04	501129	Thực hành KT lập trình		42				3	4	3	103C6	HLMT1	A02-	1234 78901234567
*	TNCK	501129	Thực hành KT lập trình		22	Cao Duy	Trường	(009545	6	7	3	103C6	CK12KSCD	TNCK	123 789012345678
*	A01	501134	XL ss và hệ phân bố (bt)		15	Nguyễn Mạnh	Thìn	(009641	4	9	2	TNB1	MT11KH01 ...	A01-	1234 78901234567
*	A03	501134	XL ss và hệ phân bố (bt)		26	Nguyễn Mạnh	Thìn	(009641	5	5	2	TNB1	MT11KT01 ...	A01-	123 78901234567
*	TNMT	501134	XL ss và hệ phân bố (bt)		11	Nguyễn Mạnh	Thìn	(009641	5	3	2	NETLAB	MT11KHTN ...	TNMT	123 78901234567
	A01	501302	Thực tập tốt nghiệp	3	23			( )					MT11KH01		1234 78901234567
	A02	501302	Thực tập tốt nghiệp	3	16			( )					MT11KH02		1234 78901234567
	A03	501302	Thực tập tốt nghiệp	3	21			( )					MT11KH03		1234 78901234567
	A04	501302	Thực tập tốt nghiệp	3	8			( )					MT11KH04		1234 78901234567
	A05	501302	Thực tập tốt nghiệp	3	5			( )					MT11KH05		1234 78901234567
	TNMT	501302	Thực tập tốt nghiệp	3	31			( )					MT11KHTN		1234 78901234567

KH	Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
	A01	501303	Luận văn tốt nghiệp	10	21								LVTN		1234 78901234567
	P01	501707	PT Th/kế hướng đối tượng	1	69	Nguyễn Văn	Hiệp	(001253	5	1	3	501C6	VP12CDT ...		123 78

KH	Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học
	P01	501708	Các KT & thủ tục cài đặt	1	35	Nguyễn Cao	Đạt	(002415	5	7	3	202B10	VP11NL ...		123 78
	P01	501709	ĐAMH mô phỏng-dự án thọc	2	21			( )					VP11NL		1234 78901234567
	P02	501709	ĐAMH mô phỏng-dự án thọc	2	12			( )					VP11VT		1234 78901234567
	P01	501710	Mạng máy tính	3	45	Nguyễn Cao	Đạt	(002415	5	1	3	203B10	VP11CDT ...		123 789012345678
	P01	501711	CS dữ liệu &các hệ thtin	2	35	Huỳnh Văn Quốc	Phương	(003381	4	5	2	207B10	VP11NL ...		1234 78901234567
	QT01	502001	Lậptrình hướng đối tượng	4	6	Quản Thành	Thơ	(002416	2	7	3	415A4	CT13QUEE		1234 78901234567
	A01	502002	Công nghệ phần mềm	4	66	Lê Lam	Sơn	(002043	3	4	3	502B4	MT12KT01 ...		1234 78901234567
	TNMT	502002	Công nghệ phần mềm	4	18	Lê Lam	Sơn	(002043	2	1	3	204B9	MT12KTTN		1234 78901234567
*	A01	502009	Công nghệ phần mềm (bt)		37	Nguyễn Minh	Hải	(009558	6	5	2	TNB1	MT12KT01	A01-	23 789012345678
*	A02	502009	Công nghệ phần mềm (bt)		29	Nguyễn Minh	Hải	(009558	6	3	2	TNB1	MT12KT02 ...	A01-	23 789012345678
*	TNMT	502009	Công nghệ phần mềm (bt)		18	Lê Đình	Thuận	(003185	4	3	2	TNB1	MT12KTTN	TNMT	23 789012345678
	A01	502013	TT công nghệ phần mềm	1	23								HLMT1		234 78901234567
*	QT01	502014	Lậptrình Hướng Dtượng(th		6	Trịnh Văn	Giang	(009567	6	1	2	415A4	CT13QUEE	QT01	123 789012345678
	QT01	503001	Cấu trúc dữliệu & Gthuật	4	6	Nguyễn Hứa	Phùng	(001733	5	3	4	415A4	CT13QUEE		123 789012345678
	A01	503002	Hệ cơ sở dữ liệu	4	74	Nguyễn Đình	Thành	(009555	3	10	3	605B4	HLMT1		1234 78901234567
	L01	503002	Hệ cơ sở dữ liệu	4	103	Trương Quỳnh	Chi	(002889	3	1	4	113H6	MT13KH01 ...		1234 78901234567
	L02	503002	Hệ cơ sở dữ liệu	4	86	Lê Thị Bảo	Thu	(003383	4	7	4	306H2	MT13KH02 ...		1234 78901234567
	TNMT	503002	Hệ cơ sở dữ liệu	4	37	Trần	Quang	(001852	2	4	3	204B9	MT13KHTN		1234 78901234567
	A01	503003	PT & Thiết kế giải thuật	3	115	Dương Ngọc	Hiếu	(002310	6	4	3	305B4	MT12KH01 ...		123 789012345678
	A02	503003	PT & Thiết kế giải thuật	3	102	Dương Tuấn	Anh	(000529	3	1	3	305B4	MT12KH03 ...		1234 78901234567
	TNMT	503003	PT & Thiết kế giải thuật	3	37	Dương Tuấn	Anh	(000529	2	1	3	205B10	MT12KHTN		1234 78901234567
	A01	503004	Hệ quảntrị cơ sở dữ liệu	3	28	Nguyễn Đình	Thành	(009555	5	1	3	203B1	MT11KH01 ...		123 789012345678
	A01	503006	Pt & thiết kế hệ thống	3	23	Nguyễn Thanh	Tùng	(003379	4	5	2	203B1	MT11KH01 ...		1234 78901234567
									3	5	2	605B4			
	A02	503006	Pt & thiết kế hệ thống	3	19	Nguyễn Thanh	Tùng	(003379	6	9	2	301B1	MT11KT01 ...		123 789012345678
									3	2	2	315B1			
	A01	503007	Thương mại điện tử	3	34	Đặng Trần	Trí	(003078	3	1	2	605B4	MT11KH01 ...		1234 78901234567
	A01	503008	Khai phá dữ liệu	3	11	Trương Quang	Hải	(003445	3	3	2	303B1	MT11KH01 ...		1234 78901234567

KH	Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học
															1234567890123456789012345
	A01	503009	Bảo mật hệthống thôngtin	3	11	Nguyễn Thị ái	Thảo	(003183	3	10	2	306B4	MT11KH01 ...		1234 78901234567
*	QT01	503010	Cấu trúc dữliệu & Gt (bt		6	Thái Ngọc	Dung	(009616	6	3	2	511A4	CT13QUEE	QT01	123 789012345678
*	A01	503011	Hệ cơ sở dữ liệu (TH)		74	Nguyễn Đình	Thành	(009555	6	7	2	P1A5	HLMT1	A01-	123 78901234567
*	L01	503011	Hệ cơ sở dữ liệu (TH)		26	Trương Quỳnh	Chi	(002889	5	1	2	310H1	MT13KH01	L01-	123 789012345678
*	L02	503011	Hệ cơ sở dữ liệu (TH)		38	Văn Đức Sơn	Hà	(009568	5	5	2	311H1	MT13KH05	L01-	123 789012345678
*	L03	503011	Hệ cơ sở dữ liệu (TH)		39	Văn Đức Sơn	Hà	(009568	5	1	2	311H1	MT13KH06	L01-	123 789012345678
*	L04	503011	Hệ cơ sở dữ liệu (TH)		25	Trương Quỳnh	Chi	(002889	5	3	2	310H1	MT13KH02	L02-	123 789012345678
*	L05	503011	Hệ cơ sở dữ liệu (TH)		31	Văn Đức Sơn	Hà	(009568	5	3	2	311H1	MT13KH03	L02-	123 789012345678
*	L06	503011	Hệ cơ sở dữ liệu (TH)		30	Trương Quỳnh	Chi	(002889	5	5	2	310H1	MT13KH04	L02-	123 789012345678
*	TNMT	503011	Hệ cơ sở dữ liệu (TH)		37	Ngô Chấn	Nam	(009554	6	9	2	P1A5	MT13KHTN	TNMT	123 789012345678
*	A01	503012	Thương mại điện tử (BT)		15	Văn Đức Sơn	Hà	(009568	6	3	2	103C6	MT11KH01 ...	A01-	123 78901234567
*	A02	503012	Thương mại điện tử (BT)		19	Văn Đức Sơn	Hà	(009568	6	1	2	103C6	MT11KH02 ...	A01-	123 78901234567
*	A01	503013	Khai phá dữ liệu (BT)		11	Trương Quang	Hải	(003445	6	5	2	104C6	MT11KH01 ...	A01-	123 78901234567
*	A01	503014	Bmật hệ thống thtin (BT)		11	Nguyễn Thị ái	Thảo	(003183	6	9	2	104C6	MT11KH01 ...	A01-	123 78901234567
	L01	504002	Kiến trúc máy tính	3	73	Võ Tấn	Phương	(002885	4	1	4	304H2	MT13KT01 ...		1234 78901234567
	QT01	504002	Kiến trúc máy tính	3	6	Nguyễn Thanh	Sơn	(001286	4	2	2	415A4	CT13QUEE		1234 78901234567

KH	Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học
															1234567890123456789012345
	TNMT	504002	Kiến trúc máy tính	3	20	Nguyễn Thanh	Sơn	(001286	2	10	2	204B10	MT13KTTN		1234 78901234567
	L01	504004	TT Phần cứng máy tính	3	23	Võ Tấn	Phương	(002885	4	7	6	601H6	MT13KT01		1234 78901234567
	L02	504004	TT Phần cứng máy tính	3	17	Nguyễn Duy Xuân	Bách	(009553	2	1	6	601H6	MT13KT02		1234 78901234567
	L03	504004	TT Phần cứng máy tính	3	21	Phan Đình Thế	Duy	(002607	2	7	6	601H6	MT13KT03		1234 78901234567
	TNMT	504004	TT Phần cứng máy tính	3	19	Vũ Trọng	Thiên	(003231	4	1	6	601H6	MT13KTTN		1234 78901234567
	A01	504006	ĐAMH thiết kế luận lý	1	14								DAMH		1234 78901234567
	A01	504007	Vi xử lý - vi điều khiển	3	77	Nguyễn Quốc	Tuấn	(001580	3	1	3	212B1	MT12KT01 ...		1234 78901234567
	TNMT	504007	Vi xử lý - vi điều khiển	3	19	Nguyễn Quốc	Tuấn	(001580	2	4	3	205B10	MT12KTTN		1234 78901234567
	A01	504008	TN vi xửlý-vi điều khiển	1	28	Nguyễn Xuân	Minh	(001528	5	4	3	TNKTMT	MT12KT01		7890123456
	A02	504008	TN vi xửlý-vi điều khiển	1	21	Nguyễn Xuân	Minh	(001528	6	7	3	TNKTMT	MT12KT02		7890123456
	A03	504008	TN vi xửlý-vi điều khiển	1	18	Nguyễn Xuân	Minh	(001528	6	10	3	TNKTMT	MT12KT03		7890123456
	TNMT	504008	TN vi xửlý-vi điều khiển	1	20	Nguyễn Xuân	Minh	(001528	3	1	3	TNKTMT	MT12KTTN		7890123456
	A01	504010	ĐAMH ngành ktmt	1	15								DAMH		1234 78901234567
	A01	504013	Tkế trên cơ sở vi xử lý	3	12	Bùi Văn	Hiếu	(002606	2	3	2	303B1	MT11KT01 ...		1234 78901234567
	A01	504015	ứng dụng hệ thống nhúng	3	40	Bùi Văn	Hiếu	(002606	2	1	2	303B1	MT11KT01 ...		1234 78901234567
*	A01	504022	úd hệ thống nhúng (bt)		16	Phạm Hoàng	Anh	(002603	5	10	3	TNKTMT	MT11KT01 ...	A01-	7890123456
*	A02	504022	úd hệ thống nhúng (bt)		24	Trần Trung	Hiếu	(003283	3	10	3	TNKTMT	MT11KT02	A01-	7890123456
*	A02	504025	Tkế trên cơ sở vxl (bt)		12	Bùi Văn	Hiếu	(002606	4	7	3	TNKTMT	MT11KT02	A01-	7890123456
*	L01	504027	Kiến trúc máy tính (bt)		40	Trần Thanh	Bình	(009564	5	3	2	413H6	MT13KT01 ...	L01-	12 34567
									7	**7**	**2**	**313H1**			**3 7890123 8**
*	L02	504027	Kiến trúc máy tính (bt)		33	Trần Thanh	Bình	(009564	5	1	2	413H6	MT13KT02 ...	L01-	12 34567
									7	**9**	**2**	**313H1**			**3 789012 8**
*	QT01	504027	Kiến trúc máy tính (bt)		6	Nguyễn Thanh	Sơn	(001286	3	2	2	511A4	CT13QUEE	QT01	3 789 123 8
									3	**2**	**2**	**511A4**			
*	TNMT	504027	Kiến trúc máy tính (bt)		20	Trần Thanh	Bình	(009564	6	7	2	301B4	MT13KTTN	TNMT	3 789 123 8
									6	**7**	**2**	**104C6**			
	A01	504302	Thực tập tốt nghiệp	3	30			( )					MT11KT01		1234 78901234567
	A02	504302	Thực tập tốt nghiệp	3	27			( )					MT11KT02		1234 78901234567
	A03	504302	Thực tập tốt nghiệp	3	4			( )					MT11KT03		1234 78901234567
	TNMT	504302	Thực tập tốt nghiệp	3	22			( )					MT11KTTN		1234 78901234567
	A01	504303	Luận văn tốt nghiệp	10	4								LVTN		1234 78901234567
	A01	505002	Toán rời rạc 2	3	101	Huỳnh Tường	Nguyên	(003045	4	10	3	204B8	HLMT1		1234 78901234567
	L01	505002	Toán rời rạc 2	3	121	Huỳnh Tường	Nguyên	(003045	2	1	4	206H2	MT13KH01 ...		1234 7890123
	L02	505002	Toán rời rạc 2	3	122	Huỳnh Tường	Nguyên	(003045	6	1	4	306H2	MT13KH02 ...		123 78901234
	QT01	505002	Toán rời rạc 2	3	6	Nguyễn An	Khương	(009640	4	4	3	415A4	CT13QUEE		1234 78901234567
	TNMT	505002	Toán rời rạc 2	3	57	Nguyễn An	Khương	(009640	5	10	3	306B1	MT13KHTN ...		123 789012345678
	A01	505004	Trí tuệ nhân tạo	4	98	Vương Bá	Thịnh	(003444	2	1	3	306B6	MT12KH01 ...		1234 78901234567
	A02	505004	Trí tuệ nhân tạo	4	84	Vương Bá	Thịnh	(003444	3	4	3	305B4	MT12KH03 ...		1234 78901234567
	TNMT	505004	Trí tuệ nhân tạo	4	38	Cao Hoàng	Trụ	(001616	4	4	3	201B9	MT12KHTN		1234 78901234567
	A01	505005	Đồ họa máy tính	3	118	Trần Giang	Sơn	(002715	2	4	2	306B6	MT12KH01 ...		1234 78901234567
	A02	505005	Đồ họa máy tính	3	73	Trần Giang	Sơn	(002715	2	2	2	604B4	MT12KH03 ...		1234 78901234567
	TNMT	505005	Đồ họa máy tính	3	38	Lê Thành	Sách	(001995	4	2	2	201B9	MT12KHTN		1234 78901234567
*	A01	505017	Trí tuệ nhân tạo (bt)		38			(	4	4	2	403B4	MT12KH01	A01-	2 7 9 1 3 5 7
									4	**4**	**3**	**103C6**			**3 8 2 4 6**
*	A02	505017	Trí tuệ nhân tạo (bt)		34	Phạm Trần Xuân	Minh	(009562	4	2	2	301B4	MT12KH02	A01-	2 7 9 1 3 5 7
									4	**1**	**3**	**104C6**			**3 8 2 4**
*	A03	505017	Trí tuệ nhân tạo (bt)		26	Nguyễn Đức Minh	Khôi	(009612	4	2	2	303B4	MT12KH04	A01-	2 7 9 1 3 5 7
									4	**1**	**3**	**P1A5**			**3 8 2 4 6**
*	A04	505017	Trí tuệ nhân tạo (bt)		39			(	5	4	2	302B4	MT12KH03	A02-	3 8 2 4 6
									5	**4**	**3**	**103C6**			

KH	Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy	Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học
*	A05	505017	Trí tuệ nhân tạo (bt)		45	Nguyễn Đức Minh Khôi	(009612	4	4	2	402B4	MT12KH05	A02-	3 8 2 4 6
								4	4	3	P2A5			
*	TNMT	505017	Trí tuệ nhân tạo (bt)		38	Vương Bá Thịnh	(003444	5	2	2	204B10	MT12KHTN	TNMT	2 7 9 1 3 5 7
								5	1	3	P1A5			3 8 0 2 4 6
*	A01	505018	Đồ họa máy tính (bt)		43	Huỳnh Chí Kiên	(009638	4	2	2	402B4	MT12KH01	A01-	3 7 9 1 3 5 7
								4	1	3	103C6			2 8 0 4 8
*	A02	505018	Đồ họa máy tính (bt)		32	Phạm Trần Xuân Minh	(009562	4	4	2	405B4	MT12KH02	A01-	3 7 9 1 3 5 7
								4	4	3	104C6			2 8 0 4 8

KH	Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy	Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
*	A03	505018	Đồ họa máy tính (bt)		43	Huỳnh Phúc Trí	(009547	4	4	2	504B4	MT12KH04	A01-	2 8 0 4 8
								4	4	3	P1A5			
*	A04	505018	Đồ họa máy tính (bt)		34	Thái Anh Vỹ	(009644	5	2	2	302B4	MT12KH03	A02-	3 7 9 1 3 5 7
								5	1	3	103C6			2 8 0 4 8
*	A05	505018	Đồ họa máy tính (bt)		29	Huỳnh Phúc Trí	(009547	4	2	2	403B4	MT12KH05	A02-	3 7 9 1 3 5 7
								4	1	3	P2A5			2 8 0 4 8
*	A06	505018	Đồ họa máy tính (bt)		10		(	4	7	2	303B4	MT12KH05 ...	A02-	2 8 0 4 8
								4	7	3	103C6			
*	TNMT	505018	Đồ họa máy tính (bt)		38	Trần Giang Sơn	(002715	5	4	2	204B10	MT12KHTN	TNMT	2 8 0 4 8
								5	4	3	P1A5			
	A01	505022	Thực tập công nghiệp 2	2	0		( )					MT12KH01		1234 78901234567
	A02	505022	Thực tập công nghiệp 2	2	0		( )					MT12KH02		1234 78901234567
	A03	505022	Thực tập công nghiệp 2	2	0		( )					MT12KH03		1234 78901234567
	A04	505022	Thực tập công nghiệp 2	2	0		( )					MT12KH04		1234 78901234567
	A05	505022	Thực tập công nghiệp 2	2	0		( )					MT12KH05		1234 78901234567
	TNMT	505022	Thực tập công nghiệp 2	2	0		( )					MT12KHTN		1234 78901234567
	A01	506001	Hệ điều hành	4	80	Nguyễn Thanh Sơn	(001286	5	9	4	301B1	HLMT1		123 789012345678
	L01	506001	Hệ điều hành	4	108	Lê Thanh Vân	(003332	4	7	4	311H6	MT13KH01 ...		1234 78901234567
	L02	506001	Hệ điều hành	4	87	Lê Thanh Vân	(003332	2	1	4	301H2	MT13KH02 ...		1234 78901234567
	TNMT	506001	Hệ điều hành	4	39	Lê Thanh Vân	(003332	3	7	4	205B10	MT13KHTN		1234 78901234567
	A01	506002	Mạng máy tính 1	4	85	Phạm Trần Vũ	(002178	2	1	3	313B1	MT12KT01 ...		1234 78901234567
	TNMT	506002	Mạng máy tính 1	4	19	Phạm Trần Vũ	(002178	3	4	3	205B10	MT12KTTN		1234 78901234567
	A01	506005	Mật mã & an ninh mạng	3	67	Nguyễn Đức Thái	(003048	2	9	2	203B1	MT11KH01 ...		1234 78901234567
	TNMT	506005	Mật mã & an ninh mạng	3	22	Nguyễn Đức Thái	(003048	2	11	2	207B1	MT11KHTN ...		1234 78901234567
*	A01	506006	Hệ điều hành (bt)		40	Đoàn Việt Hưng	(002605	6	11	2	310B1	HLMT1	A01-	1 3 890 2 4 678
								6	11	2	NETLAB			
*	A02	506006	Hệ điều hành (bt)		40	Nguyễn Phương Duy	(003446	6	1	2	301B4	HLMT2	A01-	1 3 890 2 4 678
								6	1	2	NETLAB			
*	L01	506006	Hệ điều hành (bt)		41	Nguyễn Phương Duy	(003446	5	3	2	416H6	MT13KH01	L01-	2 7 1 3 5
								7	7	4	P1A5			7 0
*	L02	506006	Hệ điều hành (bt)		27	Nguyễn Phương Duy	(003446	5	1	2	402H2	MT13KH05	L01-	2 7 1 3 5
								5	1	2	313H1			1 3 890 2 4 678
*	L03	506006	Hệ điều hành (bt)		40	Đoàn Việt Hưng	(002605	5	3	2	402H2	MT13KH06	L01-	2 7 1 3 5
								5	3	2	313H1			1 3 890 2 4 678
*	L04	506006	Hệ điều hành (bt)		20	Nguyễn Phương Duy	(003446	5	5	2	416H6	MT13KH02	L02-	2 7 1 3 5
								7	7	4	P1A5			8 1
*	L05	506006	Hệ điều hành (bt)		37	Đoàn Việt Hưng	(002605	5	5	2	402H2	MT13KH03	L02-	2 7 1 3 5
								5	5	2	313H1			1 3 890 2 4 678
*	L06	506006	Hệ điều hành (bt)		30	Đoàn Việt Hưng	(002605	5	1	2	416H6	MT13KH04	L02-	2 7 1 3 5
								7	7	4	P1A5			9 2
*	TNMT	506006	Hệ điều hành (bt)		39	Đoàn Việt Hưng	(002605	6	7	2	302B4	MT13KHTN	TNMT	1 3 890 2 4 678
								6	7	2	NETLAB			

KH	Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy	Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
*	A01	506007	Mạng máy tính 1 (bt)		35	Trần Ngọc Cường	(003378	6	3	2	NETLAB	MT12KT01	A01-	123 7890123456
*	A02	506007	Mạng máy tính 1 (bt)		21	Trần Ngọc Cường	(003378	6	1	2	TNB1	MT12KT02	A01-	123 7890123456
*	A03	506007	Mạng máy tính 1 (bt)		29	Trần Ngọc Cường	(003378	6	5	2	NETLAB	MT12KT03	A01-	123 7890123456
*	TNMT	506007	Mạng máy tính 1 (bt)		19	Nguyễn Hồng Nam	(003380	4	5	2	TNB1	MT12KTTN	TNMT	1234 7890123456

*	A01	506009	Mật mã &an ninh mạng (bt		14	Nguyễn Hữu	Hiếu	(009557	4	11	2	302B4	MT11KH01 ...	A01-	8 01 3 678
									4	11	2	NETLAB			
*	A02	506009	Mật mã &an ninh mạng (bt		15	Nguyễn Hữu	Hiếu	(009557	4	9	2	302B4	MT11KH02 ...	A01-	8 01 3 678
									4	9	2	NETLAB			
*	A03	506009	Mật mã &an ninh mạng (bt		38	Nguyễn Hữu	Hiếu	(009557	5	3	2	301B4	MT11KT01 ...	A01-	8 01 3 678
									5	3	2	TNB1			
*	TNMT	506009	Mật mã &an ninh mạng (bt		22	Nguyễn Hữu	Hiếu	(009557	5	1	2	301B4	MT11KHTN ...	TNMT	8 01 3 678
									5	1	2	NETLAB			
	A01	506010	Lập trình web	3	119	Nguyễn Đức	Thái	(003048	4	1	2	212B1	MT11KH01 ...		1234 78901234567
	TNMT	506010	Lập trình web	3	47	Nguyễn Đức	Thái	(003048	4	3	2	206B1	MT11KHTN ...		1234 78901234567
*	A01	506011	Lập trình web (bt)		40	Nguyễn Hữu	Hiếu	(009557	5	11	2	TNB1	MT11KH01 ...	A01-	123 78901234567
*	A02	506011	Lập trình web (bt)		40	Nguyễn Hữu	Hiếu	(009557	6	11	2	TNB1	MT11KT01 ...	A01-	123 78901234567
*	A03	506011	Lập trình web (bt)		39	Nguyễn Hữu	Hiếu	(009557	5	9	2	TNB1	MT11KH02 ...	A01-	123 78901234567
*	TNM1	506011	Lập trình web (bt)		47	Nguyễn Hữu	Hiếu	(009557	6	9	2	TNB1	MT11KHTN ...	TNMT	123 78901234567
	A01	506012	H/thống thiết bị di động	3	61			(	2	5	2	602C6	MT11KH01 ...		1234 78901234567
	TNMT	506012	H/thống thiết bị di động	3	11			(	2	3	2	201B2	MT11KHTN		1234 78901234567
*	A01	506013	H/thốngthiếtbị d/động(bt		32	Nguyễn Hồng	Nam	(003380	5	9	2	NETLAB	MT11KH01 ...	A01-	123 78901234567
*	A02	506013	H/thốngthiếtbị d/động(bt		29	Nguyễn Hồng	Nam	(003380	5	11	2	NETLAB	MT11KH02 ...	A01-	123 78901234567
*	TNMT	506013	H/thốngthiếtbị d/động(bt		11	Nguyễn Hồng	Nam	(003380	5	5	2	NETLAB	MT11KHTN	TNMT	123 78901234567
	A01	600001	Thực tập nhận thức	2	0			( )					HC13KTDK		1234 78901234567
	A02	600001	Thực tập nhận thức	2	0			( )					HC13KTHC		1234 78901234567
	A03	600001	Thực tập nhận thức	2	0			( )					HC13KTHL		1234 78901234567
	A04	600001	Thực tập nhận thức	2	0			( )					HC13KTMB		1234 78901234567
	A05	600001	Thực tập nhận thức	2	0			( )					HC13KTVS		1234 78901234567
	L06	600001	Thực tập nhận thức	2	0			( )					HC13CHC		1234 78901234567
	L07	600001	Thực tập nhận thức	2	0			( )					HC13DK		1234 78901234567
	L08	600001	Thực tập nhận thức	2	0			( )					HC13HD		1234 78901234567
	L09	600001	Thực tập nhận thức	2	0			( )					HC13HLY		1234 78901234567
	L10	600001	Thực tập nhận thức	2	0			( )					HC13MB		1234 78901234567
	L11	600001	Thực tập nhận thức	2	0			( )					HC13SH		1234 78901234567
	L12	600001	Thực tập nhận thức	2	0			( )					HC13VS		1234 78901234567
	A01	600002	Anh Văn Kỹ Thuật	2	45	Lê Thành	Dũng	(003138	4	4	3	401C6	HLHC2		1234 78901234567
	QT01	600031	Process Engineering I	3	26	Tạ Đăng	Khoa	(002346	2	3	4	509A4	CT13AHH ...		01234567
									2	3	4	509A4			1234 789
	A02	601001	TN chuyên đề dầu khí	2	34	Phạm Hồ Mỹ	Phương	(001916	6	3	4	PCDHDK	HC12DK ...		123 789012345678

KH	Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
	A01	601003	Công nghệ lọc dầu	2	50	Dương Thành	Trung	(001090	5	1	3	202B1	HC11DK ...		123 789012345678
	A01	601006	Các sản phẩm dầu khí	2	26	Dương Thành	Trung	(001090	2	1	3	301B2	HC11DK ...		1234 78901234567
	A01	601008	Cơ sở kỹ thuật polymer	2	14	Nguyễn Nam	Trung	(003373	6	1	3	313B1	HC12DK ...		123 789012345678
	A01	601009	KT đường ống,bể Chứa Dầu	2	20	Trần Hải	Ưng	(001687	6	4	3	313B1	HC12DK ...		123 789012345678
	A01	601010	C/bằng v/chất& cb nlượng	2	29	Phạm Hồ Mỹ	Phương	(001916	2	4	3	301B2	HC12DK ...		1234 78901234567
	A01	601012	Công nghệ hóa dầu	2	19	Đào Thị Kim	Thoa	(002390	4	4	3	301B2	HC11DK ...		1234 78901234567
	A01	601016	Xúc tác Cn Trg Cb Dầukhí	2	34	Lưu Cẩm	Lộc	(003014	3	4	3	201B1	HC11DK ...		1234 78901234567
	A01	601017	TB trg cn c/biến dầu khí	2	20	Huỳnh	Quyền	(002822	3	1	3	GDB2A	HC11DK ...		1234 78901234567
	A01	601018	Nhiên Liệu S/học&tái tạo	2	16	Phạm Hồ Mỹ	Phương	(001916	3	4	3	202B1	HC11DK ...		1234 78901234567
	A01	601019	Vận Hành&tốiưu Nm Lọcdầu	2	21	Nguyễn Kim	Trung	(002597	3	1	3	201B1	HC11DK ...		1234 78901234567
	A02	601020	ĐAMH chuyên ngành	2	6	Nguyễn Kim	Trung	(002597)					HC12DK ...		1234 78901234567

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 123456789012345678901234 5
A01	601302	Thực tập tốt nghiệp	3	0	Phan Hồng	Phương	(003217)					HC11DK		1234 78901234567
A02	601302	Thực tập tốt nghiệp	3	0	Phan Hồng	Phương	(003217)					HC11KTDK		1234 78901234567
A01	601303	Luận văn tốt nghiệp	10	0								LVTN		1234 78901234567
P01	601702	Nguyên lý hóa côngnghiệp	2	78	Dương Thành	Trung	(001090	3	5	2	501C6	VP12CDT ...		1234 78901234567
P01	601703	Ăn mòn & chống ăn mòn(2a	1	30	Dương Thành	Trung	(001090	5	10	3	203B10	VP11CDT ...		01234
A01	602001	Hóa keo	2	50	Nguyễn Ngọc	Hạnh	(001094	6	4	3	315B1	HC12HLY ...		123 789012345678
A01	602006	Hóa Học nano	2	81	Nguyễn Ngọc	Hạnh	(001094	3	1	3	203B1	HC11HLY ...		1234 78901234567
L01	602007	Hóa lý hóa keo	2	67	Ngô Mạnh	Thắng	(001906	2	3	2	205H2	DC13DK ...		1234 7890123
								4	3	2	205H2			1 3 7 9 1 3 5
L02	602007	Hóa lý hóa keo	2	93	Ngô Mạnh	Thắng	(001906	2	1	2	202H2	DC13KS ...		1234 7890123
								4	1	2	205H2			1 3 7 9 1 3 5
A01	602008	Phân tích kỹ thuật	2	57	Trần Thị Kiều	Anh	(001872	4	7	3	302B1	HC11HLY ...		1234 78901234567
A02	602011	Hóa phân tích	2	52	Trần Thị Kiều	Anh	(001872	6	4	3	211B1	HLHC1		123 789012345678
L01	602011	Hóa phân tích	2	76	Nguyễn Thị Thu	Vân	(000653	5	1	4	110H6	HC13SH		123 78901234
L01	602012	Thí nghiệm hóa phân tích	2	40	Trần Thị Minh	Hiếu	(002039	2	7	5	PTNHPT	HC13CHC		123 890123456
L02	602012	Thí nghiệm hóa phân tích	2	27	Trần Thị Kiều	Anh	(001872	3	1	5	PTNHPT	HC13DK		123 890123456
L03	602012	Thí nghiệm hóa phân tích	2	30	Trần Thị Minh	Hiếu	(002039	2	1	5	PTNHPT	HC13HD		123 890123456
L04	602012	Thí nghiệm hóa phân tích	2	38	Trần Thị Minh	Hiếu	(002039	4	1	5	PTNHPT	HC13HLY		123 890123456
L05	602012	Thí nghiệm hóa phân tích	2	39	Trần Thị Minh	Hiếu	(002039	6	7	5	PTNHPT	HC13MB		123 890123456
L06	602012	Thí nghiệm hóa phân tích	2	16	Trần Thị Minh	Hiếu	(002039	6	1	5	PTNHPT	HC13MB		123 890123456
L07	602012	Thí nghiệm hóa phân tích	2	37	Trần Thị Kiều	Anh	(001872	3	7	5	PTNHPT	HC13VS		123 890123456
QT01	602012	Thí nghiệm hóa phân tích	2	26	Trần Thị Kiều	Anh	(001872	7	2	5	PTNHPT	CT13AHH ...		123 890123456
TNH1	602012	Thí nghiệm hóa phân tích	2	16	Trần Thị Kiều	Anh	(001872	8	1	6	PTNHPT	HC13KTDK ...		123 8901234
TNH2	602012	Thí nghiệm hóa phân tích	2	23	Lâm Hoa	Hùng	(003049	4	7	6	PTNHPT	HC13KTHL ...		123 8901234
A01	602013	Hóa lý 1	2	55	Nguyễn Ngọc	Hạnh	(001094	2	1	3	502B4	HLHC1		1234 78901234567
A01	602030	Ăn mòn & bảo vệ vật liệu	2	88	Vũ Đình	Huy	(002507	3	4	3	212B1	HC11HLY ...		1234 78901234567
A02	602044	Thí nghiệm xúc tác	2	15	Nguyễn Ngọc	Điền	(000654	5	1	6	PDHOA	HC12HLY ...		123 7890123
A01	602045	TN kỹ thuật điện hóa	2	35	Nguyễn Ngọc	Điền	(000654	2	7	6	PDHOA	HC11HLY ...		1234 78901234567
A01	602046	Hóa lý kỹ thuật	2	31	Dương Thành	Trung	(001090	4	4	3	303C4	CK12INN		1234 78901234567
L02	602046	Hóa lý kỹ thuật	2	84	Dương Thành	Trung	(001090	3	7	4	311H6	VL1301 ...		1234 7890123
L03	602046	Hóa lý kỹ thuật	2	116	Dương Thành	Trung	(001090	6	7	4	401H2	VL1303 ...		123 78901234
A01	602048	Hóa lý 2	2	51	Ngô Thanh	An	(001930	6	1	3	302B1	HC13KTTP ...		123 789012345678
L02	602048	Hóa lý 2	2	100	Ngô Thanh	An	(001930	5	7	4	306H2	HC13CHC ...		123 78901234
L03	602048	Hóa lý 2	2	80	Nguyễn Quang	Long	(002468	4	7	4	208H6	HC13DK ...		1234 7890123
L04	602048	Hóa lý 2	2	67	Nguyễn Quang	Long	(002468	6	7	4	205H6	HC13HD ...		123 78901234
L05	602048	Hóa lý 2	2	82	Nguyễn Quang	Long	(002468	2	1	4	302H2	HC13MB ...		1234 7890123
QT01	602048	Hóa lý 2	2	26	Nguyễn Quang	Long	(002468	5	4	3	202A4A	CT13AHH ...		123 789012345678
TNHC	602048	Hóa lý 2	2	40	Ngô Thanh	An	(001930	4	4	3	202B2	HC13KTDK ...		1234 78901234567
L01	602107	Thí nghiệm hóa phân tích	1	30	Trần Thị Kiều	Anh	(001872	5	1	5	PTNHPT	VL1301		123 567
L02	602107	Thí nghiệm hóa phân tích	1	32	Trần Thị Kiều	Anh	(001872	5	7	5	PTNHPT	VL1302		123 567
L03	602107	Thí nghiệm hóa phân tích	1	36	Đỗ Thị An	Sa	(002818	7	7	5	PTNHPT	VL1303		3 8 0 2 4 6
L04	602107	Thí nghiệm hóa phân tích	1	36	Đỗ Thị An	Sa	(002818	7	7	5	PTNHPT	VL1304		7 9 1 3 5 7
L05	602107	Thí nghiệm hóa phân tích	1	39	Lâm Hoa	Hùng	(003049	8	7	5	PTNHPT	VL1305		123 890
A01	602302	Thực tập tốt nghiệp	3	0			( )					HC11HLY		1234 78901234567
A02	602302	Thực tập tốt nghiệp	3	0			( )					HC11KTHL		1234 78901234567
A01	602303	Luận văn tốt nghiệp	10	3								LVTN		1234 78901234567

L01	603001	Dinh dưỡng	2	62	Trần Thị Thu Trà	(001686	4	1	4	210H6	HC13TP1 ...		1234 7890
TNHC	603001	Dinh dưỡng	2	20	Trần Thị Thu Trà	(001686	2	5	2	201B2	HC13KTTP		1234 78901234567
L01	603007	Vi sinh thực phẩm	3	62	Trần Thị Ngọc Yên	(003458	3	1	4	214H6	HC13TP1 ...		1234 78901234567
TNHC	603007	Vi sinh thực phẩm	3	20	Trần Thị Ngọc Yên	(003458	6	9	4	202B2	HC13KTTP		123 789012345678
A01	603008	Luật thực phẩm	2	15	Đồng Thị Anh Đào	(001365	3	1	2	302B2	HC11KTTP		1234 78901234567
A01	603010	Phát triển sp thực phẩm	2	10	Nguyễn Thị Hiền	(001699	2	2	2	201B1	HC11KTTP ...		1234 78901234567

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy	Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
L01	603022	Thí nghiệm hóa sinh tp	2	24	Trần Thị Hồng Hạnh	(002433	2	7	5	305B2	HC13TP1		1234 78901234
L02	603022	Thí nghiệm hóa sinh tp	2	22	Trần Thị Hồng Hạnh	(002433	2	1	5	305B2	HC13TP2 ...		1234 78901234
L03	603022	Thí nghiệm hóa sinh tp	2	16	Trần Thị Hồng Hạnh	(002433	6	7	5	305B2	HC13TP2		123 789012345
TNHC	603022	Thí nghiệm hóa sinh tp	2	20	Nguyễn Thị Nguyên	(001893	3	8	5	305B2	HC13KTTP		1234 78901234
A01	603078	Cn sx đường & bánh kẹo	2	60	Trần Thị Thu Trà	(001686	3	5	2	301B1	HC11TP1 ...		1234 78901234567
TNHC	603078	Cn sx đường & bánh kẹo	2	16	Trần Thị Thu Trà	(001686	3	3	2	202B2	HC11KTTP		1234 78901234567
A01	603083	CN c/biến trà,café,cacao	2	60	Lại Quốc Đạt	(002550	3	3	2	301B1	HC11TP1 ...		1234 78901234567
TNHC	603083	CN c/biến trà,café,cacao	2	16	Lại Quốc Đạt	(002550	3	5	2	202B2	HC11KTTP		1234 78901234567
A01	603103	TN công nghệ thực phẩm	2	17	Nguyễn Thị Nguyên	(001893	6	7	6	TNCNTP	HC11TP1 ...		123 7890123
A02	603103	TN công nghệ thực phẩm	2	25	Huỳnh Trung Việt	(002626	6	1	6	TNCNTP	HC11TP1		123 7890123
A03	603103	TN công nghệ thực phẩm	2	19	Nguyễn Thị Nguyên	(001893	5	1	6	TNCNTP	HC11TP2		123 7890123
TNHC	603103	TN công nghệ thực phẩm	2	17	Nguyễn Thị Nguyên	(001893	5	7	6	TNCNTP	HC11KTTP		123 7890123
A01	603127	TN phân tích thực phẩm	2	18	Trần Thị Hồng Hạnh	(002433	5	1	6	305B2	HC12TP1		123 7890123
A02	603127	TN phân tích thực phẩm	2	20	Châu Trần Diễm ái	(003206	4	1	6	305B2	HC12TP2		1234 789012
A04	603127	TN phân tích thực phẩm	2	21	Châu Trần Diễm ái	(003206	4	7	6	305B2	HC12TP2 ...		1234 789012
TNHC	603127	TN phân tích thực phẩm	2	19	Trần Thị Hồng Hạnh	(002433	3	1	6	305B2	HC12KTTP		1234 789012
A01	603130	Cnghệ chế biến thực phẩm	3	72	Lê Văn Việt Mẫn	(001752	3	11	2	301B2	HC12TP1 ...		1234 78901234567
							6	9	2	301B2			
TNHC	603130	Cnghệ chế biến thực phẩm	3	20	Lê Văn Việt Mẫn	(001752	6	11	2	201B2	HC12KTTP		1234 78901234567
							3	9	2	201B2			
A01	603132	TK máy & n/máy thực phẩm	3	66	Lại Quốc Đạt	(002550	3	9	2	301B2	HC12TP1 ...		1234 78901234567
							6	7	2	301B2			
TNHC	603132	TK máy & n/máy thực phẩm	3	19	Lại Quốc Đạt	(002550	6	9	2	201B2	HC12KTTP		1234 78901234567
							3	11	2	201B2			
A01	603135	TN cảm quan thực phẩm	1	24	Nguyễn Quốc Cường	(003294	5	9	4	PTNCQ	HC11TP1 ...		123 78901
A02	603135	TN cảm quan thực phẩm	1	22	Nguyễn Quốc Cường	(003294	5	3	4	PTNCQ	HC11TP1		123 78901
A03	603135	TN cảm quan thực phẩm	1	14	Nguyễn Quốc Cường	(003294	6	1	4	PTNCQ	HC11TP2		123 78901
TNHC	603135	TN cảm quan thực phẩm	1	17	Nguyễn Quốc Cường	(003294	6	7	4	PTNCQ	HC11KTTP		123 78901
A01	603136	ĐAMH công nghệ thực phẩm	1	18		(	6	1	3	PDAMH9	HC11KTTP		123 789012345678
A02	603136	ĐAMH công nghệ thực phẩm	1	39		(	2	7	3	PDAMH6	HC11TP1		1234 78901234567
A03	603136	ĐAMH công nghệ thực phẩm	1	25		(	2	10	3	PDAMH7	HC11TP2		1234 78901234567
A01	603138	Cn bao bì, đóng gói tp	2	75	Đồng Thị Anh Đào	(001365	5	11	2	301B2	HC12TP1 ...		123 789012345678
TNHC	603138	Cn bao bì, đóng gói tp	2	21	Đồng Thị Anh Đào	(001365	5	9	2	202B9	HC12KTTP		123 789012345678
A01	603302	Thực tập tốt nghiệp	3	0		( )					HC11KTTP		1234 78901234567
A02	603302	Thực tập tốt nghiệp	3	0		( )					HC11TP1		1234 78901234567
A03	603302	Thực tập tốt nghiệp	3	0		( )					HC11TP2		1234 78901234567
A01	603303	Luận văn tốt nghiệp	10	4							LVTN		1234 78901234567

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy	Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
A01	604001	Hóa học đại cương A	3	69	Lê Minh Viễn	(003322	5	8	2	202B1	MT13KHTN ...		123 789012345678
							3	11	2	202B6			

KH	Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy	Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học
	L02	604001	Hóa học đại cương A	3	92	Nguyễn Thị Bạch Tuyết	(001898	6	1	4	201H2	MT13KH01 ...		123 789012345678
	L03	604001	Hóa học đại cương A	3	91	Nguyễn Thị Bạch Tuyết	(001898	3	1	4	708H1	MT13KH02 ...		1234 78901234567
	A01	604002	Hóa học đại cương B	2	103	Phan Hồng Phương	(003217	4	10	3	305B1	HL01		1234 78901234567
	TT01	604002	Hóa học đại cương B	2	0	Nguyễn Tuấn Anh	(003106	2	10	3	506A4	CT14TIE2		123 789012345678
	A01	604003	Thí nghiệm hóa đại cương	1	25	Đỗ Thị Minh Hiếu	(003310	4	9	4	405B2	MT13KHTN		1234 78901
	A02	604003	Thí nghiệm hóa đại cương	1	27	Nguyễn Phước Thiên	(002557	4	3	4	405B2	MT13KHTN		1234 78901
	A03	604003	Thí nghiệm hóa đại cương	1	25	Đỗ Thị Minh Hiếu	(003310	3	3	4	405B2	MT13KTTN		1234 78901
	L04	604003	Thí nghiệm hóa đại cương	1	43	Nguyễn Phước Thiên	(002557	3	7	4	501H1	MT13KH01 ...		234 78901
	L05	604003	Thí nghiệm hóa đại cương	1	22	Trần Thị Thanh Thúy	(002815	4	1	4	501H1	MT13KH02		234 78901
	L06	604003	Thí nghiệm hóa đại cương	1	30	Trần Thị Thanh Thúy	(002815	2	7	4	502H1	MT13KH03		234 78901
	L07	604003	Thí nghiệm hóa đại cương	1	32	Ngô Văn Cờ	(001193	2	7	4	504H1	MT13KH04		234 78901
	L08	604003	Thí nghiệm hóa đại cương	1	19	Ngô Văn Cờ	(001193	4	1	4	502H1	MT13KH05		234 78901
	L09	604003	Thí nghiệm hóa đại cương	1	40	Võ Nguyễn Lam Uyên	(002435	3	7	4	504H1	MT13KH06 ...		234 78901
	L10	604003	Thí nghiệm hóa đại cương	1	28	Võ Nguyễn Lam Uyên	(002435	3	1	4	501H1	MT13KT01		234 78901
	L11	604003	Thí nghiệm hóa đại cương	1	20	Nguyễn Phước Thiên	(002557	2	7	4	501H1	MT13KT02		234 78901
	A01	604004	Các pp vlý ngcứu chấtrắn	2	46	Lê Minh Viễn	(003322	4	4	3	211B1	HC11KTVS ...		1234 78901234567
	A01	604006	ĐAMH chuyên ngành	2	32	Lê Minh Viễn	(003322	5	1	3	PDAMH7	HC11KTVS ...		123 789012345678
	A01	604009	Hóa vô cơ	2	55	Trần Minh Hương	(001880	2	4	3	605B4	HLHC1		1234 78901234567
	A01	604038	Giản đồ pha	2	37	Trần Minh Hương	(001880	5	4	3	302B2	HC11KTVS ...		123 789012345678
	TT01	604046	Thí nghiệm hóa đại cương	1	0	Huỳnh Kỳ Phương Hạ	(001871	2	3	4	405B2	CT14TIE1		1234 7890
	TT02	604046	Thí nghiệm hóa đại cương	1	0	Huỳnh Kỳ Phương Hạ	(001871	6	3	4	405B2	CT14TIE1		123 78901
*	A01	604048	Bài tập hóa đại cương A		33	Phan Hồng Phương	(003217	6	11	2	301B4	MT13KHTN	A01-	123 789012345678
*	A02	604048	Bài tập hóa đại cương A		17	Phan Hồng Phương	(003217	6	9	2	301B4	MT13KTTN	A01-	123 789012345678
*	A11	604048	Bài tập hóa đại cương A		19	Phan Hồng Phương	(003217	6	7	2	502B4	HL01	A01-	3 8 0 2
*	L03	604048	Bài tập hóa đại cương A		26	Phan Hồng Phương	(003217	5	5	2	109H6	MT13KH01 ...	L02-	2 7 9 1
*	L04	604048	Bài tập hóa đại cương A		25	Phan Hồng Phương	(003217	5	3	2	109H6	MT13KH05 ...	L02-	2 7 9 1
*	L05	604048	Bài tập hóa đại cương A		41	Phan Hồng Phương	(003217	5	5	2	109H6	MT13KH06 ...	L02-	3 8 0 2
*	L08	604048	Bài tập hóa đại cương A		22	Phan Hồng Phương	(003217	5	1	2	109H6	MT13KH02 ...	L03-	2 7 9 1
*	L09	604048	Bài tập hóa đại cương A		33	Phan Hồng Phương	(003217	5	1	2	109H6	MT13KH03 ...	L03-	3 8 0 2
*	L10	604048	Bài tập hóa đại cương A		36	Phan Hồng Phương	(003217	5	3	2	109H6	MT13KH04 ...	L03-	3 8 0 2
	A01	604101	TN chuyên ngành vô cơ	2	7	Huỳnh Kỳ Phương Hạ	(001871	3	7	6	213B2	HC11KTVS ...		1234 78901234567
	A01	604104	Cn Sx các chất màu vô cơ	2	32	Ngô Văn Cờ	(001193	3	1	3	211B1	HC11KTVS ...		1234 78901234567
	A01	604302	Thực tập tốt nghiệp	3	0		( )					HC11KTVS		1234 78901234567
	A02	604302	Thực tập tốt nghiệp	3	1		( )					HC11VS		1234 78901234567

KH	Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy	Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
	A01	604303	Luận văn tốt nghiệp	10	2							LVTN		1234 78901234567
	A01	605002	Mô phỏng & tối ưu hóa	3	84	Tạ Đăng Khoa	(002346	6	9	2	313B1	HC12CHC ...		1234 78901234567
								3	11	2	314B1			
	A02	605002	Mô phỏng & tối ưu hóa	3	57	Tạ Đăng Khoa	(002346	6	11	2	201B1	HC12DK ...		1234 78901234567
								3	9	2	315B1			
	A03	605002	Mô phỏng & tối ưu hóa	3	96	Hoàng Ngọc Hà	(003246	5	11	2	313B1	HC12HD ...		1234 78901234567
								2	11	2	201B1			
	TNHC	605002	Mô phỏng & tối ưu hóa	3	40	Hoàng Ngọc Hà	(003246	2	9	2	201B2	HC12KTDK ...		1234 78901234567
								5	9	2	202B2			
	L01	605031	Các quá trình cơ học A	3	120	Hoàng Minh Nam	(000766	4	1	4	305H6	HC13CHC ...		1234 78901234567
	L02	605031	Các quá trình cơ học A	3	114	Hoàng Minh Nam	(000766	6	1	4	206H2	HC13DK ...		123 789012345678
	QT01	605031	Các quá trình cơ học A	3	27	Nguyễn Hữu Hiếu	(001986	6	9	4	202A4A	CT13AHH ...		1234 78901234567
	TNHC	605031	Các quá trình cơ học A	3	40	Nguyễn Hữu Hiếu	(001986	3	3	4	201B9	HC13KTDK ...		1234 78901234567
	A01	605037	Kỹ thuật phản ứng	2	106	Vũ Bá Minh	(000537	2	4	3	403C6	HLHC2		123 78901234567
	A01	605038	TN Quá trình thiết bị	2	40	Ngô Văn Tuyền	(003023	4	1	6	TNQTTB	HC12SH ...		1234 789012
	A02	605038	TN Quá trình thiết bị	2	42	Nguyễn Thị Như Ngọc	(002370	3	1	6	TNQTTB	HC12HD ...		1234 789012

KH	Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy	Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
	A03	605038	TN Quá trình thiết bị	2	40	Nguyễn Thị Như Ngọc	(002370	2	7	6	TNQTTB	HC12DK ...		1234 789012
	A04	605038	TN Quá trình thiết bị	2	38	Nguyễn Thị Như Ngọc	(002370	3	7	6	TNQTTB	HC12HLY		1234 789012
	A05	605038	TN Quá trình thiết bị	2	40	Nguyễn Sỹ Xuân Ân	(001981	5	7	6	TNQTTB	HC12MB		123 7890123
	A06	605038	TN Quá trình thiết bị	2	41	Ngô Văn Tuyền	(003023	4	7	6	TNQTTB	HC12SH		1234 789012
	A07	605038	TN Quá trình thiết bị	2	40	Nguyễn Sỹ Xuân Ân	(001981	5	1	6	TNQTTB	HC12TP2		123 7890123
	A08	605038	TN Quá trình thiết bị	2	30	Nguyễn Thị Như Ngọc	(002370	2	1	6	TNQTTB	HC12VS ...		1234 789012
	TNH1	605038	TN Quá trình thiết bị	2	37	Nguyễn Sỹ Xuân Ân	(001981	6	7	6	TNQTTB	HC12KTDK ...		123 7890123
	TNH2	605038	TN Quá trình thiết bị	2	22	Nguyễn Sỹ Xuân Ân	(001981	6	1	6	TNQTTB	HC12KTTP		123 7890123
	A01	605040	ĐAMH Quá trình &thiết bị	2	96		( )					HC11SH		1234 78901234567
	A01	605060	Lý thuyết truyền vận	2	11	Trịnh Văn Dũng	(001884	6	4	3	201B1	HC11KTMB ...		123 789012345678
	A01	605061	Kt Chưng Cất Đa Cấu Tử	2	23	Mai Thanh Phong	(002754	4	4	3	201B1	HC11KTMB ...		1234 78901234567
	A01	605062	KT phản ứng dị thể	2	15	Vũ Bá Minh	(000537	4	1	3	201B1	HC11KTMB ...		1234 78901234567
	A01	605063	Kỹ thuật lạnh	2	29	Trần Văn Ngũ	(001759	6	1	3	203B1	HC11KTMB ...		123 789012345678
	A01	605064	Cơ học lc phi Newton	2	33	Vũ Bá Minh	(000537	2	1	3	315B1	HC11KTMB ...		1234 78901234567
	A01	605066	Kỹ Thuật Chân Không	2	61	Hoàng Minh Nam	(000766	2	4	3	315B1	HC11KTMB ...		1234 78901234567
	A01	605068	Kỹ thuật môi trường	2	50	Nguyễn Thị Lê Liên	(001950	2	4	3	201B1	HC11KTTP ...		1234 78901234567
	A02	605068	Kỹ thuật môi trường	2	59	Cao Thị Nhung	(002283	5	1	3	212B1	HC12DK ...		123 789012345678
	A01	605069	CSTKế máy & t/bị hóa học	2	77	Hoàng Trung Ngôn	(002318	2	7	3	301B2	HC12CHC ...		1234 78901234567
	A02	605069	CSTKế máy & t/bị hóa học	2	69	Hoàng Trung Ngôn	(002318	4	7	3	201B1	HC12DK ...		1234 78901234567
	A03	605069	CSTKế máy & t/bị hóa học	2	49	Nguyễn Quý	(003041	6	10	3	202B1	HC12HD ...		123 789012345678
	A04	605069	CSTKế máy & t/bị hóa học	2	62	Nguyễn Hữu Hiếu	(001986	5	8	3	201B1	HC12SH		123 789012345678
	TNHC	605069	CSTKế máy & t/bị hóa học	2	40	Nguyễn Quý	(003041	3	10	3	206B1	HC12KTDK ...		1234 78901234567
	A01	605071	Công Nghệ Hạt Bột	2	33	Lê Thị Kim Phụng	(001917	2	4	3	302B2	HC11HD		1234 78901234567
	A01	605072	Sx Dược Phẩm & Đóng Gói	2	32	Lê Thị Kim Phụng	(001917	2	1	3	302B2	HC11HD		1234 78901234567
	A01	605074	TN C/ngành CN SX D/phẩm	2	29	Phạm Trọng Liêm Châu	(003503	3	9	4	117B2	HC11HD		1234
								3	9	4	117B2			7890
								3	9	4	117B2			567
								3	9	4	117B2			1234
	L01	605105	Truyền nhiệt A	3	120	Trần Văn Ngũ	(001759	3	1	4	305H6	HC13CHC ...		1234 78901234567
	L02	605105	Truyền nhiệt A	3	114	Trần Tấn Việt	(002349	5	1	4	302H2	HC13DK ...		123 789012345678
	QT01	605105	Truyền nhiệt A	3	26	Trần Tấn Việt	(002349	4	3	4	202A4A	CT13AHH ...		1234 78901234567
	TNHC	605105	Truyền nhiệt A	3	41	Nguyễn Đình Quân	(002233	4	2	2	202B2	HC13KTDK ...		1234 78901234567
								6	2	2	201B2			
	A01	605107	Thực tập qúa trình & tbị	2	0	Nguyễn Sỹ Xuân Ân	(001981)					HC12CHC		1234 78901234567
	A02	605107	Thực tập qúa trình & tbị	2	0	Nguyễn Sỹ Xuân Ân	(001981)					HC12DK		1234 78901234567
	A03	605107	Thực tập qúa trình & tbị	2	0	Nguyễn Sỹ Xuân Ân	(001981)					HC12HD		1234 78901234567
	A04	605107	Thực tập qúa trình & tbị	2	0	Nguyễn Sỹ Xuân Ân	(001981)					HC12HLY		1234 78901234567
	A05	605107	Thực tập qúa trình & tbị	2	0	Nguyễn Sỹ Xuân Ân	(001981)					HC12KTDK		1234 78901234567
	A06	605107	Thực tập qúa trình & tbị	2	0	Hoàng Trung Ngôn	(002318)					HC12KTHC		1234 78901234567
	A07	605107	Thực tập qúa trình & tbị	2	0	Hoàng Trung Ngôn	(002318)					HC12KTHL		1234 78901234567
	A08	605107	Thực tập qúa trình & tbị	2	0	Hoàng Trung Ngôn	(002318)					HC12KTMB		1234 78901234567
	A09	605107	Thực tập qúa trình & tbị	2	0	Hoàng Trung Ngôn	(002318)					HC12KTTP		1234 78901234567
	A10	605107	Thực tập qúa trình & tbị	2	0	Nguyễn Thị Như Ngọc	(002370)					HC12KTVS		1234 78901234567
	A11	605107	Thực tập qúa trình & tbị	2	0	Nguyễn Thị Như Ngọc	(002370)					HC12MB		1234 78901234567
	A12	605107	Thực tập qúa trình & tbị	2	0	Nguyễn Thị Như Ngọc	(002370)					HC12SH		1234 78901234567
	A13	605107	Thực tập qúa trình & tbị	2	0	Nguyễn Thị Như Ngọc	(002370)					HC12TP1		1234 78901234567
	A14	605107	Thực tập qúa trình & tbị	2	0	Nguyễn Thị Như Ngọc	(002370)					HC12TP2		1234 78901234567
	A15	605107	Thực tập qúa trình & tbị	2	0	Nguyễn Thị Như Ngọc	(002370)					HC12VS		1234 78901234567
	A01	605109	ĐAMH chuyên ngành	2	26		(	3	1	3	PDAMH9	HC11KTMB ...		1234 78901234567
	A02	605109	ĐAMH chuyên ngành	2	13		(	2	4	3	PDAMH6	HC12KTMB ...		1234 78901234567

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy	Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học
L01	605113	Các quá trình cơ học B	2	51	Nguyễn Đình Quân	(002233	6	7	4	110H6	HC13SH	123	78901234
L02	605113	Các quá trình cơ học B	2	69	Nguyễn Hữu Hiếu	(001986	6	1	4	214H6	HC13TP1 ...	123	78901234
TNHC	605113	Các quá trình cơ học B	2	20	Nguyễn Văn Lục	(000129	4	4	3	207B1	HC13KTTP	1234	78901234567
L01	605115	Truyền Nhiệt B	2	56	Nguyễn Thanh Quang	(003330	2	7	4	112H6	HC13SH	1234	7890123
L02	605115	Truyền Nhiệt B	2	74	Tạ Đăng Khoa	(002346	4	7	4	214H6	HC13TP1 ...	1234	7890123
TNHC	605115	Truyền Nhiệt B	2	20	Trần Văn Ngũ	(001759	5	4	3	202B2	HC13KTTP	123	789012345678
A01	605117	ƯD Tinhọc trg CN hóa học	3	74	Nguyễn Đình Thọ	(001496	6	11	2	313B1	HC12CHC ...	1234	78901234567
							3	**9**	**2**	**314B1**			
A02	605117	ƯD Tinhọc trg CN hóa học	3	53	Nguyễn Đình Thọ	(001496	6	9	2	201B1	HC12DK ...	1234	78901234567
							3	11	2	315B1			

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy	Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
A03	605117	ƯD Tinhọc trg CN hóa học	3	80	Trịnh Văn Dũng	(001884	2	9	2	201B1	HC12HD ...	1234	78901234567
							5	**9**	**2**	**313B1**			
A04	605117	ƯD Tinhọc trg CN hóa học	3	51	Bùi Ngọc Pha	(003578	6	8	2	203B1	HC12SH	123	789012345678
							5	**11**	**2**	**201B1**			
A05	605117	ƯD Tinhọc trg CN hóa học	3	64	Trần Tấn Việt	(002349	6	11	2	301B2	HC12TP1 ...	123	789012345678
							5	**9**	**2**	**301B2**			
TNHC	605117	ƯD Tinhọc trg CN hóa học	3	59	Trịnh Văn Dũng	(001884	2	11	2	202B9	HC12KTDK ...	1234	78901234567
							5	**11**	**2**	**202B9**			
A01	605302	Thực tập tốt nghiệp	3	0	Hoàng Trung Ngôn	(002318)					HC11KTMB	1234	78901234567
A02	605302	Thực tập tốt nghiệp	3	0	Nguyễn Sỹ Xuân Ân	(001981)					HC11MB	1234	78901234567
A01	605303	Luận văn tốt nghiệp	10	5							LVTN	1234	78901234567
A01	606001	Hóa Học Xanh	2	58	Trương Vũ Thanh	(002773	6	1	3	315B1	HC12CHC ...	123	789012345678
L10	606003	Thí nghiệm hóa hữu cơ B	1	17	Tống Thanh Danh	(002803	6	2	5	404B2	VL12KL	123	789
L11	606003	Thí nghiệm hóa hữu cơ B	1	20	Vũ Hoàng Lan Phương	(003536	6	7	5	404B2	VL12KL	123	789
L12	606003	Thí nghiệm hóa hữu cơ B	1	22	Nguyễn Kim Chung	(003452	2	7	5	404B2	VL12PO ...	1234	78
L13	606003	Thí nghiệm hóa hữu cơ B	1	22	Nguyễn Đăng Khoa	(003394	3	7	5	404B2	VL12PO	1234	78
L14	606003	Thí nghiệm hóa hữu cơ B	1	23	Nguyễn Đăng Khoa	(003394	3	1	5	404B2	VL12PO	1234	78
L15	606003	Thí nghiệm hóa hữu cơ B	1	22	Nguyễn Thái Anh	(003278	2	1	5	404B2	VL12SI ...	1234	78
L16	606003	Thí nghiệm hóa hữu cơ B	1	21	Nguyễn Kim Chung	(003452	2	7	5	404B2	VL12SI		901234
L17	606003	Thí nghiệm hóa hữu cơ B	1	19	Nguyễn Thái Anh	(003278	2	1	5	404B2	VL12SI		901234
A01	606005	Công nghệ hóa mỹ phẩm	2	39	Vương Ngọc Chính	(000245	3	4	3	301B2	HC11CHC ...	1234	78901234567
A01	606006	C/nghệ chất màu tự nhiên	2	28	Phan Thị Hoàng Anh	(001932	3	1	3	301B2	HC11CHC ...	1234	78901234567
A01	606009	ĐAMH chuyên ngành	2	27	Lê Thị Hồng Nhan	(001915	4	4	3	PDAMHA	HC11CHC ...	1234	78901234567
A03	606010	Hóa Hữu Cơ A	3	37	Huỳnh Khánh Duy	(002348	4	3	4	305B1	HLHC1	1234	78901234567
A04	606010	Hóa Hữu Cơ A	3	37	Phan Thanh Sơn Nam	(002130	6	7	4	305B1	HLHC2	123	789012345678
L01	606010	Hóa Hữu Cơ A	3	114	Trương Vũ Thanh	(002773	3	7	4	406H2	HC13CHC ...	1234	78901234567
L02	606010	Hóa Hữu Cơ A	3	103	Phan Thị Hoàng Anh	(001932	2	1	4	305H6	HC13DK ...	1234	78901234567
TNHC	606010	Hóa Hữu Cơ A	3	40	Phan Thanh Sơn Nam	(002130	2	3	4	202B2	HC13KTDK ...	1234	78901234567
L02	606011	Thí nghiệm hóa hữu cơ A	2	18	Nguyễn Trần Vũ	(003512	5	8	5	404B2	HC13SH	123	789012345
L03	606011	Thí nghiệm hóa hữu cơ A	2	22	Phan Nguyễn Quỳnh Anh	(003221	4	1	5	404B2	HC13SH	1234	78901234
L04	606011	Thí nghiệm hóa hữu cơ A	2	21	Phan Nguyễn Quỳnh Anh	(003221	4	7	5	404B2	HC13SH	1234	78901234
A01	606027	C/nghệ các chất tẩy rửa	2	26	Lê Thị Hồng Nhan	(001915	4	10	3	303B6	HLHC1	1234	78901234567
A01	606042	H/học& kt chất hđ bề mặt	2	36	Lê Thị Hồng Nhan	(001915	2	1	3	605B4	HC12CHC ...	1234	78901234567
A01	606044	Kỹ thuật nhuộm - in	2	23	Phạm Thành Quân	(001584	6	4	3	301B2	HC11CHC ...	123	789012345678
A01	606112	Các ppxd ctrúc hợpchấthc	2	20	Lê Thành Dũng	(003138	5	1	3	301B2	HC11CHC ...	123	789012345678

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy	Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345

A01	606114	Hh C/thuốc& C/n N/l Dược	2	28	Lê Xuân	Tiến	(002685	4	4	3	314B1	HC11HD		1234 78901234567
A01	606115	Cơ Sở Tổng Hợp Thuốc	2	32	Huỳnh Khánh	Duy	(002348	6	4	3	202B1	HC11HD		123 789012345678
A01	606302	Thực tập tốt nghiệp	3	0			( )					HC11CHC		1234 78901234567
A02	606302	Thực tập tốt nghiệp	3	0			( )					HC11KTHC		1234 78901234567
A01	606303	Luận văn tốt nghiệp	10	1								LVTN		1234 78901234567
L01	607011	Hóa sinh học	2	63	Huỳnh Ngọc	Oanh	(001902	3	1	4	413H6	HC13SH		1234 7890123
QT01	607011	Hóa sinh học	2	20	Lê Phi	Nga	(003617	6	4	3	506A4	CT13AHD		123 789012345678
A02	607013	TN vi sinh	2	25	Võ Thị Ly	Tao	(003219	2	9	4	102B2	HC12SH		1234 78901234
A03	607013	TN vi sinh	2	25	Võ Thị Ly	Tao	(003219	3	3	4	102B2	HC12SH		1234 78901234
A01	607014	Công nghệ tế bào	2	63	Võ Thanh	Phúc	(003500	6	10	3	203B1	HC12SH		123 789012345678
A01	607016	Công nghệ lên men	2	56	Nguyễn Thúy	Hương	(001973	6	4	3	301B1	HC12SH		123 789012345678
A01	607020	Thí nghiệm c/nghệ tế bào	2	20	Lê Thị Thủy	Tiên	(001920	3	9	4	102B2	HC12SH		1234 78901234
A02	607020	Thí nghiệm c/nghệ tế bào	2	20	Võ Thanh	Phúc	(003500	4	3	4	102B2	HC12SH		1234 78901234
A03	607020	Thí nghiệm c/nghệ tế bào	2	10	Võ Thanh	Phúc	(003500	4	9	4	102B2	HC12SH		1234 78901234
A01	607029	TN cn protein enzyme	2	18	Huỳnh Ngọc	Oanh	(001902	5	3	4	108B2	HC11SH		123 789012345678
A02	607029	TN cn protein enzyme	2	10	Trần Trúc	Thanh	(002816	4	9	4	108B2	HC11SH		1234 78901234567
A03	607029	TN cn protein enzyme	2	19	Huỳnh Ngọc	Oanh	(001902	5	9	4	108B2	HC11SH		123 789012345678
A01	607032	ĐAMH chuyên ngành	2	23			(	2	4	3	PDAMH7	HC11SH		1234 78901234567
A02	607032	ĐAMH chuyên ngành	2	22			(	2	1	3	PDAMH5	HC11SH		1234 78901234567
L01	607036	Sinh học đại cương	2	99	Lê Thị Thủy	Tiên	(001920	4	7	4	205H2	KU13VLY1 ...		1234 7890123
A01	607041	Công nghệ s/xuất vaccine	2	56	Nguyễn Kim Minh	Tâm	(003308	3	1	3	302B1	HC11SH		1234 78901234567
A01	607043	Các hc tn có h/tính shọc	2	28	Lê Thị Thủy	Tiên	(001920	2	10	3	202B1	HC11SH		1234 78901234567
A01	607050	TT công nghệ gen	2	15	Hoàng Anh	Hoàng	(003592	6	9	4	117B2	HC11SH		123 789012345678
A02	607050	TT công nghệ gen	2	16	Huỳnh	Thư	(003501	6	3	4	117B2	HC11SH		123 789012345678
A01	607302	Thực tập tốt nghiệp	3	0			( )					HC11SH		1234 78901234567
A01	607303	Luận văn tốt nghiệp	10	4								LVTN		1234 78901234567
A01	608018	C/nghệ xử lý khoáng sản	2	11	Phan Đình	Tuấn	(001879	6	1	3	302B2	HC11KTVS ...		123 789012345678
A01	608302	Thực tập tốt nghiệp	3	1			( )					HC11HD		1234 78901234567
A01	608303	Luận văn tốt nghiệp	10	2								LVTN		1234 78901234567

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
L02	610002	TN độc học môi trường	1	25	Đào Thanh	Sơn	(003561	2	1	3	701H2	MO12QLMT		1234 789012
L03	610002	TN độc học môi trường	1	25	Đào Thanh	Sơn	(003561	2	4	3	701H2	MO12QLMT		1234 789012
A01	610004	Công nghệ xanh	2	24	Lâm Văn	Giang	(002169	3	1	3	304B8	MO11QLMT		1234 78901234567
A01	610005	ĐAMH	1	45								MO11QLMT		123 789012345678
A01	610007	Qlht C/nuoc&thoat Nuocdt	2	40	Nguyễn Như	Sang	(003464	2	4	3	304B8	MO11QLMT		1234 78901234567
L03	610013	TTKT xử lý nc thải đôthị	1	45	Đặng Viết	Hùng	(001943)					MO12KMT1		123 78901234567
L04	610013	TTKT xử lý nc thải đôthị	1	35	Đặng Viết	Hùng	(001943)					MO12KMT2		123 78901234567
A01	610032	ĐAMH xử lý khí thải	1	3								DAMH		1234 78901234567
A01	610034	ĐAMH xử lý nước thải	1	50								MO11KMT1		1234 78901234567
A02	610034	ĐAMH xử lý nước thải	1	44								MO11KMT2		1234 78901234567

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học
A01	610054	Hóa kỹ thuật Môitrường 2	2	16	Đặng Vũ Bích	Hạnh	(002375	4	7	3	303B8	HLMO		1234 78901234567
L01	610056	Sinh thái học	2	64	Đào Thanh	Sơn	(003561	5	1	4	411H6	MO13QLMT		1234 7890123
L01	610059	Vi sinh vật Kt môitrường	2	60	Đặng Vũ Bích	Hạnh	(002375	4	1	4	402H2	MO13KMT1		1234 7890123
L02	610059	Vi sinh vật Kt môitrường	2	54	Đặng Vũ Bích	Hạnh	(002375	2	7	4	413H6	MO13KMT2		1234 7890123
L01	610061	Thủy văn môi trường	2	61	Nguyễn Thị	Bảy	(001541	2	7	4	411H6	MO13QLMT		123 78901234
A01	610065	Luật & ch/sách môitrường	2	47	Lê Văn	Khoa	(003331	6	4	3	305B8	MO11QLMT		123 789012345678
A01	610066	Độc học môi trường	2	83	Lâm Văn	Giang	(002169	6	1	3	304B8	MO11KMT1 ...		123 789012345678
L03	610072	Tk Chế Tạo Th/bị Mtrường	2	87	Trần Thiên	Phúc	(001520	4	1	4	404H2	MO12KMT1 ...		123 78901234
L03	610073	UD gis trong qlý mtrường	2	50	Lưu Đình	Hiệp	(001939	3	7	4	405H2	MO12QLMT		1234 7890123
L02	610075	QL chất lượng môi trường	2	88	Phạm Thị Thanh	Thúy	(002489	5	1	4	311H6	MO12KMT1 ...		123 78901234
L03	610079	Kỹ thuật xử lý nước cấp	3	43	Đặng Viết	Hùng	(001943	3	7	4	206H6	MO12KMT1		1234 78901234567
L04	610079	Kỹ thuật xử lý nước cấp	3	38	Đặng Viết	Hùng	(001943	2	7	4	110H6	MO12KMT2		1234 78901234567
A01	610081	TN xử lý chất thải	2	41	Phan Thanh	Lâm	(003364	5	2	5	VMTR	MO11KMT1		123 789012345
A02	610081	TN xử lý chất thải	2	51	Trần Thị Phi	Oanh	(002911	5	8	5	VMTR	MO11KMT2		123 789012345
L02	610082	Kinh tế môi trường	2	50	Phạm Thị Thanh	Thúy	(002489	5	7	4	405H2	MO12QLMT		123 78901234
A01	610083	Sản xuất sạch hơn	2	15	Đặng Viết	Hùng	(001943	6	10	3	304B8	MO11KMT1 ...		123 789012345678
L03	610083	Sản xuất sạch hơn	2	44	Võ Lê	Phú	(001927	2	7	4	405H2	MO12QLMT		1234 7890123
L02	610084	Mô hình hóa môi trường	2	52	Bùi Tá	Long	(003525	4	1	4	405H2	MO12QLMT		1234 7890123

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 123456789012345678901234 5
A01	610088	Phân tích hệ thống mtr	2	30	Chế Đình	Lý	(009179	6	1	3	305B8	MO11QLMT		123 789012345678
A01	610092	Tối Ưu Hóa &qhtn Mtrường	2	33	Hoàng Nguyễn Khánh	Linh	(002690	2	1	3	204B8	MO11KMT1 ...		1234 78901234567
L02	610097	Qlý tàinguyên nước&nngầm	2	47	Võ Lê	Phú	(001927	5	1	4	112H6	MO12QLMT		123 78901234
A01	610100	Đ/giá tácđộng&rủi ro mtr	2	37	Phạm Thị Thanh	Thúy	(002489	2	1	3	304B8	MO11QLMT		1234 78901234567
A01	610101	Viễn thám & thực hành	2	31	Lưu Đình	Hiệp	(001939	4	1	3	302B2	MO11QLMT		1234 78901234567
L03	610107	Kt môi trường (cn vliệu)	2	94	Đặng Vũ Bích	Hạnh	(002375	5	7	4	301H2	VL12KL ...		123 78901234
L04	610107	Kt môi trường (cn vliệu)	2	97	Đặng Viết	Hùng	(001943	4	1	4	406H2	VL12PO ...		1234 7890123
A01	610108	Iso 14000& kiểm toán Mtr	2	28	Hà Dương Xuân	Bảo	(003225	2	4	3	204B8	MO11KMT1 ...		1234 78901234567
L01	610112	TN hóa kthuật môitrường2	2	51	Phan Xuân	Thạnh	(002238	2	7	6	805H2	MO13KMT1		1234 789012
L02	610112	TN hóa kthuật môitrường2	2	51	Phan Xuân	Thạnh	(002238	5	7	6	805H2	MO13KMT2		123 7890123
L03	610112	TN hóa kthuật môitrường2	2	56	Phan Xuân	Thạnh	(002238	4	7	6	804H2	MO13QLMT		1234 789012
A01	610302	Thực tập tốt nghiệp	3	0			( )					MO11QLMT		1234 78901234567
A01	610303	Luận văn tốt nghiệp	10	3								LVTN		1234 78901234567
P01	610702	Sinh thái công nghiệp	1	72	Lâm Văn	Giang	(002169	5	4	3	501C6	VP12CDT ...		123 78
L02	611001	CN xử lý nước cấp& nthải	3	50	Nguyễn Xuân	Dương	(003596	3	1	4	405H2	MO12QLMT		1234 78901234567
A02	611004	Kt Lò đốt chất thải	2	18	Lê Anh	Kiên	(009506	3	4	3	304B8	MO11QLMT		1234 78901234567
L01	611005	Các qt hh &hl trong ktmt	2	87	Nguyễn Thế	Vinh	(002406	5	7	4	411H6	MO13QLMT		123 78901234
L03	611007	Kt T/gió&k/soát tiếng ồn	2	56	Phan Xuân	Thạnh	(002238	3	1	4	109H6	MO12KMT1		1234 7890123
L04	611007	Kt T/gió&k/soát tiếng ồn	2	19	Phan Xuân	Thạnh	(002238	6	1	4	312H6	MO12KMT2		123 78901234

L03	611008	Kt Xử lý nước thải đôthị	2	57	Nguyễn Phước	Dân	(001476	2	7	4	206H6	MO12KMT1	1234	7890123
L04	611008	Kt Xử lý nước thải đôthị	2	38	Đặng Viết	Hùng	(001943	5	7	4	109H6	MO12KMT2	123	78901234
L03	611009	KTxử lý c/thải rắn đôthị	2	40	Dương Thị	Thành	(001929	5	7	4	112H6	MO12KMT1	123	78901234
L04	611009	KTxử lý c/thải rắn đôthị	2	49	Dương Thị	Thành	(001929	3	7	4	212H6	MO12KMT2	1234	7890123
A01	611010	ĐAMH xử lý nước cấp	1	4								DAMH	1234	78901234567
A01	611012	KT xử lý nước thải cn	2	54	Nguyễn Phước	Dân	(001476	4	1	3	304B8	MO11KMT1	1234	78901234567
A02	611012	KT xử lý nước thải cn	2	43	Nguyễn Phước	Dân	(001476	5	4	3	304B8	MO11KMT2	123	789012345678
A01	611013	ĐAMH xử lý chất thải rắn	1	52								MO11KMT1	1234	78901234567
A02	611013	ĐAMH xử lý chất thải rắn	1	40								MO11KMT2	1234	78901234567

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
A01	611014	Mạng lưới Cấp&thoát Ncdt	2	28	Nguyễn Như	Sang	(003464	6	4	3	304B8	MO11KMT1 ...	123	789012345678
L02	611015	TT cn xử lý nc cấp& thải	1	44	Bùi Xuân	Thành	(002986)					MO12QLMT	123	78901234567
A01	611077	Thực tập tham quan	1	90	Phan Xuân	Thạnh	(002238)					TTTNMO	1234	78901234567
A01	611302	Thực tập tốt nghiệp	3	0			( )					MO11KMT1	1234	78901234567
A02	611302	Thực tập tốt nghiệp	3	1			( )					MO11KMT2	1234	78901234567
A01	611303	Luận văn tốt nghiệp	10	9								LVTN	1234	78901234567
A01	700200	Lập &P/Tích Dự án cho KS	2	53	Nguyễn Bắc	Nguyên	(003150	2	1	3	402C6	CK12CD1 ...	1234	78901234567
A02	700200	Lập &P/Tích Dự án cho KS	2	69	Nguyễn Ngọc Bình	Phương	(002972	6	4	3	303C5	CK12CD2 ...	123	789012345678
A03	700200	Lập &P/Tích Dự án cho KS	2	25	Phạm Tiến	Minh	(002755	4	1	3	303C5	CK12KSCD ...	1234	78901234567
A04	700200	Lập &P/Tích Dự án cho KS	2	49	Phạm Ngọc Trâm	Anh	(003248	4	4	3	303C5	CK12KTK ...	1234	78901234567
A05	700200	Lập &P/Tích Dự án cho KS	2	77	Võ Thị Ngọc	Trân	(002524	3	4	3	210B1	DD12DV1 ...	1234	78901234567
A06	700200	Lập &P/Tích Dự án cho KS	2	56	Phạm Ngọc Trâm	Anh	(003248	6	10	3	210B1	DD12DV3 ...	123	789012345678
A07	700200	Lập &P/Tích Dự án cho KS	2	55	Lại Văn	Tài	(002599	5	4	3	214B1	DD12DV5 ...	123	789012345678
A08	700200	Lập &P/Tích Dự án cho KS	2	81	Nguyễn Ngọc Bình	Phương	(002972	6	1	3	306B4	DD12KTD5 ...	123	789012345678
A09	700200	Lập &P/Tích Dự án cho KS	2	70	Võ Thị Ngọc	Trân	(002524	3	7	3	210B1	DD12KTD1 ...	1234	78901234567
A10	700200	Lập &P/Tích Dự án cho KS	2	30	Hà Văn	Hiệp	(002523	5	1	3	215B1	DD12KTD3 ...	123	789012345678
A11	700200	Lập &P/Tích Dự án cho KS	2	53	Phạm Tiến	Minh	(002755	3	10	3	210B1	DD12TD1 ...	1234	78901234567
A12	700200	Lập &P/Tích Dự án cho KS	2	18	Trần Thị Phương	Thảo	(003029	4	1	3	314B1	DD12TD3 ...	1234	78901234567
A13	700200	Lập &P/Tích Dự án cho KS	2	52	Bùi Huy Hải	Bích	(002706	6	1	3	214B1	DD12DV7 ...	123	789012345678
A14	700200	Lập &P/Tích Dự án cho KS	2	86	Trần Thị Phương	Thảo	(003029	2	10	3	301B2	HC12CHC ...	1234	78901234567
A15	700200	Lập &P/Tích Dự án cho KS	2	49	Nguyễn Tiến	Dũng	(003440	4	10	3	201B1	HC12DK ...	1234	78901234567
A16	700200	Lập &P/Tích Dự án cho KS	2	80	Lê Đức	Anh	(003151	6	7	3	202B1	HC12HD ...	123	789012345678
A17	700200	Lập &P/Tích Dự án cho KS	2	64	Hàng Lê Cẩm	Phương	(002525	3	7	3	202B1	HC12KTHL ...	1234	78901234567
A18	700200	Lập &P/Tích Dự án cho KS	2	81	Võ Thị Ngọc	Trân	(002524	4	7	3	301B2	KU12VLY ...	1234	78901234567
A19	700200	Lập &P/Tích Dự án cho KS	2	69	Nguyễn Hải Ngân	Hà	(003149	5	10	3	315B1	MT12KH01 ...	123	789012345678
A20	700200	Lập &P/Tích Dự án cho KS	2	63	Lê Đức	Anh	(003151	3	1	3	303B6	GT12OTO2 ...	1234	78901234567
A21	700200	Lập &P/Tích Dự án cho KS	2	73	Hà Văn	Hiệp	(002523	2	4	3	604B4	MT12KH03 ...	1234	78901234567
A22	700200	Lập &P/Tích Dự án cho KS	2	72	Lại Văn	Tài	(002599	5	7	3	315B1	MT12KT03 ...	123	789012345678
A24	700200	Lập &P/Tích Dự án cho KS	2	80	Nguyễn Bắc	Nguyên	(003150	2	7	3	204B8	HLQL1	1234	78901234567
L23	700200	Lập &P/Tích Dự án cho KS	2	100	Nguyễn Tiến	Dũng	(003440	5	1	4	206H2	MO13KMT1 ...	123	78901234
L24	700200	Lập &P/Tích Dự án cho KS	2	90	Nguyễn Bắc	Nguyên	(003150	4	7	4	109H6	XD13TD1 ...	1234	7890123
A01	700211	Quản lý dự án cho kỹ sư	2	80	Nguyễn Thùy	Trang	(002705	5	4	3	303C5	CK11CD1 ...	123	789012345678
A02	700211	Quản lý dự án cho kỹ sư	2	59	Nguyễn Hoàng Chí	Đức	(000677	6	1	3	308B1	CK11CTM1 ...	123	789012345678
A03	700211	Quản lý dự án cho kỹ sư	2	75	Huỳnh Thị Phương	Lan	(003247	2	7	3	501B4	DC11DK ...	1234	78901234567
A04	700211	Quản lý dự án cho kỹ sư	2	75	Huỳnh Thị Phương	Lan	(003247	4	10	3	314B1	DD11DV1 ...	1234	78901234567
A05	700211	Quản lý dự án cho kỹ sư	2	80	Nguyễn Thị Đức	Nguyên	(002989	3	7	3	204B8	DD11KTD1 ...	1234	78901234567
A06	700211	Quản lý dự án cho kỹ sư	2	49	Nguyễn Thị Đức	Nguyên	(002989	2	1	3	202B1	HC11CHC ...	1234	78901234567
A07	700211	Quản lý dự án cho kỹ sư	2	63	Huỳnh Thị Phương	Lan	(003247	3	4	3	302B1	HC11MB ...	1234	78901234567
A01	700212	Quản lý sản xuất cho Ksư	2	29	Đường Võ	Hùng	(001721	5	1	3	303C5	CK11CD1 ...	123	789012345678
A02	700212	Quản lý sản xuất cho Ksư	2	31	Nguyễn Thị Thu	Hằng	(001622	6	4	3	308B1	CK11CTM1 ...	123	789012345678
A03	700212	Quản lý sản xuất cho Ksư	2	73	Đường Võ	Hùng	(001721	4	7	3	314B1	DD11DV1 ...	1234	78901234567
A04	700212	Quản lý sản xuất cho Ksư	2	27	Đường Võ	Hùng	(001721	3	10	3	214B1	DD11KTD1 ...	1234	78901234567

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học

12345678901234567890123456789012345

Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp		NHLT	Tuần Học
A05	700212	Quản lý sản xuất cho Ksư	2	45	Nguyễn Thị Thu	Hằng	(001622	2	4	3	202B1	HC11CHC	...		1234 78901234567
A06	700212	Quản lý sản xuất cho Ksư	2	39	Đường Võ	Hùng	(001721	4	1	3	203B8	HC11TP1	...		1234 78901234567
A07	700212	Quản lý sản xuất cho Ksư	2	39	Nguyễn Bắc	Nguyên	(003150	3	4	3	306B4	DC12DK	...		1234 78901234567
A01	700213	Quản trị k/doanh cho KS	2	80	Bành Thị Uyên	Uyên	(002837	6	7	3	301C4	CK11CD1	...		123 789012345678
A02	700213	Quản trị k/doanh cho KS	2	79	Hàng Lê Cẩm	Phương	(002525	4	7	3	401C6	CK11CTM1	...		1234 78901234567
A03	700213	Quản trị k/doanh cho KS	2	81	Bành Thị Uyên	Uyên	(002837	3	4	3	402C4	CK11KTK	...		1234 78901234567
A04	700213	Quản trị k/doanh cho KS	2	56	Hứa Kiều Phương	Mai	(002707	5	10	3	214B1	DD11DV1	...		123 789012345678
A05	700213	Quản trị k/doanh cho KS	2	79	Nguyễn Ngọc Bình	Phương	(002972	2	10	3	210B1	DD11KSTD	...		1234 78901234567
A06	700213	Quản trị k/doanh cho KS	2	62	Nguyễn Văn	Tuấn	(002769	4	1	3	313B1	DD11KTD1	...		1234 78901234567
A07	700213	Quản trị k/doanh cho KS	2	53	Dương Thị Ngọc	Liên	(002566	6	1	3	202B1	HC11CHC	...		123 789012345678
A08	700213	Quản trị k/doanh cho KS	2	63	Nguyễn Văn	Tuấn	(002769	4	4	3	202B1	HC11KTTP	...		1234 78901234567
A09	700213	Quản trị k/doanh cho KS	2	81	Dương Thị Ngọc	Liên	(002566	6	4	3	203B1	HC11HLY	...		123 789012345678
A10	700213	Quản trị k/doanh cho KS	2	71	Bùi Huy Hải	Bích	(002706	5	4	3	502B4	XD11DC	...		123 789012345678
A11	700213	Quản trị k/doanh cho KS	2	78	Nguyễn Ngọc Bình	Phương	(002972	2	1	3	203B8	DC12DK	...		1234 78901234567
TT01	700403	Marketing	3	61	Vũ Thế	Dũng	(001775	6	7	3	306B1	CT12TIE1	...		789012345678901
QT01	700407	QL tổ chức & hiệu quả cv	3	11	Bành Thị Uyên	Uyên	(002837	3	7	3	202A4A	CT13UIS			1234 78901234567
A01	701004	Kỹ năng lãnh đạo	2	33	Lê Ngọc Quỳnh	Lam	(002199	2	10	3	304C5	CK11HT1			1234 78901234567
A02	701004	Kỹ năng lãnh đạo	2	38	Lê Ngọc Quỳnh	Lam	(002199	5	7	3	402C5	CK11HT2			123 789012345678
A01	701007	Quản lý bảo trì Cnghiệp	2	47	Nguyễn Kim	Anh	(001333	5	7	3	304B9	QL12CN2	...		123 789012345678
A02	701007	Quản lý bảo trì Cnghiệp	2	79	Nguyễn Kim	Anh	(001333	4	1	3	304B9	QL12CN1	...		1234 78901234567
QT01	701008	Đạo đức kinh doanh	2	12	Lê Phước	Luông	(002795	5	7	3	410A4	CT13UIS			123 789012345678
A01	701010	Kinh doanh Quốc Tế	2	40	Hứa Kiều Phương	Mai	(002707	2	1	3	305B8	QL11KD			1234 78901234567
L01	701011	P/triển kỹ năng quản trị	2	50	Bành Thị Uyên	Uyên	(002837	4	1	5	112H6	QL1301			1234 78901
L02	701011	P/triển kỹ năng quản trị	2	48	Huỳnh Bảo	Tuân	(002973	3	7	5	402H2	QL1302			1234 78901
L03	701011	P/triển kỹ năng quản trị	2	22	Huỳnh Bảo	Tuân	(002973	6	7	5	415H6	QL1303			123 789012
L04	701011	P/triển kỹ năng quản trị	2	39	Trần Thị	Tuyết	(009402	6	1	5	402H2	QL1304			123 789012
A01	701012	Thực tập 2	2	42	Nguyễn Ngọc Bình	Phương	(002972	3	7	6	TTNT28	QL12CN1			1234 78901234567
A02	701012	Thực tập 2	2	34	Hứa Kiều Phương	Mai	(002707	3	7	6	TTNT30	QL12CN2			1234 78901234567
A03	701012	Thực tập 2	2	34	Huỳnh Thị Phương	Lan	(003247	3	7	6	TTNT27	QL12KD			1234 78901234567
A04	701012	Thực tập 2	2	38	Dương Quỳnh	Nga	(003480	3	7	6	TTNT29	QL12CN1	...		1234 78901234567
QT01	701013	PP n/cứu trong k/doanh	3	11	Hứa Kiều Phương	Mai	(002707	2	7	3	202A4A	CT13UIS			1234 78901234567
A01	701016	Hành vi tổ chức	2	56	Trần Minh	Thư	(001784	2	4	3	305B8	QL11CN1	...		1234 78901234567
A02	701016	Hành vi tổ chức	2	38	Trần Minh	Thư	(001784	3	4	3	304B9	QL11CN2			1234 78901234567
L01	701017	Thực tập 1	2	38	Võ Thị Ngọc	Trân	(002524	5	1	6	TTNT2	QL1301			123 78901234567
								5	7	6	TTNT2				
L02	701017	Thực tập 1	2	37	Hứa Kiều Phương	Mai	(002707	5	1	6	TTNT23	QL1302			123 78901234567
								5	7	6	TTNT23				

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp		NHLT	Tuần Học 12345678901234567890123456789012345
L03	701017	Thực tập 1	2	40	Bành Thị Uyên	Uyên	(002837	5	7	6	TTNT24	QL1303			123 78901234567
								5	1	6	TTNT24				
L04	701017	Thực tập 1	2	40	Trần Thị Phương	Thảo	(003029	5	1	6	TTNT25	QL1304			123 78901234567
								5	7	6	TTNT25				
A01	701044	Quản lý nhân sự	3	78	Lê Thị Thanh	Xuân	(002528	2	4	3	212B1	QL12CN2	...		1234 78901234567
A02	701044	Quản lý nhân sự	3	57	Dương Thị Ngọc	Liên	(002566	4	4	3	304B9	QL12CN1	...		1234 78901234567
QT01	701044	Quản lý nhân sự	3	11	Lê Thị Thanh	Xuân	(002528	2	10	3	202A4A	CT13UIS			1234 78901234567
L01	701069	Tiếp thị	3	78	Dương Thị Ngọc	Liên	(002566	2	1	4	304H2	QL1301	...		1234 7890123
L02	701069	Tiếp thị	3	79	Hứa Kiều Phương	Mai	(002707	4	1	4	302H2	QL1302	...		1234 7890123
A01	701074	Quản lý chất lượng	3	81	Huỳnh Bảo	Tuân	(002973	2	1	3	304B9	QL12CN1	...		1234 78901234567
A02	701074	Quản lý chất lượng	3	62	Bùi Nguyên	Hùng	(000799	2	1	3	303C5	QL12CN2			1234 78901234567

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp		NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
L01	701093	Thuế	2	23	Võ Thị Thanh	Nhàn	(002527	4	7	4	206H6	QL1301	...	1234	7890123
L02	701093	Thuế	2	15	Võ Thị Thanh	Nhàn	(002527	2	7	4	202H2	QL1302	...	1234	7890123
A01	701095	Luật kinh doanh	2	76	Từ Thanh	Thảo	(009636	6	7	3	304B9	QL12CN1		123	789012345678
A02	701095	Luật kinh doanh	2	46	Từ Thanh	Thảo	(009636	6	10	3	305B8	QL12CN2	...	123	789012345678
QT01	701095	Luật kinh doanh	2	11	Nguyễn Hoàng Thùy	Trang	(009543	6	2	4	202A4A	CT13UIS		123	789012345
A01	701109	Phát triển sản phẩm mới	2	82	Huỳnh Bảo	Tuân	(002973	4	4	3	305B8	QL11CN1	...	1234	78901234567
A02	701109	Phát triển sản phẩm mới	2	51	Nguyễn Kim	Anh	(001333	6	4	3	304B9	QL11CN2		123	789012345678
L01	701115	Anh văn thương Mại 1	2	52	Nguyễn Thanh	Thủy	(003337	4	7	4	213H6	QL1301	...	1234	7890123
L02	701115	Anh văn thương Mại 1	2	23	Nguyễn Thanh	Thủy	(003337	2	7	4	306H2	QL1304	...	1234	7890123
A01	701119	Iso 9000	2	25	Nguyễn Bắc	Nguyên	(003150	3	1	3	305B8	QL11CN1	...	1234	78901234567
A02	701119	Iso 9000	2	20	Nguyễn Thị Đức	Nguyên	(002989	2	4	3	304B9	QL11CN2		1234	78901234567
A01	701120	Quản lý sx theo Lean&Jit	2	55	Lê Phước	Luông	(002795	6	4	3	203B8	QL11CN1		123	789012345678
A02	701120	Quản lý sx theo Lean&Jit	2	81	Lê Phước	Luông	(002795	5	4	3	304B9	QL11CN2		123	789012345678
A01	701124	Quản lý chiến lược	3	32	Huỳnh Thị Minh	Châu	(003390	6	10	3	304B9	QL12CN1		123	789012345678
A02	701124	Quản lý chiến lược	3	63	Lại Văn	Tài	(002599	6	7	3	305B8	QL12CN2	...	123	789012345678
L01	701125	Quản lý sản xuất 1	3	82	Đường Võ	Hùng	(001721	6	1	4	211H6	QL1301	...	123	78901234
L02	701125	Quản lý sản xuất 1	3	76	Đường Võ	Hùng	(001721	2	1	4	311H6	QL1302	...	1234	7890123
L01	701126	Kinh tế học kinh doanh	3	86	Lại Huy	Hùng	(001824	2	7	4	312H6	QL1301	...	1234	7890123
L02	701126	Kinh tế học kinh doanh	3	76	Lại Huy	Hùng	(001824	4	7	4	211H6	QL1304	...	1234	7890123
A01	701128	Quản lý dự án	3	68	Nguyễn Thùy	Trang	(002705	3	4	3	305B8	QL11CN1		1234	78901234567
A02	701128	Quản lý dự án	3	69	Nguyễn Thùy	Trang	(002705	5	1	3	304B9	QL11CN2		123	789012345678
A03	701128	Quản lý dự án	3	28	Bành Thị Uyên	Uyên	(002837	6	4	3	604B4	QL11KD		123	789012345678
A01	701130	Kế Toán 2	3	56	Võ Thị Thanh	Nhàn	(002527	5	7	3	203B8	QL12CN1		123	789012345678
A02	701130	Kế Toán 2	3	62	Võ Thị Thanh	Nhàn	(002527	5	1	3	305B8	QL12CN2		1234	78901234567
A03	701130	Kế Toán 2	3	49	Nguyễn Bích	Ngọc	(002379	2	10	3	302B4	QL12KD		1234	78901234567
QT01	701130	Kế Toán 2	3	11	Nguyễn Bích	Ngọc	(002379	5	10	3	410A4	CT13UIS		123	789012345678
L01	701131	Phương pháp định lượng	3	61	Hà Văn	Hiệp	(002523	3	7	4	211H6	QL1301	...	1234	7890123
L02	701131	Phương pháp định lượng	3	99	Võ Thị Ngọc	Trân	(002524	6	7	4	205H2	QL1302	...	123	78901234
A01	701132	Nguyên lý tài chính	3	23	Hàng Lê Cẩm	Phương	(002525	5	4	3	304C5	HLQL1		123	789012345678
A01	701134	Hệ thống tài chính	2	49	Nguyễn Hải Ngân	Hà	(003149	6	1	3	304B9	QL11CN1	...	123	789012345678
A01	701144	Ql ch/lượng trong dệtmay	2	56	Lê Song Thanh	Quỳnh	(003237	2	7	3	301C5	CK11INN	...	1234	78901234567
A01	701150	Thương mại điện tử	2	56	Hà Văn	Hiệp	(002523	5	7	3	102B10	QL11CN1	...	123	789012345678
A02	701150	Thương mại điện tử	2	68	Hà Văn	Hiệp	(002523	3	1	3	102B10	QL11CN2		1234	78901234567
L01	701157	Hệ hỗ trợ quyết định	2	64	Nguyễn Ngọc Bình	Phương	(002972	3	1	4	302H2	QL1301	...	1234	7890123
A01	701302	Thực tập tốt nghiệp	3	17			( )					QL11CN1		1234	78901234567
A02	701302	Thực tập tốt nghiệp	3	15			( )					QL11CN2		1234	78901234567
A03	701302	Thực tập tốt nghiệp	3	0			( )					QL11KD		1234	78901234567
A01	701303	Luận văn tốt nghiệp	10	13								LVTN		1234	78901234567
B01	701303	Luận văn tốt nghiệp	10	1								QLB2		34	7890123456789012
P01	701702	Quản trị học	4	46	Trần Minh	Thư	(001784	5	3	4	301B10	VP2013/1		123	789012345678
P02	701702	Quản trị học	4	46	Nguyễn Văn	Tuấn	(002769	3	9	4	501C6	VP2013/2		1234	78901234567
P01	701707	Kinh tế đại cương 2	1	74	Trần Duy	Thanh	(002096	2	10	3	203B10	VP12CDT	...		23456
P01	701708	PP thống kê &ptích dliệu	1	70	Hà Văn	Hiệp	(002523	4	4	3	203B10	VP12CDT	...		78901
P01	701709	Hợpđồng,thtrường &tchuẩn	1	84	Nguyễn Kim	Anh	(001333	3	7	3	203B10	VP11CDT	...	123	78

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp		NHLT	Tuần Học
P01	701710	Bảo hộ sáng chế	1	85	Nguyễn Kim	Anh	(001333	3	7	3	203B10	VP11CDT	...		01234
P01	800700	Luận văn tốt nghiệp	20	3			( )					VP10XDC			1234 78901234567
P01	800707	ĐA nghiên cứu KH & P/T	10	10			( )					VP10XDC			1234 78901234567
P01	800751	Thực tập công nhân	3	19			( )					VP12XDC			1234 78901234567
P01	800752	Thực tập cán bộ kỹ thuật	5	20			( )					VP11XDC			1234 78901234567
A01	801001	Qh &ql Giao Thông Đô Thị	2	71	Chu Công	Minh	(002156	4	4	3	303B6	XD11CD1	...		1234 78901234567
A01	801002	Mố trụ cầu&lập Ph/án cầu	2	81	Lê Thị Bích	Thủy	(000785	5	4	3	303B6	XD11CD1	...		123 789012345678
A01	801003	T/học ứng dụng cầu đường	2	70	Vũ Việt	Hùng	(002711	5	1	3	303B6	XD11CD1	...		123 789012345678

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp		NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
A01	801027	Tn & Vlxd Đường Ô Tô	2	29	Nguyễn Mạnh	Tuấn	(003515	6	4	3	PTNCAU	XD11CD1			123 789012345678
A02	801027	Tn & Vlxd Đường Ô Tô	2	33	Nguyễn Đình	Huân	(000800	3	4	3	PTNCAU	XD11CD2			1234 78901234567
A03	801027	Tn & Vlxd Đường Ô Tô	2	30	Nguyễn Đình	Huân	(000800	3	1	3	PTNCAU	XD11CD3			1234 78901234567
A04	801027	Tn & Vlxd Đường Ô Tô	2	25	Hồ Thị Lan	Hương	(002362	6	1	3	PTNCAU	XD11CD1	...		123 789012345678
A01	801031	ĐAMH thiết kế cầu bêtông	1	54								DAMH			1234 78901234567
A01	801032	ĐAMH thiết kế đường	1	45	Văn Hồng	Tấn	(002361	3	10	3	PDAMH3	XD12CD1			1234 78901234567
A02	801032	ĐAMH thiết kế đường	1	35	Cao Ngọc	Hải	(001936	3	4	3	PDAMH3	XD12CD1	...		1234 78901234567
A03	801032	ĐAMH thiết kế đường	1	38	Hồ Thị Lan	Hương	(002362	3	7	3	PDAMH4	XD12CD2			1234 78901234567
A04	801032	ĐAMH thiết kế đường	1	28	Chu Công	Minh	(002156	5	10	3	PDAMH4	XD12CD3			123 789012345678
A01	801033	ĐAMH thiết kế cầu thép	1	26	Đặng Đăng	Tùng	(002775	3	4	3	PDAMH7	XD11CD1			1234 78901234567
A02	801033	ĐAMH thiết kế cầu thép	1	44	Nguyễn Danh	Thắng	(002481	2	7	3	PDAMH5	XD11CD1	...		1234 78901234567
A03	801033	ĐAMH thiết kế cầu thép	1	25	Nguyễn Cảnh	Tuấn	(003516	3	1	3	PDAMH6	XD11CD2			1234 78901234567
A04	801033	ĐAMH thiết kế cầu thép	1	28	Vũ Xuân	Hòa	(001270	6	4	3	PDAMH7	XD11CD3			123 789012345678
A01	801034	ĐAMH thi công đường	1	33	Vũ Việt	Hùng	(002711	3	1	3	PDAMH8	XD11CD1			1234 78901234567
A02	801034	ĐAMH thi công đường	1	40	Nguyễn Đình	Huân	(000800	2	10	3	PDAMH4	XD11CD1	...		1234 78901234567
A03	801034	ĐAMH thi công đường	1	34	Cao Ngọc	Hải	(001936	6	4	3	PDAMH8	XD11CD2			123 789012345678
A04	801034	ĐAMH thi công đường	1	28	Văn Hồng	Tấn	(002361	3	4	3	PDAMH9	XD11CD3			1234 78901234567
A01	801037	Thiết kế đường ô tô	3	62	Vũ Việt	Hùng	(002711	2	8	2	306B4	XD12CD1	...		1234 78901234567
								4	8	2	306B4				
A02	801037	Thiết kế đường ô tô	3	61	Nguyễn Mạnh	Tuấn	(003515	2	10	2	314B1	XD12CD3	...		1234 78901234567
								4	10	2	302B6				
A01	801040	Thiết kế cầu thép	3	48	Đặng Đăng	Tùng	(002775	2	1	4	302B6	XD11CD1	...		1234 78901234567
A02	801040	Thiết kế cầu thép	3	73	Nguyễn Cảnh	Tuấn	(003516	3	9	4	302B6	XD11CD3	...		1234 78901234567
A01	801042	Đường hầm	2	70	Lê Bá	Khánh	(001645	4	1	3	303B6	XD11CD1	...		1234 78901234567
A01	801302	Thực tập tốt nghiệp	3	0			( )					XD11CD1			1234 78901234567
A02	801302	Thực tập tốt nghiệp	3	0			( )					XD11CD2			1234 78901234567
A03	801302	Thực tập tốt nghiệp	3	0			( )					XD11CD3			1234 78901234567
A01	801303	Luận văn tốt nghiệp	10	21								LVTN			1234 78901234567
A01	801308	Thực tập kỹ thuật	3	12			( )					XD12CD1			1234 78901234567
A02	801308	Thực tập kỹ thuật	3	7			( )					XD12CD2			1234 78901234567
A03	801308	Thực tập kỹ thuật	3	0			( )					XD12CD3			1234 78901234567
A01	802012	Thí nghiệm cơ lưu chất	1	27	Hà	Phương	(003069	7	10	3	PTHTL	XD13KSDD			123 7890123
A02	802012	Thí nghiệm cơ lưu chất	1	27	Nguyễn Chiến	Thắng	(002058	2	1	3	PTHTL	XD13KSCD			45678
								5	4	3	PTHTL				
A03	802012	Thí nghiệm cơ lưu chất	1	25	Hà	Phương	(003069	6	1	3	PTHTL	XD13KSDD	...		123 7890123
L04	802012	Thí nghiệm cơ lưu chất	1	29	Lê Thanh	Thuận	(003442	6	7	3	PTHTL	DC13DK			123 7890123
L05	802012	Thí nghiệm cơ lưu chất	1	36	Hà	Phương	(003069	6	4	3	PTHTL	DC13KK			123 7890123
L06	802012	Thí nghiệm cơ lưu chất	1	23	Hà	Phương	(003069	3	4	3	PTHTL	DC13KS			1234 789012

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy	Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
L07	802012	Thí nghiệm cơ lưu chất	1	23	Hà Phương	(003069	3	1	3	PTHTL	DC13KT		1234 789012
L08	802012	Thí nghiệm cơ lưu chất	1	28	Lê Thanh Thuận	(003442	3	10	3	PTHTL	DC13MT		1234 789012
L09	802012	Thí nghiệm cơ lưu chất	1	29	Lê Thanh Thuận	(003442	4	7	3	PTHTL	XD13CB1		1234 789012
L10	802012	Thí nghiệm cơ lưu chất	1	32	Nguyễn Chiến Thắng	(002058	2	1	3	PTHTL	XD13CB2 ...		1234 789012
L11	802012	Thí nghiệm cơ lưu chất	1	31	Lê Thanh Thuận	(003442	6	10	3	PTHTL	XD13CD1		123 7890123
L12	802012	Thí nghiệm cơ lưu chất	1	26	Hà Phương	(003069	4	1	3	PTHTL	XD13CD2		1234 789012
L13	802012	Thí nghiệm cơ lưu chất	1	29	Nguyễn Chiến Thắng	(002058	2	4	3	PTHTL	XD13CD3		1234 789012
L14	802012	Thí nghiệm cơ lưu chất	1	34	Trần Thị Mỹ Hồng	(003358	5	7	3	PTHTL	XD13DD1		123 7890123
L15	802012	Thí nghiệm cơ lưu chất	1	31	Nguyễn Chiến Thắng	(002058	5	1	3	PTHTL	XD13DD2		123 7890123
L16	802012	Thí nghiệm cơ lưu chất	1	36	Lê Thanh Thuận	(003442	3	7	3	PTHTL	XD13DD3		1234 789012
L17	802012	Thí nghiệm cơ lưu chất	1	32	Hà Phương	(003069	4	4	3	PTHTL	XD13DD4		1234 789012
L18	802012	Thí nghiệm cơ lưu chất	1	32	Trần Thị Mỹ Hồng	(003358	5	10	3	PTHTL	XD13DD5		123 7890123
L19	802012	Thí nghiệm cơ lưu chất	1	36	Nguyễn Chiến Thắng	(002058	5	4	3	PTHTL	XD13DD6		123 7890123
L20	802012	Thí nghiệm cơ lưu chất	1	30	Lê Thanh Thuận	(003442	4	10	3	PTHTL	XD13TL ...		1234 789012
L21	802012	Thí nghiệm cơ lưu chất	1	23	Nguyễn Chiến Thắng	(002058	7	7	3	PTHTL	XD13TL		123 7890123
L22	802012	Thí nghiệm cơ lưu chất	1	35	Trần Thị Mỹ Hồng	(003358	2	7	3	PTHTL	XD13VL1		1234 789012
L23	802012	Thí nghiệm cơ lưu chất	1	30	Lê Thanh Thuận	(003442	2	10	3	PTHTL	XD13VL2		1234 789012
QT01	802012	Thí nghiệm cơ lưu chất	1	15	Lê Văn Dực	(000378	4	1	3	PTHTL	CT13GRIF ...		34567
							2	7	3	PTHTL			
A01	802015	Cơ lưu chất	2	147	Nguyễn Thị Bảy	(001541	4	10	3	GDB2B	XD13KSCD ...		1234 78901234567
AU	802015	Cơ lưu chất	2	12	Lê Song Giang	(001564	5	7	3	303B4	XD13AU		123 789012345678
L02	802015	Cơ lưu chất	2	79	Lê Văn Dực	(000378	3	7	4	205H2	DC13DK ...		123 78901234
L03	802015	Cơ lưu chất	2	84	Lê Song Giang	(001564	4	3	4	202H2	DC13KS ...		123 78901234
L04	802015	Cơ lưu chất	2	101	Nguyễn Quốc ý	(003088	2	7	4	412H6	VL1301 ...		123 78901234
L05	802015	Cơ lưu chất	2	122	Nguyễn Quốc ý	(003088	3	1	4	208H6	VL1303 ...		123 78901234
L06	802015	Cơ lưu chất	2	86	Nguyễn Thị Bảy	(001541	6	7	4	206H2	XD13CB1 ...		12 789012345
L07	802015	Cơ lưu chất	2	87	Huỳnh Công Hoài	(000905	5	7	4	311H6	XD13CD1 ...		12 789012345
L08	802015	Cơ lưu chất	2	109	Lê Song Giang	(001564	4	7	4	114H6	XD13DD1 ...		123 78901234
L09	802015	Cơ lưu chất	2	113	Nguyễn Quốc ý	(003088	3	7	4	412H6	XD13DD4 ...		123 78901234
L10	802015	Cơ lưu chất	2	90	Lê Văn Dực	(000378	6	1	4	311H6	XD13VL1 ...		12 789012345
QT01	802015	Cơ lưu chất	2	15	Nguyễn Quốc ý	(003088	6	7	3	406A4	CT13GRIF ...		123 789012345678
P01	802704	Cơ lưu chất (VP)	3	24	Nguyễn Thị Bảy	(001541	5	4	3	207B10	VP12XDC		123 789012345678
P01	802705	Thí nghiệm cơ lưu chất	1	19	Lê Thanh Thuận	(003442	2	10	3	PTHTL	VP12XDC		34567
P01	802706	Nhiệt công trình	2	19	Huỳnh Công Hoài	(000905	3	5	2	207B10	VP12XDC		1234 78901234567
P01	802707	ĐA UD nhiệt trg toà nhà	1	19	Nguyễn Quốc ý	(003088	6	1	3	PDAMHB	VP12XDC		123 789012345678
P01	802710	TN vật lý công trình	1	21	Lê Thanh Thuận	(003442	5	1	3	TNVLKT	VP11XDC		123 78
A01	803001	ĐAMH c/trình nâng hạ tàu	1	18	Đoàn Đình Tuyết Trang	(001526	4	7	3	PDAMH7	XD11CB1		1234 78901234567
A02	803001	ĐAMH c/trình nâng hạ tàu	1	9	Lê Tuấn Anh	(003553	4	10	3	PDAMH5	XD11CB2		1234 78901234567
A01	803022	Qui hoạch cảng	2	43	Ngô Nhật Hưng	(000881	6	7	3	303B6	XD12CB1 ...		123 789012345678

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy	Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
A01	803028	Công trình ngoài khơi	2	46	Nguyễn Danh Thảo	(001968	5	1	3	306B4	XD11CB1 ...		123 789012345678
A01	803033	ĐAMH quy hoạch cảng	1	26	Lê Như Thạch	(002540	3	10	3	PDAMH7	XD12CB1		1234 78901234567
A02	803033	ĐAMH quy hoạch cảng	1	24	Ngô Nhật Hưng	(000881	5	7	3	PDAMH6	XD12CB2		123 789012345678
A01	803034	ĐAMH công trình cảng	1	28							DAMH		1234 78901234567
A01	803036	ĐAMH t/công c/trình cảng	1	23	Lâm Văn Phong	(001527	4	1	3	PDAMH1	XD11CB1		1234 78901234567
A02	803036	ĐAMH t/công c/trình cảng	1	20	Trần Thu Tâm	(000906	4	4	3	PDAMH7	XD11CB2		1234 78901234567
A01	803037	ĐAMH công trình ven biển	1	12	Trần Thu Tâm	(000906	4	4	3	PDAMH9	XD11CB1		1234 78901234567
A02	803037	ĐAMH công trình ven biển	1	5	Lâm Văn Phong	(001527	4	1	3	PDAMH9	XD11CB2		1234 78901234567

A01	803038	Cảng chuyên dụng	2	46	Bùi Văn	Chúng	(001083	3	1	3	302B6	XD11CB1 ...		1234 78901234567
A01	803302	Thực tập tốt nghiệp	3	0			( )					XD11CB1		1234 78901234567
A02	803302	Thực tập tốt nghiệp	3	0			( )					XD11CB2		1234 78901234567
A01	803303	Luận văn tốt nghiệp	10	4								LVTN		1234 78901234567
A01	803308	Thực tập kỹ thuật	3	9			( )					XD12CB1		1234 78901234567
A02	803308	Thực tập kỹ thuật	3	0			( )					XD12CB2		1234 78901234567
L03	804001	Tk Xd C/trình môi trường	2	53	Hồ Đức	Duy	(002553	6	7	4	202H2	MO12KMT1		123 78901234
L04	804001	Tk Xd C/trình môi trường	2	48	Đinh Thế	Hưng	(002618	2	1	4	213H6	MO12KMT2		123 78901234
B01	804003	Kết cấu bê tông 1	3	55	Trần Ngọc	Bích	(000670	6	14	3	303B1	XD14B2D1		1234 7890123456789012
A01	804005	Kết Cấu Bê Tông 2	2	81	Nguyễn Minh	Long	(002841	6	4	3	302B6	XD11CB1 ...		123 789012345678
L01	804006	Kết cấu thép gỗ	2	64	Đỗ Đại	Thắng	(001997	3	1	4	406H2	XD12KT		1234 7890123
A01	804009	Kết Cấu Thép 1	2	80	Nguyễn Thị Bích	Thủy	(001820	6	10	3	202B6	XD12CB1 ...		123 789012345678
A02	804009	Kết Cấu Thép 1	2	81	Nguyễn Thị Bích	Thủy	(001820	5	10	3	202B6	XD12CB2 ...		123 789012345678
A03	804009	Kết Cấu Thép 1	2	71	Lưu Đức	Huân	(001186	2	10	3	306B4	XD12CD1 ...		1234 78901234567
A04	804009	Kết Cấu Thép 1	2	81	Ngô Vi	Long	(000807	4	7	3	302B6	XD12CD2 ...		1234 78901234567
A05	804009	Kết Cấu Thép 1	2	80	Đinh Thế	Hưng	(002618	3	7	3	309B1	XD12DD3 ...		1234 78901234567
A06	804009	Kết Cấu Thép 1	2	81	Trần Tiến	Đắc	(001911	5	7	3	309B1	XD12DD5 ...		123 789012345678
A07	804009	Kết Cấu Thép 1	2	78	Trần Tiến	Đắc	(001911	3	10	3	313B1	XD12TL1 ...		1234 78901234567
A08	804009	Kết Cấu Thép 1	2	77	Đinh Thế	Hưng	(002618	4	10	3	215B1	XD12TL2 ...		1234 78901234567
AU	804009	Kết Cấu Thép 1	2	10	Ngô Vi	Long	(000807	2	4	3	401B4	XD12AU		1234 78901234567
TNXD	804009	Kết Cấu Thép 1	2	42	Lưu Đức	Huân	(001186	6	4	3	206B1	XD12KSTN		123 789012345678
A01	804024	Kết cấu bê tông 3	2	82	Võ Bá	Tầm	(000669	6	1	3	202B6	XD11DD1 ...		123 789012345678
A02	804024	Kết cấu bê tông 3	2	96	Hồ Đức	Duy	(002553	4	4	3	202B6	XD11DD4 ...		1234 78901234567
A03	804024	Kết cấu bê tông 3	2	79	Nguyễn Quốc	Thông	(001290	5	1	3	304B8	XD11KSTN		123 789012345678
A01	804026	Kết cấu thép 2	2	70	Lê Văn Phước	Nhân	(001856	6	7	3	309B1	HLXD1		123 789012345678
A02	804026	Kết cấu thép 2	2	18	Lưu Đức	Huân	(001186	6	7	3	306B6	HLXD1		123 789012345678

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
B01	804026	Kết cấu thép 2	2	51	Nguyễn Thị Bích	Thủy	(001820	2	14	3	201B1	XD13B2D1		1234 78901234567
B01	804027	Kiến trúc 1	3	43	Phạm Thanh	Trà	(003108	3	14	3	303B1	XD14B2D1		1234 7890123456789012
A01	804029	Nhà nhiều tầng	2	82	Nguyễn Quốc	Thông	(001290	6	4	3	202B6	XD11DD1 ...		123 789012345678
A02	804029	Nhà nhiều tầng	2	94	Võ Bá	Tầm	(000669	4	1	3	202B6	XD11DD4 ...		1234 78901234567
A03	804029	Nhà nhiều tầng	2	79	Nguyễn Văn	Hiệp	(000657	5	4	3	305B8	XD11KSTN		123 789012345678
A01	804032	Bê tông ct ứng lực trước	2	75	Hồ Hữu	Chinh	(002552	5	1	3	502B4	XD11DD1 ...		123 789012345678
A02	804032	Bê tông ct ứng lực trước	2	75	Hồ Hữu	Chinh	(002552	2	4	3	301B1	XD11DD4 ...		1234 78901234567
A03	804032	Bê tông ct ứng lực trước	2	35	Nguyễn Văn	Hiệp	(000657	5	1	3	302B6	XD11DD1 ...		123 789012345678
A04	804032	Bê tông ct ứng lực trước	2	64	Nguyễn Văn	Hiệp	(000657	2	4	3	202B6	XD11DD4 ...		1234 78901234567
TNXD	804032	Bê tông ct ứng lực trước	2	45	Hoàng	Nam	(001739	6	1	3	201B9	XD11KSTN		123 789012345678
A01	804033	Kết cấu tháp trụ	2	52	Lê Văn Phước	Nhân	(001856	5	4	3	302B6	XD11DD1 ...		123 789012345678
A02	804033	Kết cấu tháp trụ	2	75	Lê Văn Phước	Nhân	(001856	2	1	3	302B1	XD11DD4 ...		1234 78901234567
A01	804036	ĐAMH kết cấu bê tông 1	1	23	Đoàn Ngọc Tịnh	Nghiêm	(009602	5	1	3	PDAMH3	XD12CB1		123 789012345678
A02	804036	ĐAMH kết cấu bê tông 1	1	29	Trần Ngọc	Bích	(000670	6	10	3	PDAMH5	XD12CB2		123 789012345678
A03	804036	ĐAMH kết cấu bê tông 1	1	29	Trần Ngọc	Bích	(000670	3	7	3	PDAMH5	XD12CD1		1234 78901234567
A04	804036	ĐAMH kết cấu bê tông 1	1	27	Trần Tiến	Đắc	(001911	3	1	3	PDAMH3	XD12CD1 ...		1234 78901234567
A05	804036	ĐAMH kết cấu bê tông 1	1	18	Trần Ngọc	Bích	(000670	3	10	3	PDAMH5	XD12CD2		1234 78901234567
A06	804036	ĐAMH kết cấu bê tông 1	1	30	Võ Bá	Tầm	(000669	5	7	3	PDAMH4	XD12CD3		123 789012345678
A07	804036	ĐAMH kết cấu bê tông 1	1	33	Võ Bá	Tầm	(000669	5	10	3	PDAMH3	XD12DD1		123 789012345678
A08	804036	ĐAMH kết cấu bê tông 1	1	22	Nguyễn Quốc	Thông	(001290	2	1	3	PDAMH3	XD12DD1 ...		1234 78901234567
A09	804036	ĐAMH kết cấu bê tông 1	1	32	Hồ Hữu	Chinh	(002552	2	7	3	PDAMH2	XD12DD2		1234 78901234567
A10	804036	ĐAMH kết cấu bê tông 1	1	33	Hồ Đức	Duy	(002553	4	7	3	PDAMH5	XD12DD3		1234 78901234567
A11	804036	ĐAMH kết cấu bê tông 1	1	20	Nguyễn Quốc	Thông	(001290	6	1	3	PDAMH3	XD12DD3 ...		123 789012345678
A12	804036	ĐAMH kết cấu bê tông 1	1	31	Nguyễn Quốc	Thông	(001290	2	4	3	PDAMH3	XD12DD4		1234 78901234567
A13	804036	ĐAMH kết cấu bê tông 1	1	30	Hồ Đức	Duy	(002553	4	10	3	PDAMH3	XD12DD5		1234 78901234567

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
A14	804036	ĐAMH kết cấu bê tông 1	1	32	Trần Tiến	Đắc	(001911	3	4	3	PDAMH4	XD12TL1		1234 78901234567
A15	804036	ĐAMH kết cấu bê tông 1	1	31	Nguyễn Quốc	Thông	(001290	4	4	3	PDAMH4	XD12TL2		1234 78901234567
A16	804036	ĐAMH kết cấu bê tông 1	1	19	Trần Thái Minh	Chánh	(002642	4	1	3	PDAMH5	XD12VL1		1234 78901234567
A17	804036	ĐAMH kết cấu bê tông 1	1	29	Đinh Thế	Hưng	(002618	6	4	3	PDAMH5	XD12VL1 ...		123 789012345678
A18	804036	ĐAMH kết cấu bê tông 1	1	29	Đinh Thế	Hưng	(002618	6	7	3	PDAMH4	XD12VL2		123 789012345678
A20	804036	ĐAMH kết cấu bê tông 1	1	32	Trần Thái Minh	Chánh	(002642)					DAMH		1234 78901234567
B19	804036	ĐAMH kết cấu bê tông 1	1	16	Nguyễn Quốc	Thông	(001290	3	14	3	PDAMH	XD14B2D1		1234 7890123456789012
TNX1	804036	ĐAMH kết cấu bê tông 1	1	13	Nguyễn Minh	Long	(002841	5	4	3	PDAMH5	XD12KSTN		123 789012345678
TNX2	804036	ĐAMH kết cấu bê tông 1	1	28	Nguyễn Văn	Hiệp	(000657	2	10	3	PDAMH5	XD12KSTN		1234 7890123456
A01	804038	ĐAMH kiến trúc	1	29	Lâm Ngọc	Mai	(001989	5	4	3	PDAMH4	XD12DD1		123 789012345678
A02	804038	ĐAMH kiến trúc	1	23	Phạm Thanh	Trà	(003108	5	7	3	PDAMH3	XD12DD1		123 789012345678
A03	804038	ĐAMH kiến trúc	1	17	Phạm Thanh	Trà	(003108	6	7	3	PDAMH2	XD12DD2		123 789012345678
A04	804038	ĐAMH kiến trúc	1	16	Phạm Thanh	Trà	(003108	6	10	3	PDAMH4	XD12DD2		123 789012345678
A05	804038	ĐAMH kiến trúc	1	17	Huỳnh Nam	Hưng	(002647	6	4	3	PDAMH4	XD12DD3		123 789012345678
A06	804038	ĐAMH kiến trúc	1	20	Trần Mai	Hương	(003297	3	10	3	PDAMH6	XD12DD3		123 78901234567
A07	804038	ĐAMH kiến trúc	1	26	Dương Minh	Phát	(003107	4	1	3	PDAMH4	XD12DD4		123 78901234567
A08	804038	ĐAMH kiến trúc	1	30	Dương Minh	Phát	(003107	4	4	3	PDAMH3	XD12DD4		123 78901234567
A09	804038	ĐAMH kiến trúc	1	17	Trần Công	Danh	(003489	6	1	3	PDAMH4	XD12DD5		123 789012345678
A10	804038	ĐAMH kiến trúc	1	22	Phạm Thanh	Trà	(003108	5	10	3	PDAMH5	XD12DD5		123 789012345678
A11	804038	ĐAMH kiến trúc	1	30	Ca Hoàng Vĩnh	Hảo	(003298	5	1	3	PDAMH4	XD12KSTN		123 789012345678
A12	804038	ĐAMH kiến trúc	1	15	Huỳnh Tương	Thân	(003112	4	10	3	PDAMH6	XD12KSTN		123 78901234567
A02	804041	ĐAMH kết cấu thép 2	1	75	Lưu Đức	Huân	(001186)					DAMH		1234 78901234567
B01	804041	ĐAMH kết cấu thép 2	1	54	Nguyễn Thị Bích	Thủy	(001820	8	4	3	PDAMH	XD13B2D1		123 7890123456789012
A01	804042	ĐAMH thi công	1	30	Đỗ Thị Xuân	Lan	(001649	3	1	3	PDAMHA	XD11DD1		1234 78901234567
A02	804042	ĐAMH thi công	1	28	Dương Minh	Tín	(003429	2	4	3	PDAMH5	XD11DD1		1234 78901234567
A03	804042	ĐAMH thi công	1	12	Ngô Quang	Tường	(001128	4	1	3	PDAMH8	XD11DD2		1234 78901234567
A04	804042	ĐAMH thi công	1	30	Dương Minh	Tín	(003429	2	1	3	PDAMH8	XD11DD2		1234 78901234567
A05	804042	ĐAMH thi công	1	8			(	2	10	3	PDAMH2	XD11DD3		1234 78901234567
A06	804042	ĐAMH thi công	1	17			(	2	7	3	PDAMH3	XD11DD3		1234 78901234567
A07	804042	ĐAMH thi công	1	28	Lê Hoài	Long	(002619	6	1	3	PDAMH6	XD11DD4		123 789012345678
A08	804042	ĐAMH thi công	1	20	Nguyễn Anh	Thư	(002800	5	1	3	PDAMH5	XD11DD4		123 789012345678
A09	804042	ĐAMH thi công	1	20	Đỗ Thị Xuân	Lan	(001649	3	4	3	PDAMHA	XD11DD5		123 789012345678
A10	804042	ĐAMH thi công	1	29	Nguyễn Anh	Thư	(002800	5	4	3	PDAMH6	XD11DD5		123 789012345678
B11	804042	ĐAMH thi công	1	28			(	6	14	3	PDAMH	XD13B2D1		1234 7890123456789012
B12	804042	ĐAMH thi công	1	26			(	2	14	3	PDAMH	XD13B2D1		1234 7890123456789012
TNX1	804042	ĐAMH thi công	1	26	Lê Hoài	Long	(002619	3	1	3	PDAMH5	XD11KSTN		1234 7890123456
TNX2	804042	ĐAMH thi công	1	19	Phạm Hồng	Luân	(001009	3	4	3	PDAMH8	XD11KSTN		1234 7890123456
A01	804046	Thí nghiệm công trình	1	41	Đinh Thế	Hưng	(002618	6	10	3	PTNCTR	HLXD1		123 7890
A02	804046	Thí nghiệm công trình	1	39	Đinh Thế	Hưng	(002618	5	4	3	PTNCTR	HLXD3		123 7890
A03	804046	Thí nghiệm công trình	1	19	Đinh Thế	Hưng	(002618	5	1	3	PTNCTR	HLXD4		123 7890
TNXD	804046	Thí nghiệm công trình	1	46				6	7	3	PTNCTR	HLXD2		123 7890
A01	804047	ĐAMH kết cấu bê tông 2	1	23	Hồ Hữu	Chinh	(002552	2	1	3	PDAMH4	XD11DD1		1234 78901234567
A02	804047	ĐAMH kết cấu bê tông 2	1	25	Hồ Hữu	Chinh	(002552	4	1	3	PDAMH6	XD11DD1		1234 78901234567
A03	804047	ĐAMH kết cấu bê tông 2	1	25	Hồ Hữu	Chinh	(002552	4	4	3	PDAMH8	XD11DD2		1234 78901234567
A04	804047	ĐAMH kết cấu bê tông 2	1	27	Hồ Đức	Duy	(002553	2	4	3	PDAMH8	XD11DD2		1234 78901234567
A05	804047	ĐAMH kết cấu bê tông 2	1	24	Nguyễn Minh	Long	(002841	4	10	3	PDAMH4	XD11DD3		1234 78901234567
A06	804047	ĐAMH kết cấu bê tông 2	1	25	Nguyễn Minh	Long	(002841	4	7	3	PDAMH6	XD11DD3		1234 78901234567
A07	804047	ĐAMH kết cấu bê tông 2	1	26	Võ Bá	Tầm	(000669	5	4	3	PDAMH8	XD11DD4		123 789012345678
A08	804047	ĐAMH kết cấu bê tông 2	1	12	Trần Ngọc	Bích	(000670	3	4	3	PDAMH6	XD11DD4		1234 78901234567
A09	804047	ĐAMH kết cấu bê tông 2	1	25	Võ Bá	Tầm	(000669	5	1	3	PDAMH8	XD11DD5		123 789012345678
A10	804047	ĐAMH kết cấu bê tông 2	1	15	Trần Ngọc	Bích	(000670	6	1	3	PDAMH8	XD11DD5		123 789012345678
B11	804047	ĐAMH kết cấu bê tông 2	1	37	Võ Bá	Tầm	(000669	8	10	3	PDAMH	XD13B2D1		123 7890123456789012
TNX1	804047	ĐAMH kết cấu bê tông 2	1	20	Nguyễn Văn	Hiệp	(000657	2	7	3	PDAMH4	XD11KSTN		1234 7890123456
TNX2	804047	ĐAMH kết cấu bê tông 2	1	25	Hồ Đức	Duy	(002553	2	10	3	PDAMH3	XD11KSTN		1234 7890123456
A01	804048	Hư hỏng&sửa chữa c/trình	2	101	Ngô Quang	Tường	(001128	5	10	3	303B1	XD11DD1 ...		123 789012345678
A02	804048	Hư hỏng&sửa chữa c/trình	2	95	Ngô Quang	Tường	(001128	4	10	3	304B8	XD11KSTN		1234 78901234567
A01	804302	Thực tập tốt nghiệp	3	0			( )					XD11DD1		1234 78901234567
A02	804302	Thực tập tốt nghiệp	3	1			( )					XD11DD2		1234 78901234567
A03	804302	Thực tập tốt nghiệp	3	0			( )					XD11DD3		1234 78901234567

KH	Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học
	A04	804302	Thực tập tốt nghiệp	3	0			( )					XD11DD4		1234 78901234567
	A05	804302	Thực tập tốt nghiệp	3	0			( )					XD11DD5		1234 78901234567
	B06	804302	Thực tập tốt nghiệp	3	15								XD12B2D1		1234 7890123456789012

KH	Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
	TNXD	804302	Thực tập tốt nghiệp	3	0			( )					XD11KSTN		1234 7890123456
	A02	804303	Luận văn tốt nghiệp	10	15								LVTN		1234 78901234567
	B01	804303	Luận văn tốt nghiệp	10	14								XD12B2D1		1234 7890123456789012
	B01	804306	Thực tập nhận thức ngành	2	33			( )					XD14B2D1		1234 7890123456789012
	A01	804308	Thực tập kỹ thuật	3	0			( )					XD12DD1		1234 78901234567
	A02	804308	Thực tập kỹ thuật	3	0			( )					XD12DD2		1234 78901234567
	A03	804308	Thực tập kỹ thuật	3	0			( )					XD12DD3		1234 78901234567
	A04	804308	Thực tập kỹ thuật	3	0			( )					XD12DD4		1234 78901234567
	A05	804308	Thực tập kỹ thuật	3	0			( )					XD12DD5		1234 78901234567
	TNXD	804308	Thực tập kỹ thuật	3	0			( )					XD12KSTN		1234 7890123456
	P01	804701	Kết cấu bê tông 1	3	21	Hoàng	Nam	(001739	5	1	3	207B10	VP12XDC		123 789012345678
	P01	804705	K/cấu Thép & K/cấu H/hợp	3	22	Ngô Hữu	Cường	(002774	4	10	3	206B10	VP11XDC		1234 78901234567
	P01	804706	Thiết kế kết cấu nhà	2	19	Ngô Hữu	Cường	(002774	4	8	2	206B10	VP11XDC		1234 78901234567
	P01	804707	ĐA kết cấu thép	1	22	Ngô Hữu	Cường	(002774	2	10	3	PDAMH9	VP11XDC		1234 78901234567
	P01	804708	ĐA mô h/hóa K/C(TN c/tr)	1	19	Nguyễn Minh	Long	(002841	6	7	3	PDAMH6	VP12XDC		123 789012345678
	L01	805003	Cơ học đất nền móng	2	50	Hoàng Thế	Thao	(002479	2	1	4	206H6	XD12KT		1234 7890123
	A01	805009	Địa chất công trình	2	113	Đỗ Thanh	Hải	(002549	4	7	3	305B4	XD13KSCD ...		1234 78901234567
	L02	805009	Địa chất công trình	2	72	Đỗ Thanh	Hải	(002549	2	7	4	305H6	XD13CB1 ...		1234 7890123
	L03	805009	Địa chất công trình	2	73	Bùi Trường	Sơn	(001805	3	7	4	304H2	XD13CB2 ...		1234 7890123
	L04	805009	Địa chất công trình	2	63	Trương Quang	Hùng	(003611	5	1	4	412H6	XD13CD2 ...		123 78901234
	L05	805009	Địa chất công trình	2	81	Bùi Trường	Sơn	(001805	3	1	4	202H2	XD13DD1 ...		1234 7890123
	L06	805009	Địa chất công trình	2	60	Bùi Trường	Sơn	(001805	6	1	4	412H6	XD13DD3 ...		123 78901234
	L07	805009	Địa chất công trình	2	63	Bùi Trường	Sơn	(001805	6	7	4	208H6	XD13DD5 ...		123 78901234
	L08	805009	Địa chất công trình	2	67	Trương Quang	Hùng	(003611	5	7	4	211H6	XD13VL1 ...		123 78901234
	A01	805012	Công trình trên đất yếu	2	102	Trần Quang	Hộ	(001197	6	1	3	306B6	XD11CB1 ...		123 789012345678
	A01	805014	Thực tập địa chất ctrình	1	41	Đặng Kỳ	Minh	(000675	3	1	3	PTTDC	XD13KSCD ...		23456
	A02	805014	Thực tập địa chất ctrình	1	40	Đỗ Thanh	Hải	(002549	3	7	3	PTTDC	XD13KSDD		90123
	L03	805014	Thực tập địa chất ctrình	1	38	Trương Quang	Hùng	(003611	4	10	3	PTTDC	XD13CB1		90123
	L04	805014	Thực tập địa chất ctrình	1	39	Bùi Trường	Sơn	(001805	2	4	3	PTTDC	XD13CB2 ...		90123
	L05	805014	Thực tập địa chất ctrình	1	37	Đặng Kỳ	Minh	(000675	6	7	3	PTTDC	XD13CD1		90123
	L06	805014	Thực tập địa chất ctrình	1	29	Bùi Trường	Sơn	(001805	4	4	3	PTTDC	XD13CD2		90123
	L07	805014	Thực tập địa chất ctrình	1	38	Bùi Trường	Sơn	(001805	2	1	3	PTTDC	XD13CD3		90123
	L08	805014	Thực tập địa chất ctrình	1	37	Hoàng Thế	Thao	(002479	5	10	3	PTTDC	XD13DD1		90123
	L09	805014	Thực tập địa chất ctrình	1	40	Đỗ Thanh	Hải	(002549	5	4	3	PTTDC	XD13DD2		90123
	L10	805014	Thực tập địa chất ctrình	1	31	Đỗ Thanh	Hải	(002549	3	10	3	PTTDC	XD13DD3		90123
	L11	805014	Thực tập địa chất ctrình	1	25	Bùi Trường	Sơn	(001805	4	1	3	PTTDC	XD13DD4		90123
	L12	805014	Thực tập địa chất ctrình	1	40	Hoàng Thế	Thao	(002479	5	7	3	PTTDC	XD13DD5		90123

KH	Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
	L13	805014	Thực tập địa chất ctrình	1	29	Đỗ Thanh	Hải	(002549	5	1	3	PTTDC	XD13DD6		90123
	L14	805014	Thực tập địa chất ctrình	1	22	Trương Quang	Hùng	(003611	4	7	3	PTTDC	XD13TL ...		90123
	L15	805014	Thực tập địa chất ctrình	1	14	Đặng Kỳ	Minh	(000675	6	1	3	PTTDC	XD13TL		90123
	L16	805014	Thực tập địa chất ctrình	1	37	Trương Quang	Hùng	(003611	2	10	3	PTTDC	XD13VL1		90123
	L17	805014	Thực tập địa chất ctrình	1	34	Trương Quang	Hùng	(003611	2	7	3	PTTDC	XD13VL2		90123
	B02	805016	Thí nghiệm cơ học đất	1	3	Lê Trọng	Nghĩa	(001956	8	4	3	PTNDIA	XD14B2D1		78901
	QT01	805016	Thí nghiệm cơ học đất	1	5	Lê Trọng	Nghĩa	(001956	4	1	3	PTNDIA	CT13GRIF		89012

Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học
A02	805029	ĐAMH nền móng	1	68								DAMH		1234 78901234567
B01	805029	ĐAMH nền móng	1	23	Lê Bá	Vinh	(001736	8	7	3	PDAMH	XD13B2D1		123 7890123456789012
A01	805031	Nền Móng	2	50	Hoàng Thế	Thao	(002479	6	7	3	202B6	XD12DD1 ...		123 789012345678
A02	805031	Nền Móng	2	62	Lê Bá	Vinh	(001736	4	10	3	306B4	XD12CD1 ...		1234 78901234567
A03	805031	Nền Móng	2	63	Đặng Kỳ	Minh	(000675	2	7	3	314B1	XD12CD3 ...		1234 78901234567
A04	805031	Nền Móng	2	81	Lê Trọng	Nghĩa	(001956	2	10	3	215B1	XD12DD2 ...		1234 78901234567
A05	805031	Nền Móng	2	75	Đỗ Thanh	Hải	(002549	5	10	3	309B1	XD12DD4 ...		123 789012345678
A06	805031	Nền Móng	2	86	Võ	Phán	(000500	5	4	3	303B1	XD12VL1 ...		123 789012345678
A07	805031	Nền Móng	2	72	Nguyễn Minh	Tâm	(001832	3	10	3	309B1	XD12DD5 ...		1234 78901234567
AU	805031	Nền Móng	2	10	Châu Ngọc	ẩn	(000427	6	10	3	401B4	XD12AU		123 789012345678
TNXD	805031	Nền Móng	2	41	Châu Ngọc	ẩn	(000427	6	1	3	206B1	XD12KSTN		123 789012345678
QT01	805032	Cơ học đất	2	5	Nguyễn Minh	Tâm	(001832	6	10	3	406A4	CT13GRIF		123 789012345678
A01	805035	Cơ học môi trường rời	2	35	Hoàng Thế	Thao	(002479	3	10	3	502B4	KU11CKT		1234 78901234567
P01	805702	Thủy lực & cơ học đất	4	21	Châu Ngọc	ẩn	(000427	2	3	4	207B10	VP12XDC		1234 78901234567
P01	805704	Thiết kế nền móng	2	19	Lê Bá	Vinh	(001736	4	5	2	206B10	VP11XDC		1234 78901234567
QT01	806002	Vẽ kỹ thuật 1B	2	4	Dương Thị Bích	Huyền	(001658	3	4	3	509A4	CT13GRIF		123 789012345678
L01	806003	Vẽ kỹ thuật 2A	2	45	Nguyễn Thị Kim	Uyên	(003427	5	7	4	110H6	KU13CKT1		2 4 8 0 2 4
								5	7	4	310H1			
L02	806003	Vẽ kỹ thuật 2A	2	40	Trương Hữu	Hoan	(001182	3	1	4	411H6	VL1301		2 4 8 0 2 4
								3	1	4	310H1			
L03	806003	Vẽ kỹ thuật 2A	2	40	Nguyễn Thị Kim	Uyên	(003427	6	1	4	213H6	VL1302		2 4 8 0 2 4
								6	1	4	310H1			
L04	806003	Vẽ kỹ thuật 2A	2	41	Lê Ngọc	Tuyền	(001481	4	1	4	411H6	VL1303		2 4 8 0 2 4
								4	1	4	310H1			
L05	806003	Vẽ kỹ thuật 2A	2	40	Lê Ngọc	Tuyền	(001481	4	7	4	413H6	VL1304		2 4 8 0 2 4
								4	7	4	310H1			
L06	806003	Vẽ kỹ thuật 2A	2	40	Trương Hữu	Hoan	(001182	3	7	4	308H1	VL1305		2 4 8 0 2 4
								3	7	4	310H1			
A01	806004	Vẽ kỹ thuật 2B	2	40	Nguyễn Thanh	Vân	(002712	4	10	3	301B4	XD13AU		2 4 8 0 2 4 6
								4	10	3	P1A5			
B16	806004	Vẽ kỹ thuật 2B	2	38	Đặng Lê Trầm	Hương	(003203	2	14	3	303B1	XD14B2D1		2 4 8 0 2 4 6
								2	14	3	P1A5			

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
L01	806004	Vẽ kỹ thuật 2B	2	28	Huỳnh Tấn	Phát	(003328	6	1	4	414H6	XD13CB1		2 4 8 0 2 4
								6	1	4	311H1			
L02	806004	Vẽ kỹ thuật 2B	2	38	Cù Thị Hồng	Yến	(003057	5	7	4	213H6	XD13CB2		2 4 8 0 2 4
								5	7	4	311H1			
L03	806004	Vẽ kỹ thuật 2B	2	32	Hồ Thu	Hiền	(002620	2	7	4	305H2	XD13CD1		2 4 8 0 2 4
								2	7	4	310H1			
L04	806004	Vẽ kỹ thuật 2B	2	34	Hồ Thu	Hiền	(002620	2	1	4	413H6	XD13CD2		2 4 8 0 2 4
								2	1	4	310H1			
L05	806004	Vẽ kỹ thuật 2B	2	40	Cù Thị Hồng	Yến	(003057	4	7	4	415H6	XD13CD3		2 4 8 0 2 4
								4	7	4	311H1			
L06	806004	Vẽ kỹ thuật 2B	2	40	Đặng Lê Trầm	Hương	(003203	3	7	4	404H2	XD13DD1		2 4 8 0 2 4
								3	7	4	311H1			
L07	806004	Vẽ kỹ thuật 2B	2	26	Huỳnh Tấn	Phát	(003328	6	7	4	413H6	XD13DD2		2 4 8 0 2 4
								6	7	4	310H1			
L08	806004	Vẽ kỹ thuật 2B	2	32	Dương Thị Bích	Huyền	(001658	6	7	4	414H6	XD13DD3		2 4 8 0 2 4
								6	7	4	312H1			
L09	806004	Vẽ kỹ thuật 2B	2	40	Cù Thị Hồng	Yến	(003057	6	7	4	109H6	XD13DD4		2 4 8 0 2 4
								6	7	4	311H1			
L10	806004	Vẽ kỹ thuật 2B	2	30	Nguyễn Thanh	Vân	(002712	2	7	4	415H6	XD13DD5		2 4 8 0 2 4
								2	7	4	311H1			
L11	806004	Vẽ kỹ thuật 2B	2	39	Đặng Lê Trầm	Hương	(003203	3	1	4	414H6	XD13DD6		2 4 8 0 2 4
								3	1	4	311H1			
L12	806004	Vẽ kỹ thuật 2B	2	12	Nguyễn Thanh	Vân	(002712	2	1	4	414H6	XD13TL ...		2 4 8 0 2 4
								2	1	4	311H1			
L13	806004	Vẽ kỹ thuật 2B	2	14	Huỳnh Tấn	Phát	(003328	4	1	4	415H6	XD13TL ...		2 4 8 0 2 4
								4	1	4	312H1			

L14	806004	Vẽ kỹ thuật 2B	2	33	Cù Thị Hồng	Yến	(003057	4	1	4	214H6	XD13VL1		2 4 8 0 2 4
								4	1	4	311H1			
L15	806004	Vẽ kỹ thuật 2B	2	37	Đặng Lê Trầm	Hương	(003203	4	7	4	411H6	XD13VL2		2 4 8 0 2 4
								4	7	4	312H1			
TNX1	806004	Vẽ kỹ thuật 2B	2	27	Hồ Thu	Hiền	(002620	5	7	3	206B1	XD13KSCD		2 8 0 2 4 6 8
								5	7	3	P1A5			
TNX2	806004	Vẽ kỹ thuật 2B	2	40	Dương Thị Bích	Huyền	(001658	3	10	3	501B4	XD13KSDD		2 4 8 0 2 4 6
								3	10	3	P1A5			
C01	806010	Vẽ kỹ thuật	3	60	Nguyễn Đình	Lâm	(001561	4	3	4	302B1	BD14CN01		789012345678901
C02	806010	Vẽ kỹ thuật	3	62	Nguyễn Đình	Lâm	(001561	6	3	4	401C6	BD14CN02		789012345678901
C03	806010	Vẽ kỹ thuật	3	55	Phạm Hữu	Khiêm	(001416	2	1	4	503C6	BD14CN03		789012345678901
C04	806010	Vẽ kỹ thuật	3	58	Nguyễn Đình	Lâm	(001561	6	9	4	401C6	BD14CN04		789012345678901
P01	806702	Vẽ kỹ thuật	2	73	Lê Ngọc	Tuyền	(001481	5	1	3	503C6	VP2014/1		789012345678901
P02	806702	Vẽ kỹ thuật	2	60	Trương Hữu	Hoan	(001182	6	4	3	502C6	VP2014/2		789012345678901
L01	807001	Luật Xd&quản Lý Dự án Xd	2	60	Lê Hoài	Long	(002619	4	1	4	305H2	XD11KT		1234 789012 7
A01	807012	Kinh tế xây dựng	2	101	Lương Đức	Long	(001910	3	7	3	305B4	XD12CB1 ...		1234 78901234567
A02	807012	Kinh tế xây dựng	2	97	Lương Đức	Long	(001910	5	10	3	306B4	XD12CD1 ...		123 789012345678
A03	807012	Kinh tế xây dựng	2	100	Lê Hoài	Long	(002619	6	7	3	306B4	XD12CD3 ...		123 789012345678
A04	807012	Kinh tế xây dựng	2	101	Lê Hoài	Long	(002619	4	7	3	GDB2B	XD12DD2 ...		1234 78901234567

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
A05	807012	Kinh tế xây dựng	2	100	Lê Hoài	Long	(002619	2	10	3	313B1	XD12DD4 ...		1234 78901234567
A06	807012	Kinh tế xây dựng	2	83	Lương Đức	Long	(001910	5	1	3	303B1	XD12VL1 ...		123 789012345678
TNXD	807012	Kinh tế xây dựng	2	40	Lê Hoài	Long	(002619	3	10	3	204B9	XD12KSTN		1234 78901234567
A01	807013	Tổ chức thi công	2	61	Phạm Hồng	Luân	(001009	5	4	3	306B4	XD11CB1 ...		123 789012345678
B02	807013	Tổ chức thi công	2	48	Phạm Hồng	Luân	(001009	4	14	3	201B1	XD13B2D1		1234 78901234567
A01	807015	Tin học trong quản lý xd	2	109	Nguyễn Anh	Thư	(002800	3	4	3	304C4	XD11DD1 ...		1234 78901234567
A02	807015	Tin học trong quản lý xd	2	106	Nguyễn Anh	Thư	(002800	6	4	3	306B4	XD11DD4 ...		123 789012345678
A03	807015	Tin học trong quản lý xd	2	0	Nguyễn Anh	Thư	(002800	2	4	3	303B8	XD11KSTN		1234 78901234567
A01	807016	MXD & an toàn lao động	2	56	Trần Quang	Hiền	(001398	2	10	3	305B4	XD12CB2 ...		1234 78901234567
A02	807016	MXD & an toàn lao động	2	94	Trần Quang	Hiền	(001398	5	7	3	306B4	XD12CD1 ...		123 789012345678
A03	807016	MXD & an toàn lao động	2	47	Trần Quang	Hiền	(001398	6	10	3	306B4	XD12CD3 ...		123 789012345678
A04	807016	MXD & an toàn lao động	2	52	Trần Quang	Hiền	(001398	4	10	3	202B6	XD12DD2 ...		1234 78901234567
A05	807016	MXD & an toàn lao động	2	98	Trần Quang	Hiền	(001398	2	7	3	313B1	XD12DD4 ...		1234 78901234567
A06	807016	MXD & an toàn lao động	2	67	Trần Quang	Hiền	(001398	4	7	3	303B6	XD12VL1 ...		1234 78901234567
A07	807016	MXD & an toàn lao động	2	90	Trần Quang	Hiền	(001398	3	7	3	313B1	XD12KSTN ...		1234 78901234567
A01	807017	Kỹ thuật thi công	3	80	Đỗ Thị Xuân	Lan	(001649	3	7	4	202B6	XD12DD1 ...		1234 78901234567
A02	807017	Kỹ thuật thi công	3	48	Đỗ Thị Xuân	Lan	(001649	5	3	4	202B6	XD12DD3 ...		123 789012345678
A03	807017	Kỹ thuật thi công	3	45	Đỗ Thị Xuân	Lan	(001649	6	7	4	302B6	XD12DD4		123 789012345678
A04	807017	Kỹ thuật thi công	3	73	Đỗ Thị Xuân	Lan	(001649	4	3	4	302B6	XD12DD5		1234 78901234567
TNXD	807017	Kỹ thuật thi công	3	41	Đỗ Thị Xuân	Lan	(001649	2	3	4	206B1	XD12KSTN		1234 78901234567
P01	807702	Kt & Tổ Chức Thi Công	4	20	Dương Minh	Tín	(003429	2	1	4	206B10	VP11XDC		1234 78901234567
P01	807705	ĐA tổ chức thi công	1	20	Dương Minh	Tín	(003429	6	7	3	PDAMH5	VP11XDC		123 789012345678
A01	808002	Thủy công 1	2	23	Hồ Tuấn	Đức	(003552	2	7	3	301B4	XD12TL1		1234 78901234567
A02	808002	Thủy công 1	2	22	Trà Thanh	Phương	(000497	6	10	3	303B4	XD12TL2		123 789012345678
A01	808004	Thủy điện	3	20	Nguyễn	Thống	(001007	2	10	2	301B4	XD12TL1		123 789012345678
								6	10	2	302B4			
A02	808004	Thủy điện	3	25	Đặng Quốc	Dũng	(000928	2	8	2	307B1	XD12TL2		123 789012345678
								6	8	2	303B4			
A01	808005	TN Thủy Lực & Ctt	1	5	Nguyễn Quang	Trường	(002876	3	1	3	PTNTNN	XD11TL1		1234 78901234567
A02	808005	TN Thủy Lực & Ctt	1	7	Hồ Tuấn	Đức	(003552	3	4	3	PTNTNN	XD11TL2		1234 78901234567
A01	808006	Phương Pháp số ứng dụng	2	31	Nguyễn	Thống	(001007	3	4	3	302B6	XD11CB1 ...		1234 78901234567
A01	808007	Kỹ thuật tưới tiêu	2	33	Huỳnh Thanh	Sơn	(001004	2	4	3	301B6	XD11TL1 ...		1234 78901234567

A01	808008	Tin học ứng dụng	2	11	Nguyễn Quang Trường	(002357	5	1	3	301B6	XD11TL1		123 789012345678
A02	808008	Tin học ứng dụng	2	15	Nguyễn Quang Trường	(002357	4	4	3	302B4	XD11TL2		1234 78901234567
A01	808015	Thủy Văn	2	21	Châu Nguyễn Xuân Quang	(002248	4	1	3	306B4	XD11TD1 ...		1234 78901234567

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy	Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
A01	808070	ĐAMH thủy Công	1	22	Nguyễn Thu Hà	(003327	6	1	3	PDAMH7	XD11TL1		123 789012345678
A02	808070	ĐAMH thủy Công	1	15	Nguyễn Quang Trường	(002876	5	4	3	PDAMH7	XD11TL2		123 789012345678
A01	808071	ĐAMH thủy điện	1	13							DAMH		1234 78901234567
A01	808076	ĐAMH cấp thoát nước	1	30	Phan Quang Hưng	(002353	3	1	3	PDAMH4	XD12TL1		1234 78901234567
A02	808076	ĐAMH cấp thoát nước	1	18	Phan Quang Hưng	(002353	3	4	3	PDAMH5	XD12TL2		1234 78901234567
A01	808077	ĐAMH công trình thủy	1	0							DAMH		1234 78901234567
A01	808078	Công trình cấp thoátnước	2	28	Lê Đình Hồng	(001006	5	4	3	301B6	XD11TL1		123 789012345678
A02	808078	Công trình cấp thoátnước	2	19	Trương Chí Hiền	(000907	4	1	3	302B4	XD11TL2		1234 78901234567
A01	808079	Kỹ thuật xử lý nước	2	41	Nguyễn Văn Nghiệp	(001159	2	1	3	301B6	XD11TL1 ...		1234 78901234567
A01	808104	Công trình thu &trạm bơm	2	42	Huỳnh Tấn Dũng	(000930	6	4	3	301B4	XD11TL1 ...		123 789012345678
A01	808106	ĐAMH thi công thủy lợi	1	15	Huỳnh Tấn Dũng	(000930	3	4	3	PDAMH1	XD11TL1		1234 78901234567
A02	808106	ĐAMH thi công thủy lợi	1	23	Huỳnh Tấn Dũng	(000930	3	1	3	PDAMH7	XD11TL2		1234 78901234567
A01	808302	Thực tập tốt nghiệp	3	0		( )					XD11TL1		1234 78901234567
A02	808302	Thực tập tốt nghiệp	3	0		( )					XD11TL2		1234 78901234567
A01	808303	Luận văn tốt nghiệp	10	3							LVTN		1234 78901234567
A01	808308	Thực tập kỹ thuật	3	5		( )					XD12TL1		1234 78901234567
A02	808308	Thực tập kỹ thuật	3	2		( )					XD12TL2		1234 78901234567
P01	808701	Thủy Văn Đại Cương	2	19	Huỳnh Thanh Sơn	(001004	3	3	2	206B10	VP11XDC		1234 78901234567
L01	809001	Sức bền vật liệu 2C	2	78	Nguyễn Hồng Ân	(002355	4	3	4	206H2	CK13CD1 ...		1234 7890123
L02	809001	Sức bền vật liệu 2C	2	80	Nguyễn Hồng Ân	(002355	5	7	4	113H6	CK13CTM1 ...		123 78901234
L03	809001	Sức bền vật liệu 2C	2	77	Lương Văn Hải	(001937	6	7	4	114H6	CK13CTM2 ...		123 78901234
L04	809001	Sức bền vật liệu 2C	2	64	Nguyễn Hồng Ân	(002355	4	7	4	412H6	CK13CXN ...		1234 7890123
L05	809001	Sức bền vật liệu 2C	2	65	Lê Đức Thanh	(000936	2	7	4	406H2	CK13HT1 ...		1234 7890123
L06	809001	Sức bền vật liệu 2C	2	76	Nguyễn Hồng Ân	(002355	5	3	4	208H6	CK13TKM ...		123 78901234
L07	809001	Sức bền vật liệu 2C	2	71	Lê Đức Thanh	(000936	2	3	4	401H2	CK13INN ...		1234 7890123
L08	809001	Sức bền vật liệu 2C	2	80	Lương Văn Hải	(001937	6	3	4	114H6	CK13NH2 ...		123 78901234
TNCK	809001	Sức bền vật liệu 2C	2	63	Lê Hoàng Tuấn	(000661	3	7	3	202B9	CK13KSCD ...		1234 78901234567
L01	809002	Sức bền vật liệu B	2	119	Nguyễn Sỹ Lâm	(002167	4	7	4	202H2	MO13KMT1 ...		1234 7890123
L01	809006	Cơ kết cấu	2	56	Lê Tuấn Khoa	(001199	3	1	4	213H6	XD13KT		1234 7890123
AU	809015	Sức bền vật liệu 2	2	11	Bùi Công Thành	(000690	5	10	3	303B4	XD13AU		123 789012345678
B08	809015	Sức bền vật liệu 2	2	44	Lê Hoàng Tuấn	(000661	4	14	3	303B1	XD14B2D1		1234 78901234567
L01	809015	Sức bền vật liệu 2	2	65	Lê Đình Quốc	(002168	5	10	3	208H6	XD13CB1 ...		123 789012345678
L02	809015	Sức bền vật liệu 2	2	81	Lê Hoàng Tuấn	(000661	4	4	3	113H6	XD13CB2 ...		1234 78901234567
L03	809015	Sức bền vật liệu 2	2	79	Trần Tấn Quốc	(001078	3	4	3	412H6	XD13CD2 ...		1234 78901234567

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy	Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
L04	809015	Sức bền vật liệu 2	2	54	Nguyễn Trọng Phước	(001913	2	1	3	208H6	XD13DD1 ...		1234 78901234567
L05	809015	Sức bền vật liệu 2	2	54	Nguyễn Trọng Phước	(001913	2	4	3	114H6	XD13DD3 ...		1234 78901234567
L06	809015	Sức bền vật liệu 2	2	77	Lê Hoàng Tuấn	(000661	4	1	3	208H6	XD13DD5 ...		1234 78901234567
L07	809015	Sức bền vật liệu 2	2	73	Trần Tấn Quốc	(001078	3	1	3	311H6	XD13VL1 ...		1234 78901234567
TNCK	809015	Sức bền vật liệu 2	2	69	Nguyễn Hồng Ân	(002355	2	7	3	208B1	XD13KSCD ...		1234 78901234567

AU	809016	Cơ kết cấu 1	2	14	Bùi Công	Thành	(000690	6	10	3	211B1	XD13AU		123 789012345678
B08	809016	Cơ kết cấu 1	2	57	Trần Tấn	Quốc	(001078	5	14	3	303B1	XD14B2D1		1234 78901234567
L01	809016	Cơ kết cấu 1	2	74	Đỗ Kiến	Quốc	(000158	4	1	3	113H6	CK13CXN ...		1234 78901234567
L02	809016	Cơ kết cấu 1	2	90	Lê Đình	Quốc	(002168	5	7	3	208H6	XD13CB1 ...		123 789012345678
L03	809016	Cơ kết cấu 1	2	64	Đỗ Kiến	Quốc	(000158	3	1	3	412H6	XD13CD2 ...		1234 78901234567
L04	809016	Cơ kết cấu 1	2	99	Lê Tuấn	Khoa	(001199	2	4	3	208H6	XD13DD1 ...		1234 78901234567
L05	809016	Cơ kết cấu 1	2	64	Lê Tuấn	Khoa	(001199	2	1	3	114H6	XD13DD3 ...		1234 78901234567
L06	809016	Cơ kết cấu 1	2	76	Đỗ Kiến	Quốc	(000158	4	4	3	208H6	XD13DD5 ...		1234 78901234567
L07	809016	Cơ kết cấu 1	2	78	Đỗ Kiến	Quốc	(000158	3	4	3	311H6	XD13VL1 ...		1234 78901234567
TNCK	809016	Cơ kết cấu 1	2	68	Đỗ Kiến	Quốc	(000158	2	10	3	208B1	XD13KSCD ...		1234 78901234567
A01	809020	Cơ kết cấu 2	2	138	Trần Tấn	Quốc	(001078	4	10	3	305B4	HLXD1		1234 78901234567
A01	809022	TNghiệm sức bền vật liệu	1	17	Lê Đức	Thanh	(000936	6	4	3	PTNSB2	XD13AU		23456
B21	809022	TNghiệm sức bền vật liệu	1	38	Trương Thị Kim	Hoàng	(000294	8	1	3	PTNSB2	XD14B2D1		23456
L01	809022	TNghiệm sức bền vật liệu	1	38	Lê Đức	Thanh	(000936	3	7	3	PTNSB2	GT13HK		78901
L02	809022	TNghiệm sức bền vật liệu	1	45	Lê Đức	Thanh	(000936	3	4	3	PTNSB2	GT13OTO1		78901
L03	809022	TNghiệm sức bền vật liệu	1	37	Lê Đức	Thanh	(000936	3	1	3	PTNSB2	GT13OTO2		78901
L04	809022	TNghiệm sức bền vật liệu	1	30	Lê Đức	Thanh	(000936	6	1	3	PTNSB2	GT13TAU1		78 234
L05	809022	TNghiệm sức bền vật liệu	1	19	Lê Đức	Thanh	(000936	6	10	3	PTNSB2	GT13TAU2		78 234
L06	809022	TNghiệm sức bền vật liệu	1	40	Trương Thị Kim	Hoàng	(000294	4	10	3	PTNSB2	XD13CB1		123 78
L07	809022	TNghiệm sức bền vật liệu	1	39	Trương Thị Kim	Hoàng	(000294	2	4	3	PTNSB2	XD13CB2 ...		123 78
L08	809022	TNghiệm sức bền vật liệu	1	39	Lê Đức	Thanh	(000936	6	7	3	PTNSB2	XD13CD1		123 78
L09	809022	TNghiệm sức bền vật liệu	1	35	Trương Thị Kim	Hoàng	(000294	4	4	3	PTNSB2	XD13CD2		123 78
L10	809022	TNghiệm sức bền vật liệu	1	32	Trương Thị Kim	Hoàng	(000294	2	1	3	PTNSB2	XD13CD3		123 78
L11	809022	TNghiệm sức bền vật liệu	1	36	Lê Đức	Thanh	(000936	5	10	3	PTNSB2	XD13DD1		123 78
L12	809022	TNghiệm sức bền vật liệu	1	36	Lê Đức	Thanh	(000936	5	4	3	PTNSB2	XD13DD2		123 78
L13	809022	TNghiệm sức bền vật liệu	1	31	Lê Đức	Thanh	(000936	3	10	3	PTNSB2	XD13DD3		123 78
L14	809022	TNghiệm sức bền vật liệu	1	24	Trương Thị Kim	Hoàng	(000294	4	1	3	PTNSB2	XD13DD4		123 78
L15	809022	TNghiệm sức bền vật liệu	1	37	Lê Đức	Thanh	(000936	5	7	3	PTNSB2	XD13DD5		123 78
L16	809022	TNghiệm sức bền vật liệu	1	27	Lê Đức	Thanh	(000936	5	1	3	PTNSB2	XD13DD6		123 78
L17	809022	TNghiệm sức bền vật liệu	1	15	Trương Thị Kim	Hoàng	(000294	4	7	3	PTNSB2	XD13TL ...		123 78
L18	809022	TNghiệm sức bền vật liệu	1	28	Trương Thị Kim	Hoàng	(000294	7	10	3	PTNSB2	XD13TL		123 78
L19	809022	TNghiệm sức bền vật liệu	1	37	Trương Thị Kim	Hoàng	(000294	2	10	3	PTNSB2	XD13VL1		123 78
L20	809022	TNghiệm sức bền vật liệu	1	37	Trương Thị Kim	Hoàng	(000294	2	7	3	PTNSB2	XD13VL2		123 78
TNX1	809022	TNghiệm sức bền vật liệu	1	28	Lê Đức	Thanh	(000936	3	4	3	PTNSB2	XD13KSCD		23456
TNX2	809022	TNghiệm sức bền vật liệu	1	39	Lê Đức	Thanh	(000936	6	4	3	PTNSB2	XD13KSDD		123 78
L01	809026	Sức bền vật liệu 1	2	120	Lê Hoàng	Tuấn	(000661	5	7	3	305H6	GT13HK ...		123 789012345678
L02	809026	Sức bền vật liệu 1	2	107	Lê Hoàng	Tuấn	(000661	5	10	3	305H6	GT13OTO1 ...		123 789012345678
QT01	809026	Sức bền vật liệu 1	2	6	Nguyễn Trọng	Phước	(001913	5	4	3	509A4	CT13GRIF		123 789012345678

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
A01	809028	Đàn hồi ứng dụng & pthh	3	89	Đỗ Kiến	Quốc	(000158	2	3	4	303B6	XD11CB1 ...		1234 78901234567
P01	809703	Sức bền vật liệu	4	54	Nguyễn Hồng	Ân	(002355	6	1	4	203B10	VP12CDT ...		123 789012345678
P01	**809706**	**PP phân tích k/c(t/Pháp)**	**5**	**20**	**Bùi Công**	**Thành**	**(000690**	**3**	**3**	**2**	**207B10**	**VP12XDC**		**123 789012345678**
								6	**4**	**3**	**301B10**			
P01	809709	Mô hình hóa kết cấu nhà	2	19	Lê Đình	Quốc	(002168	6	10	3	202B10	VP11XDC		123 7890123
L01	810001	L/trình Ud Trg trắc địa	2	63	Lương Bảo	Bình	(002495	3	7	4	208H6	XD13TD1 ...		1234 7890123
L01	810002	Bản đồ học đại cương	3	65	Lê Thị Ngọc	Liên	(001545	5	7	4	304H2	XD13TD1 ...		123 789012345678
L01	810003	Vẽ bản đồ	2	60	Châu Phương	Khanh	(002875	4	1	4	414H6	XD13TD1 ...		1234 7890123
A01	810013	Định vị vệ tinh GPS	2	59	Nguyễn Ngọc	Lâu	(001615	3	10	3	303B6	XD11DC		1234 78901234567
A01	810017	Tin học trong trắc địa	3	106	Nguyễn Ngọc	Lâu	(001615	4	11	2	308B1	XD12DC ...		1234 78901234567
								2	**7**	**2**	**305B8**			
A01	810018	Sử dụng đất	2	54	Nguyễn Trường	Ngân	(002801	3	4	3	501B4	XD11TD1 ...		1234 78901234567
A01	810019	Bản đồ chuyên đề	2	30	Châu Phương	Khanh	(002875	5	10	3	301B6	XD12DC		123 789012345678
A02	810019	Bản đồ chuyên đề	2	33	Châu Phương	Khanh	(002875	5	7	3	310B1	XD12TD1		123 789012345678

A01	810020	Trắc địa đại cương	2	101	Nguyễn Tấn Lực	(002359	3	4	3	203B1	XD13AU		1234 78901234567
L01	810020	Trắc địa đại cương	2	59	Lê Hoàng Sơn	(000433	3	7	4	305H6	XD13CB1 ...		1234 7890123
L02	810020	Trắc địa đại cương	2	75	Nguyễn Tấn Lực	(002359	5	1	4	304H2	XD13CB2 ...		123 78901234
L03	810020	Trắc địa đại cương	2	52	Lê Thị Ngọc Liên	(001545	6	7	4	412H6	XD13CD2 ...		123 78901234
L04	810020	Trắc địa đại cương	2	75	Lê Hoàng Sơn	(000433	6	1	4	202H2	XD13DD1 ...		123 78901234
L05	810020	Trắc địa đại cương	2	66	Nguyễn Tấn Lực	(002359	5	7	4	412H6	XD13DD3 ...		123 78901234
L06	810020	Trắc địa đại cương	2	66	Lê Thị Ngọc Liên	(001545	2	1	4	412H6	XD13DD5 ...		1234 7890123
L07	810020	Trắc địa đại cương	2	67	Lương Bảo Bình	(002495	6	7	4	311H6	XD13VL1 ...		123 78901234
TNXD	810020	Trắc địa đại cương	2	63	Đào Xuân Lộc	(000808	5	10	3	208B1	XD13KSCD ...		123 789012345678
A01	810021	Thực tập kỹ thuật	3	20	Đặng Văn Công Bằng	(002358)					XD12DC		1234 78901234567
A02	810021	Thực tập kỹ thuật	3	0	Lương Bảo Bình	(002495)					XD12TD1		1234 78901234567
A01	810023	Xây dựng lưới trắc địa	3	37	Lê Trung Chơn	(001838	4	5	2	301B6	XD11DC		1234 78901234567
							6	9	2	310B1			
A01	810025	ĐAMH xd lưới trắc địa	1	2	Nguyễn Tấn Lực	(002359	2	10	3	PDAMH6	XD11DC		1234 78901234567
A01	810026	Trắc lượng ảnh nâng cao	3	41	Nguyễn Tấn Lực	(002359	4	3	2	301B6	XD11DC		1234 78901234567
							6	7	2	310B1			
A01	810029	Đo vẽ địa chính	2	51	Nguyễn Tấn Lực	(002359	6	1	3	502B4	XD11TD1 ...		123 789012345678

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy	Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
A01	810030	Thủy đạc	2	40	Lê Trung Chơn	(001838	6	4	3	502B4	XD11TD1 ...		123 789012345678
A01	810031	Thống kê không gian	2	30	Trần Trọng Đức	(001479	4	4	3	306B4	XD11TD1 ...		1234 78901234567
A01	810032	Trắc địa ứng dụng	2	64	Đào Xuân Lộc	(000808	2	4	3	308B1	XD11DC ...		1234 78901234567
A01	810033	Phép chiếu bản đồ	2	38	Nguyễn Trọng Khánh	(002871	2	1	3	308B1	XD11DC ...		1234 78901234567
A01	810034	Tài nguyên đất& M/trường	2	20	Nguyễn Trường Ngân	(002801	3	7	3	303B6	XD11DC		1234 78901234567
L01	810042	LT saisố&xl sốliệu đođạc	3	63	Đào Xuân Lộc	(000808	2	7	4	208H6	XD13TD1 ...		1234 78901234567
A01	810102	Viễn thám	3	66	Phan Hiền Vũ	(002621	3	9	2	301B6	XD12TD1		1234 78901234567
							6	11	2	301B6			
A01	810103	Thực tập viễn thám	1	13	Nguyễn Trọng Khánh	(002871	4	1	3	106C5	XD12TD1		1234 789012
A02	810103	Thực tập viễn thám	1	24	Nguyễn Trọng Khánh	(002871	4	4	3	106C5	XD12TD1		1234 789012
A01	810104	Trắc địa công trình	3	31	Đào Xuân Lộc	(000808	3	7	2	301B6	XD12TD1		1234 78901234567
							6	9	2	301B6			
A01	810115	Tt trắc địa đại cương	1	25	Đặng Văn Công Bằng	(002358	5	1	3	PTTTR2	XD13AU		123 789012345678
L01	810115	Tt trắc địa đại cương	1	25	Nguyễn Duy Vũ	(003441	2	1	3	TTTR3L	XD13CB1		8901234567
L02	810115	Tt trắc địa đại cương	1	22	Dương Tuấn Việt	(003053	3	1	3	TTTR3L	XD13CB2 ...		8901234567
L03	810115	Tt trắc địa đại cương	1	23	Nguyễn Duy Vũ	(003441	3	1	3	TTTR4L	XD13CD1 ...		8901234567
L04	810115	Tt trắc địa đại cương	1	18	Trịnh Đình Vũ	(003428	2	1	3	TTTR2L	XD13CD1		8901234567
L05	810115	Tt trắc địa đại cương	1	15	Đặng Văn Công Bằng	(002358	6	1	3	TTTR5L	XD13CD2		8901234567
L06	810115	Tt trắc địa đại cương	1	25	Nguyễn Duy Vũ	(003441	6	1	3	TTTRDL	XD13CD3 ...		8901234567
L07	810115	Tt trắc địa đại cương	1	21	Nguyễn Ngọc Lâu	(001615	4	1	3	TTTR5L	XD13CD3		8901234567
L08	810115	Tt trắc địa đại cương	1	23	Nguyễn Duy Vũ	(003441	4	1	3	TTTR3L	XD13DD1		8901234567
L09	810115	Tt trắc địa đại cương	1	26	Trịnh Đình Vũ	(003428	4	1	3	TTTR2L	XD13DD2 ...		8901234567
L10	810115	Tt trắc địa đại cương	1	24	Dương Tuấn Việt	(003053	4	1	3	TTTR4L	XD13DD2		8901234567
L11	810115	Tt trắc địa đại cương	1	17	Đặng Văn Công Bằng	(002358	4	1	3	TTTRDL	XD13DD3		8901234567
L12	810115	Tt trắc địa đại cương	1	24	Nguyễn Duy Vũ	(003441	5	1	3	TTTR2L	XD13DD4 ...		8901234567
L13	810115	Tt trắc địa đại cương	1	24	Trịnh Đình Vũ	(003428	3	1	3	TTTR5L	XD13DD4		8901234567
L14	810115	Tt trắc địa đại cương	1	20	Trịnh Đình Vũ	(003428	6	1	3	TTTR2L	XD13DD5		8901234567
L15	810115	Tt trắc địa đại cương	1	25	Dương Tuấn Việt	(003053	6	1	3	TTTR3L	XD13DD6 ...		8901234567
L16	810115	Tt trắc địa đại cương	1	24	Nguyễn Trọng Khánh	(002871	6	1	3	TTTR4L	XD13DD6		8901234567
L17	810115	Tt trắc địa đại cương	1	19	Nguyễn Trọng Khánh	(002871	3	1	3	TTTRDL	XD13TL		8901234567
L18	810115	Tt trắc địa đại cương	1	14	Lương Bảo Bình	(002495	3	1	3	TTTR2L	XD13TL		8901234567
L19	810115	Tt trắc địa đại cương	1	22	Trịnh Đình Vũ	(003428	5	1	3	TTTRDL	XD13VL1		8901234567
L20	810115	Tt trắc địa đại cương	1	17	Dương Tuấn Việt	(003053	5	1	3	TTTR5L	XD13VL1		8901234567

	L21	810115	Tt trắc địa đại cương	1	25	Lương Bảo	Bình	(002495	5	1	3	TTTR3L	XD13VL2		8901234567
	L22	810115	Tt trắc địa đại cương	1	22	Nguyễn Trọng	Khánh	(002871	5	1	3	TTTR4L	XD13VL2		8901234567
	TNX1	810115	Tt trắc địa đại cương	1	25	Võ Thành	Tâm	(001097	4	1	3	PTTTR2	XD13KSCD		8901234567
	TNX2	810115	Tt trắc địa đại cương	1	20	Dương Tuấn	Việt	(003053	2	1	3	PTTTR3	XD13KSDD		8901234567
	TNX3	810115	Tt trắc địa đại cương	1	19	Võ Thành	Tâm	(001097	3	1	3	PTTTR4	XD13KSDD		8901234567

KH	Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
	A01	810116	Địa mạo	2	41	Vũ Đình	Chinh	(001352	2	1	3	301B4	XD12DC		1234 78901234567
	A01	810117	Thổ nhưỡng	2	34	Nguyễn Trường	Ngân	(002801	6	4	3	303B1	XD12DC		123 789012345678
	A01	810125	Quản lý đất đai	2	51	Nguyễn Trường	Ngân	(002801	3	1	3	501B4	XD11TD1 ...		1234 78901234567
	A01	810126	TT trắc địa công trình	1	10	Võ Thành	Tâm	(001097	2	1	3	PTTTR2	XD12TD1		1234 789012
	A02	810126	TT trắc địa công trình	1	19	Đặng Văn Công	Bằng	(002358	3	1	3	PTTTR2	XD12TD1		1234 789012
	L01	810135	Thực tập nhận thức ngành	2	31	Đặng Văn Công	Bằng	(002358)					XD13TD1		1234 78901234567
	L02	810135	Thực tập nhận thức ngành	2	28	Trịnh Đình	Vũ	(003428)					XD13TD2		1234 78901234567
	A01	810137	Trắc địa cao cấp 1	3	107	Nguyễn Ngọc	Lâu	(001615	4	9	2	308B1	XD12DC ...		1234 78901234567
									2	9	2	305B8			
	L01	810138	Trắc địa đại cương (kt)	2	49	Đặng Văn Công	Bằng	(002358	2	1	4	404H2	XD13KT		78901234
	A01	810302	Thực tập tốt nghiệp	3	1	Đặng Văn Công	Bằng	(002358)					XD11DC		1234 78901234567
	A02	810302	Thực tập tốt nghiệp	3	0	Nguyễn Duy	Vũ	(003441)					XD11TD1		1234 78901234567
	A03	810302	Thực tập tốt nghiệp	3	0	Trịnh Đình	Vũ	(003428)					XD11TD2		1234 78901234567
	A01	810303	Luận văn tốt nghiệp	10	4								LVTN		1234 78901234567
	A01	812002	Vật liệu học	2	32	Trần Văn	Miền	(002368	2	10	3	301B6	XD12VL1		1234 78901234567
	A02	812002	Vật liệu học	2	49	Lê Anh	Tuấn	(002004	4	7	3	301B6	XD12VL2		1234 78901234567
	L01	812003	Vật liệu xây dựng	2	53	Nguyễn Ninh	Thụy	(001763	6	7	4	404H2	XD13KT		123 78901234
	A01	812005	Máy & thiết bị sx vlxd	2	53	Bùi Đức	Vinh	(001899	2	7	3	301B6	XD12VL1		1234 78901234567
	A02	812005	Máy & thiết bị sx vlxd	2	28	Nguyễn Ngọc	Thành	(002360	4	10	3	301B6	XD12VL2		1234 78901234567
	A01	812009	Công nghệ gốm xây dựng	2	60	Lê Anh	Tuấn	(002004	3	4	3	301B6	XD11VL1		1234 78901234567
	A02	812009	Công nghệ gốm xây dựng	2	21	Đặng Thanh Kim	Mai	(002011	6	1	3	501B4	XD11VL2		123 789012345678
	A01	812012	Chống xâm thực bê tông	2	46	Huỳnh Thị	Hạnh	(001382	3	1	3	301B6	XD11VL1		1234 78901234567
	A02	812012	Chống xâm thực bê tông	2	29	Trần Văn	Miền	(002368	6	4	3	501B4	XD11VL2		123 789012345678
	A01	812021	TN vật liệu xây dựng	1	19	Nguyễn Ngọc	Thành	(002360	5	4	3	PTNVLX	XD12CB1		45678
	A02	812021	TN vật liệu xây dựng	1	20	Bùi Đức	Vinh	(001899	3	1	3	PTNVLX	XD12DD2 ...		1234 7
	A03	812021	TN vật liệu xây dựng	1	15	Bùi Đức	Vinh	(001899	3	10	3	PTNVLX	XD12CB2		90123
	A04	812021	TN vật liệu xây dựng	1	18	Nguyễn Ngọc	Thành	(002360	6	10	3	PTNVLX	XD12CD1		123 78
	A05	812021	TN vật liệu xây dựng	1	20	Lê Văn Hải	Châu	(002632	6	7	3	PTNVLX	XD12CD1		123 78
	A06	812021	TN vật liệu xây dựng	1	20	Huỳnh Thị	Hạnh	(001382	5	7	3	PTNVLX	XD12CD2		45678
	A07	812021	TN vật liệu xây dựng	1	14	Huỳnh Thị	Hạnh	(001382	5	10	3	PTNVLX	XD12CD2		123 78
	A08	812021	TN vật liệu xây dựng	1	17	Nguyễn Ngọc	Thành	(002360	3	10	3	PTNVLX	XD12CD3		1234 7
	A09	812021	TN vật liệu xây dựng	1	20	Huỳnh Thị	Hạnh	(001382	3	7	3	PTNVLX	XD12CD3		1234 7
	A10	812021	TN vật liệu xây dựng	1	19	Đặng Thanh Kim	Mai	(002011	2	10	3	PTNVLX	XD12DD1		1234 7
	A11	812021	TN vật liệu xây dựng	1	20	Lê Văn Hải	Châu	(002632	2	7	3	PTNVLX	XD12DD1		1234 7
	A12	812021	TN vật liệu xây dựng	1	20	Lê Văn Hải	Châu	(002632	6	4	3	PTNVLX	XD12DD2		123 78

KH	Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
	A13	812021	TN vật liệu xây dựng	1	17	Đặng Thanh Kim	Mai	(002011	6	1	3	PTNVLX	XD12DD2		123 78
	A14	812021	TN vật liệu xây dựng	1	16	Lê Văn Hải	Châu	(002632	4	4	3	PTNVLX	XD12DD3		1234 7
	A15	812021	TN vật liệu xây dựng	1	16	Đặng Thanh Kim	Mai	(002011	4	1	3	PTNVLX	XD12DD3		1234 7
	A16	812021	TN vật liệu xây dựng	1	20	Lê Văn Hải	Châu	(002632	4	7	3	PTNVLX	XD12DD4		1234 7
	A17	812021	TN vật liệu xây dựng	1	18	Cù Khắc	Trúc	(001293	4	10	3	PTNVLX	XD12DD4		1234 7
	A18	812021	TN vật liệu xây dựng	1	18	Cù Khắc	Trúc	(001293	5	1	3	PTNVLX	XD12DD4 ...		45678

A19	812021	TN vật liệu xây dựng	1	20	Lê Văn Hải	Châu	(002632	2	4	3	PTNVLX	XD12DD5		34567
A20	812021	TN vật liệu xây dựng	1	15	Đặng Thanh Kim	Mai	(002011	2	1	3	PTNVLX	XD12DD5		34567
A21	812021	TN vật liệu xây dựng	1	14	Cù Khắc	Trúc	(001293	4	10	3	PTNVLX	XD12TL1		90123
A22	812021	TN vật liệu xây dựng	1	19	Đặng Thanh Kim	Mai	(002011	4	1	3	PTNVLX	XD12TL2		90123
A23	812021	TN vật liệu xây dựng	1	20	Vũ Quốc	Hoàng	(002475	3	1	3	PTNVLX	XD12VL1		89012
A24	812021	TN vật liệu xây dựng	1	20	Vũ Quốc	Hoàng	(002475	3	4	3	PTNVLX	XD12VL1	123	78
A25	812021	TN vật liệu xây dựng	1	14	Lê Văn Hải	Châu	(002632	2	10	3	PTNVLX	XD12VL2		90123
A26	812021	TN vật liệu xây dựng	1	18	Đặng Thanh Kim	Mai	(002011	2	7	3	PTNVLX	XD12VL2		90123
A27	812021	TN vật liệu xây dựng	1	20				3	1	3	PTNVLX	XD12CB1 ...		34567
AU	812021	TN vật liệu xây dựng	1	10	Huỳnh Thị	Hạnh	(001382	3	4	3	PTNVLX	XD12AU		01234
B27	812021	TN vật liệu xây dựng	1	21	Lê Văn Hải	Châu	(002632	8	1	3	PTNVLX	XD14B2D1		78901
TNX1	812021	TN vật liệu xây dựng	1	21	Trần Văn	Miền	(002368	4	4	3	PTNVLX	XD12KSTN		90123
TNX2	812021	TN vật liệu xây dựng	1	20	Trần Văn	Miền	(002368	4	7	3	PTNVLX	XD12KSTN		90123
A01	812031	TN cngành vật liệu xdựng	1	15	Cù Khắc	Trúc	(001293	2	4	3	PTNVLX	XD11VL1	1234	789012
A02	812031	TN cngành vật liệu xdựng	1	13	Cù Khắc	Trúc	(001293	2	1	3	PTNVLX	XD11VL1	1234	789012
A03	812031	TN cngành vật liệu xdựng	1	17	Cù Khắc	Trúc	(001293	5	7	3	PTNVLX	XD11VL2	123	7890123
A04	812031	TN cngành vật liệu xdựng	1	20	Vũ Quốc	Hoàng	(002475	5	4	3	PTNVLX	XD11VL2	123	7890123
A05	812031	TN cngành vật liệu xdựng	1	19	Vũ Quốc	Hoàng	(002475	5	1	3	PTNVLX	XD11VL2	123	7890123
A01	812033	ĐAMH máy&thiết bị sxvlxd	1	20	Nguyễn Ngọc	Thành	(002360	6	7	3	PDAMH3	XD12VL1	123	789012345678
A02	812033	ĐAMH máy&thiết bị sxvlxd	1	22	Bùi Đức	Vinh	(001899	6	1	3	PDAMH5	XD12VL1	123	789012345678
A03	812033	ĐAMH máy&thiết bị sxvlxd	1	22	Nguyễn Ngọc	Thành	(002360	2	4	3	PDAMH4	XD12VL2	1234	78901234567
A04	812033	ĐAMH máy&thiết bị sxvlxd	1	13	Cù Khắc	Trúc	(001293	6	10	3	PDAMH6	XD12VL2	123	789012345678
A01	812036	ĐAMH ktsx gốm xây dựng	1	23	Lê Anh	Tuấn	(002004	4	4	3	PDAMH1	XD11VL1	1234	78901234567
A02	812036	ĐAMH ktsx gốm xây dựng	1	19	Đặng Thanh Kim	Mai	(002011	4	1	3	PDAMHA	XD11VL1	1234	78901234567
A03	812036	ĐAMH ktsx gốm xây dựng	1	12	Đặng Thanh Kim	Mai	(002011	3	4	3	PDAMHB	XD11VL2	1234	78901234567
A04	812036	ĐAMH ktsx gốm xây dựng	1	23	Lê Anh	Tuấn	(002004	3	1	3	PDAMH1	XD11VL2	1234	78901234567
A01	812037	ĐAMH ktsx chất kết dính	1	14	Trần Văn	Miền	(002368	5	4	3	PDAMH9	XD11VL1	123	789012345678
A02	812037	ĐAMH ktsx chất kết dính	1	19	Huỳnh Thị	Hạnh	(001382	5	1	3	PDAMH6	XD11VL1	123	789012345678
A03	812037	ĐAMH ktsx chất kết dính	1	21	Nguyễn Văn	Chánh	(000498	4	4	3	PDAMH6	XD11VL2	1234	78901234567
A04	812037	ĐAMH ktsx chất kết dính	1	24	Huỳnh Thị	Hạnh	(001382	4	1	3	PDAMH7	XD11VL2	1234	78901234567
A01	812039	VL cnhiệt- vl hoàn thiện	2	43	Nguyễn Văn	Chánh	(000498	6	4	3	303B6	XD11VL1	123	789012345678
A02	812039	VL cnhiệt- vl hoàn thiện	2	33	Nguyễn Văn	Chánh	(000498	2	1	3	203B1	XD11VL2	1234	78901234567
A01	812040	CN bt silicat & bt rỗng	2	34	Vũ Quốc	Hoàng	(002475	6	1	3	303B6	XD11VL1	123	789012345678
A02	812040	CN bt silicat & bt rỗng	2	41	Nguyễn Văn	Chánh	(000498	2	4	3	203B1	XD11VL2	1234	78901234567
A01	812302	Thực tập tốt nghiệp	3	0			( )					XD11VL1	1234	78901234567
A02	812302	Thực tập tốt nghiệp	3	0			( )					XD11VL2	1234	78901234567

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
A01	812303	Luận văn tốt nghiệp	10	6								LVTN	1234	78901234567
A01	812308	Thực tập kỹ thuật	3	42			( )					XD12VL1	1234	78901234567
A02	812308	Thực tập kỹ thuật	3	30			( )					XD12VL2	1234	78901234567
L01	813001	Lskt Phương Đông&ViệtNam	2	61	Đặng Nhật	Minh	(009472	4	7	4	404H2	XD13KT	1234	7890123
L01	813013	Tin học chuyên ngành 3D	2	15	Dương Minh	Phát	(003107	6	1	4	312H1	HLXD1	123	78901234
L01	813017	ĐA cấu tạo kiến trúc 1	2	51	Lâm Ngọc	Mai	(001989	4	1	5	501H2	XD13KT	123	789012
L01	813021	Cấu tạo kiến trúc Cn	2	50	Lê Thị Bảo	Thư	(003244	5	1	4	313H6	XD13KT	123	789
								5	1	4	313H6			012345
L01	813023	ĐA thiết kế nhanh 3	1	47	Huỳnh Nam	Hưng	(002647	2	7	5	501H2	XD13KT		34
L01	813024	ĐA kiến trúc công cộng 2	3	54	Trần Quốc	Bằng	(003109	3	7	5	501H2	XD13KT	1234	78901234567
L01	813026	Thiết kế nội thất	2	51	Nguyễn Thế Việt	Hưng	(009603	2	7	4	310H6	XD12KT	1234	7890123
L01	813030	Kỹ Thuật Hạ Tầng Đô Thị	2	48	Nguyễn Mạnh	Tuấn	(003515	2	1	4	305H2	XD11KT	1234	7890123
L02	813030	Kỹ Thuật Hạ Tầng Đô Thị	2	3	Nguyễn Mạnh	Tuấn	(003515	5	7	4	313H6	HLXD2	123	78901234

	L01	813031	M/trường&k/trúc bền vững	2	54	Lê Thị Hồng	Na	(001990	4	7	4	402H2	XD12KT	1234	7890123
	L01	813032	Nhiệt K/hậu & thông gió	3	46	Trần Công	Danh	(003489	5	7	4	404H2	XD13KT	123	789012345678
	L01	813034	ĐAMH kiến trúc c/nghiệp	6	48	Lê Thị Bảo	Thư	(003244	5	7	5	502H2	XD12KT	123	789012345678
	L01	813035	Kiến trúc cảnh quan	2	50	Phạm Đức	Thắng	(003296	4	1	4	206H6	XD12KT	1234	78901234
	L01	813038	ĐA quy hoạch đô thị	6	37	Huỳnh Tương	Thân	(003112	3	2	5	501H2	XD11KT	1234	78901234567
	L02	813038	ĐA quy hoạch đô thị	6	23	Nguyễn Thị Hương	Trung	(001806	6	2	5	502H2	HLXD2	123	789012345678
	L01	813039	Thực tập kỹ thuật	3	50			( )					XD11KT	1234	78901234567
	L01	813048	Chuyên đề tự chọn 1	2	49	Trần Quốc	Bằng	(003109	6	7	4	TTNT25	XD12KT		789012345
	L01	813049	Triết học phương đông	2	42	Trần Kỳ	Đồng	(009047	3	7	4	213H6	XD12KT	1234	78901234
	L01	813050	Chuyên đề tự chọn 2	2	45	Nguyễn Quốc	Vinh	(003497	5	1	4	310H6	XD11KT	123	78901234
	L01	813303	Luận văn tốt nghiệp	10	0			( )					XD10KT	1234	78901234567
	P01	813706	Kiến Trúc (VP)	3	20	Lê Thị Hồng	Na	(001990	2	7	3	203B10	VP11XDC	1234	78901234567
	A15	AS1003	Cơ học lý thuyết	3	54	Nguyễn Duy	Khương	(003263	3	7	4	604B4	XD14BXD1 ...		789012345678901
	L01	AS1003	Cơ học lý thuyết	3	76	Nguyễn Thái	Hiền	(003139	6	1	4	102H1	CK14CK01 ...		789012345678901
	L02	AS1003	Cơ học lý thuyết	3	74	Trương Tích	Thiện	(001673	2	7	4	404H1	CK14CK03 ...		789012345678901

KH	Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
	L03	AS1003	Cơ học lý thuyết	3	59	Trương Quang	Tri	(003563	4	1	4	302H1	CK14CK05 ...		789012345678901
	L04	AS1003	Cơ học lý thuyết	3	61	Vũ Công	Hòa	(001942	4	1	4	102H1	XD14VL2 ...		789012345678901
	L05	AS1003	Cơ học lý thuyết	3	76	Nguyễn Thái	Hiền	(003139	6	7	4	204H1	CK14CK06 ...		789012345678901
	L06	AS1003	Cơ học lý thuyết	3	76	Nguyễn Thanh	Nhã	(002852	5	1	4	203H1	CK14CK08 ...		789012345678901
	L07	AS1003	Cơ học lý thuyết	3	75	Trần Kim	Bằng	(003434	6	1	4	403H1	CK14CK10 ...		789012345678901
	L08	AS1003	Cơ học lý thuyết	3	72	Trương Tích	Thiện	(001673	3	3	4	302H1	CK14CK12 ...		789012345678901
	L09	AS1003	Cơ học lý thuyết	3	78	Vũ Công	Hòa	(001942	4	7	4	201H1	XD14XD02 ...		789012345678901
	L10	AS1003	Cơ học lý thuyết	3	77	Trương Tích	Thiện	(001673	3	7	4	302H1	XD14XD04 ...		789012345678901
	L11	AS1003	Cơ học lý thuyết	3	75	Nguyễn Thanh	Nhã	(002852	5	7	4	404H1	XD14XD06 ...		789012345678901
	L12	AS1003	Cơ học lý thuyết	3	80	Trương Quang	Tri	(003563	5	3	4	401H1	XD14XD08 ...		789012345678901
	L13	AS1003	Cơ học lý thuyết	3	74	Nguyễn Duy	Khương	(003263	3	1	4	212H1	XD14XD10 ...		789012345678901
	L14	AS1003	Cơ học lý thuyết	3	78	Trương Tích	Thiện	(001673	2	1	4	301H1	XD14XD12 ...		789012345678901
	CC01	CH1001	Nhập môn về kỹ thuật	3	0	Nguyễn Hữu	Hiếu	(001986	5	2	5	201B9	CT14HH ...	123	890123
	A14	CH1003	Hóa đại cương	3	119	Lê Thanh	Hưng	(001587	4	7	4	213B1	DD14BK01 ...		7890123456
	CC01	CH1003	Hóa đại cương	3	0	Huỳnh Kỳ Phương	Hạ	(001871	4	3	4	202B9	CT14GRIF ...	1234	78901234567
	CC02	CH1003	Hóa đại cương	3	0	Lê Minh	Viễn	(003322	2	3	4	206B3	CT14KHMT ...	1234	78901234567
	CC03	CH1003	Hóa đại cương	3	0	Nguyễn Tuấn	Anh	(003106	4	3	4	510A4	CT14QTKD ...	1234	78901234567
	CC04	CH1003	Hóa đại cương	3	0	Lê Minh	Viễn	(003322	4	8	4	203B9	CT14AHD ...	1234	78901234567
	CC05	CH1003	Hóa đại cương	3	0	Huỳnh Kỳ Phương	Hạ	(001871	4	9	4	202B2	CT14ADLE ...	1234	78901234567
	L01	CH1003	Hóa đại cương	3	133	Nguyễn Tuấn	Anh	(003106	5	1	4	211H1	DD14LT01 ...		7890123456
	L02	CH1003	Hóa đại cương	3	131	Nguyễn Tuấn	Anh	(003106	5	7	4	211H1	DD14LT09 ...		7890123456
	L03	CH1003	Hóa đại cương	3	128	Nguyễn Tuấn	Anh	(003106	2	1	4	212H1	DD14LT03 ...		7890123456
	L04	CH1003	Hóa đại cương	3	131	Trần Minh	Hương	(001880	3	7	4	210H1	DD14LT10 ...		7890123456
	L05	CH1003	Hóa đại cương	3	125	Nguyễn Trương Xuân	Minh	(003339	5	7	4	212H1	GT1401 ...		7890123456
	L06	CH1003	Hóa đại cương	3	110	Nguyễn Trương Xuân	Minh	(003339	2	1	4	201H1	GT1405 ...		7890123456
	L07	CH1003	Hóa đại cương	3	126	Nguyễn Sơn	Bạch	(001205	3	7	4	211H1	MO1401 ...		7890123456
	L08	CH1003	Hóa đại cương	3	124	Nguyễn Trương Xuân	Minh	(003339	5	1	4	213H1	MO1403 ...		7890123456
	L09	CH1003	Hóa đại cương	3	96	Lê Minh	Viễn	(003322	6	1	4	301H1	VL1403 ...		7890123456
	L10	CH1003	Hóa đại cương	3	126	Nguyễn Sơn	Bạch	(001205	2	7	4	211H1	XD14TD1 ...		7890123456
	L11	CH1003	Hóa đại cương	3	135	Lê Thanh	Hưng	(001587	4	1	4	210H1	XD14XD04 ...		7890123456
	L12	CH1003	Hóa đại cương	3	133	Trần Minh	Hương	(001880	3	1	4	213H1	XD14XD02 ...		7890123456
	L13	CH1003	Hóa đại cương	3	134	Nguyễn Trương Xuân	Minh	(003339	2	7	4	213H1	XD14XD09 ...		7890123456
*	A40	CH1004	Hóa đại cương (tn)		24	Nguyễn Phước	Thiên	(002557	3	9	4	405B2	DD14BK01	A14-	23456
*	A41	CH1004	Hóa đại cương (tn)		22	Nguyễn Phước	Thiên	(002557	3	9	4	405B2	DD14BK01 ...	A14-	78901
*	A42	CH1004	Hóa đại cương (tn)		24	Nguyễn Phước	Thiên	(002557	4	7	4	405B2	DD14BK02	A14-	78901
*	A43	CH1004	Hóa đại cương (tn)		25	Nguyễn Phước	Thiên	(002557	5	1	4	405B2	XD14BXD1	A14-	23456

KH	Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy	Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học
*	A44	CH1004	Hóa đại cương (tn)		24	Đỗ Thị Minh Hiếu	(003310	5	1	4	405B2	XD14BXD1 ...	A14-	78901
*	A45	CH1004	Hóa đại cương (tn)		0	Đỗ Thị Minh Hiếu	(003310	5	9	4	405B2	CT14NAGA	A14-	78901
*	CC01	CH1004	Hóa đại cương (tn)		0	Nguyễn Tuấn Anh	(003106	4	9	4	406B2	CT14HH ...	CC01	23456
*	CC02	CH1004	Hóa đại cương (tn)		0	Lê Minh Viễn	(003322	3	7	4	406B2	CT14KHMT ...	CC02	23456
*	CC03	CH1004	Hóa đại cương (tn)		0	Huỳnh Kỳ Phương Hạ	(001871	3	3	4	406B2	CT14QTKD ...	CC03	23456
*	CC04	CH1004	Hóa đại cương (tn)		0	Nguyễn Tuấn Anh	(003106	6	3	4	405B2	CT14KTDK ...	CC05	23456
*	CC06	CH1004	Hóa đại cương (tn)		0	Lê Minh Viễn	(003322	2	8	4	406B2	CT14AHD ...	CC04	1234 78901234567
*	L01	CH1004	Hóa đại cương (tn)		50	Võ Nguyễn Lam Uyên	(002435	5	1	4	501H1	DD14LT01 ...	L01-	78901
*	L02	CH1004	Hóa đại cương (tn)		51	Trần Thị Thanh Thúy	(002815	5	1	4	504H1	DD14LT06 ...	L01-	78901
*	L03	CH1004	Hóa đại cương (tn)		32	Đỗ Thị Minh Hiếu	(003310	5	7	4	502H1	DD14LT08 ...	L01-	23456

KH	Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy	Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 12345678901234567890123456
*	L04	CH1004	Hóa đại cương (tn)		33	Trần Thị Thanh Thúy	(002815	5	7	4	504H1	DD14LT08 ...	L02-	78901
*	L05	CH1004	Hóa đại cương (tn)		51	Trần Thị Thanh Thúy	(002815	2	7	4	501H1	DD14LT11 ...	L02-	23456
*	L06	CH1004	Hóa đại cương (tn)		47	Võ Nguyễn Lam Uyên	(002435	5	7	4	501H1	DD14LT04 ...	L02-	78901
*	L07	CH1004	Hóa đại cương (tn)		48	Ngô Văn Cờ	(001193	2	1	4	504H1	DD14LT03 ...	L03-	78901
*	L08	CH1004	Hóa đại cương (tn)		47	Đỗ Thị Minh Hiếu	(003310	4	7	4	501H1	DD14LT14 ...	L03-	78901
*	L09	CH1004	Hóa đại cương (tn)		33	Võ Nguyễn Lam Uyên	(002435	2	1	4	502H1	DD14LT12 ...	L03-	78901
*	L10	CH1004	Hóa đại cương (tn)		33	Võ Nguyễn Lam Uyên	(002435	3	7	4	502H1	DD14LT12 ...	L04-	78901
*	L11	CH1004	Hóa đại cương (tn)		52	Đỗ Thị Minh Hiếu	(003310	3	7	4	504H1	DD14LT07 ...	L04-	78901
*	L12	CH1004	Hóa đại cương (tn)		46	Trần Thị Thanh Thúy	(002815	3	7	4	501H1	DD14LT05 ...	L04-	78901
*	L13	CH1004	Hóa đại cương (tn)		32	Trần Thị Thanh Thúy	(002815	4	7	4	502H1	GT1401	L05-	78901
*	L14	CH1004	Hóa đại cương (tn)		31	Võ Nguyễn Lam Uyên	(002435	4	7	4	504H1	GT1402	L05-	78901
*	L15	CH1004	Hóa đại cương (tn)		30	Ngô Văn Cờ	(001193	5	1	4	502H1	GT1403	L05-	23456
*	L16	CH1004	Hóa đại cương (tn)		32	Đỗ Thị Minh Hiếu	(003310	5	1	4	504H1	GT1404	L05-	23456
*	L17	CH1004	Hóa đại cương (tn)		34	Võ Nguyễn Lam Uyên	(002435	3	1	4	504H1	GT1405	L06-	78901
*	L18	CH1004	Hóa đại cương (tn)		49	Nguyễn Phước Thiên	(002557	2	7	4	504H1	VL1404 ...	L06-	23456
*	L19	CH1004	Hóa đại cương (tn)		27	Đỗ Thị Minh Hiếu	(003310	3	1	4	502H1	VL1405	L06-	23456
*	L20	CH1004	Hóa đại cương (tn)		44	Ngô Văn Cờ	(001193	4	1	4	501H1	MO1401	L07-	23456
*	L21	CH1004	Hóa đại cương (tn)		45	Ngô Văn Cờ	(001193	4	7	4	501H1	MO1402	L07-	23456
*	L22	CH1004	Hóa đại cương (tn)		37	Trần Thị Thanh Thúy	(002815	2	1	4	504H1	VL1401	L07-	23456
*	L23	CH1004	Hóa đại cương (tn)		43	Ngô Văn Cờ	(001193	5	7	4	504H1	MO1403	L08-	23456
*	L24	CH1004	Hóa đại cương (tn)		41	Đỗ Thị Minh Hiếu	(003310	4	7	4	504H1	MO1404	L08-	23456
*	L25	CH1004	Hóa đại cương (tn)		40	Võ Nguyễn Lam Uyên	(002435	6	1	4	501H1	VL1402	L08-	23456
*	L26	CH1004	Hóa đại cương (tn)		47	Võ Nguyễn Lam Uyên	(002435	6	1	4	504H1	VL1403 ...	L09-	78901
*	L27	CH1004	Hóa đại cương (tn)		49	Trần Thị Thanh Thúy	(002815	6	1	4	501H1	XD14XD03 ...	L09-	78901
*	L28	CH1004	Hóa đại cương (tn)		49	Nguyễn Phước Thiên	(002557	2	7	4	501H1	XD14TD1 ...	L10-	78901
*	L29	CH1004	Hóa đại cương (tn)		45	Ngô Văn Cờ	(001193	2	7	4	504H1	XD14VL1 ...	L10-	78901
*	L30	CH1004	Hóa đại cương (tn)		32	Võ Nguyễn Lam Uyên	(002435	2	7	4	502H1	XD14VL2	L10-	78901
*	L31	CH1004	Hóa đại cương (tn)		52	Trần Thị Thanh Thúy	(002815	4	1	4	501H1	XD14XD04 ...	L11-	78901
*	L32	CH1004	Hóa đại cương (tn)		49	Nguyễn Phước Thiên	(002557	4	1	4	504H1	XD14XD05 ...	L11-	78901
*	L33	CH1004	Hóa đại cương (tn)		34	Võ Nguyễn Lam Uyên	(002435	4	1	4	502H1	XD14XD13 ...	L11-	78901
*	L34	CH1004	Hóa đại cương (tn)		31	Trần Thị Thanh Thúy	(002815	3	1	4	502H1	XD14XD02 ...	L12-	78901
*	L35	CH1004	Hóa đại cương (tn)		49	Đỗ Thị Minh Hiếu	(003310	3	7	4	501H1	XD14XD06 ...	L12-	23456
*	L36	CH1004	Hóa đại cương (tn)		53	Đỗ Thị Minh Hiếu	(003310	3	1	4	501H1	XD14XD07 ...	L12-	78901
*	L37	CH1004	Hóa đại cương (tn)		50	Võ Nguyễn Lam Uyên	(002435	2	1	4	501H1	XD14XD09 ...	L13-	23456
*	L38	CH1004	Hóa đại cương (tn)		49	Nguyễn Phước Thiên	(002557	5	7	4	501H1	XD14XD10 ...	L13-	23456
*	L39	CH1004	Hóa đại cương (tn)		35	Trần Thị Thanh Thúy	(002815	6	1	4	502H1	XD14XD12 ...	L13-	23456
	L01	CH1005	Hóa lý hóa keo	3	150	Ngô Mạnh Thắng	(001906	6	1	4	211H1	DC1401 ...		789012345678901
	CC01	CH1007	Phát triển bền vững	2	0	Nguyễn Kim Trung	(002597	2	2	2	203A4	CT14HH ...		1234 78901234567
	L01	CH1007	Phát triển bền vững	2	99	Nguyễn Kim Trung	(002597	6	1	2	304H1	HC14HC04 ...		789012345678901
	L02	CH1007	Phát triển bền vững	2	105	Nguyễn Kim Trung	(002597	6	3	2	304H1	HC14HC02 ...		789012345678901
	L03	CH1007	Phát triển bền vững	2	124	Trần Hải Ưng	(001687	3	9	2	213H1	HC14HC06 ...		789012345678901
	L04	CH1007	Phát triển bền vững	2	121	Trần Hải Ưng	(001687	3	7	2	213H1	HC14HC09 ...		789012345678901
	L01	**CH1009**	**Hóa phân tích**	**3**	**89**	**Lâm Hoa Hùng**	**(003049**	**2**	**7**	**2**	**301H1**	**MO1401 ...**		**789012345678901**
								6	**3**	**2**	**404H1**			**8 0 2 4 6 8 0**
	L02	**CH1009**	**Hóa phân tích**	**3**	**84**	**Lâm Hoa Hùng**	**(003049**	**2**	**9**	**2**	**204H1**	**MO1403 ...**		**789012345678901**
								6	**5**	**2**	**304H1**			**8 0 2 4 6 8 0**

KH	Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy	Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 12345678901234567890123456
*	L01	CH1010	Hóa phân tích (tn)		29	Nguyễn Thị Lan Phi	(003085	4	8	5	PTNHPT	MO1401	L01-	678

KH	Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp		NHLT	Tuần Học
*	L02	CH1010	Hóa phân tích (tn)		30	Đỗ Thị An	Sa	(002818	4	2	5	PTNHPT	MO1402		L01-	901
*	L03	CH1010	Hóa phân tích (tn)		30	Nguyễn Thị Lan	Phi	(003085	3	8	5	PTNHPT	MO1401	...	L01-	901
*	L04	CH1010	Hóa phân tích (tn)		31	Nguyễn Thị Lan	Phi	(003085	5	2	5	PTNHPT	MO1403		L02-	901
*	L05	CH1010	Hóa phân tích (tn)		27	Đỗ Thị An	Sa	(002818	4	8	5	PTNHPT	MO1404		L02-	901
*	L06	CH1010	Hóa phân tích (tn)		26	Nguyễn Thị Lan	Phi	(003085	5	8	5	PTNHPT	MO1403	...	L02-	901
	L01	CI1003	Vẽ kỹ thuật	3	53	Lê Ngọc	Tuyền	(001481	2	1	4	404H1	CK14CK01	...		789012345678901
	L02	CI1003	Vẽ kỹ thuật	3	51	Trương Hữu	Hoan	(001182	4	1	4	103H1	CK14CK02	...		789012345678901
	L03	CI1003	Vẽ kỹ thuật	3	38	Nguyễn Thị Kim	Uyên	(003427	3	1	4	305H1	CK14CK03			789012345678901
	L04	CI1003	Vẽ kỹ thuật	3	36	Lê Ngọc	Tuyền	(001481	6	1	4	308H1	CK14CK04			789012345678901
	L05	CI1003	Vẽ kỹ thuật	3	45	Lê Ngọc	Tuyền	(001481	2	7	4	302H1	CK14CK05	...		789012345678901
	L06	CI1003	Vẽ kỹ thuật	3	52	Nguyễn Thị Kim	Uyên	(003427	3	7	4	201H1	CK14CK06	...		789012345678901
	L07	CI1003	Vẽ kỹ thuật	3	54	Nguyễn Thị Kim	Uyên	(003427	4	1	4	404H1	CK14CK07	...		789012345678901
	L08	CI1003	Vẽ kỹ thuật	3	38	Nguyễn Thị Kim	Uyên	(003427	6	7	4	102H1	CK14CK08			789012345678901
	L09	CI1003	Vẽ kỹ thuật	3	37	Trương Hữu	Hoan	(001182	5	7	4	203H1	CK14CK09			789012345678901
	L10	CI1003	Vẽ kỹ thuật	3	51	Trần Ngọc Trí	Nhân	(002797	3	7	4	101H1	CK14CK11	...		789012345678901
	L11	CI1003	Vẽ kỹ thuật	3	45	Phạm Hữu	Khiêm	(001416	6	7	4	302H1	CK14CK12	...		789012345678901
	L12	CI1003	Vẽ kỹ thuật	3	34	Phạm Hữu	Khiêm	(001416	6	1	4	306H1	CK14CK13			789012345678901
	L13	CI1003	Vẽ kỹ thuật	3	44	Trần Ngọc Trí	Nhân	(002797	5	7	4	103H1	MO1401			789012345678901
	L14	CI1003	Vẽ kỹ thuật	3	45	Trần Ngọc Trí	Nhân	(002797	5	3	4	102H1	MO1402			789012345678901
	L15	CI1003	Vẽ kỹ thuật	3	51	Trần Ngọc Trí	Nhân	(002797	4	7	4	301H1	MO1403	...		789012345678901
	L16	CI1003	Vẽ kỹ thuật	3	42	Trần Ngọc Trí	Nhân	(002797	3	1	4	103H1	MO1404			789012345678901
	L17	CI1003	Vẽ kỹ thuật	3	34	Trương Hữu	Hoan	(001182	5	1	4	303H1	KU1402			789012345678901
	L18	CI1003	Vẽ kỹ thuật	3	38	Nguyễn Thị Kim	Uyên	(003427	5	1	4	309H1	KU1403			789012345678901
	L19	CI1003	Vẽ kỹ thuật	3	49	Dương Thị Bích	Huyền	(001658	2	1	4	403H1	KU1405	...		789012345678901
	L01	CI1007	Trắc địa đại cương	3	42	Lương Bảo	Bình	(002495	5	7	4	202H1	XD14TD1			7 9 1 3 5 7 9 1
*	L01	CI1008	Trắc địa đại cương (tt)		21	Lương Bảo	Bình	(002495	2	1	3	TTTR5L	XD14TD1		L01-	1234567890
*	L02	CI1008	Trắc địa đại cương (tt)		21	Nguyễn Tấn	Lực	(002359	2	1	3	TTTR4L	XD14TD1		L01-	1234567890
	L01	CI1015	ĐAMH thiếtkế cơsở ktrúc4	2	26	Phạm Đức	Thắng	(003296	6	7	5	501H2	XD14KT			7890123 5678901
	L01	CI1017	Kỹ thuật kiến trúc 1	3	26	Lâm Ngọc	Mai	(001989	4	7	4	308H1	XD14KT			7890123 5678901
	L01	CI1019	Vẽ bóng & phối cảnh	2	27	Dương Thị Bích	Huyền	(001658	5	1	4	103H1	XD14KT			7 9 1 3 5 7 9 1
	L01	CI1021	Nguyên lý thiết kế KTDD	3	27	Trần Quốc	Bằng	(003109	3	1	4	308H1	XD14KT			7890123 5678901
	L01	CI1023	Nghệ thuật tạo hình	2	28			(	3	7	4	309H1	XD14KT			7890123 5678901
	L01	CI1029	Bốcục tạohình kiếntrúc 1	3	29			(	2	3	4	309H1	XD14KT			89 23 78
									2	3	4	309H1				
	L01	CI1031	ĐAMH thiết kế nhanh 1	1	26	Trần Quốc	Bằng	(003109	5	7	5	501H2	XD14KT			89
	A15	CI1033	Vẽ kỹ thuật	3	49	Dương Thị Bích	Huyền	(001658	5	7	4	304B8	XD14BXD1	...		789012345678901
	L01	CI1033	Vẽ kỹ thuật	3	41	Huỳnh Tấn	Phát	(003328	5	7	4	102H1	XD14VL1			789012345678901

KH	Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp		NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
	L02	CI1033	Vẽ kỹ thuật	3	43	Đặng Lê Trầm	Hương	(003203	5	1	4	302H1	XD14VL2			789012345678901
	L03	CI1033	Vẽ kỹ thuật	3	38	Đặng Lê Trầm	Hương	(003203	6	7	4	203H1	XD14XD02			789012345678901
	L04	CI1033	Vẽ kỹ thuật	3	39	Hồ Thu	Hiền	(002620	3	1	4	306H1	XD14XD03			789012345678901
	L05	CI1033	Vẽ kỹ thuật	3	39	Đặng Lê Trầm	Hương	(003203	6	1	4	202H1	XD14XD04			789012345678901
	L06	CI1033	Vẽ kỹ thuật	3	38	Nguyễn Thanh	Vân	(002712	6	7	4	103H1	XD14XD05			789012345678901
	L07	CI1033	Vẽ kỹ thuật	3	36	Cù Thị Hồng	Yến	(003057	2	7	4	102H1	XD14XD06			789012345678901
	L08	CI1033	Vẽ kỹ thuật	3	39	Cù Thị Hồng	Yến	(003057	2	1	4	202H1	XD14XD07			789012345678901
	L09	CI1033	Vẽ kỹ thuật	3	40	Huỳnh Tấn	Phát	(003328	2	7	4	303H1	XD14XD08			789012345678901
	L10	CI1033	Vẽ kỹ thuật	3	40	Hồ Thu	Hiền	(002620	3	7	4	202H1	XD14XD09			789012345678901
	L11	CI1033	Vẽ kỹ thuật	3	34	Cù Thị Hồng	Yến	(003057	6	1	4	309H1	XD14XD10			789012345678901
	L12	CI1033	Vẽ kỹ thuật	3	40	Huỳnh Tấn	Phát	(003328	2	1	4	102H1	XD14XD11			789012345678901
	L13	CI1033	Vẽ kỹ thuật	3	39	Nguyễn Thanh	Vân	(002712	3	7	4	303H1	XD14XD12			789012345678901
	L14	CI1033	Vẽ kỹ thuật	3	39	Nguyễn Thanh	Vân	(002712	3	1	4	309H1	XD14XD13			789012345678901
*	A17	CI1034	Vẽ kỹ thuật (bt)		24	Dương Thị Bích	Huyền	(001658	2	7	3	P1A5	XD14BXD1		A15-	2 4 6 8 0
*	A18	CI1034	Vẽ kỹ thuật (bt)		25	Dương Thị Bích	Huyền	(001658	2	10	3	P1A5	XD14BXD1	...	A15-	2 4 6 8 0
*	L01	CI1034	Vẽ kỹ thuật (bt)		20	Cù Thị Hồng	Yến	(003057	5	4	3	312H1	XD14VL1		L01-	3 5 7 9 1
*	L02	CI1034	Vẽ kỹ thuật (bt)		20	Đặng Lê Trầm	Hương	(003203	5	7	3	312H1	XD14VL2		L02-	3 5 7 9 1

KH	Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp		NHLT	Tuần Học
*	L03	CI1034	Vẽ kỹ thuật (bt)		38	Nguyễn Thanh	Vân	(002712	4	4	3	313H1	XD14XD02		L03-	3 5 7 9 1
*	L04	CI1034	Vẽ kỹ thuật (bt)		39	Nguyễn Thanh	Vân	(002712	4	4	3	313H1	XD14XD03		L04-	2 4 6 8 0
*	L05	CI1034	Vẽ kỹ thuật (bt)		39	Huỳnh Tấn	Phát	(003328	4	7	3	313H1	XD14XD04		L05-	3 5 7 9 1
*	L06	CI1034	Vẽ kỹ thuật (bt)		38	Huỳnh Tấn	Phát	(003328	4	7	3	313H1	XD14XD05		L06-	2 4 6 8 0
*	L07	CI1034	Vẽ kỹ thuật (bt)		36	Huỳnh Tấn	Phát	(003328	4	10	3	313H1	XD14XD06		L07-	3 5 7 9 1
*	L08	CI1034	Vẽ kỹ thuật (bt)		39	Huỳnh Tấn	Phát	(003328	4	10	3	313H1	XD14XD07		L08-	2 4 6 8 0
*	L09	CI1034	Vẽ kỹ thuật (bt)		40	Đặng Lê Trầm	Hương	(003203	5	10	3	312H1	XD14XD08		L09-	3 5 7 9 1
*	L10	CI1034	Vẽ kỹ thuật (bt)		40	Đặng Lê Trầm	Hương	(003203	5	10	3	312H1	XD14XD09		L10-	2 4 6 8 0
*	L11	CI1034	Vẽ kỹ thuật (bt)		34	Nguyễn Thanh	Vân	(002712	4	1	3	313H1	XD14XD10		L11-	3 5 7 9 1
*	L12	CI1034	Vẽ kỹ thuật (bt)		40	Nguyễn Thanh	Vân	(002712	4	1	3	313H1	XD14XD11		L12-	2 4 6 8 0
*	L13	CI1034	Vẽ kỹ thuật (bt)		39	Cù Thị Hồng	Yến	(003057	5	1	3	312H1	XD14XD12		L13-	3 5 7 9 1
*	L14	CI1034	Vẽ kỹ thuật (bt)		39	Cù Thị Hồng	Yến	(003057	5	1	3	312H1	XD14XD13		L14-	2 4 6 8 0
*	L15	CI1034	Vẽ kỹ thuật (bt)		21	Cù Thị Hồng	Yến	(003057	5	4	3	312H1	XD14VL1		L01-	2 4 6 8 0
*	L16	CI1034	Vẽ kỹ thuật (bt)		23	Đặng Lê Trầm	Hương	(003203	5	7	3	312H1	XD14VL2		L02-	2 4 6 8 0
	L01	CI1035	Lập trình úd trong trđịa	3	42	Lương Bảo	Bình	(002495	4	1	4	202H1	XD14TD1			789012345678901
	L01	CO1003	Nhập môn về lập trình	3	114	Nguyễn Xuân	Minh	(001528	4	1	2	213H1	VL1401	...		789012345678901
	L02	CO1003	Nhập môn về lập trình	3	102	Nguyễn Xuân	Minh	(001528	4	3	2	301H1	VL1404	...		789012345678901
*	L01	CO1004	Nhập môn về lập trình(TH		37	Nguyễn Xuân	Minh	(001528	5	7	3	408H1	VL1401		L01-	1234567890
*	L02	CO1004	Nhập môn về lập trình(TH		40	Nguyễn Xuân	Minh	(001528	2	1	3	313H1	VL1402		L01-	1234567890
*	L03	CO1004	Nhập môn về lập trình(TH		37	Nguyễn Xuân	Minh	(001528	2	4	3	313H1	VL1403		L01-	1234567890
*	L04	CO1004	Nhập môn về lập trình(TH		39	Nguyễn Xuân	Minh	(001528	5	1	3	408H1	VL1404		L02-	1234567890
*	L05	CO1004	Nhập môn về lập trình(TH		37				5	4	3	408H1	VL1405		L02-	1234567890
*	L06	CO1004	Nhập môn về lập trình(TH		26	Nguyễn Xuân	Minh	(001528	2	7	3	313H1	XD14KT		L02-	1234567890
	CC01	CO1005	Nhập môn điện toán	3	0	Nguyễn Hứa	Phùng	(001733	4	2	2	206B3	CT14KHMT	...		1234 78901234567
*	CC01	CO1006	Nhập môn điện toán (TH)		0	Nguyễn Hứa	Phùng	(001733	6	1	2	P1A5	CT14KHMT	...	CC01	123 789012345678

KH	Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp		NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
	CC01	CO1007	Cấu trúc rời rạc	4	0	Trần Văn	Hoài	(001742	5	7	3	306B1	CT14KHMT	...		1234 78901234567
*	CC01	CO1008	Cấu trúc rời rạc (TH)		0	Võ Đăng	Khoa	(009569	6	5	2	P1A5	CT14KHMT	...	CC02	123 789012345678
	L01	CO1009	Hệ thống số	4	155	Trần Trung	Hiếu	(003283	2	3	2	211H1	MT1401	...		789012345678901
									6	3	2	210H1				8 0 2 4 6 8 0
	L02	CO1009	Hệ thống số	4	147	Trần Trung	Hiếu	(003283	2	1	2	211H1	MT1405	...		789012345678901
									6	5	2	213H1				8 0 2 4 6 8 0
*	L01	CO1010	Hệ thống số (tn)		27	NGuyễn Việt	Tiến	(009642	5	7	3	601H6	MT1401		L01-	1234567890
*	L02	CO1010	Hệ thống số (tn)		27	NGuyễn Việt	Tiến	(009642	5	10	3	601H6	MT1402		L01-	1234567890
*	L03	CO1010	Hệ thống số (tn)		25	Nguyễn Thiện	Tín	(003376	3	1	3	601H6	MT1403		L01-	1234567890
*	L04	CO1010	Hệ thống số (tn)		26	Nguyễn Thiện	Tín	(003376	3	4	3	601H6	MT1404		L01-	1234567890
*	L05	CO1010	Hệ thống số (tn)		22	Nguyễn Thiện	Tín	(003376	3	7	3	601H6	MT1405		L02-	1234567890
*	L06	CO1010	Hệ thống số (tn)		27	Nguyễn Thiện	Tín	(003376	3	10	3	601H6	MT1406		L02-	1234567890
*	L07	CO1010	Hệ thống số (tn)		25	NGuyễn Việt	Tiến	(009642	5	4	3	601H6	MT1407		L02-	1234567890
*	L08	CO1010	Hệ thống số (tn)		24	NGuyễn Việt	Tiến	(009642	5	1	3	601H6	MT1408		L02-	1234567890
*	L09	CO1010	Hệ thống số (tn)		25	Trần Trung	Hiếu	(003283	6	7	3	601H6	MT1401	...	L01-	1234567890
*	L10	CO1010	Hệ thống số (tn)		25	Trần Trung	Hiếu	(003283	6	10	3	601H6	MT1403	...	L01-	1234567890
*	L11	CO1010	Hệ thống số (tn)		26	Đào Văn	Hiền	(000938	7	7	3	601H6	MT1405	...	L02-	1234567890
*	L12	CO1010	Hệ thống số (tn)		23	Đào Văn	Hiền	(000938	7	10	3	601H6	MT1407	...	L02-	1234567890
	L01	CO1011	Kỹ thuật lập trình	4	155	Võ Thanh	Hùng	(003282	2	5	2	211H1	MT1401	...		789012345678901
									6	1	2	213H1				7 9 1 3 5 7 9
	L02	CO1011	Kỹ thuật lập trình	4	147	Võ Thanh	Hùng	(003282	2	3	2	213H1	MT1405	...		789012345678901
									6	3	2	213H1				7 9 1 3 5 7 9
*	L01	CO1012	Kỹ thuật lập trình (bt)		40	Phạm Trần Thanh	Văn	(009643	3	1	3	312H1	MT1401		L01-	8901234567
*	L02	CO1012	Kỹ thuật lập trình (bt)		39	Phạm Trần Thanh	Văn	(009643	3	4	3	312H1	MT1402		L01-	8901234567
*	L03	CO1012	Kỹ thuật lập trình (bt)		37	Nguyễn Đức Minh	Khôi	(009612	5	7	3	409H1	MT1403		L01-	8901234567
*	L04	CO1012	Kỹ thuật lập trình (bt)		39	Nguyễn Đức Minh	Khôi	(009612	5	10	3	409H1	MT1404		L01-	8901234567
*	L05	CO1012	Kỹ thuật lập trình (bt)		35	Lương Quang	Tùng	(009639	5	1	3	409H1	MT1405		L02-	8901234567
*	L06	CO1012	Kỹ thuật lập trình (bt)		40	Lương Quang	Tùng	(009639	5	4	3	409H1	MT1406		L02-	8901234567
*	L07	CO1012	Kỹ thuật lập trình (bt)		37	Phạm Trần Xuân	Minh	(009562	3	10	3	312H1	MT1407		L02-	8901234567
*	L08	CO1012	Kỹ thuật lập trình (bt)		35	Phạm Trần Xuân	Minh	(009562	3	7	3	312H1	MT1408		L02-	8901234567

KH	Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 12345678901234567890012345
	L01	EE1005	Kỹ thuật điện	3	80	Trịnh Hoàng	Hơn	(001876	6	1	4	204H1	CK14DM		789012345678901
	A06	EE1007	Vật lý bán dẫn	4	70	Hoàng	Trang	(002323	3	4	3	303B6	DD14BK01 ...		789012345678901
	L01	EE1007	Vật lý bán dẫn	4	113	Hồ Trung	Mỹ	(001484	2	7	4	401H1	DD14LT01 ...		789012345678
	L02	EE1007	Vật lý bán dẫn	4	109	Phan Võ Kim	Anh	(002976	3	7	4	401H1	DD14LT04 ...		789012345678
	L03	EE1007	Vật lý bán dẫn	4	74	Phan Võ Kim	Anh	(002976	3	1	4	203H1	DD14LT05 ...		789012345678
	L04	EE1007	Vật lý bán dẫn	4	115	Trần Hoàng	Quân	(003197	5	1	4	212H1	DD14LT09 ...		789012345678
	L05	EE1007	Vật lý bán dẫn	4	112	Phan Võ Kim	Anh	(002976	4	1	4	212H1	DD14LT12 ...		789012345678
*	A20	EE1008	Vật lý bán dẫn (tn)		24	Nhan Hồng	Kỵ	(002614	6	10	3	209B2	DD14BK01	A06-	1234567890
*	A21	EE1008	Vật lý bán dẫn (tn)		22	Phạm Đăng	Lâm	(003492	7	7	3	209B2	DD14BK01 ...	A06-	1234567890
*	A22	EE1008	Vật lý bán dẫn (tn)		24	Phạm Đăng	Lâm	(003492	7	10	3	209B2	DD14BK02	A06-	1234567890
*	A23	EE1008	Vật lý bán dẫn (tn)		0	Nguyễn Hữu	Phi	(003571	7	1	3	209B2	CT14NAGA	A06-	1234567890
*	L01	EE1008	Vật lý bán dẫn (tn)		27	Trần Văn	Hoàng	(003414	3	1	3	209B2	DD14LT01	L01-	1234567890
*	L02	EE1008	Vật lý bán dẫn (tn)		31	Vũ Quang	Thời	(002078	3	4	3	209B2	DD14LT02 ...	L01-	1234567890
*	L03	EE1008	Vật lý bán dẫn (tn)		29	Vũ Quang	Thời	(002078	3	7	3	209B2	DD14LT03 ...	L01-	1234567890
*	L04	EE1008	Vật lý bán dẫn (tn)		26	Vũ Quang	Thời	(002078	3	10	3	209B2	DD14LT03	L01-	1234567890
*	L05	EE1008	Vật lý bán dẫn (tn)		24	Nguyễn Minh	Hiếu	(003588	2	1	3	209B2	DD14LT04	L02-	1234567890
*	L06	EE1008	Vật lý bán dẫn (tn)		29	Nguyễn Minh	Hiếu	(003588	2	4	3	209B2	DD14LT06 ...	L02-	1234567890
*	L07	EE1008	Vật lý bán dẫn (tn)		29	Phạm Đăng	Lâm	(003492	2	7	3	209B2	DD14LT08 ...	L02-	1234567890
*	L08	EE1008	Vật lý bán dẫn (tn)		27	Phạm Đăng	Lâm	(003492	2	10	3	209B2	DD14LT08	L02-	1234567890
*	L09	EE1008	Vật lý bán dẫn (tn)		22	Nhan Hồng	Kỵ	(002614	6	1	3	209B2	DD14LT05	L03-	1234567890
*	L10	EE1008	Vật lý bán dẫn (tn)		25	Nhan Hồng	Kỵ	(002614	6	4	3	209B2	DD14LT07 ...	L03-	1234567890
*	L11	EE1008	Vật lý bán dẫn (tn)		27	Nhan Hồng	Kỵ	(002614	6	7	3	209B2	DD14LT07	L03-	1234567890
*	L12	EE1008	Vật lý bán dẫn (tn)		29	Nhan Hồng	Kỵ	(002614	4	1	3	209B2	DD14LT09	L04-	1234567890
*	L13	EE1008	Vật lý bán dẫn (tn)		28	Nhan Hồng	Kỵ	(002614	4	4	3	209B2	DD14LT10 ...	L04-	1234567890
*	L14	EE1008	Vật lý bán dẫn (tn)		29	Nhan Hồng	Kỵ	(002614	4	7	3	209B2	DD14LT11 ...	L04-	1234567890
*	L15	EE1008	Vật lý bán dẫn (tn)		29	Nhan Hồng	Kỵ	(002614	4	10	3	209B2	DD14LT11	L04-	1234567890
*	L16	EE1008	Vật lý bán dẫn (tn)		29	Trần Văn	Hoàng	(003414	5	1	3	209B2	DD14LT12	L05-	1234567890
*	L17	EE1008	Vật lý bán dẫn (tn)		28	Trần Văn	Hoàng	(003414	5	4	3	209B2	DD14LT13 ...	L05-	1234567890
*	L18	EE1008	Vật lý bán dẫn (tn)		27	Phạm Đăng	Lâm	(003492	5	7	3	209B2	DD14LT14 ...	L05-	1234567890
*	L19	EE1008	Vật lý bán dẫn (tn)		28	Phạm Đăng	Lâm	(003492	5	10	3	209B2	DD14LT14	L05-	1234567890
	A06	EE1011	Giải tích mạch	4	70	Dương Hoài	Nghĩa	(001189	5	3	4	301B1	DD14BK01 ...		789012345678901
	L01	EE1011	Giải tích mạch	4	113	Trần Thanh	Mai	(001846	6	3	4	401H1	DD14LT01 ...		789012345678901
	L02	EE1011	Giải tích mạch	4	109	Lê Minh	Cường	(001655	6	3	4	201H1	DD14LT04 ...		789012345678901
	L03	EE1011	Giải tích mạch	4	74	Trần Thanh	Mai	(001846	5	3	4	304H1	DD14LT05 ...		789012345678901
	L04	EE1011	Giải tích mạch	4	115	Đỗ Quốc	Tuấn	(001697	2	1	4	401H1	DD14LT09 ...		789012345678901
	L05	EE1011	Giải tích mạch	4	112	Huỳnh Văn	Kiếm	(000636	2	7	4	212H1	DD14LT12 ...		789012345678901
*	A20	EE1012	Giải tích mạch (tn)		24	Nguyễn Thanh	Phương	(003356	5	7	3	102B3	DD14BK01	A06-	2 4 6 8 0
*	A21	EE1012	Giải tích mạch (tn)		22	Nguyễn Thanh	Phương	(003356	5	10	3	102B3	DD14BK01 ...	A06-	3 5 7 9 1
*	A22	EE1012	Giải tích mạch (tn)		24	Nguyễn Phước Bảo	Duy	(003173	6	10	3	102B3	DD14BK02	A06-	2 4 6 8 0
*	A23	EE1012	Giải tích mạch (tn)		0			(	6	1	3	102B3	CT14NAGA	A06-	78901
*	L01	EE1012	Giải tích mạch (tn)		27	Nguyễn Thanh	Phương	(003356	3	4	3	102B3	DD14LT01	L01-	78901
*	L02	EE1012	Giải tích mạch (tn)		31	Nguyễn Thanh	Phương	(003356	3	1	3	102B3	DD14LT02 ...	L01-	78901
*	L03	EE1012	Giải tích mạch (tn)		29	Nguyễn Thanh	Phương	(003356	3	10	3	102B3	DD14LT03 ...	L01-	78901
*	L04	EE1012	Giải tích mạch (tn)		26	Nguyễn Thanh	Phương	(003356	3	7	3	102B3	DD14LT03	L01-	78901
*	L05	EE1012	Giải tích mạch (tn)		24	Nguyễn Thanh	Phương	(003356	2	4	3	102B3	DD14LT04	L02-	78901
*	L06	EE1012	Giải tích mạch (tn)		29	Nguyễn Thanh	Phương	(003356	2	1	3	102B3	DD14LT06 ...	L02-	78901
*	L07	EE1012	Giải tích mạch (tn)		29	Nguyễn Thanh	Phương	(003356	2	10	3	102B3	DD14LT08 ...	L02-	78901
*	L08	EE1012	Giải tích mạch (tn)		27	Nguyễn Thanh	Phương	(003356	2	7	3	102B3	DD14LT08	L02-	78901
*	L09	EE1012	Giải tích mạch (tn)		22	Đỗ Quốc	Tuấn	(001697	6	4	3	102B3	DD14LT05	L03-	78901
*	L10	EE1012	Giải tích mạch (tn)		25	Nguyễn Phước Bảo	Duy	(003173	6	7	3	102B3	DD14LT07 ...	L03-	78901
*	L11	EE1012	Giải tích mạch (tn)		27	Nguyễn Phước Bảo	Duy	(003173	6	10	3	102B3	DD14LT07	L03-	3 5 7 9 1
*	L12	EE1012	Giải tích mạch (tn)		29	Nguyễn Phước Bảo	Duy	(003173	4	4	3	102B3	DD14LT09	L04-	78901
*	L13	EE1012	Giải tích mạch (tn)		28	Nguyễn Phước Bảo	Duy	(003173	4	1	3	102B3	DD14LT10 ...	L04-	78901
*	L14	EE1012	Giải tích mạch (tn)		29	Nguyễn Phước Bảo	Duy	(003173	4	10	3	102B3	DD14LT11 ...	L04-	78901
*	L15	EE1012	Giải tích mạch (tn)		29	Nguyễn Phước Bảo	Duy	(003173	4	7	3	102B3	DD14LT11	L04-	78901
*	L16	EE1012	Giải tích mạch (tn)		29	Nguyễn Thanh	Phương	(003356	5	4	3	102B3	DD14LT12	L05-	78901
*	L17	EE1012	Giải tích mạch (tn)		28	Nguyễn Thanh	Phương	(003356	5	1	3	102B3	DD14LT13 ...	L05-	78901
*	L18	EE1012	Giải tích mạch (tn)		27	Nguyễn Thanh	Phương	(003356	5	10	3	102B3	DD14LT14 ...	L05-	2 4 6 8 0

KH Nhóm MãMH Tên Môn Học Số T/C Sĩ Số Tên Cán Bộ Giảng Dạy Mã CBGD Thứ BĐầu SốTiết Phòng Lớp NHLT Tuần Học

1234567890123456789012345

*	L19	EE1012	Giải tích mạch (tn)		28	Nguyễn Thanh Phương	(003356	5	7	3	102B3	DD14LT14	L05-	3 5 7 9 1
	CC01	EN1001	Nhập môn về kỹ thuật	3	0	Võ Lê Phú	(001927	3	7	4	506A4	CT14QLMT		1234 78901234567
	CC01	EN1005	Sinh thái học	3	0	Đào Thanh Sơn	(003561	5	10	3	415A4	CT14QLMT		1234 78901234567
	L01	EN1009	Vi sinh vật môi trường	4	89			2	9	2	301H1	MO1401 ...		789012345678901
								6	3	2	404H1			7 9 1 3 5 7 9
	L02	EN1009	Vi sinh vật môi trường	4	84			2	7	2	204H1	MO1403 ...		789012345678901
								6	5	2	304H1			7 9 1 3 5 7 9
*	L01	EN1010	Vi sinhvật môi trường(tn		21	Trịnh Thị Bích Huyền	(003126	5	1	3	702H2	MO1401	L01-	9012345678
*	L02	EN1010	Vi sinhvật môi trường(tn		23	Trịnh Thị Bích Huyền	(003126	5	4	3	702H2	MO1401	L01-	9012345678
*	L03	EN1010	Vi sinhvật môi trường(tn		23	Trịnh Thị Bích Huyền	(003126	5	7	3	702H2	MO1402	L01-	9012345678
*	L04	EN1010	Vi sinhvật môi trường(tn		22	Trịnh Thị Bích Huyền	(003126	5	10	3	702H2	MO1402	L01-	9012345678
*	L05	EN1010	Vi sinhvật môi trường(tn		23	Trịnh Thị Bích Huyền	(003126	4	1	3	702H2	MO1403	L02-	9012345678
*	L06	EN1010	Vi sinhvật môi trường(tn		20	Trịnh Thị Bích Huyền	(003126	4	4	3	702H2	MO1403	L02-	9012345678
*	L07	EN1010	Vi sinhvật môi trường(tn		20	Trịnh Thị Bích Huyền	(003126	2	1	3	702H2	MO1404	L02-	9012345678
*	L08	EN1010	Vi sinhvật môi trường(tn		21	Trịnh Thị Bích Huyền	(003126	2	4	3	702H2	MO1404	L02-	9012345678
	CC01	GE1001	Nhập môn về kỹ thuật	3	0	Võ Đại Nhật	(002969	3	3	4	507A4	CT14KTDK ...		1234 78901234567
	CC01	GE1003	Địa chất cơ sở	3	0	Hoàng Thị Hồng Hạnh	(001029	2	7	3	508A4	CT14KTDK ...		1234 78901234567
*	CC01	GE1004	Địa chất cơ sở (TN)		0	Trần Anh Tú	(002366	5	10	3	108B8	CT14KTDK ...	CC01	89012
	CC01	GE1005	Thực tập địachất cơsở NT	1	0	Trần Anh Tú	(002366)					CT14KTDK ...		8
	L01	GE1005	Thực tập địachất cơsở NT	1	33		(	5	1	6	TTNT11	DC1401		2
								5	7	6	TTNT11			
								6	1	6	TTNT11			
								6	7	6	TTNT11			
								7	1	6	TTNT11			
								7	7	6	TTNT11			
								5	13	4	TTNT11			
								6	13	4	TTNT11			
								7	13	4	TTNT11			
	L02	GE1005	Thực tập địachất cơsở NT	1	42		(	5	1	6	TTNT12	DC1402		2
								5	7	6	TTNT12			
								6	1	6	TTNT12			
								6	7	6	TTNT12			
								7	1	6	TTNT12			
								7	7	6	TTNT12			
								5	13	4	TTNT12			
								6	13	4	TTNT12			
								7	13	4	TTNT12			

KH	Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy	Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
	L03	GE1005	Thực tập địachất cơsở NT	1	38		(	5	1	6	TTNT13	DC1403		2
								5	7	6	TTNT13			
								6	1	6	TTNT13			
								6	7	6	TTNT13			
								7	1	6	TTNT13			
								7	7	6	TTNT13			
								5	13	4	TTNT13			
								6	13	4	TTNT13			
								7	13	4	TTNT13			
	L04	GE1005	Thực tập địachất cơsở NT	1	37		(	5	1	6	TTNT14	DC1404		2
								5	7	6	TTNT14			
								6	1	6	TTNT14			
								6	7	6	TTNT14			
								7	1	6	TTNT14			
								7	7	6	TTNT14			
								5	13	4	TTNT14			
								6	13	4	TTNT14			
								7	13	4	TTNT14			

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
L01	GE1007	Tinh thể k/vật &thạchhọc	3	33			(	5	1	4	204H1	DC1401		78901234567
L02	GE1007	Tinh thể k/vật &thạchhọc	3	38	Đồng Uyên	Thanh	(002673	3	7	4	305H1	DC1403		78901234567
L03	GE1007	Tinh thể k/vật &thạchhọc	3	42	Võ Việt	Văn	(000961	4	1	4	309H1	DC1402		78901234567
L04	GE1007	Tinh thể k/vật &thạchhọc	3	37	Đồng Uyên	Thanh	(002673	6	7	4	202H1	DC1404		78901234567
L01	GE1009	Tinhthể k/vật &thhọc (TN	1	17	Đồng Uyên	Thanh	(002673	4	10	3	108B8	DC1401	L01-	0123456789
L02	GE1009	Tinhthể k/vật &thhọc (TN	1	21	Đồng Uyên	Thanh	(002673	3	1	3	108B8	DC1402	L01-	0123456789
L03	GE1009	Tinhthể k/vật &thhọc (TN	1	18	Đồng Uyên	Thanh	(002673	2	1	3	108B8	DC1403	L02-	0123456789
L04	GE1009	Tinhthể k/vật &thhọc (TN	1	20			(	3	7	3	108B8	DC1404	L02-	0123456789
L05	GE1009	Tinhthể k/vật &thhọc (TN	1	16	Đồng Uyên	Thanh	(002673	7	7	3	108B8	DC1401	L01-	0123456789
L06	GE1009	Tinhthể k/vật &thhọc (TN	1	21	Đồng Uyên	Thanh	(002673	3	4	3	108B8	DC1402	L01-	0123456789
L07	GE1009	Tinhthể k/vật &thhọc (TN	1	20	Đồng Uyên	Thanh	(002673	7	10	3	108B8	DC1403	L02-	0123456789
L08	GE1009	Tinhthể k/vật &thhọc (TN	1	17			(	3	10	3	108B8	DC1404	L02-	0123456789
CC01	IM1001	Giới thiệu ngành	3	0	Phạm Ngọc Trâm	Anh	(003248	2	10	3	407A4	CT14QTKD ...	1234	78901234567
CC01	IM1003	Kinh tế vi mô	3	0	Trần Duy	Thanh	(002096	3	7	3	407A4	CT14QTKD ...	1234	78901234567
L01	IM1005	Toán kinh tế ứng dụng	3	80	Nguyễn Ngọc Bình	Phương	(002972	4	1	4	203H1	QL1401 ...		78901234567
L02	IM1005	Toán kinh tế ứng dụng	3	76	Nguyễn Ngọc Bình	Phương	(002972	4	7	4	304H1	QL1403 ...		78901234567
L01	IM1007	Quản trị đại cương	3	75	Lại Văn	Tài	(002599	2	1	4	203H1	QL1401 ...		78901234567
L02	IM1007	Quản trị đại cương	3	65	Lại Văn	Tài	(002599	2	7	4	304H1	QL1403 ...		78901234567
L01	IM1009	Kinh tế vĩ mô	3	75	Dương Quỳnh	Nga	(003480	2	7	4	203H1	QL1401 ...		78901234567
L02	IM1009	Kinh tế vĩ mô	3	65	Dương Quỳnh	Nga	(003480	5	7	4	204H1	QL1403 ...		78901234567
L01	LA1003	Anh văn 1	2	33	Bùi Hồng	Hà	(009585	6	1	4	803H1	CK14CK05 ...		789012345678901
L02	LA1003	Anh văn 1	2	40	Nguyễn Quang	Nhật	(009204	2	1	4	807H1	QL1403 ...		789012345678901
L03	LA1003	Anh văn 1	2	40	Huỳnh Công	Khanh	(009212	4	7	4	801H1	CK14CK10 ...		789012345678901
L04	LA1003	Anh văn 1	2	37	Trần Thị	Mai	(009582	3	1	4	811H1	CK14CK11 ...		789012345678901
L05	LA1003	Anh văn 1	2	22	Nguyễn Thị Đoan	Thư	(009226	5	1	4	806H1	CK14DM ...		789012345678901
L06	LA1003	Anh văn 1	2	27	Trần Thị Thúy	Hằng	(009589	5	7	4	806H1	DD14LT10 ...		789012345678901
L07	LA1003	Anh văn 1	2	45	Đào Thị Minh	Thư	(009629	3	7	4	701H1	DD14LT11 ...		789012345678901
L08	LA1003	Anh văn 1	2	34	Huỳnh Công	Khanh	(009212	2	1	4	703H1	GT1403 ...		789012345678901
A08	LA1005	Anh văn 2	2	38	Nguyễn Thanh	Thủy	(003337	4	1	4	303B1	DD14BK02 ...		789012345678901
L01	LA1005	Anh văn 2	2	37	Nguyễn Thị Thảo	Trang	(003336	3	1	4	802H1	CK14CK04 ...		789012345678901
L02	LA1005	Anh văn 2	2	39	Nguyễn Cao	Nguyên	(003194	3	7	4	804H1	CK14CK07		789012345678901
L03	LA1005	Anh văn 2	2	38	Nguyễn Trang	Dung	(003447	3	7	4	802H1	CK14CK08		789012345678901
L04	LA1005	Anh văn 2	2	34	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	(009590	6	7	4	807H1	CK14CK13 ...		789012345678901
L05	LA1005	Anh văn 2	2	45	Nguyễn Thị Mai	Hương	(009597	5	1	4	801H1	CK14DM ...		789012345678901
L06	LA1005	Anh văn 2	2	29	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	(009630	2	1	4	806H1	CK14HT1 ...		789012345678901
L07	LA1005	Anh văn 2	2	42	Trần Thị Kim	ánh	(009581	6	7	4	701H1	DC1402		789012345678901
L09	LA1005	Anh văn 2	2	38	Nguyễn Đình	Tuấn	(003448	5	7	4	802H1	DD14LT01		789012345678901
L10	LA1005	Anh văn 2	2	39	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	(009630	5	7	4	804H1	DD14LT02		789012345678901
L11	LA1005	Anh văn 2	2	29	Trần Thị Kim	ánh	(009581	4	7	4	806H1	DD14LT05		789012345678901
L12	LA1005	Anh văn 2	2	40	Huỳnh Hải	Long	(009397	4	7	4	802H1	DD14LT07		789012345678901
L13	LA1005	Anh văn 2	2	37	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	(009630	2	7	4	802H1	DD14LT10		789012345678901
L14	LA1005	Anh văn 2	2	31	Đào Thị Anh	Thư	(009227	5	1	4	805H1	GT1402 ...		789012345678901
L15	LA1005	Anh văn 2	2	34	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	(009590	2	1	4	802H1	GT1403 ...		789012345678901
L16	LA1005	Anh văn 2	2	30	Lê Thị Diễm	Phúc	(009353	6	7	4	811H1	HC14HC04		789012345678901
L17	LA1005	Anh văn 2	2	32	Lê Thị Diễm	Phúc	(009353	4	7	4	805H1	HC14HC06 ...		789012345678901
L18	LA1005	Anh văn 2	2	39	Nguyễn Kiều	Hạnh	(009591	4	7	4	804H1	HC14HC07		789012345678901
L19	LA1005	Anh văn 2	2	41	Lê Thị Diễm	Phúc	(009353	6	1	4	809H1	HC14HC08 ...		789012345678901
L20	LA1005	Anh văn 2	2	40	Lê Quang	Thảo	(009592	3	1	4	804H1	HC14HC09		789012345678901
L21	LA1005	Anh văn 2	2	38	Dương Thị Kim	Phụng	(009396	4	7	4	807H1	KU1403		789012345678901
L22	LA1005	Anh văn 2	2	19	Hoàng Thị Ngọc	Hiền	(009631	2	7	4	806H1	KU1404		789012345678901
L24	LA1005	Anh văn 2	2	37	Nguyễn Thị Thảo	Trang	(003336	4	1	4	804H1	MO1404		789012345678901
L25	LA1005	Anh văn 2	2	38	Nguyễn Kiều	Hạnh	(009591	4	1	4	802H1	MT1403 ...		789012345678901
L27	LA1005	Anh văn 2	2	35	Hoàng Thị Phương	Thảo	(009381	4	1	4	807H1	MT1408		789012345678901
L28	LA1005	Anh văn 2	2	37	Đào Thị Anh	Thư	(009227	6	7	4	802H1	QL1401		789012345678901
L29	LA1005	Anh văn 2	2	37	Nguyễn Thị Trúc	Phương	(009584	3	7	4	807H1	VL1403		789012345678901
L30	LA1005	Anh văn 2	2	30	Nguyễn Phan Quỳnh	Thơ	(009580	6	1	4	805H1	VL1405 ...		789012345678901
L34	LA1005	Anh văn 2	2	24	Nguyễn Như	Tùng	(009235	2	1	4	803H1	XD14VL1		789012345678901
L35	LA1005	Anh văn 2	2	38	Đinh Thị Triều	Giang	(009628	3	7	4	808H1	XD14XD02		789012345678901

L36	LA1005	Anh văn 2	2	36	Đinh Thị Thảo Quyên	(009355	2	1	4	804H1	XD14XD06		789012345678901
L37	LA1005	Anh văn 2	2	39	Đoàn Tống Bửu Nguyên	(009632	2	7	4	804H1	XD14XD07		789012345678901
L38	LA1005	Anh văn 2	2	34	Nguyễn Thị Trúc Phương	(009584	5	1	4	703H1	XD14XD11 ...		789012345678901
A01	LA1007	Anh văn 3	2	29	Nguyễn Thị Như Mai	(001642	4	1	4	504C5	DD14BK01		789012345678901
A02	LA1007	Anh văn 3	2	25	Đặng Nguyễn Phương Thảo	(009596	4	1	4	604B4	XD14BXD1 ...		789012345678901
L03	LA1007	Anh văn 3	2	36	Nguyễn Cao Nguyên	(003194	3	1	4	808H1	CK14CK01		789012345678901
L04	LA1007	Anh văn 3	2	37	Nguyễn Hoàng Vũ	(003449	5	1	4	802H1	CK14CK02		789012345678901
L05	LA1007	Anh văn 3	2	40	Vũ Hoàng Giang	(009579	6	1	4	801H1	CK14CK03 ...		789012345678901
L06	LA1007	Anh văn 3	2	37	Bùi Hồng Hà	(009585	6	7	4	809H1	CK14CK09		789012345678901
L08	LA1007	Anh văn 3	2	38	Nguyễn Kiều Hạnh	(009591	2	1	4	801H1	CK14HT2		789012345678901
L09	LA1007	Anh văn 3	2	23	Cao Thị Bích Ngọc	(009208	6	7	4	806H1	DC1401 ...		789012345678901
L10	LA1007	Anh văn 3	2	37	Nguyễn Thị Thúy Diễm	(009583	4	1	4	809H1	DC1404		789012345678901

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy	Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
L11	LA1007	Anh văn 3	2	35	Nguyễn Hoàng Vũ	(003449	5	7	4	808H1	DD14LT03		789012345678901
L12	LA1007	Anh văn 3	2	33	Lê Quang Thảo	(009592	5	1	4	808H1	DD14LT04		789012345678901
L13	LA1007	Anh văn 3	2	38	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	(009590	4	7	4	808H1	DD14LT08		789012345678901
L14	LA1007	Anh văn 3	2	39	Nguyễn Đình Tuấn	(003448	3	7	4	809H1	DD14LT09		789012345678901
L15	LA1007	Anh văn 3	2	37	Đoàn Tống Bửu Nguyên	(009632	5	1	4	809H1	GT1401 ...		789012345678901
L16	LA1007	Anh văn 3	2	32	Nguyễn Thị Thu Hằng	(009588	4	7	4	803H1	GT1404 ...		789012345678901
L17	LA1007	Anh văn 3	2	32	Huỳnh Công Khanh	(009212	4	1	4	701H1	HC14HC01		789012345678901
L18	LA1007	Anh văn 3	2	37	Nguyễn Thị Thu Hằng	(009588	4	1	4	808H1	HC14HC02		789012345678901
L19	LA1007	Anh văn 3	2	29	Huỳnh Công Khanh	(009212	6	7	4	803H1	HC14HC03		789012345678901
L20	LA1007	Anh văn 3	2	35	Đinh Thị Thảo Quyên	(009355	4	1	4	811H1	HC14HC08 ...		789012345678901
L21	LA1007	Anh văn 3	2	34	Lê Quang Thảo	(009592	3	7	4	801H1	KU1402		789012345678901
L22	LA1007	Anh văn 3	2	35	Lê Thị Diễm Phúc	(009353	2	1	4	811H1	MO1403		789012345678901
L23	LA1007	Anh văn 3	2	37	Trần Thanh Sơn	(000859	4	7	4	809H1	MT1401		789012345678901
L24	LA1007	Anh văn 3	2	35	Nguyễn Thị Hằng Nga	(009209	4	1	4	702H1	MT1402		789012345678901
L26	LA1007	Anh văn 3	2	38	Cao Thị Bích Ngọc	(009208	4	7	4	811H1	MT1406		789012345678901
L27	LA1007	Anh văn 3	2	38	Vũ Hoàng Giang	(009579	3	1	4	807H1	QL1402		789012345678901
L28	LA1007	Anh văn 3	2	37	Lê Thị Diễm Phúc	(009353	2	7	4	801H1	VL1401		789012345678901
L29	LA1007	Anh văn 3	2	27	Huỳnh Hải Long	(009397	2	1	4	805H1	XD14VL2 ...		789012345678901
L30	LA1007	Anh văn 3	2	31	Trần Thị Mai	(009582	3	7	4	805H1	XD14XD03		789012345678901
L31	LA1007	Anh văn 3	2	39	Hoàng Thị Phương Thảo	(009381	2	1	4	808H1	XD14XD04		789012345678901
L32	LA1007	Anh văn 3	2	33	Trần Thị Mai	(009582	5	1	4	807H1	XD14XD10 ...		789012345678901
AU1	LA1013	Pháp văn 2	2	29	Bùi Thị Vân Anh	(009068	6	1	5	303C6	DD14AU		78901234567890
							3	1	3	305C6			
							2	5	2	303C6			
AU2	LA1013	Pháp văn 2	2	19	Trần Thị Thanh Thanh	(009074	3	1	5	303C6	XD14AU		78901234567890
							6	1	5	304C6			
L01	MA1003	Cơ sở khoa học vật liệu	3	47	Đỗ Quang Minh	(001849	5	1	4	202H1	VL1401 ...		7890 89
							5	1	4	202H1			234 67
							5	1	4	202H1			1 5
							5	1	4	202H1			01
L02	MA1003	Cơ sở khoa học vật liệu	3	47	Đỗ Quang Minh	(001849	5	7	4	303H1	VL1403 ...		7890 89
							5	7	4	303H1			234 67
							5	7	4	303H1			1 5
							5	7	4	303H1			01
L03	MA1003	Cơ sở khoa học vật liệu	3	49	Đỗ Quang Minh	(001849	3	1	4	202H1	VL1404 ...		7890 89
							3	1	4	202H1			234 67
							3	1	4	202H1			1 5
							3	1	4	202H1			01
L04	MA1003	Cơ sở khoa học vật liệu	3	47	Đỗ Quang Minh	(001849	3	7	4	103H1	VL1405 ...		7890 89
							3	7	4	103H1			234 67
							3	7	4	103H1			1 5
							3	7	4	103H1			01
QT01	ME1001	Nhập môn về kỹ thuật	3	0	Phạm Công Bằng	(001813	3	3	4	204B9	CT14UTS	1234	78901234567
L01	ME1003	Cơ khí đại cương	3	48	Trần Anh Sơn	(002336	3	7	4	203H1	CK14HT1		789012345678901
L02	ME1003	Cơ khí đại cương	3	47	Trần Anh Sơn	(002336	3	3	4	403H1	CK14HT2		789012345678901

KH Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy	Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học

1234567890123456789012345

KH	Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy	Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học
*	L01	ME1004	Cơ khí đại cương (tn)		16	Phan Hoàng Long	(001531	6	2	5	XCK	CK14HT1	L01-	678
*	L02	ME1004	Cơ khí đại cương (tn)		16	Phan Hoàng Long	(001531	6	8	5	XCK	CK14HT2	L02-	678
*	L03	ME1004	Cơ khí đại cương (tn)		16	Trần Anh Sơn	(002336	6	2	5	XCK	CK14HT1	L01-	901
*	L04	ME1004	Cơ khí đại cương (tn)		16	Trần Anh Sơn	(002336	8	2	5	XCK	CK14HT1	L01-	678
*	L05	ME1004	Cơ khí đại cương (tn)		15	Phan Hoàng Long	(001531	6	8	5	XCK	CK14HT2	L02-	901
*	L06	ME1004	Cơ khí đại cương (tn)		16	Phan Hoàng Long	(001531	8	2	5	XCK	CK14HT2	L02-	901
	L01	ME1005	Thựctập cơkhí đại cương1	1	60		(	3	2	5	XCK	CK14CK02 ...		789012345678
	L02	ME1005	Thựctập cơkhí đại cương1	1	62		(	5	8	5	XCK	CK14CK03 ...		789012345678
	L03	ME1005	Thựctập cơkhí đại cương1	1	63		(	3	8	5	XCK	CK14CK04 ...		012345678901
	L04	ME1005	Thựctập cơkhí đại cương1	1	61		(	5	2	5	XCK	CK14CK05 ...		789012345678
	L05	ME1005	Thựctập cơkhí đại cương1	1	64		(	2	2	5	XCK	CK14CK07 ...		789012345678
	L06	ME1005	Thựctập cơkhí đại cương1	1	61		(	2	8	5	XCK	CK14CK09 ...		789012345678
	L07	ME1005	Thựctập cơkhí đại cương1	1	57		(	4	8	5	XCK	CK14CK11 ...		5678901
								7	8	5	XCK			01234
	L08	ME1005	Thựctập cơkhí đại cương1	1	52		(	4	2	5	XCK	CK14CK13 ...		789012345678
	L01	ME1007	Cơ sở công nghệ dệt may	3	80	Nguyễn Lệ Nga	(002788	3	3	4	301H1	CK14DM		789012345678901
	CC01	MT1003	Giải tích 1	4	0	Nguyễn Quốc Lân	(001634	3	10	3	507A4	CT14HH ...		1234 78901234567
	CC02	MT1003	Giải tích 1	4	0	Nguyễn Quốc Lân	(001634	4	4	3	206B3	CT14KHMT ...		1234 78901234567
	CC03	MT1003	Giải tích 1	4	0	Nguyễn Quốc Lân	(001634	2	10	3	508A4	CT14KTDK ...		1234 78901234567
	CC04	MT1003	Giải tích 1	4	0	Nguyễn Quốc Lân	(001634	5	7	3	506A4	CT14QTKD ...		123 789012345678
*	CC01	MT1004	Giải tích 1 (bt)		0	Nguyễn Quốc Lân	(001634	3	5	2	510A4	CT14HH ...	CC01	1234 78901234567
*	CC02	MT1004	Giải tích 1 (bt)		0	Nguyễn Quốc Lân	(001634	3	3	2	206B3	CT14KHMT ...	CC02	1234 78901234567
*	CC03	MT1004	Giải tích 1 (bt)		0	Nguyễn Quốc Lân	(001634	6	7	2	507A4	CT14KTDK ...	CC03	123 789012345678
*	CC04	MT1004	Giải tích 1 (bt)		0	Nguyễn Quốc Lân	(001634	5	10	2	506A4	CT14QTKD ...	CC04	123 789012345678
	A14	MT1005	Giải tích 2	4	120	Lê Xuân Đại	(003264	6	7	3	406B4	DD14BK01 ...		789012345678901
	L01	MT1005	Giải tích 2	4	375	Trần Ngọc Diễm	(001704	4	7	2	GDH1	CK14CK01 ...		789012345678901
								6	7	2	GDH1			7 9 1 3 5 7 9
	L02	MT1005	Giải tích 2	4	392	Nguyễn Thị Xuân Anh	(001840	3	1	2	GDH1	CK14CK06 ...		789012345678901
								6	1	2	GDH1			8 0 2 4 6 8 0
	L03	MT1005	Giải tích 2	4	327	Trần Ngọc Diễm	(001704	2	7	2	GDH1	CK14DM ...		789012345678901
								5	7	2	GDH1			7 9 1 3 5 7 9
	L04	MT1005	Giải tích 2	4	148	Trần Ngọc Diễm	(001704	4	5	2	213H1	DD14LT01 ...		789012345678901
								6	1	2	210H1			7 9 1 3 5 7 9
	L05	MT1005	Giải tích 2	4	361	Nguyễn Thị Xuân Anh	(001840	3	3	2	GDH1	DD14LT11 ...		789012345678901
								6	5	2	GDH1			8 0 2 4 6 8 0
	L06	MT1005	Giải tích 2	4	295	Trần Ngọc Diễm	(001704	4	1	2	GDH1	GT1405 ...		789012345678901
								6	3	2	GDH1			7 9 1 3 5 7 9
	L07	MT1005	Giải tích 2	4	360	Nguyễn Thị Xuân Anh	(001840	2	5	2	GDH1	DD14LT05 ...		789012345678901
								5	1	2	GDH1			8 0 2 4 6 8 0
	L08	MT1005	Giải tích 2	4	354	Nguyễn Thị Xuân Anh	(001840	3	5	2	GDH1	GT1401 ...		789012345678901
								6	3	2	GDH1			8 0 2 4 6 8 0
	L09	MT1005	Giải tích 2	4	145	Nguyễn Thị Xuân Anh	(001840	2	3	2	210H1	CK14CK10 ...		789012345678901
								5	3	2	210H1			8 0 2 4 6 8 0
	L10	MT1005	Giải tích 2	4	154	Trần Ngọc Diễm	(001704	2	9	2	210H1	XD14XD02 ...		789012345678901
								5	9	2	210H1			7 9 1 3 5 7 9

KH	Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy	Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
	L11	MT1005	Giải tích 2	4	156	Trần Ngọc Diễm	(001704	4	3	2	211H1	XD14XD06 ...		789012345678901
								6	5	2	210H1			7 9 1 3 5 7 9
	L12	MT1005	Giải tích 2	4	152	Trần Ngọc Diễm	(001704	4	9	2	211H1	XD14XD10 ...		789012345678901
								6	9	2	211H1			7 9 1 3 5 7 9
	L13	MT1005	Giải tích 2	4	155	Nguyễn Thị Xuân Anh	(001840	2	1	2	213H1	MT1401 ...		789012345678901
								5	5	2	211H1			8 0 2 4 6 8 0
*	A46	MT1006	Giải tích 2 (bt)		71	Phan Thị Ngọc Hân	(009575	2	3	2	501B4	DD14BK01 ...	A14-	789012345678901
*	A47	MT1006	Giải tích 2 (bt)		49	Phan Thị Ngọc Hân	(009575	2	5	2	302B6	XD14BXD1 ...	A14-	789012345678901
*	L01	MT1006	Giải tích 2 (bt)		75	Nguyễn Xuân Mỹ	(002008	2	7	2	103H1	CK14CK01 ...	L01-	789012345678901
*	L02	MT1006	Giải tích 2 (bt)		74	Nguyễn Xuân Mỹ	(002008	2	1	2	204H1	CK14CK03 ...	L01-	789012345678901
*	L03	MT1006	Giải tích 2 (bt)		72	Phùng Trọng Thực	(003537	3	1	2	304H1	CK14CK05 ...	L01-	789012345678901
*	L04	MT1006	Giải tích 2 (bt)		77	Nguyễn Xuân Mỹ	(002008	2	9	2	201H1	VL1402 ...	L01-	789012345678901
*	L05	MT1006	Giải tích 2 (bt)		77	Hoàng Hải Hà	(003262	5	7	2	201H1	VL1404 ...	L01-	789012345678901

*	L06	MT1006	Giải tích 2 (bt)		82	Phùng Trọng Thực	(003537	3	3	2	204H1	CK14CK06	...	L02-	789012345678901
*	L07	MT1006	Giải tích 2 (bt)		75	Hoàng Hải Hà	(003262	4	1	2	204H1	CK14CK08	...	L02-	789012345678901
*	L08	MT1006	Giải tích 2 (bt)		74	Hoàng Hải Hà	(003262	5	9	2	201H1	CK14CK10	...	L09-	789012345678901
*	L09	MT1006	Giải tích 2 (bt)		84	Nguyễn Xuân Mỹ	(002008	3	3	2	101H1	CK14CK07	...	L02-	789012345678901
*	L10	MT1006	Giải tích 2 (bt)		71	Hoàng Hải Hà	(003262	5	5	2	201H1	CK14CK12	...	L09-	789012345678901
*	L11	MT1006	Giải tích 2 (bt)		80	Nguyễn Hồng Lộc	(003134	3	9	2	204H1	CK14DM		L03-	789012345678901
*	L12	MT1006	Giải tích 2 (bt)		83	Nguyễn Hồng Lộc	(003134	4	5	2	204H1	CK14HT1	...	L03-	789012345678901
*	L13	MT1006	Giải tích 2 (bt)		85	Nguyễn Hồng Lộc	(003134	4	9	2	101H1	CK14HT2	...	L03-	789012345678901
*	L14	MT1006	Giải tích 2 (bt)		79	Nguyễn Hồng Lộc	(003134	4	7	2	101H1	DC1402	...	L03-	789012345678901
*	L15	MT1006	Giải tích 2 (bt)		78	Nguyễn Xuân Mỹ	(002008	2	3	2	304H1	DD14LT01	...	L04-	789012345678901
*	L16	MT1006	Giải tích 2 (bt)		70	Phùng Trọng Thực	(003537	4	1	2	304H1	DD14LT03	...	L04-	789012345678901
*	L17	MT1006	Giải tích 2 (bt)		74	Hoàng Hải Hà	(003262	4	3	2	401H1	DD14LT05	...	L07-	789012345678901
*	L18	MT1006	Giải tích 2 (bt)		75	Nguyễn Xuân Mỹ	(002008	4	3	2	304H1	DD14LT06	...	L02-	789012345678901
*	L19	MT1006	Giải tích 2 (bt)		76	Phùng Trọng Thực	(003537	6	3	2	302H1	DD14LT09	...	L02-	789012345678901
*	L20	MT1006	Giải tích 2 (bt)		78	Hoàng Hải Hà	(003262	6	3	2	303H1	DD14LT11	...	L05-	789012345678901
*	L21	MT1006	Giải tích 2 (bt)		73	Phùng Trọng Thực	(003537	6	1	2	404H1	DD14LT13	...	L05-	789012345678901
*	L22	MT1006	Giải tích 2 (bt)		62	Nguyễn Xuân Mỹ	(002008	2	5	2	301H1	GT1401	...	L08-	789012345678901
*	L23	MT1006	Giải tích 2 (bt)		62	Nguyễn Xuân Mỹ	(002008	4	1	2	101H1	GT1403	...	L08-	789012345678901
*	L24	MT1006	Giải tích 2 (bt)		72	Hoàng Hải Hà	(003262	5	3	2	301H1	GT1405	...	L06-	789012345678901
*	L25	MT1006	Giải tích 2 (bt)		70	Nguyễn Xuân Mỹ	(002008	3	1	2	101H1	KU1402	...	L06-	789012345678901
*	L26	MT1006	Giải tích 2 (bt)		74	Nguyễn Hồng Lộc	(003134	3	5	2	201H1	KU1403	...	L06-	789012345678901
*	L27	MT1006	Giải tích 2 (bt)		84	Đậu Thế Phiệt	(003556	5	3	2	101H1	HC14HC01	...	L05-	789012345678901
*	L28	MT1006	Giải tích 2 (bt)		79	Nguyễn Hồng Lộc	(003134	3	7	2	304H1	HC14HC03	...	L07-	789012345678901
*	L29	MT1006	Giải tích 2 (bt)		63	Phùng Trọng Thực	(003537	4	5	2	303H1	HC14HC06	...	L07-	789012345678901
*	L30	MT1006	Giải tích 2 (bt)		61	Đậu Thế Phiệt	(003556	5	5	2	302H1	HC14HC07	...	L07-	789012345678901
*	L31	MT1006	Giải tích 2 (bt)		83	Đậu Thế Phiệt	(003556	5	9	2	301H1	HC14HC08	...	L07-	789012345678901
*	L32	MT1006	Giải tích 2 (bt)		79	Phùng Trọng Thực	(003537	4	3	2	101H1	HC14HC10	...	L06-	789012345678901
*	L33	MT1006	Giải tích 2 (bt)		79	Đậu Thế Phiệt	(003556	3	3	2	401H1	MO1403	...	L08-	789012345678901
*	L34	MT1006	Giải tích 2 (bt)		77	Hoàng Hải Hà	(003262	6	1	2	101H1	MO1404	...	L08-	789012345678901
*	L35	MT1006	Giải tích 2 (bt)		79	Phùng Trọng Thực	(003537	3	7	2	204H1	MT1401	...	L13-	789012345678901
*	L36	MT1006	Giải tích 2 (bt)		76	Hoàng Hải Hà	(003262	6	5	2	102H1	MT1403	...	L13-	789012345678901
*	L37	MT1006	Giải tích 2 (bt)		74	Nguyễn Xuân Mỹ	(002008	5	9	2	101H1	MT1405	...	L08-	789012345678901
*	L38	MT1006	Giải tích 2 (bt)		62	Phùng Trọng Thực	(003537	3	5	2	401H1	XD14TD1	...	L05-	789012345678901
*	L39	MT1006	Giải tích 2 (bt)		64	Đậu Thế Phiệt	(003556	3	1	2	204H1	XD14VL2	...	L05-	789012345678901
*	L40	MT1006	Giải tích 2 (bt)		77	Hoàng Hải Hà	(003262	5	1	2	201H1	XD14XD02	...	L10-	789012345678901

KH	Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy	Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp		NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
*	L41	MT1006	Giải tích 2 (bt)		77	Đậu Thế Phiệt	(003556	5	7	2	101H1	XD14XD04	...	L10-	789012345678901
*	L42	MT1006	Giải tích 2 (bt)		76	Hoàng Hải Hà	(003262	4	5	2	101H1	XD14XD06	...	L11-	789012345678901
*	L43	MT1006	Giải tích 2 (bt)		80	Đậu Thế Phiệt	(003556	5	1	2	401H1	XD14XD08	...	L11-	789012345678901
*	L44	MT1006	Giải tích 2 (bt)		74	Phùng Trọng Thực	(003537	3	9	2	301H1	XD14XD10	...	L12-	789012345678901
*	L45	MT1006	Giải tích 2 (bt)		78	Nguyễn Xuân Mỹ	(002008	5	7	2	304H1	XD14XD12	...	L12-	789012345678901
	CC01	MT1007	Đại số	3	0	Đặng Văn Vinh	(002571	4	9	2	202A4B	CT14UTS			1234 78901234567
	CC02	MT1007	Đại số	3	0	Đặng Văn Vinh	(002571	6	3	2	509A4	CT14HH	...		1234 78901234567
	L01	MT1007	Đại số	3	325	Lê Xuân Đại	(003264	5	9	2	GDH1	CK14DM	...		789012345678901
	L02	MT1007	Đại số	3	441	Lê Xuân Đại	(003264	5	3	2	GDH1	HC14HC05	...		789012345678901
	L03	MT1007	Đại số	3	344	Lê Xuân Đại	(003264	5	5	2	GDH1	HC14HC01	...		789012345678901
	L04	MT1007	Đại số	3	145	Lê Xuân Đại	(003264	5	7	2	210H1	MT1405	...		789012345678901
	L05	MT1007	Đại số	3	140	Lê Xuân Đại	(003264	5	1	2	210H1	QL1401	...		789012345678901
*	CC01	MT1008	Đại số (bt)		0	Đặng Văn Vinh	(002571	4	11	2	202A4B	CT14UTS		CC01	1234 78901234567
*	CC02	MT1008	Đại số (bt)		0	Đặng Văn Vinh	(002571	6	5	2	509A4	CT14HH	...	CC02	1234 78901234567
*	L01	MT1008	Đại số (bt)		80	Hoàng Hải Hà	(003262	3	1	2	301H1	CK14DM		L01-	789012345678901
*	L02	MT1008	Đại số (bt)		81	Nguyễn Hữu Hiệp	(003435	4	3	2	204H1	CK14HT1	...	L01-	789012345678901
*	L03	MT1008	Đại số (bt)		85	Nguyễn Hữu Hiệp	(003435	4	5	2	201H1	CK14HT2	...	L01-	789012345678901
*	L04	MT1008	Đại số (bt)		79	Nguyễn Hữu Hiệp	(003435	2	3	2	101H1	DC1402	...	L01-	789012345678901
*	L05	MT1008	Đại số (bt)		65	Đậu Thế Phiệt	(003556	6	5	2	101H1	QL1403	...	L05-	789012345678901
*	L06	MT1008	Đại số (bt)		84	Hoàng Hải Hà	(003262	3	5	2	101H1	HC14HC01	...	L03-	789012345678901
*	L07	MT1008	Đại số (bt)		78	Hoàng Hải Hà	(003262	3	9	2	304H1	HC14HC03	...	L03-	789012345678901
*	L08	MT1008	Đại số (bt)		63	Nguyễn Hữu Hiệp	(003435	4	1	2	303H1	HC14HC06	...	L02-	789012345678901
*	L09	MT1008	Đại số (bt)		61	Đậu Thế Phiệt	(003556	6	3	2	203H1	HC14HC07	...	L02-	789012345678901
*	L10	MT1008	Đại số (bt)		83	Nguyễn Hữu Hiệp	(003435	5	7	2	301H1	HC14HC08	...	L02-	789012345678901
*	L11	MT1008	Đại số (bt)		80	Nguyễn Hữu Hiệp	(003435	5	5	2	101H1	HC14HC10	...	L02-	789012345678901
*	L12	MT1008	Đại số (bt)		78	Nguyễn Hữu Hiệp	(003435	5	1	2	404H1	MT1401	...	L02-	789012345678901
*	L13	MT1008	Đại số (bt)		76	Hoàng Hải Hà	(003262	3	7	2	301H1	MT1403	...	L02-	789012345678901
*	L14	MT1008	Đại số (bt)		56	Nguyễn Hữu Hiệp	(003435	2	1	2	304H1	KU1401	...	L03-	789012345678901
*	L15	MT1008	Đại số (bt)		54	Nguyễn Hữu Hiệp	(003435	2	5	2	201H1	KU1403	...	L03-	789012345678901

*	L16	MT1008	Đại số (bt)		72	Hoàng Hải	Hà	(003262	3	3	2	201H1	KU1404 ...	L03-	789012345678901
*	L17	MT1008	Đại số (bt)		75	Nguyễn Hữu	Hiệp	(003435	5	3	2	403H1	QL1401 ...	L05-	789012345678901
*	L18	MT1008	Đại số (bt)		74	Đậu Thế	Phiệt	(003556	6	1	2	401H1	MT1405 ...	L04-	789012345678901
*	L19	MT1008	Đại số (bt)		71	Nguyễn Hữu	Hiệp	(003435	5	9	2	401H1	MT1407 ...	L04-	789012345678901
	A05	MT1009	Phương pháp tính	3	72	Trịnh Quốc	Lương	(002839	2	8	3	302B6	DD14BK01 ...		789012345678901
	L01	MT1009	Phương pháp tính	3	148	Nguyễn Hồng	Lộc	(003134	4	3	2	213H1	DD14LT01 ...		789012345678901
									7	7	4	305B1			7 1 5 9
	L02	MT1009	Phương pháp tính	3	111	Nguyễn Hồng	Lộc	(003134	4	1	2	401H1	DD14LT05 ...		789012345678901
									7	7	4	305B1			8 2 6 0
	L03	MT1009	Phương pháp tính	3	114	Nguyễn Hồng	Lộc	(003134	3	3	2	210H1	DD14LT09 ...		789012345678901
									7	7	4	305B1			9 3 7 1
	L04	MT1009	Phương pháp tính	3	151	Nguyễn Hồng	Lộc	(003134	3	1	2	210H1	DD14LT12 ...		789012345678901
									7	7	4	305B1			0 4 8 2
	A81	PE1005	Giáo dục thể chất 2		40	Nguyễn Thị	Thùy	(001500	2	1	2	SAN7	DD14BK01		789012345678901
	A82	PE1005	Giáo dục thể chất 2		35	Lê Quang	Khôi	(001889	2	1	2	SAN8	DD14BK02 ...		789012345678901
	A83	PE1005	Giáo dục thể chất 2		55	Lê Quang	Khôi	(001889	2	3	2	SAN7	XD14BXD1 ...		789012345678901

KH	Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
	CC01	PE1005	Giáo dục thể chất 2		0	Nguyễn Thị	Thùy	(001500	6	1	2	SAN5	CT14HH ...	123	789012345678
	CC02	PE1005	Giáo dục thể chất 2		0	Nguyễn Thị	Thùy	(001500	6	3	2	SAN5	CT14KHMT ...	123	789012345678
	CC03	PE1005	Giáo dục thể chất 2		0	Nguyễn Thị	Thùy	(001500	6	11	2	SAN5	CT14QTKD ...	123	789012345678
	L01	PE1005	Giáo dục thể chất 2		47	Lê Quang	Khôi	(001889	4	3	2	SANLT7	CK14CK01 ...		789012345678901
	L02	PE1005	Giáo dục thể chất 2		47	Trần Quang	Vinh	(002006	2	3	2	SANLT7	CK14CK02 ...		789012345678901
	L03	PE1005	Giáo dục thể chất 2		38	Lê Quang	Khôi	(001889	4	11	2	SANLT2	CK14CK03		789012345678901
	L04	PE1005	Giáo dục thể chất 2		46	Nguyễn Mạnh	Tiến	(001485	4	3	2	SANLT2	CK14CK04 ...		789012345678901
	L05	PE1005	Giáo dục thể chất 2		46	Lê Quang	Khôi	(001889	2	11	2	SANLT7	CK14CK05 ...		789012345678901
	L06	PE1005	Giáo dục thể chất 2		48	Lê Quang	Khôi	(001889	4	1	2	SANLT7	CK14CK06 ...		789012345678901
	L07	PE1005	Giáo dục thể chất 2		47	Nguyễn Thị	Thùy	(001500	5	3	2	SANLT7	CK14CK07 ...		789012345678901
	L08	PE1005	Giáo dục thể chất 2		53	Nguyễn Đức	Toàn	(003190	3	3	2	SANLT2	CK14CK08 ...		789012345678901
	L09	PE1005	Giáo dục thể chất 2		50	Nguyễn Đức	Thịnh	(009438	3	3	2	SANLT3	CK14CK09 ...		789012345678901
	L10	PE1005	Giáo dục thể chất 2		36	Nguyễn Thị	Thùy	(001500	5	11	2	SANLT3	CK14CK10		789012345678901
	L11	PE1005	Giáo dục thể chất 2		38	Lê Quang	Khôi	(001889	5	11	2	SANLT7	CK14CK11		789012345678901
	L12	PE1005	Giáo dục thể chất 2		36	Nguyễn Mạnh	Tiến	(001485	2	9	2	SANLT2	CK14CK12		789012345678901
	L13	PE1005	Giáo dục thể chất 2		36	Nguyễn Đức	Toàn	(003190	2	9	2	SANLT7	CK14CK13		789012345678901
	L14	PE1005	Giáo dục thể chất 2		51	Trần Quang	Vinh	(002006	2	1	2	SANLT8	CK14DM		789012345678901
	L15	PE1005	Giáo dục thể chất 2		49	Nguyễn Thị	Thùy	(001500	5	1	2	SANLT8	CK14HT1		789012345678901
	L16	PE1005	Giáo dục thể chất 2		49	Nguyễn Thị	Thùy	(001500	3	1	2	SANLT7	CK14HT2		789012345678901
	L17	PE1005	Giáo dục thể chất 2		35	Nguyễn Mạnh	Tiến	(001485	2	11	2	SANLT3	DC1401		789012345678901
	L18	PE1005	Giáo dục thể chất 2		51	Lê Quang	Khôi	(001889	4	9	2	SANLT3	DC1402 ...		789012345678901
	L19	PE1005	Giáo dục thể chất 2		38	Nguyễn Mạnh	Tiến	(001485	4	11	2	SANLT3	DC1403		789012345678901
	L20	PE1005	Giáo dục thể chất 2		45	Nguyễn Mạnh	Tiến	(001485	4	9	2	SANLT2	DC1404 ...		789012345678901
	L21	PE1005	Giáo dục thể chất 2		52	Trịnh Minh	Hải	(009620	2	1	2	SANLT3	DD14LT01 ...		789012345678901
	L22	PE1005	Giáo dục thể chất 2		54	Nguyễn Mạnh	Tiến	(001485	2	1	2	SANLT7	DD14LT02 ...		789012345678901
	L23	PE1005	Giáo dục thể chất 2		34	Lê Quang	Khôi	(001889	6	9	2	SANLT7	DD14LT04		789012345678901
	L24	PE1005	Giáo dục thể chất 2		44	Trịnh Minh	Hải	(009620	2	3	2	SANLT8	DD14LT05 ...		789012345678901
	L25	PE1005	Giáo dục thể chất 2		39	Nguyễn Mạnh	Tiến	(001485	4	1	2	SANLT3	DD14LT06		789012345678901
	L26	PE1005	Giáo dục thể chất 2		50	Nguyễn Mạnh	Tiến	(001485	2	3	2	SANLT2	DD14LT07 ...		789012345678901
	L27	PE1005	Giáo dục thể chất 2		50	Nguyễn Thị	Thùy	(001500	3	3	2	SANLT8	DD14LT08 ...		789012345678901
	L28	PE1005	Giáo dục thể chất 2		50	Nguyễn Đức	Toàn	(003190	6	5	2	SANLT7	DD14LT09 ...		789012345678901
	L29	PE1005	Giáo dục thể chất 2		48	Trần Quang	Vinh	(002006	6	5	2	SANLT8	DD14LT10 ...		789012345678901
	L30	PE1005	Giáo dục thể chất 2		51	Trần Quang	Vinh	(002006	6	1	2	SANLT2	DD14LT11 ...		789012345678901
	L31	PE1005	Giáo dục thể chất 2		50	Nguyễn Mạnh	Tiến	(001485	6	1	2	SANLT3	DD14LT12 ...		789012345678901
	L32	PE1005	Giáo dục thể chất 2		50	Trần Quang	Vinh	(002006	6	3	2	SANLT3	DD14LT13 ...		789012345678901
	L33	PE1005	Giáo dục thể chất 2		52	Nguyễn Mạnh	Tiến	(001485	6	3	2	SANLT8	DD14LT14 ...		789012345678901
	L34	PE1005	Giáo dục thể chất 2		30	Nguyễn Đức	Thịnh	(009438	4	1	2	SANLT2	GT1402		789012345678901
	L35	PE1005	Giáo dục thể chất 2		43	Nguyễn Đức	Toàn	(003190	2	11	2	SANLT2	GT1404 ...		789012345678901
	L36	PE1005	Giáo dục thể chất 2		55	Nguyễn Đức	Toàn	(003190	3	1	2	SANLT3	HC14HC01 ...		789012345678901
	L37	PE1005	Giáo dục thể chất 2		42	Nguyễn Đức	Thịnh	(009438	3	11	2	SANLT3	HC14HC03		789012345678901
	L38	PE1005	Giáo dục thể chất 2		49	Nguyễn Đức	Toàn	(003190	2	1	2	SANLT2	HC14HC04 ...		789012345678901
	L40	PE1005	Giáo dục thể chất 2		41	Lê Quang	Khôi	(001889	2	9	2	SANLT3	HC14HC06		789012345678901
	L41	PE1005	Giáo dục thể chất 2		49	Nguyễn Đức	Thịnh	(009438	4	9	2	SANLT8	HC14HC08 ...		789012345678901
	L42	PE1005	Giáo dục thể chất 2		50	Nguyễn Đức	Toàn	(003190	4	9	2	SANLT7	HC14HC09 ...		789012345678901
	L43	PE1005	Giáo dục thể chất 2		42	Trần Quang	Vinh	(002006	3	11	2	SANLT7	HC14HC10		789012345678901
	L44	PE1005	Giáo dục thể chất 2		38	Nguyễn Thị	Thùy	(001500	3	11	2	SANLT8	HC14HC11		789012345678901
	L45	PE1005	Giáo dục thể chất 2		44	Nguyễn Mạnh	Tiến	(001485	6	5	2	SANLT3	MO1401		789012345678901
	L46	PE1005	Giáo dục thể chất 2		45	Lê Quang	Khôi	(001889	6	5	2	SANLT2	MO1402		789012345678901

KH	Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp		NHLT	Tuần Học
	L47	PE1005	Giáo dục thể chất 2		51	Nguyễn Đức	Toàn	(003190	6	1	2	SANLT8	MO1403	...		789012345678901

KH	Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp		NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
	L48	PE1005	Giáo dục thể chất 2		47	Nguyễn Thị	Thùy	(001500	3	9	2	SANLT2	MT1401	...		789012345678901
	L49	PE1005	Giáo dục thể chất 2		46	Nguyễn Đức	Thịnh	(009438	3	9	2	SANLT3	MT1402	...		789012345678901
	L50	PE1005	Giáo dục thể chất 2		49	Trần Quang	Vinh	(002006	3	9	2	SANLT7	MT1403	...		789012345678901
	L51	PE1005	Giáo dục thể chất 2		49	Lê Văn	Thiện	(000819	3	9	2	SANLT8	MT1404	...		789012345678901
	L52	PE1005	Giáo dục thể chất 2		40	Trần Quang	Vinh	(002006	2	5	2	SANLT7	MT1405			789012345678901
	L53	PE1005	Giáo dục thể chất 2		48	Lê Quang	Khôi	(001889	6	1	2	SANLT7	MT1407	...		789012345678901
	L54	PE1005	Giáo dục thể chất 2		46	Lê Văn	Thiện	(000819	3	3	2	SANLT7	MT1408	...		789012345678901
	L55	PE1005	Giáo dục thể chất 2		48	Lê Văn	Thiện	(000819	3	11	2	SANLT2	QL1401	...		789012345678901
	L56	PE1005	Giáo dục thể chất 2		38	Nguyễn Thị	Thùy	(001500	5	5	2	SANLT7	QL1402			789012345678901
	L57	PE1005	Giáo dục thể chất 2		43	Lê Quang	Khôi	(001889	5	3	2	SANLT3	QL1403	...		789012345678901
	L58	PE1005	Giáo dục thể chất 2		39	Nguyễn Thị	Thùy	(001500	5	9	2	SANLT7	KU1401			789012345678901
	L59	PE1005	Giáo dục thể chất 2		42	Nguyễn Đức	Toàn	(003190	2	3	2	SANLT3	KU1402	...		789012345678901
	L60	PE1005	Giáo dục thể chất 2		49	Lê Quang	Khôi	(001889	5	1	2	SANLT2	KU1404	...		789012345678901
	L61	PE1005	Giáo dục thể chất 2		38	Nguyễn Mạnh	Tiến	(001485	2	5	2	SANLT2	KU1405			789012345678901
	L62	PE1005	Giáo dục thể chất 2		49	Nguyễn Đức	Thịnh	(009438	4	3	2	SANLT3	VL1402	...		789012345678901
	L63	PE1005	Giáo dục thể chất 2		46	Nguyễn Đức	Toàn	(003190	4	3	2	SANLT8	VL1403	...		789012345678901
	L64	PE1005	Giáo dục thể chất 2		38	Lê Quang	Khôi	(001889	5	9	2	SANLT2	VL1404			789012345678901
	L65	PE1005	Giáo dục thể chất 2		37	Nguyễn Đức	Toàn	(003190	5	9	2	SANLT3	VL1405			789012345678901
	L66	PE1005	Giáo dục thể chất 2		47	Nguyễn Đức	Toàn	(003190	4	1	2	SANLT8	XD14KT	...		789012345678901
	L67	PE1005	Giáo dục thể chất 2		47	Lê Quang	Khôi	(001889	6	3	2	SANLT7	XD14VL1	...		789012345678901
	L68	PE1005	Giáo dục thể chất 2		50	Nguyễn Đức	Toàn	(003190	6	3	2	SANLT2	XD14VL2	...		789012345678901
	L69	PE1005	Giáo dục thể chất 2		46	Nguyễn Đức	Toàn	(003190	5	3	2	SANLT8	XD14XD02	...		789012345678901
	L70	PE1005	Giáo dục thể chất 2		45	Trịnh Minh	Hải	(009620	5	3	2	SANLT2	XD14XD03	...		789012345678901
	L71	PE1005	Giáo dục thể chất 2		54	Nguyễn Đức	Thịnh	(009438	3	1	2	SANLT2	XD14XD04	...		789012345678901
	L72	PE1005	Giáo dục thể chất 2		51	Lê Văn	Thiện	(000819	3	1	2	SANLT8	XD14XD05	...		789012345678901
	L73	PE1005	Giáo dục thể chất 2		47	Nguyễn Đức	Toàn	(003190	5	1	2	SANLT7	XD14XD06	...		789012345678901
	L74	PE1005	Giáo dục thể chất 2		50	Trịnh Minh	Hải	(009620	5	1	2	SANLT3	XD14XD07	...		789012345678901
	L75	PE1005	Giáo dục thể chất 2		40	Lê Quang	Khôi	(001889	4	5	2	SANLT7	XD14XD08			789012345678901
	L76	PE1005	Giáo dục thể chất 2		40	Nguyễn Mạnh	Tiến	(001485	4	5	2	SANLT2	XD14XD09			789012345678901
	L77	PE1005	Giáo dục thể chất 2		34	Nguyễn Đức	Thịnh	(009438	4	11	2	SANLT8	XD14XD10			789012345678901
	L78	PE1005	Giáo dục thể chất 2		39	Nguyễn Đức	Toàn	(003190	4	11	2	SANLT7	XD14XD11			789012345678901
	L79	PE1005	Giáo dục thể chất 2		40	Nguyễn Đức	Toàn	(003190	5	11	2	SANLT2	XD14XD12			789012345678901
	L80	PE1005	Giáo dục thể chất 2		42	Nguyễn Đức	Thịnh	(009438	3	5	2	SANLT2	XD14XD13			789012345678901
	CC01	PH1003	Vật Lý 1	4	0	Trần Thị Ngọc	Dung	(001401	2	4	3	202A4B	CT14HH	...		1234 78901234567
	CC02	PH1003	Vật Lý 1	4	0	Trần Thị Thu	Hạnh	(002851	5	4	3	306B1	CT14KHMT	...		123 78901234567
	CC03	PH1003	Vật Lý 1	4	0	Đinh Sơn	Thạch	(001665	5	7	3	507A4	CT14KTDK	...		123 789012345678
	CC04	PH1003	Vật Lý 1	4	0	Huỳnh Quang	Linh	(001841	2	7	3	407A4	CT14QLMT	...		1234 78901234567
*	CC01	PH1004	Vật lý 1 (bt)		0	Trần Thị Ngọc	Dung	(001401	3	3	2	510A4	CT14HH	...	CC01	1234 78901234567
*	CC02	PH1004	Vật lý 1 (bt)		0	Trần Thị Thu	Hạnh	(002851	3	1	2	206B3	CT14KHMT	...	CC02	1234 78901234567
*	CC03	PH1004	Vật lý 1 (bt)		0	Đinh Sơn	Thạch	(001665	4	7	2	406A4	CT14KTDK	...	CC03	1234 78901234567
*	CC04	PH1004	Vật lý 1 (bt)		0	Nguyễn Như Sơn	Thùy	(003348	4	1	2	510A4	CT14QLMT	...	CC04	123 789012345678
	A10	PH1005	Vật lý 2	4	49	Trần Anh	Tú	(002456	6	10	3	303B6	XD14BXD1	...		789012345678901
	L01	PH1005	Vật lý 2	4	374	Nguyễn Đình	Quang	(000927	4	9	2	GDH1	CK14CK01	...		789012345678901
									6	9	2	GDH1				7 9 1 3 5 7 9
	L02	PH1005	Vật lý 2	4	356	Lý Anh	Tú	(002700	4	5	2	GDH1	CK14CK06	...		789012345678901
									6	1	2	GDH1				7 9 1 3 5 7 9

KH	Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp		NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
	L03	PH1005	Vật lý 2	4	325	Nguyễn Minh	Châu	(000512	2	9	2	GDH1	CK14DM	...		789012345678901
									5	7	2	GDH1				8 0 2 4 6 8 0
	L04	PH1005	Vật lý 2	4	340	Lý Anh	Tú	(002700	4	3	2	GDH1	GT1401	...		789012345678901
									6	5	2	GDH1				7 9 1 3 5 7 9
	L05	PH1005	Vật lý 2	4	370	Trần Văn	Lượng	(003095	2	3	2	GDH1	HC14HC01	...		789012345678901
									5	1	2	GDH1				7 9 1 3 5 7 9
	L06	PH1005	Vật lý 2	4	145	Trần Văn	Lượng	(003095	2	5	2	210H1	CK14CK10	...		789012345678901
									5	3	2	210H1				7 9 1 3 5 7 9
	L07	PH1005	Vật lý 2	4	154	Nguyễn Minh	Châu	(000512	2	7	2	210H1	XD14XD02	...		789012345678901
									5	9	2	210H1				8 0 2 4 6 8 0
	L08	PH1005	Vật lý 2	4	155	Lý Anh	Tú	(002700	4	1	2	211H1	XD14XD06	...		789012345678901

KH	Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học
									6	3	2	210H1			7 9 1 3 5 7 9
	L09	PH1005	Vật lý 2	4	152	Nguyễn Đình	Quang	(000927	4	7	2	211H1	XD14XD10 ...		789012345678901
									6	7	2	211H1			7 9 1 3 5 7 9
*	A33	PH1006	Vật lý 2 (bt)		49	Dương Thị Như	Tranh	(003135	3	11	2	604B4	XD14BXD1 ...	A10-	789012345678901
*	L01	PH1006	Vật lý 2 (bt)		75	Lê Quốc	Khải	(003538	2	9	2	103H1	CK14CK01 ...	L01-	789012345678901
*	L02	PH1006	Vật lý 2 (bt)		74	Phạm Thị Hải	Miền	(003349	2	3	2	204H1	CK14CK03 ...	L01-	789012345678901
*	L03	PH1006	Vật lý 2 (bt)		72	Nguyễn Thị Minh	Hương	(002855	3	3	2	304H1	CK14CK05 ...	L01-	789012345678901
*	L04	PH1006	Vật lý 2 (bt)		77	Lê Quốc	Khải	(003538	2	7	2	201H1	VL1402 ...	L01-	789012345678901
*	L05	PH1006	Vật lý 2 (bt)		76	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	(003402	4	1	2	301H1	VL1404 ...	L01-	789012345678901
*	L06	PH1006	Vật lý 2 (bt)		76	Dương Thị Như	Tranh	(003135	6	3	2	103H1	CK14CK06 ...	L02-	789012345678901
*	L07	PH1006	Vật lý 2 (bt)		75	Trần Văn	Tiến	(003305	6	3	2	101H1	CK14CK08 ...	L02-	789012345678901
*	L08	PH1006	Vật lý 2 (bt)		74	Trần Văn	Tiến	(003305	5	5	2	204H1	CK14CK10 ...	L06-	789012345678901
*	L09	PH1006	Vật lý 2 (bt)		71	Trần Văn	Tiến	(003305	5	1	2	301H1	CK14CK12 ...	L06-	789012345678901
*	L10	PH1006	Vật lý 2 (bt)		80	Dương Thị Như	Tranh	(003135	6	5	2	204H1	CK14DM	L03-	789012345678901
*	L11	PH1006	Vật lý 2 (bt)		81	Phan Ngọc Khương	Cát	(003042	4	1	2	201H1	CK14HT1 ...	L03-	789012345678901
*	L12	PH1006	Vật lý 2 (bt)		85	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	(003402	4	3	2	201H1	CK14HT2 ...	L03-	789012345678901
*	L13	PH1006	Vật lý 2 (bt)		79	Phạm Thị Hải	Miền	(003349	2	1	2	101H1	DC1402 ...	L03-	789012345678901
*	L14	PH1006	Vật lý 2 (bt)		62	Dương Thị Như	Tranh	(003135	6	1	2	201H1	GT1401 ...	L04-	789012345678901
*	L15	PH1006	Vật lý 2 (bt)		62	Trần Văn	Tiến	(003305	6	1	2	103H1	GT1403 ...	L04-	789012345678901
*	L16	PH1006	Vật lý 2 (bt)		72	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	(003402	4	5	2	301H1	GT1405 ...	L04-	789012345678901
*	L17	PH1006	Vật lý 2 (bt)		70	Phan Ngọc Khương	Cát	(003042	4	5	2	103H1	KU1402 ...	L04-	789012345678901
*	L18	PH1006	Vật lý 2 (bt)		74	Nguyễn Thị Minh	Hương	(002855	3	1	2	201H1	KU1403 ...	L04-	789012345678901
*	L19	PH1006	Vật lý 2 (bt)		84	Phạm Thị Hải	Miền	(003349	2	5	2	101H1	HC14HC01 ...	L05-	789012345678901
*	L20	PH1006	Vật lý 2 (bt)		79	Lý Anh	Tú	(002700	5	3	2	201H1	HC14HC03 ...	L05-	789012345678901
*	L21	PH1006	Vật lý 2 (bt)		63	Phan Ngọc Khương	Cát	(003042	4	3	2	303H1	HC14HC06 ...	L05-	789012345678901
*	L22	PH1006	Vật lý 2 (bt)		61	Trần Văn	Tiến	(003305	6	5	2	302H1	HC14HC07 ...	L05-	789012345678901
*	L23	PH1006	Vật lý 2 (bt)		83	Trần Thị Thu	Hạnh	(002851	4	7	2	204H1	HC14HC08 ...	L05-	789012345678901
*	L24	PH1006	Vật lý 2 (bt)		79	Lý Anh	Tú	(002700	5	1	2	101H1	HC14HC10 ...	L02-	789012345678901
*	L25	PH1006	Vật lý 2 (bt)		62	Nguyễn Như Sơn	Thủy	(003348	3	1	2	401H1	XD14TD1 ...	L02-	789012345678901
*	L26	PH1006	Vật lý 2 (bt)		64	Nguyễn Thị Minh	Hương	(002855	3	5	2	204H1	XD14VL2 ...	L02-	789012345678901
*	L27	PH1006	Vật lý 2 (bt)		77	Nguyễn Trần Hồng	Nhật	(003261	5	7	2	401H1	XD14XD02 ...	L07-	789012345678901
*	L28	PH1006	Vật lý 2 (bt)		77	Nguyễn Như Sơn	Thủy	(003348	3	3	2	303H1	XD14XD04 ...	L07-	789012345678901
*	L29	PH1006	Vật lý 2 (bt)		75	Trần Văn	Tiến	(003305	5	3	2	404H1	XD14XD06 ...	L08-	789012345678901
*	L30	PH1006	Vật lý 2 (bt)		80	Trần Thị Thu	Hạnh	(002851	4	9	2	204H1	XD14XD08 ...	L08-	789012345678901
*	L31	PH1006	Vật lý 2 (bt)		74	Nguyễn Như Sơn	Thủy	(003348	3	5	2	304H1	XD14XD10 ...	L09-	789012345678901
*	L32	PH1006	Vật lý 2 (bt)		78	Nguyễn Trần Hồng	Nhật	(003261	5	9	2	304H1	XD14XD12 ...	L09-	789012345678901

KH	Nhóm	MãMH	Tên Môn Học	Số T/C	Sĩ Số	Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Thứ	BĐầu	SốTiết	Phòng	Lớp	NHLT	Tuần Học 1234567890123456789012345
	CC01	PH1007	Thí nghiệm vật lý	1	0	Nguyễn Minh	Châu	(000512	6	9	2	PTNLY1	CT14QLMT ...	123	789012345678
	L01	PH1007	Thí nghiệm vật lý	1	60	Nguyễn Thị Hương	Linh	(002975	4	1	2	601H1	CK14CK01 ...		789012345678901
	L02	PH1007	Thí nghiệm vật lý	1	56	Nguyễn Minh	Châu	(000512	2	1	2	601H1	CK14CK02 ...		789012345678901
	L03	PH1007	Thí nghiệm vật lý	1	38	Trần Trung	Nghĩa	(002730	3	5	2	601H1	CK14CK03		789012345678901
	L04	PH1007	Thí nghiệm vật lý	1	60	Nguyễn Đình	Quang	(000927	4	1	2	602H1	CK14CK04 ...		789012345678901
	L05	PH1007	Thí nghiệm vật lý	1	36	Nguyễn Thị Hương	Linh	(002975	3	5	2	602H1	CK14CK05		789012345678901
	L06	PH1007	Thí nghiệm vật lý	1	56	Nguyễn Thị Hương	Linh	(002975	4	3	2	601H1	CK14CK08 ...		789012345678901
	L07	PH1007	Thí nghiệm vật lý	1	56	Nguyễn Đình	Quang	(000927	4	3	2	602H1	CK14CK09 ...		789012345678901
	L08	PH1007	Thí nghiệm vật lý	1	55	Trần Anh	Tú	(002456	2	1	2	602H1	CK14CK10 ...		789012345678901
	L09	PH1007	Thí nghiệm vật lý	1	36	Trần Trung	Nghĩa	(002730	3	1	2	601H1	CK14CK12		789012345678901
	L10	PH1007	Thí nghiệm vật lý	1	62	Nguyễn Minh	Châu	(000512	2	3	2	601H1	CK14DM		789012345678901
	L11	PH1007	Thí nghiệm vật lý	1	53	Nguyễn Đình	Quang	(000927	6	1	2	601H1	HC14HC01 ...		789012345678901
	L12	PH1007	Thí nghiệm vật lý	1	52	Trần Anh	Tú	(002456	6	1	2	602H1	HC14HC03 ...		789012345678901
	L13	PH1007	Thí nghiệm vật lý	1	48	Trần Anh	Tú	(002456	6	3	2	602H1	HC14HC04 ...		789012345678901
	L14	PH1007	Thí nghiệm vật lý	1	52	Nguyễn Đình	Quang	(000927	6	3	2	601H1	HC14HC05 ...		789012345678901
	L15	PH1007	Thí nghiệm vật lý	1	62	Nguyễn Thị Hương	Linh	(002975	3	7	2	602H1	HC14HC06 ...		789012345678901
	L16	PH1007	Thí nghiệm vật lý	1	61	Trần Trung	Nghĩa	(002730	3	7	2	601H1	HC14HC07 ...		789012345678901
	L17	PH1007	Thí nghiệm vật lý	1	61	Nguyễn Thị Hương	Linh	(002975	3	9	2	602H1	HC14HC09 ...		789012345678901
	L18	PH1007	Thí nghiệm vật lý	1	60	Trần Trung	Nghĩa	(002730	3	9	2	601H1	HC14HC10 ...		789012345678901
	L19	PH1007	Thí nghiệm vật lý	1	59	Nguyễn Đình	Quang	(000927	6	5	2	601H1	MT1401 ...		789012345678901
	L20	PH1007	Thí nghiệm vật lý	1	60	Trần Anh	Tú	(002456	6	5	2	602H1	MT1402 ...		789012345678901
	L21	PH1007	Thí nghiệm vật lý	1	59	Nguyễn Minh	Châu	(000512	5	1	2	602H1	MT1404 ...		789012345678901
	L22	PH1007	Thí nghiệm vật lý	1	56	Nguyễn Thị Hương	Linh	(002975	3	3	2	602H1	MT1405 ...		789012345678901
	L23	PH1007	Thí nghiệm vật lý	1	57	Nguyễn Minh	Châu	(000512	2	5	2	601H1	MT1407 ...		789012345678901
	L24	PH1007	Thí nghiệm vật lý	1	54	Trần Anh	Tú	(002456	2	5	2	602H1	MT1408 ...		789012345678901
	L25	PH1007	Thí nghiệm vật lý	1	58	Trần Anh	Tú	(002456	2	3	2	602H1	KU1401 ...		789012345678901
	L26	PH1007	Thí nghiệm vật lý	1	52	Trần Trung	Nghĩa	(002730	3	3	2	601H1	KU1402 ...		789012345678901
	L27	PH1007	Thí nghiệm vật lý	1	58	Nguyễn Thị Hương	Linh	(002975	5	1	2	601H1	MT1403 ...		789012345678901

L28	PH1007	Thí nghiệm vật lý	1	58	Nguyễn Minh	Châu	(000512	5	3	2	602H1	KU1404 ...	789012345678901
L29	PH1007	Thí nghiệm vật lý	1	62	Nguyễn Thị Hương	Linh	(002975	5	3	2	601H1	KU1405 ...	789012345678901
L01	SP1003	Những NgLý cơbản CN M-Lê	5	140	Tạ Thị	Luyến	(003083	3	7	4	212H1	QL1401 ...	789012
								6	1	4	212H1		
L01	SP1005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	150	Võ Thị Hồng	Hoa	(009637	4	7	4	210H1	HC14HC01 ...	78901234567
L02	SP1005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	156	Nguyễn Thị Minh	Hương	(002702	3	1	4	211H1	HC14HC05 ...	78901234567
L03	SP1005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	149	Nguyễn Thị Minh	Hương	(002702	6	7	4	210H1	HC14HC09 ...	78901234567
L01	TR1003	Vẽ kỹ thuật giao thông	3	32	Đoàn Minh	Thiện	(002207	2	1	4	303H1	GT1401	789012345678901
L02	TR1003	Vẽ kỹ thuật giao thông	3	30	Nguyễn Vương	Chí	(001982	2	1	4	103H1	GT1402	789012345678901
L03	TR1003	Vẽ kỹ thuật giao thông	3	31	Nguyễn Vương	Chí	(001982	4	7	4	102H1	GT1403	789012345678901
L04	TR1003	Vẽ kỹ thuật giao thông	3	32	Đoàn Minh	Thiện	(002207	3	1	4	102H1	GT1404	789012345678901
L05	TR1003	Vẽ kỹ thuật giao thông	3	35	Đoàn Minh	Thiện	(002207	3	7	4	102H1	GT1405	789012345678901
L01	TR1005	Cơ học thủy khí	3	77	Lê Thị Tuyết	Nhung	(003388	3	1	4	404H1	GT1401 ...	789012345678901
L02	TR1005	Cơ học thủy khí	3	81	Lý Hùng	Anh	(003307	2	7	4	101H1	GT1404 ...	789012345678901